TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Số...961../TB-CĐĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..15. tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 và tổ chức khắc phục các tồn tại trong Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trường năm 20234

Thực hiện Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 số 619/KH-CĐĐS ngày 02/8/2024 của Hiệu trưởng, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 đã tổ chức đánh giá chất lượng trường theo bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội.

Nay Hiệu trưởng công bố Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 cho toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường biết trên trang Web trường.

Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho các đơn vị tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục các tồn tại, mặt hạn chế nêu trong Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 thực hiện vào năm 2025 như sau:

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2023	Kế hoạch nâng cao chất lượng Trường năm 2024	Đơn vị tham mưu tổ chức thực hiện
Tiêu chí 2	Trường chưa thực hiện tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô-đun, tín chỉ	Nghiên cứu áp dụng hình thức đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 5	Một số nghề đào tạo chưa đủ thiết bị theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu quy định.	- Phối hợp với các khoa tham mưu Hiệu trưởng tiếp tục tìm nguồn vốn triển khai các dự án; - Tìm sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng, các đối tác tạo điều kiện cấp kinh phí để bổ sung những trang thiết bị, máy móc còn thiếu; - Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng trang thiết bị dụng cụ dạy và học trong năm học tiếp theo.	Phòng QLTB&XDCB
	- Trường chưa có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập	Nghiên cứu phát triển phần mềm quản lí thư viện đưa vào sử dụng đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số của Trường.	Trung tâm NC&CGKHCN

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2023	Kế hoạch nâng cao chất lượng Trường năm 2024	Đơn vị tham mưu tổ chức thực hiện
	thông tin của nhà giáo và người học.		
	Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường chưa được số hóa đầy đủ và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	Thực hiện số hóa tài liệu, giáo trình khi phần mềm thư viện hoạt động ổn định;	Phòng Đào tạo
	Hệ thống máy tính của thư viện trường hoạt động không ổn định.	Đề xuất kiểm tra hệ thống máy tính của thư viện trường để xây dựng kế hoạch sửa chữa, thay thế.	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 6	Trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế còn hạn chế và chưa thường xuyên.	Lãnh đạo trường và các khoa có biện pháp khích lệ, tạo điều kiện cho các cán bộ, giảng viên viết bài báo gửi đăng trên các tạp chí khoa học.	Trung tâm NC&CGKHCN
	Chưa có phần mềm kết nối quản lý cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo	Nghiên cứu xây dựng phần mềm kết nối quản lý cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý của trường; xây dựng quy định quản lí phần mềm.	Trung tâm NC&CGKHCN

Nhận được Thông báo này, các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Trang web trường;
- CTHĐT, BGH;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Lưu VT, KĐCLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Phan Thị Thu Hương

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT NĂM 2024

Hà Nội, tháng 11 năm 2024

NỘI DUNG **Trang**

	CÁC TỪ VIẾT TẮT	**2**
PHẦN I.	**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG**	**3**
1	Thông tin chung về Trường	3
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường	3
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường	4
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	7
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	10
PHẦN II.	**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG**	**11**
1	Đặt vấn đề	11
2	Tổng quan chung	11
2.1	Căn cứ tự đánh giá	
2.2	Mục đích tự đánh giá	
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	
2.4	Phương pháp tự đánh giá	
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	
3	Tự đánh giá	12
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá[1]	12
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	22
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	
3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	
PHẦN III.	**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG**	**183**
PHẦN IV.	**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**	**184**

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của Trường
3. Bảng mã minh chứng[3]
4. Sơ đồ tổ chức của Trường

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CB, GV, VC : Cán bộ, giảng viên, viên chức
CĐ, TC, SC : Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp
CĐĐS : Cao đẳng Đường sắt
CĐNĐS : Cao đẳng Nghề đường sắt
CTĐT : Chương trình đào tạo
ĐSVN : Đường sắt Việt Nam
ĐSĐT : Đường sắt đô thị
GTVT : Giao thông vận tải
GVCN : Giáo viên chủ nhiệm
HĐKH : Hội đồng khoa học
HSSV : Học sinh, sinh viên
KĐCLĐT : Kiểm định chất lượng đào tạo
KHCN : Khoa học, công nghệ
KTX : Ký túc xá
LĐTBXH : Lao động- Thương binh và Xã hội
NCKH : Nghiên cứu khoa học
PCCC : Phòng cháy, chữa cháy
QLTB&XDCB: Quản lý thiết bị và xây dựng cơ bản
SX, KD, DV : Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
TCHC : Tổ chức - Hành chính
TCKT : Tài chính – Kế toán
TCT : Tổng công ty
TNCS : Thanh niên cộng sản
TNHH MTV : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TP : Thành phố
TTTH : Thông tin, tín hiệu

PHẦN I
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về Trường

1.1. Tên Trường: Trường Cao đẳng Đường sắt

1.2. Tên Tiếng Anh: Railway College

1.3. Cơ quan chủ quản: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

1.4. Địa chỉ của Trường:

Trụ sở chính: Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Cơ sở 1: Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật và nghiệp vụ Đường sắt Mê Linh, địa chỉ: Xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Cơ sở 2: Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng, địa chỉ: Số 62a Nguyễn Văn Cừ, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Cơ sở 3: Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam, địa chỉ: Số 7, đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.5. Số điện thoại: 02438710384.

1.6. Số Fax : 02438710384.

1.7. E-mail: truongduongsat@edu.vn;

1.8. Website : http://caodangduongsat.edu.vn

1. 9. Năm thành lập Trường:

- Năm thành lập đầu tiên:1955.
- Năm thành lập Trường cao đẳng: 2007.

1.10. Loại hình trường: Công lập ☒; Tư thục ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

2.1. Khái quát lịch sử phát triển trường

Trường Chức công Đường sắt (tiền thân của Trường Cao đẳng Đường sắt) được thành lập ngày 6/6/1955 theo Quyết định số 978/QĐNS ngày 6/6/1955 của Tổng cục Đường sắt. Nhiệm vụ của Trường là bổ túc nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên của Tổng cục Đường sắt. Cơ sở ban đầu đặt tại xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội). Năm 1958 chuyển về Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành Trường Bổ túc nghiệp vụ Đường sắt.

Ngày 08/4/1965 Trường đổi tên thành "Trường Công nhân lái xe lửa" theo Quyết định số 556/TC của Tổng cục Đường sắt. Nhiệm vụ của Trường là đào tạo đội ngũ công nhân nghề lái tàu hoả cho ngành giao thông vận tải đường sắt.

Ngày 12/3/1973, Trường đổi tên thành Trường Công nhân Kỹ thuật Vận tải Đường sắt theo Quyết định số 747/CT của Bộ giao thông vận tải. Trường có nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề làm việc tại các nhà ga, các đoàn tàu trong ngành giao thông vận tải đường sắt. Cơ sở của trường chuyển về xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Mê Linh, Hà Nội). Cùng trong năm đó, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường Bổ túc Nghiệp vụ Vận tải của Cục Vận chuyển thuộc Tổng cục Đường sắt.

Ngày 11/7/1990 Trường đổi tên thành Trường Kỹ thuật và Nghiệp vụ Đường sắt I theo Quyết định số 1266/QĐ-TCCB của Bộ Giao thông vận tải. Ngày 12/8/1991, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường quản lý và nghiệp vụ Đường sắt theo quyết định số 1581/TCCB-GTBĐ của Bộ Giao thông vận tải; Ngày 18/9/1991, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường cơ khí đường sắt I theo quyết định số 1850/TCCB-GTBĐ của Bộ Giao thông vận tải. Nhiệm vụ của trường lúc này là đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề làm việc trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của ngành giao thông vận tải đường sắt, tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên

đang làm việc trong ngành. Năm 1994 Trường chuyển trụ sở về xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội).

Ngày 20/3/1998, Trường được nâng cấp thành Trường Trung học Đường sắt theo Quyết định số 435/1998/QĐ-BGTVT ngày 20/3/1998 của Bộ Giao thông vận tải. Tháng 11/1998 trường tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ đường sắt Đà Nẵng. Trường có nhiệm vụ đào tạo kỹ thuật viên và công nhân kỹ thuật lành nghề cho ngành đường sắt và xã hội, tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên đang làm việc trong ngành.

Ngày 12/01/2007 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Đường sắt I theo Quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao - động Thương binh và Xã hội. Tháng 8/2007 trường tiếp nhận nguyên trạng Trường Trung học Đường sắt II theo quyết định số 926/QĐ-ĐS ngày 01/8/2007 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam. Ngày 12/08/2009 Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt theo Quyết định số 1029/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Ngày 7/2/2017 Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Đường sắt theo Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường có nhiệm vụ đào tạo theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp giáo dục nghề nghiệp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo qui định của pháp luật.

2.2. Những thành tích nổi bật

Với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Trường Cao đẳng Đường sắt đã vinh dự được tặng thưởng 02 Huân chương lao động hạng ba (năm 1983 và 1996), 01 Huân chương lao động hạng nhất (năm 2000), 01 Huân chương Độc lập hạng ba (năm 2005), 01 Huân trương Độc lập hạng nhì (năm 2014) và nhiều bằng khen của Chính phủ, các bộ và của Ngành.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức

(Xem phụ lục 4)

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Hội đồng trường			
	Phan Thị Thu Hương	1973	Thạc sĩ, Phó hiệu trưởng phụ trách Hội đồng trường
	Khuất Đức Thắng	1978	Thạc sĩ, Thư ký Hội đồng Trường
2. Ban giám hiệu	Trương Trọng Vương	1977	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng phụ trách trường
	Phan Thị Thu Hương	1973	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng
	Phạm Ngọc Hoàn	1978	Thạc sĩ, Phó hiệu trưởng
3. Bí thư/Chủ tịch tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên			
Đảng bộ	Trương Trọng Vương	1977	Phó Bí thư Đảng bộ trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
Công đoàn	Trịnh Thi Huyền	1976	Thạc sĩ, Chủ tịch
Đoàn thanh niên	Trương Hoàng Tùng	1987	Thạc sĩ, Bí thư
4. Trưởng các phòng/ ban chức năng			
Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1981	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng
Công tác HSSV	Nguyễn Danh Tiếp	1964	Thạc sĩ, Trưởng phòng
Tổ chức - Hành chính	Đặng Trung Kiên	1981	Thạc sĩ, Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán	Nguyễn Xuân Sơn	1977	Thạc sĩ, Trưởng phòng
Quản lý thiết bị và xây dựng cơ bản	Trần Đức Hoàng	1968	Kỹ sư, Trưởng phòng
Kiểm định chất lượng đào tạo	Trần Minh Thụ	1970	Thạc sĩ, Trưởng phòng
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ đường sắt Mê Linh	Ngô Việt Dũng	1970	Cử nhân, Giám đốc
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ đường sắt Sài Gòn	Đậu Văn Hùng	1969	Thạc sĩ, Giám đốc Phân hiệu kiêm Giám đốc Trung tâm
Trung tâm Tư vấn giáo dục nghề nghiệp	Đặng Thanh Phương	1978	Thạc sĩ, Giám đốc
Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KHCN	Nguyễn Mạnh Cường	1975	Thạc sĩ, Giám đốc
Trung tâm Đào tạo lái xe	Nguyễn Trường Thạo	1980	Thạc sĩ, Giám đốc
Phân hiệu Cao đẳng đường sắt Đà Nẵng	Đặng Hiếu Dân	1982	Thạc sĩ, Phó Giám đốc phụ trách Phân hiệu
Phân hiệu Cao đẳng đường sắt Phía Nam	Đậu Văn Hùng	1969	Thạc sĩ, Giám đốc Phân hiệu
5. Trưởng các khoa/bộ môn			
Cơ bản	Trịnh Thi Huyền	1976	Thạc sĩ, Trưởng khoa
Công trình - Cơ khí	Khuất Đức Thắng	1978	Thạc sĩ, Trưởng khoa
Đầu máy - Toa xe	Nguyễn Hữu Quỳnh	1979	Thạc sĩ, Trưởng khoa
Thông tin tín hiệu - Điện	Hoàng Huy Tưởng	1975	Thạc sĩ, Trưởng khoa
Vận tải - Kinh tế	Hoàng Hải Tiến	1973	Thạc sĩ, Trưởng khoa

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên của Trường

Nội dung	Năm 2014	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên,	**281**	**172**	**173**

Nội dung	Năm 2014	Năm 2023	Năm 2024
nhân viên của Trường			
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	**158**	**62**	**61**
- Tiến sĩ	0	0	0
- Thạc sĩ	42	40	39
- Đại học	112	22	22
- Cao đẳng	2	0	0
- Trung cấp	1	0	0
- Trình độ khác	1	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên cơ hữu của Trường	**115/158**	**59/62**	**58/61**

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm học 2024	
			Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên
I	**Nhóm ngành nghề Công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng**							
1	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông ĐSĐT	TC	30		30		30	
2	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt đô thị	SC	80		80		80	
3	Bảo trì cầu - đường sắt	SC	0		40		40	
4	Bảo trì đường sắt	SC	0		40		40	
5	Duy tu, sửa chữa cầu - đường sắt	SC	0		60		60	
6	Duy tu, sửa chữa đường sắt	SC	0		60		60	
7	Thi công, duy tu sửa chữa đường sắt ray hàn dài	SC	0		20		20	
8	Thi công đặt ray ĐSĐT	SC	80		80		80	
9	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	CĐ	30		30	0	30	18
	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	TC	155		155		155	
10	Xây dựng đường sắt	SC	210	205	60	132	60	155
II	**Nhóm ngành nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí**							
1	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	CĐ	30		30		30	
	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	TC	60		60		60	
2	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	TC	50		50	56	50	
III	**Nhóm ngành nghề Kĩ thuật cơ khí và Cơ kĩ thuật**							
1	Bảo dưỡng, sửa chữa tàu điện	SC	80		80		80	

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm học 2024	
			Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên
2	Cắt gọt kim loại	SC	85		74	11	74	0
3	Hàn	SC	140		140	55	140	0
4	Khám chữa toa xe	SC	210	29	210	68	210	58
5	Sửa chữa đầu máy	SC	40		40	12	40	19
6	Vận hành cần trục	SC	80		80		80	
7	Vận hành máy xúc	SC	80		80		80	
8	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	TC	20		20		20	
IV	**Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin**							
1	Quản trị mạng máy tính	CĐ	40		40		40	
V	**Nhóm ngành nghề Kế toán, kiểm toán**							
1	Kế toán doanh nghiệp	CĐ	180		180		180	
VI	**Nhóm ngành, nghề Kĩ thuật điện, điện tử và viễn thông**							
1	Điện công nghiệp	CĐ	40		20		20	
	Điện công nghiệp	TC	0		20		20	
2	Điện dân dụng	TC	30		30		30	
3	Kĩ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	TC	40		40		40	
4	Lắp đặt sửa chữa thiết bị lạnh	SC	140		140		140	
5	Sửa chữa hệ thống điện ĐSĐT	SC	80		80		80	
6	Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp	SC	60		60		60	
7	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	TC	30		30		30	

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm học 2024	
			Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên
VII	**Nhóm ngành nghề Khai thác vận tải**							
1	Điều hành ĐSĐT	CĐ	0		60	19	60	16
	Điều hành ĐSĐT	TC	30		55	9	55	0
	Điều hành ĐSĐT	SC	100		100		100	
2	Điều hành chạy tàu hỏa	CĐ	50		30	19	30	16
	Điều hành chạy tàu hỏa	TC	155	119	90	16	90	125
3	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	SC	260	164	260	264	260	458
4	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	SC	100	103	120	258	120	102
5	Lái tàu điện	TC	60	52	60	6	60	0
6	Lái tàu đường sắt	CĐ	35		35	9	35	41
	Lái tàu đường sắt	TC	80	48	80	19	80	
7	Lái xe nâng hàng	SC	160		160	10	160	
8	Lái xe ô tô hạng B2	SC	1470		1470	389	1470	
9	Lái xe ô tô hạng C	SC	320		320		320	
10	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	SC	170		170	22	170	10
11	Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT	SC	0	0	20	149	20	150
12	Nhân viên phục vụ trên tàu, dưới ga	SC	90		90		90	
13	Nhân viên vé ĐSĐT	SC	0		20		20	
14	Thông tin tín hiệu đường sắt	CĐ	50	25	50	10	50	43
	Thông tin tín hiệu đường sắt	TC	55		55		55	

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm học 2024	
			Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên	Quy mô TS	Số lượng học viên
	Thông tin tín hiệu đường sắt	SC	165		85	43	85	
15	Thông tin tín hiệu ĐSĐT	SC	0		80		80	
16	Vận tải hành khách ĐSĐT	SC	80		80		80	
17	Khách, hóa vận ĐS	SC	40					
VIII	**Nhóm ngành nghề Quản trị - Quản lí**							
1	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	CĐ	50		50		50	
IX	**Nhóm nghề sơ cấp thể dục, thể thao**							
1	Kĩ thuật golf	SC			40		40	
	Cộng		**5620**	**745**	**5739**	**1576**	**5739**	**1211**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2014	Năm 2023	Năm 2023
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m^2)	**60063**	**73,243**	**73,368**
- Khu hiệu bộ	4418	4,833	4,833
- Phòng học lý thuyết	8438	5,432	5,432
- Phòng học thực hành	7276	26,542	26,667
- Khu phục vụ	**36698**	**33,206**	**33,206**
+ Thư viện	*361*	*319*	*319*
+ Ký túc xá	*13677*	*11,070*	*11,070*
+ Nhà ăn	*2250*	*2,122*	*2,122*
+ Trạm y tế	*125*	*78*	*78*
+ Khu thể thao	*20285*	*19,617*	*19,617*
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)	**3233**	**3,230**	**3,230**
+ Hội trường	*1446*	*1,384*	*1,384*
+ Nhà để xe	*1004*	*754*	*754*
+ Trạm bơm nước	*180*	*47*	*47*
+ Trạm điện	*129*	*45*	*45*
+ Nhà kho	*424*	*950*	*950*
+ Nhà tắm công cộng	*50*	*50*	*50*
2. Tổng số đầu sách của Trường	**2165**	**2320**	**2320**
Trong đó, đầu sách chuyên ngành	1369	1461	1461
3. Tổng số máy tính của Trường	**218**	**237**	**264**
- Dùng cho văn phòng	113	58	93
- Dùng cho học sinh học tập	105	179	171
4. Tổng nguồn kinh phí của Trường	43,1 tỷ đồng	54,5 tỷ đồng	50,1 tỷ đồng
5. Tổng thu học phí	9,3 tỷ đồng	3,1 tỷ đồng	1,6 tỷ đồng
6. Tổng kinh phí quyết toán	43,1 tỷ đồng	54,5 tỷ đồng	50,1 tỷ đồng

PHẦN II
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ngày nay, xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội, nó mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, làm cho sự canh tranh trong lĩnh vực đào tạo nghề ngày càng gay gắt hơn, không chỉ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với nhau, mà cả giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với cơ sở giáo dục đại học, lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở đào tạo nào có chất lượng cao.

Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng Đường sắt đã tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng trường, qua đó chỉ rõ được các mặt mạnh, mặt yếu để để xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá chất lượng trường không chỉ tạo cơ sở cho công tác kiểm định đánh giá ngoài, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà qua đó, Trường còn thể hiện được tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội,... theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Trường.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với Trường Cao đẳng Đường sắt, thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng sẽ giúp Nhà trường có điều kiện đánh giá lại hoạt động của Trường một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao. Nói cách khác, thông qua công tác tự đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của Nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Quy chế Tổ chức hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt;
- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, vật lực, tài lực của Trường năm 2023;
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của Trường năm 2023.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nhằm giúp Nhà trường đánh giá các hoạt động của Trường một cách toàn diện, đầy đủ, từ đó đưa ra những cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; để đăng ký kiểm định chất lượng với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức khác; báo cáo kết

quả tự đánh giá chất lượng trường cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

- Chỉ ra các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực trong quá trình tự đánh giá.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các đơn vị, các thành viên trong Nhà trường.
- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.
- Đánh giá đầy đủ thực trạng các hoạt động của Trường, đúng theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
- Nêu bật được điểm mạnh và những hạn chế của Trường.
- Đề xuất biện pháp khắc phục các điểm yếu. Sau khi tự đánh giá, các đơn vị liên quan của Trường xây dựng kế hoạch cụ thể để khắc phục các tồn tại.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng và các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đánh giá mức độ đạt được theo quy định;
- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.
- Mô tả, làm rõ thực trạng của Trường; phân tích đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, yếu, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục; dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch và thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng trường;
- Phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng và các quy định, văn bản hướng dẫn do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đánh giá mức độ đạt được theo quy định;
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định;
- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng;
- Công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng trường trong nội bộ Trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTBXH Hà Nội, TCT ĐSVN.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		*Đạt chuẩn chất lượng*

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tổng điểm	**100**	**96**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**12**
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	định.		
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	**17**	**16**
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**	**15**	**15**
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	**Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**	**15**	**15**
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**15**	**13**
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
6	**Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	**5**	**4**
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, *(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)*	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	**Tiêu chí 7: Quản lý tài chính**	**6**	**6**
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	**Tiêu chí 8: Dịch vụ người học**	**9**	**9**
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.		
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	**Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng**	**6**	**6**
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

TIÊU CHÍ 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai;
- Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định;
- Hội đồng trường, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả;
- Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định;
- Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao;

** Những tồn tại:* Không.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo với quy mô rộng hơn để có cơ sở phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành nghề một cách toàn diện.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	**12/12**
Tiêu chuẩn 1.1	1
Tiêu chuẩn 1.2	1
Tiêu chuẩn 1.3	1
Tiêu chuẩn 1.4	1
Tiêu chuẩn 1.5	1
Tiêu chuẩn 1.6	1
Tiêu chuẩn 1.7	1
Tiêu chuẩn 1.8	1
Tiêu chuẩn 1.9	1
Tiêu chuẩn 1.10	1
Tiêu chuẩn 1.11	1
Tiêu chuẩn 1.12	1

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Đường sắt là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trường được thành lập năm 1955 tiền thân là trường Chức công đường sắt. Qua nhiều lần sáp nhập và đổi tên đến năm 2007, Trường Cao đẳng nghề đường sắt I được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ–LĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp từ trường Trung học đường sắt *(1.1.01-Quyết định số 79/QĐ–LĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng Nghề đường sắt I);*

ngày 12/8/2009 Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt theo Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội *(1.1.02-Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH ngày 12/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành trường Cao đẳng Nghề đường sắt);* ngày 7/02/2017 Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Đường sắt theo Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội *(1.1.03-Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 7/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt).* Mục tiêu, nhiệm vụ của Nhà trường được xác định rõ trong Đề án thành lập trường Cao đẳng Nghề đường sắt I là: "Đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, năng lực thích ứng với nhu cầu sử dụng lao động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, của thành phố Hà Nội và của các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, các địa bàn, khu vực kinh tế khác trên phạm vi toàn quốc. Nhằm mục tiêu góp phần thực hiện công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Thực hiện đào tạo đa ngành, đa cấp theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa đào tạo". Trong Đề án thành lập trường quy định 14 nhiệm vụ cụ thể tại mục 6.2 trang 11, 12. Trong Đề án tự chủ hoạt động và tự chủ tài chính giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến 2025 của Trường CĐĐS đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt đã xác định mục tiêu của Trường là: "Phát triển Trường Cao đẳng Đường sắt trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ, có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cao..." *(1.1.04-Đề án thành lập trường Cao đẳng Nghề đường sắt I – trang 12, 13; 1.1.05-Quyết định số 155/QĐ-ĐS ngày 21/02/2018 về việc phê duyệt Đề án tự chủ hoạt động và tự chủ tài chính giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến 2025 của Trường CĐĐS của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN).*

Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường còn được quy định cụ thể tại Điều lệ trường Cao đẳng Đường sắt ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-ĐS ngày 30/7/2019 của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN và Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành tại Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt. Trong đó tại Điều 5 của Điều lệ xác định mục tiêu của Trường là: "Phát triển trường thành trường cao đẳng chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp chuyên về đường sắt và một số ngành, nghề phục vụ xã hội...". Nhiệm vụ cụ thể của Trường được quy định chi tiết tại Điều 7 của Điều lệ với 18 nhiệm vụ cụ thể (*1.1.06-Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 846/QĐ-ĐS ngày 30/7/2019 và Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1061/QĐ-ĐS ngày 28/8/2024 của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN;*

1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt).

Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, xác định mục tiêu tổng quát của toàn Đảng bộ là "Duy trì sự ổn định, đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng. Chủ động sáng tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm. Đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao, luôn nêu cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Ổn định việc làm và thu nhập. Tăng trưởng và phát triển bền vững" *(1.1.08-Nghị quyết Đại hội đại biểu Trường Cao đẳng Đường sắt lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 14/5/2020).*

Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng, điều chỉnh chính sách và mục tiêu chất lượng của trường phù hợp với tình hình phát triển của Trường trong từng năm (*1.1.09-Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng trường; Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng trường; Mục tiêu chất lượng đơn vị; kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành Đường sắt và của xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đường sắt lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 và Quyết định số 214/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược phát triển Giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050 trong đó coi trọng việc xã hội hóa trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực đường sắt (*1.1.10-Quyết định số 214/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược phát triển Giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050; 1.1.11-Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đường sắt lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025*); Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường phù hợp với "Chiến lược phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Tổng công ty Đường sắt Việt Nam *(1.1.12-Kế hoạch số 2521/KH-ĐS -Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; 1.1.13- Các Nghị quyết, Quyết định về đào tạo, triển nguồn Nhân lực Tổng công ty Đường sắt Việt Nam).*

Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được công bố công khai trên trang Web của Trường *(1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).* Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được công bố tới CB, GV, VC và người lao động thông qua báo cáo tổng kết năm học hằng năm, Hội nghị người lao động hằng năm *(1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023);* và tới HSSV thông qua nội dung sinh hoạt đầu khóa *(1.1.17-Kế hoạch đón tiếp HSSV và học tập đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: *Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các giấy chứng nhận đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục GDNN cấp với 47 nghề đào tạo cho ngành đường sắt và đào tạo cho xã hội, trong đó 10 nghề đào tạo trình độ cao đẳng, 14 nghề đào tạo trình độ trung cấp và 32 nghề đào tạo trình độ sơ cấp *(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp),*

Nhà trường thực hiện phân tích chiến lược phát triển nhân lực của ngành đường sắt tại Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ *về* Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 triển khai xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao; nghiên cứu, xây dựng các tuyến đường sắt có nhu cầu vận tải lớn, các tuyến nối với các cảng biển lớn, khu công nghiệp, du lịch; Tiếp tục xây dựng và đưa vào khai thác các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành

phố Hồ Chí Minh; Đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại cho các cơ sở công nghiệp đầu máy, chế tạo toa xe, sản xuất ray, phụ kiện.

Từ tháng 10 đến tháng 12 hằng năm, Phòng Đào tạo, Trung tâm Tư vấn Giáo dục nghề nghiệp của trường và các phân hiệu của trường đều thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo nhân lực các ngành nghề phục vụ cho ngành đường sắt và cho xã hội tại Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt, các chi nhánh khai thác đường sắt, các chi nhánh xí nghiệp đầu máy, các công ty cổ phần xe lửa, công ty cổ phần vận tải đường sắt, các công ty cổ phần TTTH, Công ty Tuyển than Cửa Ông, Công ty Kho vận Đá Bạc, Công ty Apatit Việt Nam, Công ty CP Thép Hòa Phát, Cty Formosa Hà Tĩnh; Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội, Công ty TNHH MTV đường sắt đô thị số 1 TP. HCM.

Năm 2022, Trường lập kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực 12 đơn vị, năm 2023 khảo sát 15 đơn vị và năm 2024 khảo sát 15 đơn vị. Trên cơ sở đó xác định số lượng, quy mô ngành nghề tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định. Hằng năm Trường thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo của tất cả các đơn vị trong và ngoài ngành đường sắt về nhu cầu tuyển dụng nhân lực của ngành và địa phương, gồm khảo sát các nghề điều hành chạy tàu hoả, thông tin tín hiệu đường sắt, xây dựng bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt và lái tàu đường sắt trình độ cao đẳng, trung cấp và nhiều nghề trình độ sơ cấp ... để tìm hiểu nhu cầu đào tạo các nghề cho ngành đường sắt cũng như xã hội, từ đó làm cơ sở xác định số lượng, quy mô tuyển sinh cho phù hợp với thực tế cho năm tiếp theo. Kết quả khảo sát cho các năm như sau:

TT	Tên nghề	Nhu cầu đào tạo (người/năm)		
		2022	2023	2024
I	**Trình độ cao đẳng**	**30**	**30**	**59**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	30	10	44
2	Lái tàu đường sắt	0	0	0
3	Điều hành chạy tàu hỏa	0	0	15
4	Điều hành đường sắt đô thị	0	20	0
5	Các nghề khác	0	0	0
II	**Trình độ trung cấp**	**250**	**48**	**200**
1	Lái tàu điện	60	7	0
2	Lái tàu đường sắt	55	11	45
3	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	0	0	0
4	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	0	0	0
5	Điều hành chạy tàu hỏa	135	20	135
6	Điều hành đường sắt đô thị	0	10	
7	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	0	0	20
8	Các nghề khác	0	0	0
III	**Trình độ sơ cấp**	**550**	**1.119**	**972**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	0	43	0
2	Khám chữa toa xe	35	60	55
3	Sửa chữa đầu máy		15	22
4	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	110	240	120
5	Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga	0	150	150

	ĐSĐT			
6	Nhân viên vé ĐSĐT	0	140	
7	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	0	20	12
8	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	193	260	458
9	Thi công, duy tu sửa chữa đường sắt ray hàn dài	0	0	0
10	Xây dựng đường sắt	211	135	155
11	Duy tu sửa chữa đường sắt	0	0	0
12	Cắt gọt kim loại	0	11	0
13	Hàn	0	45	0
14	Các nghề khác	0	00	0

(1.2.02-Kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.03-Các phiếu khảo sát; biên bản khảo sát nhu cầu đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.04-Báo cáo phân tích kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Từ kết quả khảo sát, và tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị (Thông báo tuyển dụng nhân sự vận hành ĐSĐT Hà Nội, TP.HCM), Trường đã tiếp cận được nhu cầu đào tạo của xã hội, phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực của địa phương, của ngành, xác định được chỉ tiêu tuyển sinh cho mỗi ngành nghề đào tạo, và quy mô đào tạo phù hợp cụ thể như sau:

TT	Tên nghề	Kết quả tuyển sinh mới (HSSV/năm học)					
		2021-2022		2022-2023		2023-2024	
		Số lượng	Tỉ lệ % so KH	Số lượng	Tỉ lệ % so KH	Số lượng	Tỉ lệ % so KH
I	**Trình độ cao đẳng**	**25**	**83,33**	**29**	**96,66**	**57**	**96,61**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	25	83,33	10	100,0	43	97,72
2	Lái tàu đường sắt	0	0	0	0	0	0
3	Điều hành chạy tàu hỏa	0	0	0	0	14	93,33
4	Điều hành ĐSĐT	0		19	95,0	16	80,00
5	Các nghề khác	0	0	0	0	0	0
II	**Trình độ trung cấp**	**219**	**87, 6**	**40**	**83,33**	**184**	**92,00**
1	Lái tàu điện	52	86,66	6	87,71	0	00
2	Lái tàu đường sắt	48	87,27	9	81,81	41	91,11
3	Điều hành chạy tàu hỏa	119	88,14	16	80,00	125	92,59
4	Điều hành ĐSĐT	0	0	9	90,00	0	0
5	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	0	0	0	0	18	90,0
6	Các nghề khác	0	0	0	0	0	0
III	**Trình độ sơ cấp**	**501**	**91,09**	**1156**	**103,31**	**952**	**99,16**

1	Thông tin tín hiệu đường sắt	0	0	43	100,00	0	0
2	Khám chữa toa xe	29	82.85	68	113,33	58	105,45
	Sửa chữa ĐM			12	80,00	19	86,36
3	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	103	92.79	258	107,5	102	85,00
4	Nhân viên phục vụ chạy tàu ĐSĐT	0	0	149	99,33	150	100,00
5	Nhân viên vé ĐSĐT	0	0	142	101,42	0	0
6	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	0	0	22	110,00	10	83,33
7	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	164	84.97	264	101,54	458	100,00
8	Xây dựng đường sắt	205	97,15	132	97,78	155	100,00
9	Cắt gọt KL	0	0	11	100,00	0	0
10	Hàn	0	0	55	122,22	0	0
11	Các nghề khác	0	0	0	00	0	0

(1.2.05-Đăng ký tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.06-Các hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ; 1.2.07-Các quyết định mở lớp đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Tính chung tỷ lệ tuyển sinh mới của các nghề so với kế hoạch tuyển sinh trình độ cao đẳng: năm học 2021-2022 đạt 83,33%, năm học 2022-2023 đạt 96,66%, năm học 2023-2024 đạt 96,61% và năm học 2024 -2025 dự kiến đạt 96%; đối với trình độ trung cấp: năm học 2021-2022 đạt 87,6%, năm học 2022-2023 đạt 83,33%, năm học 2023-2024 đạt 92% và năm học 2024-2025 dự kiến đạt 95%; đối với trình độ sơ cấp: năm học 2021-2022 đạt 91,09%, năm học 2022-2023 đạt 103,31%, năm học 2023-2024 đạt 99,16% và năm học 2024-2025 dự kiến đạt 100%.

Như vậy, công tác tuyển sinh của trường hằng năm đạt từ 80% chỉ tiêu trở lên, hằng năm Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương của ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ khi thành lập đến nay, Trường xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định. Trường ban hành văn bản quy định tổ chức và quản lý Trường thông qua các quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động, quyết định thành lập các phòng chức năng, các khoa, trung tâm và các phân hiệu. Theo đó Trường có 6 phòng gồm: phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Tổ chức hành chính, phòng Tài chính kế toán, phòng Quản lí thiết bị và xây dựng cơ bản và phòng Kiểm định chất lượng đào tạo; 5 khoa gồm: khoa Cơ bản, khoa Công trình – Cơ khí, khoa Đầu máy toa xe, khoa Thông tin tín hiệu – Điện và khoa Vận tải – Kinh tế; 5 trung tâm gồm: trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ, trung tâm Tư vấn giáo

dục nghề nghiệp, trung tâm Đào tạo kĩ thuật và nghiệp vụ đường sắt Mê Linh, trung tâm Đào tạo kĩ thuật và nghiệp vụ đường sắt Sài Gòn và trung tâm Đào tạo lái xe; 2 phân hiệu gồm: Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng và Phân hiệu CĐĐS Phía Nam.

Căn cứ văn bản của Nhà nước hiện hành và Quyết định số 155/QĐ-ĐS ngày 21/02/2018 của TCT ĐSVN về việc phê duyệt Đề án Tự chủ hoạt động và tự chủ tài chính giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Đường sắt Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019, trong đó quy định rõ tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường. Cụ thể:

- Tại Điều 16 quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng phòng hoặc trưởng khoa; phó trưởng phòng hoặc phó trưởng khoa quy định: Trực tiếp quản lý Người lao động của đơn vị mình; phân công nhiệm vụ cụ thể, sắp xếp lịch nghỉ hè, nghỉ bù hằng tháng, hằng năm theo chế độ quy định cho từng người; kiểm tra đôn đốc các thành viên của đơn vị hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng. Lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và công việc được giao; Tổ chức bảo quản và khai thác có hiệu quả các tài sản nhà trường giao cho đơn vị; Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Riêng các trưởng khoa, tổ trưởng phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác kiểm tra các mặt chuẩn bị của nhà giáo trước khi lên lớp, giảng dạy của nhà giáo; học tập của HSSV theo qui định của quy chế thi và kiểm tra; triển khai các giải pháp không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo…

- Tại Điều 21 quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng, Phòng Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo hằng năm, dài hạn trong toàn trường; phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, địa phương để tham mưu xác định ngành, nghề và quy mô đào tạo phù hợp; Lập kế hoạch và tổ chức việc xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu dạy nghề. Ít nhất 3 năm/lần tham mưu Hiệu trưởng tổ chức đánh giá, cập nhật và điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành; Lập kế hoạch về tuyển sinh, đào tạo, giảng dạy, thi tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp. Đề xuất Hiệu trưởng cấp bằng, chứng chỉ, chứng chỉ đào tạo, giấy chứng nhận cho người học. Thực hiện và quản lý toàn bộ hồ sơ, sổ sách, văn bản, kết quả học tập của người học…; Phòng Công tác HSSV có các nhiệm vụ: Tổ chức tiếp nhận HSSV nhập học; chỉ định ban cán sự lớp HSSV lâm thời (lớp trưởng, lớp phó) trong thời gian đầu khóa học; tham mưu Hiệu trưởng quyết định thành lập ban cán sự lớp; làm thẻ cho HSSV; tham mưu Hiệu trưởng mẫu và đặt đồng phục cho HSSV; đặt may đồng phục thực hành của nhà giáo; thống kê, tổng hợp dữ liệu, quản lý hồ sơ HSSV; Xây dựng kế hoạch giáo dục và quản lý HSSV. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho HSSV đầu khóa, đầu năm học và thực hiện kế hoạch giáo dục, quản lý HSSV trong suốt năm học; Kiểm tra, đôn đốc HSSV nội trú thực hiện giờ tự học; giúp đỡ HSSV tự quản theo tổ, lớp; phối hợp với Đoàn thanh niên trường tổ chức sinh hoạt ngoại khóa cho HSSV theo kế hoạch; Quản lý các Ký túc xá được giao; tiếp nhận đơn xin nội trú, xét và tham mưu Hiệu trưởng ký hợp đồng với HSSV được ở nội trú theo quy định; thường trực ký túc xá 24/24 giờ; tập hợp hồ sơ để đăng ký tạm trú có thời hạn với công an khu vực cho những HSSV nội trú;…

- Tại Điều 22 quy định nhiệm vụ của khoa gồm: Quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa theo sự phân công của Hiệu trưởng; Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm; Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của

Trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định; Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo…

- Tại Điều 24 quy định chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm như Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ gồm: Làm đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo đường sắt đô thị của toàn trường; Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; Tổ chức nghiên cứu khoa học và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý giáo dục nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy, trang thiết bị hỗ trợ dạy học, học liệu dạy nghề, sản phẩm kết hợp học và hành, cải thiện điều kiện làm việc, thiết kế kỹ thuật công trình, các sản phẩm công nghiệp và trang bị chuyên dùng trong ngành Đường sắt… *(1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Khi Trường thực hiện chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc thành lập mới các đơn vị trong Trường, Nhà trường đều phân công chức năng, nhiệm vụ cho đơn vị mới phù hợp, rõ ràng, không chồng chéo, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị *(1.3.01-Các Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu).*

Việc phân quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cũng thể hiện trong Quy chế Chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-CĐĐS ngày 10/12/2021. Tại Điều 5 quy định nguyên tắc thu và quy trình quản lý nguồn thu nêu rõ "Các đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ được nhà trường giao lập phương án về nội dung thu, mức thu của các loại hình thu (Kèm theo thuyết minh cơ sở lập phương án) gửi về các đơn vị tham mưu trình Hiệu trưởng xem xét thẩm định."

Tại Điều 7 của nêu rõ trách nhiệm của trưởng các đơn vị trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi cụ thể: "Phòng QLTB & XDCB chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, hồ sơ pháp lý các khoản chi liên quan đến xây dựng mới, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, đầu tư cải tạo, sửa chữa, các khoản chi phí điện, nước và các nội dung chi khác theo nhiệm vụ được giao; Phòng TCHC chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, hồ sơ pháp lý các khoản chi liên quan đến tài sản, công cụ dụng cụ, trang thiết bị văn phòng, thiết bị PCCC, an toàn lao động..., các khoản chi phí xăng dầu, vệ sinh môi trường và các khoản chi theo nhiệm vụ được giao; Phòng Đào tạo, các trung tâm, khoa, tổ bộ môn trực thuộc trường chịu trách nhiệm về nội dung, khối lượng công việc và hồ sơ pháp lý liên quan đến xác định số tiền phải chi về các loại hình đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nội dung chi khác theo nhiệm vụ được phân công; ác đơn vị khác có liên quan đến nội dung công việc được giao chịu trách nhiệm về tính chính xác và hồ sơ pháp lý các khoản chi có liên quan đến đơn vị mình phụ trách…" *(1.3.02-Qui chế Chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-CĐĐS ngày 10/12/2021).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quí I hằng năm, Phòng TCHC tham mưu Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch rà soát tính phù hợp của các nội quy, quy chế của trường đã ban hành, giao cho các phòng, khoa trung tâm theo chức năm thực hiện rà soát theo kế hoạch. Các nội dung rà soát được Phòng TCHC tập hợp làm báo cáo tham mưu Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ xây dựng, chỉnh lí các nội quy, quy chế nếu cần thiết *(1.4.01-*

Kế hoạch rà soát nội quy, quy chế năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.4.02-Báo cáo rà soát nội quy, quy chế năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết cụ thể: Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt được xây dựng và ban hành lần đầu ngày 19/12/2019, Nội quy Trường Cao đẳng Đường sắt được ban hành ngày 19/7/2017.... Hằng năm, các nội quy, quy chế của Trường đều được tổ chức rà soát, chỉnh sửa, biên soạn mới cho phù hợp với các quy định của Đảng, Nhà nước, của ngành hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động của Trường.

Năm 2021, Trường đã rà soát, xây dựng, lấy ý kiến và ban hành 7 văn bản gồm: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy quân sự Trường; Quy chế học online; Quy chế đào tạo trực tuyến; Quy chế Thi đua - Khen thưởng; Quy định về Quản lý, in, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và xác nhận kết quả học tập.

Năm 2022, Trường đã rà soát, xây dựng, lấy ý kiến và ban hành 9 văn bản gồm: Quy định về Chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy định Đào tạo liên thông và Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; Quy chế Hoạt động của Mạng lưới an toàn vệ sinh viên trong Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy định về Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trong Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy chế Kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp; Quy chế Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy chế Quản lý và Tổ chức đào tạo hệ chính quy đối với trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy chế Trả lương Trường Cao đẳng Đường sắt; Quy chế Tuyển sinh trong Trường Cao đẳng Đường sắt

Năm 2023, Trường đã rà soát, xây dựng, lấy ý kiến và ban hành 3 văn bản gồm: Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt; Sửa đổi nội dung tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Quy chế tuyển sinh trong Trường Cao đẳng Đường sắt; Bổ sung Điều 14 Quy chế Trả lương Trường Cao đẳng Đường sắt

Năm 2024, Trường đã rà soát, xây dựng, lấy ý kiến và ban hành 06 văn bản gồm: Quy định Bảo đảm chất lượng; Quy chế Tuyển sinh; Quy chế Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt; Qui định Về việc Quản lý, in, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và xác nhận kết quả học tập - Sửa đổi bổ sung năm 2024; Quy định tổ chức cho HSSV thực tập, sản xuất; Quy định về công tác thông tin, truyền thông tại Trường Cao đẳng Đường sắt *(1.4.03-Các văn bản quy định, quy chế sửa đổi bổ sung năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: *Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường. Căn cứ cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường, Nhà trường phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp cho các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và phân hiệu, được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Đường sắt. Cụ thể, tại Điều 21 quy định chức

năng nhiệm vụ của các phòng, Điều 22 quy định nhiệm vụ của khoa, Điều 24 quy định chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm... (*1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt; 1.3.01-Các Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu)*, đảm bảo hợp lý không chồng chéo và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận. Trong đó quy định 6 phòng chức năng gồm: Phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Quản lí thiết bị và xây dựng cơ bản và phòng Kiểm định chất lượng đào tạo; 5 khoa gồm: Khoa Cơ bản, Khoa Công trình – Cơ khí, Khoa Đầu máy toa xe, Khoa Thông tin tín hiệu – Điện và khoa Vận tải – Kinh tế đảm nhiệm giảng dạy các nghề theo Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp gồm 9 nhóm nghề về Công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Công nghệ kĩ thuật cơ khí, Kĩ thuật cơ khí và Cơ kĩ thuật, Công nghệ thông tin, Kế toán, kiểm toán, Kĩ thuật điện, điện tử và viễn thông, Khai thác vận tải, Quản trị - Quản lí và nhóm Thể dục, thể thao quy định tại Giấy chứng nhận đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp bảo đảm phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường; 02 phân hiệu gồm: Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng và Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam tổ chức hoạt động đào tạo các nghề trong Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại khu vực Miền Trung và Miền Nam. Ngoài ra để hỗ trợ công tác đào tạo và thực hiện tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn Nhà trường thành lập 5 trung tâm gồm: Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ, Trung tâm Tư vấn giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Đào tạo kĩ thuật và nghiệp vụ đường sắt Mê Linh, Trung tâm Đào tạo kĩ thuật và nghiệp vụ đường sắt Sài Gòn và Trung tâm Đào tạo lái xe.

Tại các Báo cáo tổng kết công tác hằng năm của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm và các phân hiệu đều đánh giá chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao *(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: *Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 và Thông tư 15/2021 TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Đường sắt đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định để bầu Hội đồng trường và đã được Tổng công ty ĐSVN phê duyệt thành lập Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2021-2026 tại Quyết định số 90/QĐ-ĐS ngày 17/02/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Hội đồng trường Cao đẳng Đường sắt nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 11 thành viên thành phần gồm: Ban giám hiệu, Công đoàn Trường, Đoàn thanh niên Trường, đại diện các phòng, khoa, trung tâm và 02 đại diện của Tổng công ty đường sắt tham gia *(1.6.01-Quyết định thành lập Hội đồng trường Cao đẳng Đường sắt nhiệm kỳ 2021-2026 theo quyết định số 90/QĐ-ĐS ngày 17/02/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam).*

Hội đồng trường được thành lập là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường. Theo Quy

chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường được Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 130/QĐ-ĐS ngày 22/02/2021, Hội đồng Trường đã xây dựng chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng trường (*1.6.02-Quyết định số 130/QĐ-ĐS ngày 22/02/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ ít nhất 01quý/lần và họp đột xuất khi có yêu cầu. Hội đồng trường thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ quyết nghị phương hướng, mục tiêu, chiến lược phát triển và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Trường *(1.6.03-Các Nghị quyết của Hội đồng Trường các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.6.04-Báo cáo hoạt động của Hội đồng trường các năm 2021, 2022, 2023).*

Tùy theo yêu cầu công việc cụ thể Nhà trường trong từng giai đoạn, trường thành lập các Hội đồng tư vấn như:

- Hội đồng thi đua khen thưởng nhằm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc đánh giá, bình xét và đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất;
- Hội đồng xét nâng lương có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc xét nâng lương và phụ cấp theo đúng quy định của nhà nước;
- Hội đồng thẩm định Chương trình, giáo trình có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thẩm định ban hành chương trình, giáo trình đào tạo;
- Hội đồng tuyển sinh tham mưu cho Hiệu trưởng về tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho HSSV, công tác quảng bá tiếp thị tuyển sinh phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển nhà trường;
- Hội đồng thi tốt nghiệp để tổ chức thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp cho HSSV...

Các hội đồng tư vấn đều hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và đã tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ *(1.6.05-Các Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn; 1.6.06-Các biên bản làm việc và các Quyết định của các Hội đồng tư vấn).*

Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành tại Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 và thành lập các đơn vị trực thuộc trường theo đúng cơ cấu tổ chức. Tại chương V của Quy chế hoạt động của Trường đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc trường. Hằng năm, các đơn vị trong trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và kế hoạch của trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch. Hằng tháng, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện trong tháng và kế hoạch tháng sau trước khi tổ chức họp giao ban hằng tháng *(1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt; 1.3.01-Các Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu; 1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng; 1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Hằng tháng Hội đồng đánh giá xếp loại công tác họp xét, đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị và thống báo cho các đơn vị làm cơ sở đánh giá cán bộ, nhà giáo, nhân viên của đơn vị mình *(1.6.08-Thông báo kết quả xếp loại chất lượng công tác hằng tháng năm 2022, 2023, 2024).*

Hằng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đã bình xét thi đua của các tập thể và cá nhân. Kết quả trong 3 năm như sau:

Năm 2021 có 0/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", 08/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và 30/30 đơn vị đạt danh hiệu "Chính quy - An hoá – An toàn";

Năm 2022 có 01/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", 07/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và 16/18 đơn vị đạt danh hiệu "Chính quy - An hoá – An toàn";

Năm 2023 có 02/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", 09/18 đơn vị đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và 16/18 đơn vị đạt danh hiệu "Chính quy - An hoá – An toàn" *(1.6.09-Các Quyết định khen thưởng thi đua năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: *Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã thực hiện đúng quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng như: chuẩn bị hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng theo quy định, đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của Trường, lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng, tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên; Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng gồm: Xây dựng chính sách chất lượng, Xây dựng mục tiêu chất lượng, Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng, Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng; Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin; Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng; hằng năm thực hiện đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

Nhà trường đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trường năm 2018 *(1.7.01-Quyết định số 361/QĐ-CĐĐS ngày 07/5/2018 của Hiệu trưởng về việc Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trường năm 2018),* lập kế hoạch Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trường năm 2018 *(1.7.02-Kế hoạch số 362/QĐ-CĐĐS ngày 07/5/2018 của Hiệu trưởng về việc Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trường năm 2018).*

Số lượng các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cụ thể như sau:

TT	Năm	Số QT,CC BĐCL		Số quyết định ban hành
		Ban hành lần đầu	Chỉnh lí	
1	2020	19		Số 16/QĐ-CĐ ĐS ngày 08/01/2020
2	2020	6		Số 760/QĐ-CĐ ĐS ngày 15/9/2020
3	2022		3	Số 159/QĐ-CĐ ĐS ngày 21/3/2022
4	2023	3		Số 212/QĐ-CĐ ĐS ngày 11/4/2023
5	2024	4	1	Số 477/QĐ-CĐ ĐS ngày 19/6/2024
	Tổng	**32**	**4**	

Trong 32 quy trình trường đã ban hành có đủ 10 hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; Tuyển sinh; Kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; Cấp văn bằng chứng chỉ cho người học; Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; Quản

lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; Quản lý xưởng, phòng học chuyên môn; Khảo sát người học sau tốt nghiệp; Khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động (*1.7.03-Quy định Bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 977/QĐ-CĐĐS ngày 22/10/2019 và số 203/QĐ-CĐĐS ngày 03/4/2024 của Hiệu trưởng; 1.7.04-Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt; 1.7.05-Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường).*

Hằng năm, Nhà trường duy trì tổ chức vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng như xây dựng, rà soát chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng của Trường và của các đơn vị, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường và của các đơn vị (*1.1.09-Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng trường; Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng trường; Mục tiêu chất lượng đơn vị; kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Trường tiến hành kiểm tra các đơn vị thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng, tổ chức đánh giá việc vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng và xây dựng kế hoạch cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống *(1.7.06-Kế hoạch, biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.07-Kế hoạch, phiếu đánh giá, báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.08-Kế hoạch Cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Hằng năm, Trường đều thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường, xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường tổ chức thực hiện theo đúng Kế hoạch, viết báo váo tự đánh giá chất lượng trường gửi cho TCT ĐSVN, các Sở LĐTB&XH Hà Nội, Bình Dương và Đà Nẵng, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (*1.7.09-Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.10-Quyết định Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.11-Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Như vậy, Trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: *Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Phòng Kiểm định chất lượng được thành lập theo Quyết định số 1057 ngày 05 tháng 12 năm 2011 và đổi tên thành Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo theo Quyết định số 01/QĐ-CĐĐS ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng và quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường với chức năng, nhiệm vụ là: Tham mưu các nội dung và biện pháp thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Nhà nước ban hành; xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tự kiểm định theo các tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng của trường; xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác thanh tra đào tạo hằng năm, thanh tra đột xuất và tổ chức phối hợp thực hiện sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt;... (*1.8.01-Quyết định thành lập phòng KĐCL số 1057/QĐ-CĐNĐS ngày 5 tháng 12 năm 2011; 1.8.02-Quyết định về việc điều chỉnh tên gọi đơn vị trực thuộc trong Quy chế, tổ chức và hoạt động Trường số 01/QĐ-CĐĐS ngày 02/02/2020 của Hiệu trưởng; 1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt*).

- Hằng năm, Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo của Trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, hằng tháng được Hội đồng thi đua của Trường đánh giá là Phòng KĐCLĐT hoàn thành tốt nhiệm vụ (*1.8.03-Báo cáo và kế hoạch định kỳ*

công tác của Phòng KĐCLĐT; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng; 1.6.08-Thông báo kết quả xếp loại chất lượng công tác hằng tháng năm 2022, 2023, 2024).

Hằng năm Phòng KĐCLĐT đều đạt danh hiệu Chính qui – Văn hóa – An toàn *(1.8.04-Các Quyết định công nhận danh hiệu "Chính qui – Văn hóa – An toàn" năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Trong báo cáo tổng kết hằng năm Phòng KĐCLĐT đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ *(1.8.05-Báo cáo tổng kết năm và kế hoạch công tác năm tiếp theo của Phòng KĐCLĐT).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Đảng bộ Trường Chức công Đường sắt được thành lập theo QĐ số 221/VP-ĐU ngày 30/8/1956, nay là Đảng bộ Trường Cao đẳng Đường sắt *(1.9.01-Quyết định số 221 ngày 30/8/1956 về việc thành lập Đảng bộ Trường Chức công đường sắt (nay là Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 diễn ra vào ngày 14/5/2020, Đại hội bầu ra BCH Đảng bộ gồm 11 đồng chí. Sau Đại hội, Đảng bộ trường ban hành Quy chế làm việc số 09-QC/ĐU ngày 03/6/2020 nay sửa đổi bổ sung bằng Quy chế làm việc số 232-QC/ĐU ngày 20/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường CĐĐS khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 (*1.9.02-Quyết định chuẩn y BCH Đảng bộ Trường CĐĐS nhiệm kỳ 2020-2025; 1.9.03-Quy chế làm việc của ĐU trường CĐĐS nhiệm kỳ 2020-2025).*

Đảng bộ Trường có tổng số 16 Chi bộ, 01 Đảng bộ bộ phận trong đó có 04 chi bộ trong Đảng bộ bộ phận với tổng số đảng viên các năm như sau: năm 2021: 127, năm 2022: 117, năm 2023: 118 và năm 2024: 116 đảng viên. Đảng viên là cán bộ quản lý là 45 người đạt tỷ lệ 45/45 người chiếm 100%.

- Hằng tháng Ban chấp hành Đảng bộ trường đều tổ chức hội nghị, các chi bộ đều tổ chức sinh hoạt và tổ chức quán triệt kịp thời các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương Đảng, của Đảng ủy Đường sắt Việt Nam và của Trường đến từng đồng chí đảng viên và các đoàn thể quần chúng đồng thời cụ thể hóa các nghị quyết bằng chương trình hành động của Đảng bộ Nhà trường. Đảng lãnh đạo chuyên môn, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoàn thành tốt nhiệm vụ, thông qua các thông báo kết luận Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ trường và nghị quyết của các chi bộ hằng tháng. Qua Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ hằng năm về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng hằng năm và nhiệm vụ trong tâm năm tiếp theo cho thấy Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của hiến pháp và pháp luật. Đảng bộ nhiều năm liền được Đảng bộ Đường sắt công nhận và tặng cờ là Đảng bộ "Trong sạch vững mạnh"; "Hoàn thành Tốt", "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ". Kết quả bình xét hằng năm như sau:

+ Năm 2021, Đảng bộ trường đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 01 chi bộ đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 13 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 03 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành nhiệm vụ", không có chi bộ nào không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm 2022, Đảng bộ trường đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 02 chi bộ đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 12 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 03 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành nhiệm vụ", không có chi bộ nào không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm 2023, Đảng bộ trường đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 03 chi bộ đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 12 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 02 chi bộ đạt danh hiệu "Hoàn thành nhiệm vụ", không có chi bộ nào không hoàn thành nhiệm vụ *(1.9.04-Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng Đảng bộ bộ phận, các chi bộ và đảng viên trong Đảng bộ Trường Cao đẳng Đường sắt; 1.9.05-Các Quyết định khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Đảng bộ trường luôn quan tâm phát triển đội ngũ đảng viên, số đảng viên mới được kết nạp hằng năm cụ thể như sau: năm 2021: 01 người, 2022: 01 người, 2023: 01 người và năm 2024: 0 người. Đảng bộ Trường luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở, kết quả bình xét phân loại Đảng bộ và đảng viên hằng năm như sau:

Năm	Tổng số ĐV	Danh hiệu							
		HTXS	Tỉ lệ%	HT tốt	Tỉ lệ%	HT	Tỉ lệ%	Không HT	Tỉ lệ%
2021	128	02	2	111	87	15	12	0	0
2022	118	04	3	93	79	20	17	0	0
2023	118	9	8	95	81	14	12	0	0

(1.9.06-Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng đảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Đảng bộ trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên các chi bộ. Hằng năm, Đảng ủy trường và Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ Trường đã thực hiện kiểm tra 2 đợt cho 01 Đảng bộ bộ phận và 05 chi bộ theo kế hoạch *(1.9.07-Các biên bản kiểm tra đảng; 1.9.08-Các Nghị quyết đảng bộ trường; 1.9.09-Báo cáo kết quả hoạt động và kế hoạch hằng năm của Đảng bộ trường).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10: *Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các tổ chức xã hội, đoàn thể trong Trường tập hợp được cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người học, hoạt động theo đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức (*1.10.01-Các Hồ sơ Đại hội Công đoàn trường khóa 25, 26; 1.10.02-Các Hồ sơ Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa 19 và 20).*

* Công đoàn trường được đổi tên từ Công đoàn Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Công đoàn Trường Cao đẳng Đường sắt theo Quyết định số 71/QĐ-CĐĐS ngày 11/02/2017 của Công đoàn Đường sắt Việt Nam. Tổng số đoàn viên Công đoàn: năm 2021 là 174 đoàn viên/174 cán bộ, nhà giáo, nhân viên; năm 2022 là 165 đoàn viên/175 cán bộ, nhà giáo, nhân viên; năm 2023 là 165 đoàn viên/172 cán bộ, nhà giáo, nhân viên và năm 2024 là 167 đoàn viên/173 cán bộ, nhà giáo, nhân viên. Trường có 02 công đoàn bộ phận, Công đoàn bộ phận Phân hiệu ĐS Đà Nẵng (có 03 tổ công đoàn), Công đoàn bộ phận Phân hiệu ĐS Phía Nam (có 9 tổ công đoàn) và 14 tổ công đoàn trực thuộc Công đoàn trường. Năm 2023, Công đoàn Trường đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ XXVI và đã bầu đủ số lượng BCH gồm 9 đồng chí, UBKT gồm 3 đồng chí. Tổ chức công đoàn phát huy được vai trò của mình trong việc chăm lo, tổ chức các hoạt động phục vụ cho đời sống tinh thần của cán bộ, nhà giáo, công nhân viên của Trường. Hằng năm, Công đoàn Trường xây dựng kế hoạch hoạt động với các nội dung nhằm: Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức

Công đoàn như thực hiện học tập, quán triệt đầy đủ các Nghị quyết TW, tuyên truyền phổ biến Pháp luật trong toàn thể đoàn viên công đoàn... Phối hợp với chuyên môn tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm tại cả 3 khu vực trong toàn trường, giải quyết các kiến nghị, thắc mắc, các chế độ chính sách cho người lao động kịp thời, tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại đột xuất với người lao động khi có ý kiến của người lao động; Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động như chế độ làm việc, giờ giảng, chế độ tiền lương, thu nhập, chính sách bảo hiểm và các quyền lợi, phúc lợi đoàn viên công đoàn; Tổ chức vận động đoàn viên, người lao động trong Trường thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng đào tạo như thi đua giảng dạy tốt, phục vụ tốt, tham gia đi thực tế hiện trường, tham gia các cuộc thi trực tiếp, trực tuyến do Công đoàn TCT Đường sắt Việt Nam tổ chức... đẩy mạnh các hoạt động thi đua trong phong trào dạy tốt - học tốt, nghiên cứu khoa học; Công đoàn trường tích cực tham gia phát triển Đảng, năm 2021 đã giới thiệu 0 đoàn viên ưu tú, năm 2022 đã giới thiệu 01 đoàn viên ưu tú, năm 2023 đã giới thiệu 01 đoàn viên ưu tú. Hằng năm Công đoàn trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động cả năm, kế hoạch quý và triển khai đến toàn thể đoàn viên công đoàn *(1.10.03-Kế hoạch hoạt động; báo cáo của Công đoàn trường hàng quý, năm(2021, 2022, 2023, 2024); 1.10.04-Báo cáo Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 26; 1.10.05-Báo cáo của Ủy Ban Kiểm tra Công đoàn năm 2021, 2022, 2023).*

Kết quả cuối đợt thi đua hằng năm như sau:

- Năm 2021, Công đoàn trường được công đoàn cấp trên công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn Trường đã khen thưởng 05 tổ công đoàn và 01 công đoàn bộ phận Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 22 tổ công đoàn và 01 công đoàn bộ phận Hoàn thành tốt nhiệm vụ; khen thưởng 28 cán bộ công đoàn và 46 đoàn viên công đoàn có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

- Năm 2022, Công đoàn trường được Công đoàn Đường sắt Việt Nam tặng bằng khen Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc năm 2022. Công đoàn Trường đã khen thưởng 8/26 tổ công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 18/26 tổ công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ; khen thưởng 31 cán bộ công đoàn và 46 đoàn viên công đoàn có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

- Năm 2023, Công đoàn trường được Công đoàn cấp trên công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn Trường đã khen thưởng 8/26 tổ công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 17/26 tổ công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ, 2 tổ công đoàn hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng 33 cán bộ công đoàn và 42 đoàn viên công đoàn có thành tích xuất sắc công hoạt động công đoàn *(1.10.06-Các quyết định khen thưởng của Công đoàn năm 2022, 2023).* Công tác Quản lý tài chính, tài sản của Công đoàn đảm bảo theo quy định.

Ban nữ công của Trường được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-CĐCĐĐS ngày 24 tháng 6 năm 2023 và kiện toàn theo Quyết định số 61/QĐ-CĐCĐĐS ngày 11 tháng 9 năm 2024, nhiệm kỳ cùng với tổ chức Công đoàn, phát huy tốt vai trò của mình. Đầu mỗi năm, Ban nữ công phát động phong trào "Nữ công hai giỏi" (giỏi việc nước, đảm việc nhà), các tổ nữ công đăng kí thi đua, 02 năm/lần Ban nữ công tổ chức tổng kết và khen thưởng cho tập thể và cá nhân tích cực. Năm 2021, khen thưởng 5 tổ nữ công và 21 cá nhân nữ công xuất sắc. Năm 2023, khen thưởng 18 cá nhân nữ công xuất sắc.

Năm 2021 có 68/70 nữ cán bộ CNV được công nhận "Nữ công hai giỏi", năm 2022 có 58/61 nữ cán bộ CNV được công nhận "Nữ công hai giỏi", năm 2023 có 58/63 nữ cán bộ CNV được công nhận "Nữ công hai giỏi". Nhân dịp các ngày kỷ niệm Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Ban nữ công tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa văn nghệ, tham quan dã ngoại, hưởng ứng chương trình tuần lễ áo dài, giao lưu

giữa các tổ công đoàn cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên nữ tham gia *(1.10.07-Kế hoạch hoạt động của Ban nữ công trường năm 2021, 2022, 2023; 1.10.08-Báo cáo hoạt động của Nữ công năm 2021, 2022, 2023; 1.10.09-Các Quyết định khen thưởng nữ công năm 2021, 2022, 2023).*

* Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Đường sắt trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đoàn thanh niên Nhà trường luôn thu hút được sự quan tâm chú ý của học sinh sinh viên và cán bộ, nhà giáo trẻ, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường. Đoàn thanh niên trường với đội ngũ BCH gồm 09 đồng chí, trong đó 05 đồng chí là cán bộ, nhà giáo khu vực Long Biên, 01 đồng chí ở phân Hiệu Đà Nẵng, 01 đồng chí ở phân hiệu Phía Nam và 02 đồng chí là học sinh sinh viên hiện đã chuyển sinh hoạt Đoàn. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Đường sắt quản lí các chi đoàn và đoàn viên các năm như sau:

Năm	Số chi đoàn	Số đoàn viên
2021	19	287
2022	12	133
2023	14 (HN: 7; PHCĐĐS ĐN: 3; PHCĐĐS PN: 4)	117
2024	10 (HN: 4; PHCĐĐS ĐN: 2; PHCĐĐS PN: 4)	137

(1.10.10-Quyết định số 06/QĐ-ĐTN ngày 11/4/2024 của BTV Đoàn TN trường về việc Công nhận các chức danh Chi đoàn).

Đoàn trường đã hướng dẫn và tổ chức thành công đại hội 7 chi đoàn, ra quyết định công nhận các chức danh chi đoàn theo quyết định số 06/QĐ-ĐTN ngày 11/4/2024.

Nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho đoàn viên của mình, động viên học sinh sinh viên thi đua học tập, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục của Trường, Đoàn thanh niên, hằng năm xây dựng kế hoạch hoạt động với các nội dung nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tích cực tham gia vào các hoạt động thi đua trong phong trào dạy tốt - học tốt, nghiên cứu khoa học như: tổ chức học nghị quyết của TW Đoàn; tham gia các buổi học tập nghị quyết, hội nghị tập huấn do Trung ương đoàn và Đoàn khối doanh nghiệp trung ương tổ chức; Tổ chức các phong trào văn thể mỹ và các hoạt động xã hội khác trong CB, GV, NV, HSSV như: tổ chức hoạt động văn hóa thể thao, chào mừng ngày 26/3...; tham gia các hoạt động đường tàu đường hoa, ngày chủ nhật xanh, trồng vườn hoa thanh niên, ngày hội hiến máu tình nguyện; tổ chức Tết thiếu nhi 01/6, Tết trung thu cho các cháu thiếu niên nhi đồng; quyên góp ủng hộ tiền xây nhà đại đoàn kết; các hoạt động dâng hương tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ *(1.10.11-Kế hoạch hoạt động; báo cáo của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường tháng, quý, năm).*

Từ các hoạt động phong trào trên, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường được các cấp khen tặng như sau: Năm 2020 nhận Bằng khen của Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương; Năm 2021 nhận Bằng khen của Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương; Năm 2022 nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn; Năm 2023 nhận Giấy khen của Đoàn TCT Đường sắt Việt Nam *(1.10.12-Các cờ thi đua của cấp trên trao tặng; các Quyết định khen thưởng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: *Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

* Các quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường:

Trường có các quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường trong các nội quy, quy chế của Trường như:

- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Đường sắt tại Điều 21: Chức năng, nhiệm vụ của các phòng quy định: "Phòng ĐT phối hợp quản lý kiểm tra giám sát công tác thi hết môn, hết học kỳ, học phần, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo nội quy thi, quy chế; Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện nề nếp dạy và học tại trường và ngoài thực tế sản xuất; Phòng CTHSSV kiểm tra, đôn đốc HSSV nội trú thực hiện giờ tự học; Phòng KĐCLĐT giám sát các phòng, khoa, tổ môn trong việc ra đề thi, quản lý ngân hàng đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun theo đúng quy chế; thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra về: Công tác tổ chức giảng dạy, học tập của các khoa, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường; Công tác tổ chức thi, chấm thi của các khoa, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường; Công tác học tập của học sinh sinh viên tại các khu vực của trường; Phòng Tài chính - Kế toán Tham mưu Hiệu trưởng về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính trong toàn trường; Kiểm tra, giám sát việc chi tiêu mua sắm sử dụng vật tư thiết bị và các tài sản khác của tất cả các bộ phận trong trường; hằng năm tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Trường; có biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường; Phòng QLTB&XDCB định kỳ tổ chức đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị trong toàn trường."

Tại Điều 40 về Thanh tra, kiểm tra quy định: "Trường tổ chức việc tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp." *(1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt).*

- Tại Điều 14 Quy chế Quản lí, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt quy định: "Phòng QLTB&XDCB chủ trì các khoa chuyên môn phối hợp tổ chức thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc/và kiểm tra đột xuất việc thực hiện quy chế hằng năm" *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng).*

- Tại Điều 13 của Quy định bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng đường sắt quy định: "Phòng KĐCLĐT tổ chức thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong trường thực hiện các nội dung của hệ thống bảo đảm chất lượng; Điều 18. Kiểm tra công tác đánh giá của các đơn vị: Phòng KĐCLĐT thường xuyên theo dõi, kiểm tra kế hoạch và thực hiện công tác bảo đảm chất lượng của các đơn vị, phát hiện kịp thời các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cần khắc phục" (*1.7.03-Quy định Bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 977/QĐ-CĐĐS ngày 22/10/2019 và số 203/QĐ-CĐĐS ngày 03/4/2024 của Hiệu trưởng).*

* Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường:

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Phòng KĐCLĐT đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo như: thực hiện kiểm tra giám sát đào tạo thường xuyên, kiểm tra đột xuất, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng của trường. Các tồn tại đều được các đơn vị, cá nhân thực hiện khắc phục kịp thời, thể hiện rõ trong báo cáo kiểm tra đào tạo; nâng cao được ý thức chấp hành nội quy, quy chế của cán bộ, nhà giáo của các bộ phận và của học sinh, sinh viên đảm bảo các hoạt động đào tạo của trường thực hiện đúng quy định (*1.11.02-Kế*

hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.03-Các thông báo về việc khắc phục tồn tại năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

- Về công tác kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị, hằng năm, Phòng Quản lí thiết bị và Xây dựng cơ bản của Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản của các đơn vị trong Trường nhằm phát hiện các tồn tại và đề xuất Hiệu trưởng có biện pháp duy tu, sửa chữa, bảo trì hoặc mua sắm mới (*1.11.04-Kế hoạch, biên bản và báo cáo kiểm tra quản lý thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Về công tác tự kiểm tra tài chính, Phòng Tài chính kế toán của Trường thực hiện nghiệp vụ tự kiểm tra công tác tài chính kế toán theo quy định. Vào tháng 12 hằng năm, Phòng Tài chính kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm kê tài sản toàn trường (*1.11.05-Kế hoạch tự kiểm tra tài chính; 1.11.06-Biên bản kiểm kê quỹ; 1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08- Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09- Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023).*

* Rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát:

Phương pháp kiểm tra, giám sát luôn được rà soát cải tiến như kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, kiểm tra toàn diện, kiểm tra trọng điểm. Công cụ kiểm tra được thay đổi đa dạng như ghi chép sổ nhật ký kiểm tra đào tạo thường xuyên, cải tiến mẫu biên bản kiểm tra đào tạo. Cụ thể: Mẫu Sổ nhật kí kiểm tra, giám sát đào tạo năm 2021 thiết kế theo mẫu ngang ghi các nội dung: ngày, buổi, phòng học, lớp, nhà giáo và tình hình học tập, thi; năm 2022 thiết kế theo mẫu dọc ghi các nội dung: thời gian, địa điểm, lớp, nhà giáo và tình hình giảng dạy, thi; năm 2023 lắp đặt bổ sung camera giám sát tại khu Kí túc xá Long Biên. Các biên bản kiểm tra định kì đều được rà soát, điều chỉnh trước khi tổ chức thực hiện kiểm tra (*1.11.10-Sổ nhật ký kiểm tra đào tạo thường xuyên; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo; 1.11.12-Camera tại KTX nhà B, Long Biên).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: *Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ vào quy định pháp luật của Nhà nước hiện hành, Trường xây dựng, chỉnh lý và ban hành các quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ, nhà giáo, công nhân viên của Trường như: học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; chế độ làm việc của nhà giáo *(1.12.01-Qui định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên năm 2020 theo QĐ số 564/QĐ-CĐĐS ngày 27/7/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đường sắt).*

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư 28/2022 TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục gnheef nghiệp, Trường xây dựng và ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quyết định số 950/QĐ-CĐĐS ngày 28/10/2022, trong đó Điều 2 quy định nhiệm vụ của nhà giáo, Điều 3 quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm quy định đối với nhà giáo được 8 tuần học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; 8 tuần nghỉ hè, lễ tết. Hằng năm Trường thực hiện nghiêm túc đầy đủ chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định *(1.12.02-Quy định chế độ làm việc của giảng viên/giáo viên theo quyết định số 950/QĐ-CĐĐS ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Nhà Trường thực hiện đầy đủ chế độ thâm niên nghề nhà giáo theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 14/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà

giáo, Trường đã thực hiện chế độ thâm niên cho các nhà giáo như sau: năm 2021: 95/105 nhà giáo, năm 2022: 76/102 nhà giáo, năm 2023: 81/101 nhà giáo và năm 2024: 85/101 nhà giáo theo quy định *(1.12.03-Các Quyết định chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo).*

- Về chính sách bình đẳng giới, nhà trường đảm bảo bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển của Trường; thực hiện đầy đủ chế độ đối với việc bảo vệ, hỗ trợ người mẹ mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo đúng Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào công tác lãnh đạo, quản lý. Cụ thể, về hỗ trợ người lao động hưởng chế độ thai sản, nuôi con nhỏ: năm 2021: 01 người, năm 2022: 04 người, năm 2023: 02 người và năm 2024: 0 người. Hỗ trợ chương trình chăm sóc trẻ em: năm 2021: 02 gia đình, năm 2022: 02 gia đình, năm 2023: 02 gia đình và năm 2024: 02 gia đình.

Nhà trường đã đưa công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ vào chiến lược quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Trường như: nhân sự tham gia Ban chấp hành Đảng bộ Trường Cao đẳng Đường sắt nhiệm kỳ 2020-2025 tỷ lệ cấp ủy viên là cán bộ nữ, cán bộ trẻ năm 2021 và 2022 là 3/10 người chiếm 30%, năm 2023 là 2/10 người chiếm 20%, năm 2024 là 02/8 người chiếm 25%. Lao động nữ là trưởng, phó các đơn vị năm 2021 là 8/47 người, chiếm 17%, năm 2022 là 7/45 người, chiếm 15.6%, năm 2023 là 7/45 người, chiếm 15.6% và năm 2024 là 7/45 người, chiếm 15.6% *(1.12.04-Báo cáo thực hiện đề án nhân sự tham gia Ban chấp hành đảng bộ Trường Cao đẳng Đường sắt nhiệm kỳ 2020-2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về hoạt động đào tạo của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;
- Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.
- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động;
- Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định;

** Những tồn tại:*

Trường chưa thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, chưa thực hiện tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô-đun, tín chỉ.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phòng Đào tạo nghiên cứu tham mưu áp dụng hình thức đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

- Trung tâm NC&CGKHCN tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hướng dẫn các đơn vị thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học rộng dãi và chuyên sâu hơn;

- Phòng Đào tạo cải tiến biểu mẫu sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	**16/17**
Tiêu chuẩn 2.1	1
Tiêu chuẩn 2.2	1
Tiêu chuẩn 2.3	1
Tiêu chuẩn 2.4	0
Tiêu chuẩn 2.5	1
Tiêu chuẩn 2.6	1
Tiêu chuẩn 2.7	1
Tiêu chuẩn 2.8	1
Tiêu chuẩn 2.9	1
Tiêu chuẩn 2.10	1
Tiêu chuẩn 2.11	1
Tiêu chuẩn 2.12	1
Tiêu chuẩn 2.13	1
Tiêu chuẩn 2.14	1
Tiêu chuẩn 2.15	1
Tiêu chuẩn 2.16	1
Tiêu chuẩn 2.17	1

Tiêu chuẩn 2.1: *Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2021-2022 và 2022-2023 Trường được phép đào tạo 9 nghề trình độ cao đẳng và 13 nghề trình độ trung cấp, theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; năm học 2023-2024 trường được phép đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng và 14 nghề trình độ trung cấp theo giấy phép số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023. Hiện tại Trường chỉ đào tạo 3 nghề trình độ cao đẳng, 6 nghề trình độ trung cấp và 15 nghề trình độ sơ cấp *(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp).*

Căn cứ danh mục các nghề đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường và các thông tư Thông tư 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018, Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018, Thông tư 48/2018/TT-

BLĐTBXH ngày 28/12/2018, Thông tư 50/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018, Thông tư 51/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018, Thông tư 22/2019/TT-BLĐTBXH và Thông tư 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề, Trường đã xây dựng và ban hành các Quyết định chuẩn đầu ra cho 7 nghề đào tạo trình độ cao đẳng và 9 nghề trình độ trung cấp của Trường. 6 nghề còn lại gồm: Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông ĐSĐT, Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy, Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng toa xe, Lái tàu điện, Điều hành đường sắt đô thị và Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt, trong đó 3 nghề trình độ cao đẳng và 5 nghề trình độ trung cấp chưa có thông tư ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp Nhà trường đã căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong Giáo dục nghề nghiệp Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra theo đúng quy định gồm: ra Quyết định thành lập các Ban biên soạn chuẩn đầu ra cho các nghề, tổ chức biên soạn chuẩn đầu ra, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định. Trên cơ sở kết luận biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chuẩn đầu ra các nghề *(2.1.01-Quyết định thành lập các Ban biên soạn chuẩn đầu ra cho các nghề; 2.1.02-Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra của các nghề và Chuẩn đầu ra kèm theo).*

Chuẩn đầu ra các nghề Trường tổ chức đào tạo của Trường được công bố công khai trên trang web của Trường (*1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: *Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, căn cứ Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động-Thương binh & Xã hội, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế Tuyển sinh và xác định chỉ tiêu đào tạo của Trường theo đúng quy định, năm 2024 Nhà trường chỉnh lí Quy chế tuyển sinh, trong đó điều chỉnh một số điều cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Quy chế Tuyển sinh gồm 3 chương, 30 điều, Chương 1: Những quy định chung có 6 Điều; Chương 2: Quy định cụ thể công tác tuyển sinh có 18 Điều quy định cụ thể về hồ sơ và thủ tục đăng kí, về tổ chức, nhiệm vụ của trường trong công tác tuyển sinh, xét tuyển, thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trường cụ thể hóa về thời gian tuyển sinh được thực hiện nhiều lần trong năm, hình thức tuyển sinh theo hình thức xét tuyển; Chương 3: Thông tin, báo cáo, khen thưởng, kỉ luật và lưu trữ có 6 Điều *(2.2.01-Quy chế Tuyển sinh và xác định chỉ tiêu đào tạo Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo QĐ số 345/QĐ-CĐĐS ngày 20/5/2022 và QĐ số 126/QĐ-CĐĐS ngày 07/3/2024 của Hiệu trưởng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nhu cầu đào tạo và tình hình thực tế, Trường ban hành hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, đào tạo, dựa trên cơ sở cụ thể hoá Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Đường sắt, từ tháng 10 đến tháng 12 hằng năm Trường tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo của các đơn vị trong và ngoài trường để làm căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau *(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp; 2.3.01-Hướng dẫn công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.02-Kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.03-Các phiếu khảo sát; biên bản khảo sát nhu cầu đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.04-Báo cáo phân tích kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Đầu năm học, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Trong đó xác định cụ thể chỉ tiêu tuyển sinh trên cơ sở các văn bản Quy định về công tác tuyển sinh, đào tạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và nhu cầu đào tạo thực tế của các đơn vị trong và ngoài ngành đường sắt. Hằng năm, Trường xác định các chỉ tiêu hệ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp bảo đảm không vượt quá quy mô trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường, tại các Kế hoạch ngày 05/4/2021, Kế hoạch 06/4/2022; Kế hoạch 05/4/2023 và Kế hoạch ngày 15/3/2024 của Hiệu trưởng cụ thể như sau:

TT	Tên nghề	Chỉ tiêu/Kết quả TS (người/năm học)					
		2021-2022		2022-2023		2023-2024	
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện
I	**Trình độ cao đẳng**	**20**	**25**	**100**	**29**	**80**	**57**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	20	25	20	10	20	43
2	Lái tàu đường sắt	0	0	40	0	20	0
3	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng ĐM	0		0		0	
4	Điều hành chạy tàu hỏa	0		0		20	14
5	Điều hành đường sắt đô thị	0		20	19	20	
6	Quản trị kinh doanh vận tải ĐS	0		20		0	
II	**Trình độ trung cấp**	**300**	**219**	**280**	**40**	**260**	**184**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	0		0	6	20	
2	Lái tàu điện	0	52	0		0	
3	Lái tàu đường sắt	80	48	60	9	30	41
4	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng ĐM	20		25		20	
5	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	0		0		0	
6	Điều hành chạy tàu hỏa	140	119	180	16	160	125
7	Điều hành đường sắt đô thị	0		15	9	10	
8	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	60		0		20	18
III	**Trình độ sơ cấp**	**510**	**501**	**995**	**1156**	**625**	**952**
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	0		20	43	20	

2	Khám chữa toa xe	30	29	50	68	60	58
3	Sửa chữa đầu máy	0		15	12	0	19
4	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	150	103	210	258	120	102
5	Nhân viên phục vụ chạy tàu ĐSĐT	0		140	149	150	150
6	Nhân viên vé ĐSĐT	0		140	142	0	
7	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	20		20	22	20	10
8	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	260	164	260	264	200	458
9	Thi công, duy tu sửa chữa đường sắt ray hàn dài	0		15		10	
10	Xây dựng đường sắt			70		25	
11	Duy tu, sửa chữa đường sắt	50	205	50	132	50	155
12	Cắt gọt kim loại	0		20	11	0	
13	Hàn	0		35	55	20	

Hằng năm, Trường đều thành lập HĐTS, năm học 2021-2022 có 17 người, năm học 2022-2023 có 17 người, năm học 2023-2024 có 19 người gồm Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng là Chủ tịch, Phó Hiệu trưởng là Phó Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo hoặc Giám đốc Trung tâm TVGDNN là ủy viên thư kí, ủy viên hội đồng là các trưởng các bộ phận phòng, khoa, trung tâm; thành lập Ban thư ký HĐTS, lập kế hoạch và Phương án tuyển sinh, tổ chức họp triển khai kế hoạch tuyển sinh, ra Thông báo tuyển sinh, thực hiện phương án tuyển sinh, tư vấn và xử lý hồ sơ tuyển sinh theo đúng Quy chế (*2.3.02-Quy định về công tác tuyển sinh, đào tạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-ĐS ngày 25/4/2016; 2.2.01-Quy chế Tuyển sinh và xác định chỉ tiêu đào tạo Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo QĐ số 345/QĐ-CĐĐS ngày 20/5/2022 và QĐ số 126/QĐ-CĐĐS ngày 07/3/2024 của Hiệu trưởng; 2.3.03-Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.04-Quyết định thành lập Hội đồng và Ban thư kí tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Trường đã nhận hồ sơ dự tuyển rộng rãi với mọi đối tượng thông qua nhiều kênh khác nhau như: nhận trực tiếp, thông qua internet, nhận qua các doanh nghiệp, nhận qua đường bưu điện... Thông báo tuyển sinh được Trường niêm yết rộng rãi tại các cơ sở của Trường, các ga chính của Đường sắt, gửi đến các công ty, các đơn vị trong ngành đường sắt, đồng thời đăng thông báo tuyển sinh trên đăng trên fanpage, website của Trường nhằm cung cấp thông tin trực tiếp đến người học (*2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).*

Trường tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh xét tuyển công khai, khách quan theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, thông báo công khai danh sách thí sinh trúng tuyển trên website của Trường; gọi và làm thủ tục nhập học cho học sinh nhập trường theo đúng quy định, lập kế hoạch đào tạo, ra Quyết định thành lập lớp theo đúng quy trình (*2.3.06-Biên bản và danh sách xét tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.07-Các Quyết định thành lập lớp; Quyết định cử giảng viên chủ nhiệm).*

Hằng năm, Trường thực hiện kiểm tra công tác tuyển sinh theo đúng quy chế, có báo cáo, tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh (*2.3.08-Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh).* Do các hoạt động trong công tác tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan nên đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh.

Trường thực hiện linh hoạt quy mô tuyển sinh/năm theo các nhóm nghề trong Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tại Công văn số 1046/TCGDNN-PCTT ngày 01 tháng 6 năm 2022. Kết quả tuyển sinh theo các nhóm nghề hằng năm cụ thể như sau:

- Nhóm ngành nghề Công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng: trình độ cao đẳng: 0/30 SV, đạt 0 %, trình độ trung cấp 19/185 HS, đạt 10,27%, trình độ sơ cấp 20/440 HS, đạt 4,54%.
- Nhóm ngành nghề Kĩ thuật cơ khí và Cơ kĩ thuật: trình độ trung cấp 25/20 HS, đạt 125%, trình độ sơ cấp 0/704 HS, đạt 0%.
- Nhóm ngành nghề Khai thác vận tải: trình độ cao đẳng: 69/175 SV, đạt 39,42 %, trình độ trung cấp 82/340 HS, đạt 24,11 %, trình độ sơ cấp 544/2975 HS, đạt 18,28 %.

Như vậy công tác tuyển sinh của trường hằng năm thực hiện đúng quy định, không có nhóm nghề nào tuyển sinh vượt quá chỉ tiêu quy định. Riêng nhóm ngành nghề Kĩ thuật cơ khí và Cơ kĩ thuật Trường thực hiện linh hoạt quy mô tuyển sinh/năm theo trình độ đào tạo bảo đảm theo quy định *(2.3.09-Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, Thông tư số 3830/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản lí và tổ chức đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt. Tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng có nêu "Quy chế này quy định về tổ chức và quản lí đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp theo niên chế đối với HSSV hệ chính quy của Trường Cao đẳng Đường sắt" *(2.4.01-Quy chế Quản lí và tổ chức đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1018/QĐ-CĐ ĐS ngày 09/11/2022 của Hiệu trưởng*).

Căn cứ vào các quy định của Nhà nước về quản lý giáo dục nghề nghiệp và Quy chế này, trong các năm qua, Nhà trường tổ chức và quản lí các lớp đào tạo theo phương thức niên chế và không thực hiện tổ chức đào tạo theo các phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ *(2.3.03-Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.04-Quyết định thành lập Hội đồng và Ban thư kí tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.06-Biên bản và danh sách xét tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.4.02-Kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.07-Các quyết định mở lớp đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Như vậy, hiện tại Trường mới tổ chức đào tạo theo phương thức thức niên chế, chưa thực hiện tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: *Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Sau khi có Kế hoạch mở lớp, Phòng Đào tạo chủ trì, các khoa phối hợp xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học đối với từng ngành nghề theo từng học kỳ, năm học theo đúng biểu mẫu theo quy định của nhà nước và của Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2022 của Hiệu trưởng. Trong Kế hoạch đào tạo thể hiện đầy đủ các nội dung như: tên nghề, lớp, khóa đào tạo, đối tượng tuyển sinh, mục tiêu đào tạo, thời gian khóa học, thời gian thực học, thời gian khai giảng, bế giảng, quyết định phê duyệt chương trình đào tạo, phân bổ thời gian đào tạo trong đó thể hiện chi tiết lịch học toàn khóa, phân bổ thời gian học tập từng học kì như tên môn học, mô-đun, số giờ phân theo lí thuyết, thực hành, kiểm tra, số tín chỉ, thời gian thực hiện, thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun, tên nhà giáo, địa điểm học tập, thời gian ôn thi và thi tốt nghiệp (đối với trình độ trung cấp, cao đẳng). Nhà trường xây dựng tiến độ đào tạo và cập nhật theo từng lớp *(2.4.02-Kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Căn cứ Kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng thời khóa biểu cho các lớp theo từng học kì, trong đó nêu chi tiết môn học, mô-đun, buổi lên lớp, số giờ, địa điểm học tập, nhà giáo giảng dạy, hình thức đào tạo theo đúng quy định và triển khai tới các khoa và HSSV, đồng thời đưa lên trang web của Trường *(2.5.01-Thời khóa biểu các lớp năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Căn cứ vào thời khóa biểu và chương trình môn học, mô-đun nhà giáo được phân công soạn Kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng buổi lên lớp với các nội dung như: tên môn học, mô-đun, tên lớp học, số giờ, học kì, hình thức thi/kiểm tra kết thúc, thứ tự nội dung bài giảng, thời gian thực hiện, thiết bị, phương tiện và đồ dùng dạy học… Kế hoạch giảng dạy được trưởng khoa và Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

Căn cứ Kế hoạch giảng dạy, nhà giáo soạn giáo án lý thuyết, thực hành hay tích hợp phù hợp tùy theo từng nội dung chương trình môn học, mô-đun với các nội dung: tên chương, bài, số giờ, thời gian thực hiện, thông tin chung, mục tiêu, chuẩn bị và tiến trình dạy học. Giáo án được trưởng khoa phê duyệt trước khi lên lớp *(2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Các kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo, Thời khóa biểu, Kế hoạch giảng dạy và Sổ giáo án sử dụng đúng biểu mẫu, xây dựng và thực hiện đúng quy định, quy trình của trường đã ban hành. Tại các báo cáo kiểm tra đào tạo hằng năm đều kết luận việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định (*1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án của các nhà giáo lên lớp theo lịch đã được phân công, thực hiện đúng tiến độ, đúng quy định các bước lên lớp, ghi

chép đầy đủ vào các Sổ lên lớp, sổ sách biểu mẫu hồ sơ giảng dạy, các trường hợp thay đổi đột xuất đều có phiếu đổi giờ và dạy bù đầy đủ *(2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.6.01-Sổ lên lớp các lớp; 2.6.02-Các phiếu đổi giờ của giảng viên).*

Sau khi kết thúc giảng dạy môn học, mô-đun các nhà giáo lập bảng điểm, xét điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun cho HSSV và gửi về Phòng đào tạo để tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun cho người học sau khi đã được trưởng khoa kí xác nhận *(2.6.03-Bảng điểm điều kiện dự thi, kiểm tra kết thúc các môn học, mô-đun).*

Thông qua việc tổ chức thực hiện dự giờ thường xuyên của các khoa cũng xác nhận việc thực hiện giảng dạy của các nhà giáo các lớp là đúng theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã được phê duyệt *(2.6.04-Sổ biên bản họp của các khoa, trung tâm).*

Thông qua báo cáo kiểm tra, giám sát đào tạo của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo, báo cáo của Phòng Đào tạo và của các khoa cho thấy, tất cả các nhà giáo đều thực hiện kế hoạch giảng dạy đúng quy định, không có nhà giáo nào bị sai phạm, tiến độ đào tạo luôn được đảm bảo *(1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo; 1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào thời khoá biểu, chương trình môn học, mô-đun đã được phê duyệt, nhà giáo lập kế hoạch giảng dạy và soạn giáo án đảm bảo đúng mục tiêu, đầy đủ nội dung chương trình đào tạo có thể thực hiện toàn bộ nội dung mô – đun tại trường hoặc kết hợp với đào tạo tại cơ sở sản xuất phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo *(2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.6.01-Sổ lên lớp các lớp).*

Thông qua báo cáo kiểm tra đào tạo của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo và các báo cáo Hội nghị giao ban hằng tháng các lớp thực hiện đúng tiến độ đào tạo, các hoạt động đào tạo thực hiện đúng mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo *(1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng).*

Các chương trình đào tạo của các nghề trường đào tạo đều bố trí mô-đun thực tập. Trong quá trình thực hiện tiến độ đào tạo, Nhà trường gửi học sinh sinh viên thực hành, thực tập tại các đơn vị sản xuất như tại các ga, các trạm công tác trên tàu, các xí nghiệp đầu máy, xí nghiệp toa xe và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có ngành nghề phù hợp với nội dung thực tập. Nhà giáo của Trường đã phối hợp với cán bộ, nhân viên của đơn vị HSSV đến thực tập trong việc quản lý, hướng dẫn thực hành thực tập tại các đơn vị thông qua việc liên hệ với các đơn vị khi đưa học sinh đi thực tập, ký các thỏa thuận hướng dẫn kèm cặp tay nghề với các đơn vị, cử nhà giáo kiểm tra và phối hợp với đơn vị thực tập kiểm tra học sinh thực tập tại đơn vị. Kết thúc mỗi đợt thực tập, lấy nhận xét, đánh giá của đơn vị về quá trình thực tập của người học. Trường mời cán bộ các đơn vị tham gia chấm thi kết thúc mô-đun cho người học tại đơn vị *(2.7.01-Các văm bản thỏa thuận phối hợp hướng dẫn thực tập với các đơn vị; 2.7.02-Các quyết định cử HSSV, công văn gửi HSSV đi thực tập tại các đơn vị sản xuất; 2.7.03-Kế hoạch thực tập của các lớp, Kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn học sinh thực tập; 2.7.04-Báo cáo thực tập của HSSV).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình đào tạo các nghề, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo phù hợp cho từng lớp, các mô-đun nghề đều được bố trí sau khi người học đã học xong các môn học chung, môn học cơ sở. Đối với các mô-đun nhà giáo thực hiện theo hình thức tích hợp hoặc sau khi học xong phần kiến thức nghề thì học thực hành nghề tại phòng học thực hành chuyên môn bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa học lí thuyết với rèn kĩ năng nghề. Tùy theo từng nội dung chương học, bài học các nhà giáo áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp như: diễn giảng, phát vấn, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành cá nhân, thực hành đóng vai theo nhóm, thực hành trên thiết bị dạy học... do đó đã phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm, hình thành kĩ năng nghề nghiệp (*2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và dự giờ thường xuyên của các khoa và công tác kiểm tra, giám sát và khảo sát của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo cho thấy giờ giảng của nhà giáo phát huy được tính tự giác, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm (*2.8.01-Kế hoạch dự giảng, thi nhà giáo dạy giỏi và Phiếu đánh giá bài giảng; 2.8.02-Kế hoạch dự giờ thường xuyên và phiếu đánh giá bài giảng của khoa, trung tâm; 2.8.03-Biên bản, nhật ký dự giờ và kiểm tra đột xuất của Phòng KĐCLĐT; 2.6.04-Sổ biên bản họp của các khoa, trung tâm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: *Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học đã được các nhà giáo của các khoa quan tâm và bước đầu thực hiện. Các nhà giáo soạn giáo án trên phần mềm Powerpoint và sử dụng máy chiếu, tìm kiếm các thông tin và hình ảnh trên internet trình chiếu các hình ảnh minh họa tạo cho người học hứng thú trong học tập. Đối với từng nghề, nhà giáo sử dụng các phần mềm chuyên biệt để giảng dạy. Trong những năm qua, nhà trường tổ chức đào tạo 6 nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt sử dụng các phần mềm Powerpoint, CAD, Video cuter, Circuit maker, Workbech, Capcut, Video studio, 3D Max… Step7-300; nghề Điều hành chạy tàu hỏa sử dụng các phần mềm Powerpoint, CAD, Video cuter, Circuit maker, Workbech, Capcut, Video studio, 3D Max; nghề Điều hành chạy tàu ĐSĐT sử dụng các phần mềm Powerpoint; CAD, videocuter, capcut, video studio, 3D Max; nghề Lái tàu đường sắt sử dụng các phần mềm Powerpoint, CAD, Video cuter, Solidworks, Inventor, Catia, CadCam, Capcut, Video studio, 3D Max…; nghề Lái tàu điện sử dụng các phần mềm Powerpoint, CAD, Video cuter, Solidworks, Inventor, Catia, CadCam, Capcut, Video studio, 3D Max… và Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt sử dụng các phần mềm Powerpoint, CAD, Video cuter, Capcut, Video studio, 3D Max…. *(2.9.01-Danh sách các môn học, mô-đun có ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học).*

Tỷ lệ các môn học, mô-đun các nghề có ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học như sau:

TT	Tên nghề đào tạo	Số môn học, mô-đun chuyên môn nghề	Số môn học, mô-đun có ứng dụng công nghệ thông tin	Tỷ lệ %
1	TC, CĐ. Thông tin, tín hiệu ĐS	20	18	90
2	TC, CĐ. Điều hành chạy tàu hỏa	20	16	80
3	TC, CĐ. Điều hành ĐSĐT	16	12	75
4	TC, CĐ. Lái tàu đường sắt	22	19	86
5	TC. Lái tàu điện	8	7	88
6	TC. Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	11	9	82

Tổ chức đào tạo theo hình thức trực tuyến các nhà giáo của trường sử dụng phần mềm Zoom qua trang Web: daymai.vn, https://zoom.us/vi/signin, qua các nền tảng dạy trực tuyến khác như: https://meet.google.com/, https://teams.microsoft.com/.

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lí đào tạo Eduman, ngay sau khi giảng dạy xong môn học, mô-đun nhà giáo lập bảng điều kiện dự thi/kiểm tra kết thúc môn học mô-đun trình trưởng khoa phê duyệt rồi chuyển cho Phòng Đào tạo đồng thời nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo Eduman (*2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.6.01-Sổ lên lớp các lớp; 2.6.03-Bảng điểm điều kiện dự thi, kiểm tra kết thúc các môn học, mô-đu; 2.9.02-Phần mềm quản lý đào tạo Eduman).*

Đối với việc tổ chức thi, kiểm tra phần lí thuyết các môn học, mô-đun bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, Nhà trường cung cấp mã cho từng HSSV để truy cập phần mềm và làm bài. HSSV biết ngay kết quả làm bài sau khi kết thúc làm bài thi, kiểm tra *(2.9.03-Phần mềm thi trắc nghiệm Tracnghiem.caodangduongsat.edu.vn).*

Như vậy, 3 năm gần đây Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học cho 100% nghề đang đào tạo tại trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: *Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy và học tập thường xuyên, định kỳ và đột xuất.

- Đối với việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, vào đầu tháng phòng KĐCLĐT, phòng Đào tạo giao nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ của Phòng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát ghi vào Biên bản họp phòng. Cán bộ được giao nhiệm vụ tự lên kế hoạch cụ thể cho từng tuần và tổ chức thực hiện. Căn cứ thời khoá biểu, lịch học, lịch thi kiểm tra kết thúc, phòng KĐCLĐT, phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra hàng ngày theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Nội dung kiểm tra được ghi chép vào sổ nhật ký kiểm tra (*1.11.10-Sổ nhật ký kiểm tra đào tạo thường xuyên; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo; 1.8.03-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của Phòng KĐCLĐT).*

- Đối với kiểm tra định kì, hằng năm, Phòng KĐCLĐT tham mưu Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra đào tạo định kỳ mỗi năm 01 đợt nhằm kiểm tra, đánh giá một cách toàn diện các hoạt động dạy và học của tất cả các đơn vị trong trường gồm: công tác tổ chức đào tạo, hồ sơ giảng dạy của nhà giáo như Kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án, sổ tay giáo viên, bài soạn giảng, ghi chép sổ lên lớp... Các tồn tại, thiếu sót được phát hiện đều được các đơn vị, cá nhân thực hiện khắc phục kịp thời, thể hiện rõ trong báo cáo kiểm tra đào tạo, nâng cao được ý thức chấp hành nội quy, quy chế của cán bộ, nhà giáo

của các bộ phận và của HSSV đảm bảo các hoạt động đào tạo của trường thực hiện đúng quy định. Do hoạt động công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ nên các năm qua hoạt động giảng dạy của các nhà giáo thực hiện nghiêm túc, nền nếp, không có nhà giáo nào có vi phạm nội quy đến mức phải xử lí kỉ luật (*1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo*; *1.8.03-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của Phòng KĐCLĐT).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: *Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của Trường đều được báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Lãnh đạo trường, Hội nghị Giao ban hằng tháng và Hội nghị Người lao động hằng năm, cụ thể: Cuối mỗi tháng phòng KĐCLĐT thực hiện báo cáo trước Hội nghị giao ban về tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học trong tháng với các nội dung: số lớp được kiểm tra, giám sát trong tháng, tình hình giảng dạy của nhà giáo, học tập của HSSV; số lượt môn học, mô – đun thi trong tháng, tình hình tổ chức thi, việc chấp hành nội quy và kết quả học tập của HSSV... Trong báo cáo có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học tại mục Kiến nghị (*1.8.03-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của Phòng KĐCLĐT).*

- Hằng năm, Nhà trường lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra đào tạo định kỳ để phát hiện các thiếu sót, hạn chế của các khâu, các bộ phận, các cá nhân, kiến nghị các bộ phận, cá nhân liên quan khắc phục các tồn tại nếu có. Trong các báo cáo đều có mục đề xuất, kiến nghị các giải pháp thực hiện để nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng phục vụ cho các đơn vị, cá nhân trong trường khắc phục các tồn tại nếu có *(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo).*

- Phòng Đào tạo thường xuyên giám sát việc thực hiện tiến độ đào tạo. Khi có sự thay đổi về Kế hoạch giảng dạy, Phòng xem xét, đề xuất Hiệu trưởng điều chỉnh tiến độ cho phù hợp với tình hình thực tế (*2.11.01-Phiếu đề xuất thay đổi tiến độ đột xuất năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định đào tạo trình độ Sơ cấp, Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH, Thông tư 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số

809/QĐ-CĐĐS ngày 16/9/2019; căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích luỹ mô-đun hoặc tín chỉ trường xây dựng và ban hành Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 564/QĐ-CĐĐS ngày 25/7/2022 và Quyết định số 87/QĐ-CĐĐS ngày 22/02/2024 *(2.12.01-Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 809/QĐ-CĐĐS ngày 16/9/2019, Quyết định số 564/QĐ-CĐĐS ngày 25/7/2022 và Quyết định số 87/QĐ-CĐĐS ngày 22/02/2024 của Hiệu trưởng).*

- Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế Công tác HSSV hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023, trong đó tại Chương IV quy định về công tác đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV *(2.12.02-Quy chế Công tác HSSV hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng).*

- Căn cứ các Thông tư 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ theo Quy định Số 835/QyĐ-CĐĐS ngày 09/10/2020; và Thông tư 2513/VBHN-BLĐTBXH ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ theo Quy định số 453/QĐ-CĐĐS ngày 01/9/2021 và Quy định số 205/QyĐ-CĐĐS ngày 03/4/2024 *(2.12.03-Quy định Số 835/QyĐ-CĐĐS ngày 09/10/2020 về việc ghi thông tin trên văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của Trường CĐĐS cấp; Quy định số 453/QĐ-CĐĐS ngày 01/9/2021 và Quy định số 205/QyĐ-CĐĐS ngày 03/4/2024 về việc Quản lý, in, cấp phát, thu hồi, hủy bỉ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và xác nhận kết quả học tập cầu Hiệu trưởng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của từng môn học, mô-đun khi đánh giá kết quả học tập của người học, một số mô-đun thực hành tại các đơn vị của tất cả các nghề đang đào tạo tại trường đều mời cán bộ tại các doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo khách quan, phù hợp với thực tế sản xuất từ năm 2021 trở lại đây cụ thể như sau:

- 100% các chương trình đào tạo nghề các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của trường đều có mô-đun thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Tại Điều 4 của Quy định "Tổ chức cho HSSV đi thực tập sản xuất" quy định: HSSV sau khi kết thúc đợt thực tập sản xuất phải viết báo cáo thực tập và được đơn vị thực tập nhận xét, đánh giá. Báo cáo thực tập được chấm điểm để lấy điểm học tập định kì và là điều kiện để xét

điều kiện dự thi kết thúc mô-đun *(2.13.01-Phiếu xác nhận và đánh giá HSSV thực tập tại đơn vị).*

- Sau khi kết thúc đợt thực tập, Phòng Đào tạo kết hợp với các khoa tham mưu Hiệu trưởng mời các cán bộ kĩ thuật của đơn vị HSSV đến thực tập tham gia đánh giá thi, kiểm tra kết thúc môn-đun *(2.13.02-Các Kế hoạch thi, kiểm tra, phiếu chấm, bảng điểm của mô-đun thực tập).*

Như vậy, trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học của Trường đều có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Việc tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của Trường đảm bảo đúng quy trình. Theo đó các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ được thực hiện theo chương trình môn học, số bài kiểm tra, nội dung bài đều được nhà giáo soạn, trưởng khoa phê duyệt trước khi thực hiện, kết quả bài kiểm tra được nhà giáo thông báo công khai với HSSV chậm nhất 7 ngày sau ngày kiểm tra và được ghi đầy đủ vào sổ tay giáo viên, sổ lên lớp. Ngay sau khi giảng dạy xong môn học, mô-đun nhà giáo lập bảng điều kiện dự thi/kiểm tra kết thúc môn học mô-đun trình trưởng khoa phê duyệt rồi chuyển cho Phòng Đào tạo đồng thời nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo Eduman (*2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.6.01-Sổ lên lớp các lớp; 2.6.03-Bảng điểm điều kiện dự thi, kiểm tra kết thúc các môn học, mô-đun).*

Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa lập kế hoạch thi, kiểm tra theo đúng tiến độ của khóa học (*2.14.01-Lịch thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun).* Căn cứ bảng điều kiện dự thi/kiểm tra, Phòng Đào tạo kiểm tra, rà soát điều kiện dự thi, in danh sách thi, kiểm tra từ phần mềm quản lý đào tạo gửi cho Phòng KĐCLĐT để tổ chức thi *(2.14.02-Danh sách thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; 2.9.02-Phần mềm quản lý đào tạo Eduman).*

Phòng KĐCLĐT, phòng Đào tạo tổ chức thực hiện thi/kiểm tra, giám sát thi, kiểm tra đảm bảo nghiêm túc theo đúng quy định; thực hiện kiểm tra, đôn đốc các khoa trong việc ra đề thi đảm bảo đúng mẫu, đúng thời hạn; thực hiện tổ chức chấm thi, giám sát chấm thi đảm bảo đúng quy trình, công bằng, khách quan theo quy định *(2.14.03-Bộ đề thi, kiểm tra, bộ câu hỏi thi, kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính; 2.14.04-Biên bản vi phạm nội quy phòng thi; 2.14.05-Sổ giao nhận đề thi; Sổ giao nhận bài thi với cán bộ coi thi; Sổ giao nhận bài chấm thi; Sổ giao nhận kết quả thi; 2.9.03-Phần mềm thi trắc nghiệm Tracnghiem.caodangduongsat.edu.vn).*

Các bài thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun đều được chấm hai (02) vòng, 02 giám khảo chấm riêng biệt đảm bảo khách quan, trung thực trong đánh giá. Nhiều môn học lý thuyết và phần lý thuyết của các mô-đun được xây dựng các bộ câu hỏi thi trắc nghiệm trên máy tính và được tổ chức thi trên phần mềm chuyên dụng của Trường "Tracnghiem.caodangduong sat.edu.vn". Đối với bài thi thực hành, giám khảo thực hiện theo bản Hướng dẫn chấm điểm, phiếu đánh giá để HSSV đối chiếu với bài mình làm được và HSSV xác nhận điểm và ký vào danh sách dự thi. Những trường hợp vướng mắc, cán bộ chấm thi đều giải thích rõ cho HSSV biết lý do (*2.14.06-Phiếu chấm thi, kiểm tra; bài thi, kiểm tra).*

- Cuối khóa học, Trường ra quyết định thành lập Hội đồng Thi tốt nghiệp, thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, chấm thi tốt nghiệp; lập danh sách xét điều kiện thi tốt nghiệp theo đúng quy chế thi. Công tác ra đề thi được bảo mật, chấm thi tại phòng riêng đảm bảo tính nghiêm túc, trung thực, khách quan. Các khiếu nại về điểm đều được các phòng KĐCLĐT, Phòng Đào tạo và các ban đề thi, ban coi thi và ban chấm thi xem xét, giải quyết kịp thời theo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người học (*2.14.07-Các Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi tốt nghiệp; 2.14.08-Danh sách xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.09-Hồ sơ phúc khảo bài thi, kiểm tra; 2.14.10-Bộ đề thi tốt nghiệp, bộ câu hỏi thi tốt nghiệp trắc nghiệm trên máy tính; 2.14.11-Phiếu chấm thi tốt nghiệp; bài thi tốt nghiệp).* Các kết quả thi tốt nghiệp đều được cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo kịp thời.

- Căn cứ tiến độ đào tạo, hằng năm Phòng CTHSSV tham mưu lập kế hoạch và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. Việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo các bước như HSSV tự đánh giá bằng mẫu phiếu đánh giá do PHòng CTHSSV cung cấp, giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp để bình xét, đánh giá từng HSSV và lập bảng tổng hợp kết quả bình xét điểm rèn luyện của HSSV lớp mình trình trưởng khoa xem xét phê duyệt. Phiếu đánh giá cùng bảng tổng hợp được gửi về Phòng CTHSSV tập hợp, Phòng CTHSSV tham mưu Hội đồng đánh giá kết quả cho từng lớp. Hội đồng đánh giá xếp loại kết quả rèn luyện HSSV tham mưu Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận kết quả và thông báo kết quả cho lớp HSSV biết. Kết quả điểm rèn luyện của HSSV được nhập vào phần mềm quản lí đào tạo và ghi chép vào Sổ lên lớp đầy đủ *(2.14.12-Các Kế hoạch đánh giá điểm rèn luyện của HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.14.13-Các Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.14.14-Các Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện các lớp năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.14.15-Các Quyết định công nhận kết quả rèn luyện HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Trên cơ sở kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp và điểm rèn luyện, phòng Đào tạo lập danh sách đề nghị xét công nhận tốt nghiệp theo Quy chế, tham mưu ra quyết định công nhận tốt nghiệp và in, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định. Phòng Đào tạo vào sổ quản lí cấp văn bằng chứng chỉ đầy đủ, đúng theo quy định (*2.14.16-Các Quyết định tốt nghiệp và danh sách HSSV tốt nghiệp kèm theo; 2.14.17-Sổ gốc cấp bằng cao đẳng, trung cấp; Sổ cấp chứng chỉ; Sổ theo dõi kết quả học tập đạo tạo thường xuyên).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: *Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Phòng TCHC xây dựng kế hoạch rà soát nội quy, quy chế để xem xét quyết định nội quy, quy chế nào cần chỉnh lí, biên soạn lại cho phù hợp với quy định của Nhà nước và thực tế của trường nếu cần. Căn cứ kế hoạch rà soát nội quy, quy chế hằng năm của Trường, Phòng Đào tạo phối phợp với Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng CTHSSV và các khoa thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với các Quy định mới về đào tạo nghề và tình hình thực tế học tập và giảng dạy của Trường. Mỗi khi văn bản Nhà nước quy định về giáo dục nghề nghiệp mới ban hành, các phòng chức năng đề xuất Hiệu trưởng rà soát, chỉnh lí lại nội quy, quy chế cho phù hợp với các văn bản qui phạm pháp luật và đặc điểm tình hình tổ chức của Trường tại hội nghị giao ban hằng tháng *(1.4.01-Kế hoạch rà soát nội quy, quy chế năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.4.02-Báo cáo rà soát nội quy, quy chế năm*

2021, 2022, 2023 và 2024; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng).

Sau khi được Hiệu trưởng chấp thuận giao nhiệm vụ cho các phòng chức năng biên soạn, chỉnh lí, đơn vị chức năng thực hiện biên soạn bản dự thảo, lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo, nhân viên các đơn vị trong toàn trường, hoàn thiện trước khi trình Hiệu trưởng kí ban hành, cụ thể:

- Quy chế kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp được rà soát chỉnh lí vào các năm năm 2019, 2022 và 2024 do Phòng KĐCLĐT tham mưu *(2.12.01-Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trong đào tạo hệ chính quy đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 809/QĐ-CĐĐS ngày 16/9/2019, Quyết định số 564/QĐ-CĐĐS ngày 25/7/2022 và Quyết định số 87/QĐ-CĐĐS ngày 22/02/2024 của Hiệu trưởng)*;

- Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong đó quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được chỉnh lí năm 2023 do Phòng CTHSSV tham mưu (*2.12.02-Quy chế Công tác HSSV hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng);*

- Quy định về cấp văn bằng chứng chỉ được rà soát, chỉnh lý năm năm 2021 và 2024 do Phòng Đào tạo tham mưu *(2.12.03-Quy định Số 835/QyĐ-CĐĐS ngày 09/10/2020 về việc ghi thông tin trên văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của Trường CĐĐS cấp; Quy định số 453/QĐ-CĐĐS ngày 01/9/2021 và Quy định số 205/QyĐ-CĐĐS ngày 03/4/2024 về việc Quản lý, in, cấp phát, thu hồi, hủy bỉ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và xác nhận kết quả học tập cảu Hiệu trưởng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 27/2017 ngày 21/9/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp và pháp luật về đào tạo liên thông, năm 2022 Nhà trường đã xây dựng Quy định tổ chức đào tạo liên thông Quyết định số 927/QĐ-CĐĐS ngày 25/10/2022 của Hiệu trưởng, trong đó hướng dẫn cụ thể công tác tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông. Quy định có 3 chương, 12 Điều, Chương 1: Quy định chung gồm 2 Điều; Chương 2: Tuyển sinh và tổ chức đào tạo có 18 Điều, trong đó quy định tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông, đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học; bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và bảng điểm; Chương 3: Tổ chức thực hiện có 1 Điều *(2.16.01-Quy định về Đào tạo liên thông và Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 927/QĐ-CĐĐS ngày 25/10/2022 của Hiệu trưởng).*

Trường đã tổ chức xây chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trung cấp và từ trung cấp lên cao đẳng. Tính đến tháng 10 năm 2024 Trường đã xây dựng được 02 CTĐT từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng gồm Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt theo Quyết định số 260/QĐ-CĐĐS ngày 28 tháng 4 năm 2020, Thông tin tín hiệu đường sắt theo Quyết định số 262/QĐ-CĐĐS ngày 28/04/2020 và 01 CTĐT từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp gồm nghề Điều hành chạy tàu hỏa từ trình độ Sơ cấp Gác ghi, ghép nối ĐMTX theo Quyết định số 603/QĐ-CĐĐS ngày 25/04/2019 *(2.16.02-Các quyết định ban hành CTĐT liên thông và các CTĐT kèm theo).* Các nghề đào tạo trên là các nghề đã được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp *(2.1.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số*

14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp).

Hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng Tuyển sinh, ra thông báo tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh các nghề đào tạo liên thông theo quy định *2.3.03-Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.04-Quyết định thành lập Hội đồng và Ban thư kí tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.06-Biên bản và danh sách xét tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Kết quả đào tạo liên thông qua các năm của các nghề trên cụ thể như sau:

TT	Lớp, nghề/khóa	Trình độ đào tạo	Số lượng HSSV	Số Quyết định thành lập lớp
I	**Năm học 2021-2022**			
1	K53-TC.ĐHCTH-LT1/21	Từ trình độ SC lên TC	23	QĐ số 589/QĐ-CĐĐS ngày 05/11/2021.
2	K53-TC.ĐHCTH-LT1PN/21	Từ trình độ SC lên TC	21	QĐ số 746/QĐ-CĐĐS ngày 17/12/2021.
3	K53-TC.ĐHCTH-LT1ĐN/21	Từ trình độ SC lên TC	8	QĐ số 489/QĐ-CĐĐS ngày 14/9/2021.
II	**Năm học 2022 - 2023**			
1	K55-TC.ĐHCTH-LT1	Từ trình độ SC lên TC	40	QĐ số 519/QĐ-CĐĐS ngày 16/6/2023
III	**Năm học 2023 - 2024**		28	
1	K15-CĐ.TTTH-LT1	Từ trình độ TC lên CĐ		QĐ số 346/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2023
2	K56-TC.ĐHCTH-LT1	Từ trình độ SC lên TC	23	QĐ số 1001/QĐ-CĐĐS ngày 24/11/2023
3	K56-TC.ĐHCTH-LT2	Từ trình độ SC lên TC	35	QĐ số 569/QĐ-CĐĐS ngày 18/7/2024

(2.16.03-Các Kế hoạch đào tạo và Quyết định thành lập lớp liên thông các nghề năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Khi ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Ngành, nghề, trình độ đào tạo liên thông, phương thức, hình thức đào tạo, Quyết định tuyển sinh, chương trình đào tạo liên thông. Trước ngày 10 tháng 01 hằng năm Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng báo cáo bằng văn bản tình hình đào tạo liên thông của Trường về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định *(2.16.04-Các báo cáo về công tác đào tạo liên thông của trường cho các cơ quan quản lí nhà nước năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Như vậy, hằng năm Trường đều có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo hằng năm theo hướng dẫn trong Sổ tay bảo đảm chất lượng. Các đơn vị chức năng tự xây dựng hệ thống bảng biểu thống kê cơ sở dữ liệu quản lí đào tạo và cập nhật thường xuyên bảo đảm cung cấp số liệu báo cáo kịp thời cho lãnh đạo trường đưa ra các kế hoạch, quyết định thực hiện công tác tổ chức đào tạo có hiệu quả, đúng nội quy, quy chế và các quy trình đã ban hành như:

- Công tác quản lí đào tạo: Trường thực hiện quản lý đào tạo trên phần mềm Eduman để quản lý điểm học tập, danh sách thi, kiểm tra, xét điều kiện dự thi, kiểm tra của HSSV. Phòng Đào tạo luôn kết hợp với các phòng chức năng, các khoa và các nhà giáo để cập nhật điểm, thông tin trên phần mềm đảm bảo quản lý có hệ thống và sử dụng hiệu quả *(2.9.02-Phần mềm quản lý đào tạo Eduman).*

- Phòng Đào tạo và TTTVGDNN của Trường xây dựng và quản lý đầy đủ các dữ liệu về hoạt động đào tạo như: nhu cầu đào tạo của các đơn vị, của xã hội; số liệu về công tác tuyển sinh hằng năm; số HSSV nhập học và biến động hằng tháng; điểm học tập của học sinh sinh viên được cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo; dữ liệu về cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trong Sổ cấp bằng; dữ liệu về số lượng nhà giáo và tổng hợp giờ giảng của nhà giáo toàn trường… Các dữ liệu trên được quản lý một cách có hệ thống, dễ tra cứu và sử dụng hiệu quả trong việc quản lý, điều hành các hoạt động đào tạo. Từ năm 2024 cơ sở dữ liệu về công tác tuyển sinh do Trung tâm TVGDNN thực hiện *(2.17.01-Các bảng biểu quản lý đào tạo trên hệ thống máy tính tại Phòng Đào tạo; 2.17.02-Các bảng biểu quản lý đào tạo trên hệ thống máy tính tại TTTVGDNN).*

- Phòng Công tác HSSV của Trường tổ chức lập và lưu trữ đầy đủ các thông tin, lý lịch tóm tắt, hồ sơ đầu ra của HSSV các lớp để phục vụ cho công tác quản lý được thuận lợi và tổ chức giáo dục HSSV được tốt *(2.17.03-Sổ lý lịch tóm tắt các lớp HSSV; 2.17.04-Hồ sơ HSSV).* Các dữ liệu về khen thưởng, kỷ luật HSSV được tập hợp đầy đủ theo nội quy và có sổ theo dõi để thống kê phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, phòng đào tạo để thực hiện kế hoạch giáo dục HSSV *(2.17.05-Sổ theo dõi khen thưởng, kỷ luật HSSV).*

Hằng tháng, Phòng Công tác HSSV thống kê việc thực hiện nề nếp học tập của HSSV phục vụ cho việc làm báo cáo định kỳ. Từ đó, phối kết hợp với các phòng, khoa chuyên môn khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng học của HSSV *(2.17.06-Sổ kiểm tra nề nếp học tập của HSSV).* Cuối mỗi kỳ học, năm học GVCN tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của từng HSSV nộp về Phòng Công tác HSSV để tổng hợp đánh giá, phân loại phục vụ công tác nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường *(2.17.07-Bảng kết quả học tập và rèn luyện của HSSV).*

- Phòng Tổ chức hành chính xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lí nhân sự, trên cơ sở đó tham mưu Lãnh đạo trường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cho cán bộ, nhà giáo và nhân viên toàn trường *(2.17.08-Cơ sở dữ liệu quản trị nhân sự).*

- Phòng Quản lí thiết bị và xây dựng cơ bản xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lí cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo làm cơ sở để tham mưu công các mua sắm, duy tu, sửa chữa các công trình xây dựng, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường *(2.17.09-Cơ sở dữ liệu quản lí cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo).*

- Trung tâm NC&CGKHCN của trường xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, bài báo khoa học và hợp tác quốc tế *(2.17.10-Cơ sở dữ liệu về thông tin thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, hợp tác quốc tế).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm

TIÊU CHÍ 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo;
- Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo;
- Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định;
- Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phòng Tổ chức - Hành chính tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo cho nhà giáo bảo đảm chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường tuyên truyền và kiểm tra giám sát cho cán bộ, nhà giáo nhân viên trường nắm rõ nội quy, quy chế và nghiêm chỉnh chấp hành;
- Các khoa chủ động xây dựng kế hoạch và tham mưu cử nhà giáo đi thực tế tại đơn vị sản xuất kinh doanh tại thời điểm thích hợp bảo đảm thực hiện tốt tiến độ đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	**15/15**
Tiêu chuẩn 3.1	1
Tiêu chuẩn 3.2	1
Tiêu chuẩn 3.3	1
Tiêu chuẩn 3.4	1
Tiêu chuẩn 3.5	1
Tiêu chuẩn 3.6	1
Tiêu chuẩn 3.7	1
Tiêu chuẩn 3.8	1
Tiêu chuẩn 3.9	1
Tiêu chuẩn 3.10	1
Tiêu chuẩn 3.11	1
Tiêu chuẩn 3.12	1
Tiêu chuẩn 3.13	1
Tiêu chuẩn 3.14	1
Tiêu chuẩn 3.15	1

Tiêu chuẩn 3.1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Về công tác tuyển dụng lao động, căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo

giáo dục nghề nghiệp, Trường xây dựng và ban hành Quy trình tuyển dụng lao động ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 của Hiệu trưởng, trong đó gồm 14 bước: Xác định nhu cầu; Xây dựng kế hoạch tuyển dụng; Thành lập Hội đồng tuyển dụng; Quyết định hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển; Thông báo tuyển dụng; Thành lập Ban đề thi, coi thi, chấm thi; Tổ chức ra đề thi; Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; Sơ tuyển; Tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển; Công nhận và công bố kết quả tuyển dụng; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Ra quyết định tiếp nhận và ký hợp đồng làm việc*(3.1.02-Quy trình Tuyển dụng lao động ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 của Hiệu trưởng).*

- Về công tác sử dụng lao động, Trường xây dựng và ban hành Qui chế tổ chức hoạt động của trường ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 và Nội quy Trường Cao đẳng đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-CĐĐS ngày 19/7/2017, theo đó người lao động sau khi được Trường kí kết hợp đồng lao động sẽ được bố trí vào các vị trí làm việc tại các phòng, khoa, trung tâm và thực hiện theo chức năng nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đơn vị và nội quy của Trường *(1.1.07-Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19/12/2019 của Trường Cao đẳng Đường sắt; 1.3.01-Nội quy Trường Cao đẳng Đường sắt, ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-CĐĐS ngày 19/7/2017 của Trường Cao đẳng Đường sắt).*

- Về công tác cán bộ, Đảng ủy trường ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử trong Đảng bộ trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 453-QĐ/ĐU, ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban chấp hành Đảng bộ Trường quản lý ban hành kèm theo quyết định số 227 - QĐ/ĐU, ngày 15 tháng 9 năm 2022); Quy định về về công tác quy hoạch cán bộ trong Đảng bộ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 228-QĐ/ĐU, ngày 16 tháng 9 năm 2022. Trên cơ sở các quy định của Đảng về công tác cán bộ, Nhà trường xây dựng và ban hành Qui định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, đánh giá, quy hoạch đối với chức danh lãnh đạo, quản lí tại Trường *(3.1.03-Qui định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, đánh giá, quy hoạch đối với chức danh lãnh đạo, quản lí tại Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 290 QĐ-CĐĐS ngày 10/4/2018 của Hiệu trưởng và Quyết định sửa đổi bổ sung số 1346/QĐ-CĐ ĐS ngày 19/11/2018 của Hiệu trưởng),* Trường xây dựng và ban hành Quy trình quy hoạch cán bộ ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 *(3.1.04-Quy trình quy hoạch cán bộ ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 của Hiệu trưởng).*

- Về công tác học tập bồi dưỡng cho cán bộ, nhà giáo nhân viên, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Nhà trường theo QĐ số 564/QĐ-CĐĐS ngày 27/7/2020 *(3.1.05-Qui định về đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên năm 2020 theo QĐ số 564/QĐ-CĐĐS ngày 27/7/2020).*

- Về công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình đánh giá lao động quản lí, viên chức và người lao động ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 *(3.1.06-Quy trình đánh giá lao động quản lí, viên chức và người lao động ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 của Hiệu trưởng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện tốt việc sử dụng cán bộ, viên chức hằng năm Trường đều có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo, nhân viên cho các phòng, khoa theo nhu cầu đào tạo và thực hiện theo đúng quy chế tuyển dụng lao động.

- Về công tác tuyển dụng lao động, căn cứ nhu cầu sử dụng lao động, các đơn vị đề xuất số lượng, yêu cầu nhân lực cần tuyển dụng, phòng TCHC tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng lao động công khai trên Website của trường, thành lập Hội đồng tuyển dụng lao động, tổ chức xét tuyển, công nhận và công bố kết quả tuyển dụng, ra quyết định công nhận và kí hợp đồng lao động theo đúng quy trình. Trong những năm qua, Nhà trường tuyển dụng số lao động cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Số lượng	Nơi làm việc
	Năm 2021	**0**	
	Năm 2022		
1	Nhân viên vệ sinh (khoán việc)	01	Phòng Tổ chức - Hành chính
2	Nhân viên lái xe (khoán việc)	01	Phòng Tổ chức - Hành chính
	Năm 2023		
1	Chuyên viên	01	Trung tâm NC&CG KHCN
2	Nhân viên vệ sinh khoán việc	01	Phân hiệu CĐĐS Phía Nam
	Năm 2024		
1	Giảng viên	01	Khoa CTCK
2	Giảng viên cao cấp (chuyên gia)	02	
3	Kế toán tổng hợp	01	Phòng TCKT

(3.2.01-Hồ sơ tuyển dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

- Về công tác sử dụng: cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường, sau khi được tuyển dụng, được bố trí hoặc điều chuyển vào các vị trí công tác phù hợp với trình độ và yêu cầu vị trí công việc. Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên các năm cụ thể như sau:

Năm	Tổng số CB, GV, NV	Trong đó		
		Cán bộ	Nhà giáo	Nhân viên
2021	174	47	61	66
2022	164	45	55	64
2023	165	45	56	64
2024	163	43	53	67

(3.2.02-Các Quyết định tuyển dụng, điều chuyển lao động năm 2021, 2022, 2023 và 2024). Số lượng nhân sự được bố trí cụ thể vào các đơn vị cụ thể như sau:

STT	**Đơn vị**	**Số người lao động các năm**			
		2021	**2022**	**2023**	**2024**
1	Ban Giám hiệu, HĐT	3	3	4	3

2	Phòng Đào tạo	12	9	9	6
3	Khoa Công trình - Cơ khí	7	7	7	8
4	Khoa Đầu máy - Toa xe	7	7	6	6
5	Khoa Vận tải - Kinh tế	7	6	6	6
6	Khoa Cơ bản	4	4	4	4
7	Khoa Thông tin tín hiệu - Điện	6	5	5	5
8	Phòng Tài chính - Kế toán	3	3	3	4
9	Phòng Tổ chức - Hành chính	13	14	14	13
10	Phòng Công tác HSSV	6	6	6	6
11	Phòng QLTB & XDCB	4	4	4	4
12	Trung Tâm Mê Linh	8	8	8	8
13	Phòng Kiểm định CLĐT	3	2	2	2
14	Trung tâm NC&CG KHCN	4	4	5	5
15	Trung tâm TV GDNN	4	3	3	5
16	Chuyên gia				2
17	Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng	27	24	23	22
18	Phân hiệu CĐĐS phía Nam	56	55	56	54
	Tổng cộng	**174**	**164**	**165**	**163**

(3.2.03-Đề án vị trí việc làm của Trường năm 2015; năm 2018)

- Về công tác quy hoạch cán bộ:

+ Quy hoạch cán bộ cấp Tổng công ty ĐSVN quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031: Trường có Quyết định số 312/QĐ-ĐS, ngày 19/4/2021 của Tổng công ty ĐSVN quy hoạch đối với chức danh Hiệu trưởng (03 người), phó Hiệu trưởng (03 người) giai đoạn 2021-2026; Quyết định số 517/QĐ-ĐS ngày 16/6/2022 của Tổng công ty ĐSVN quy hoạch đối với chức danh Hiệu trưởng (02 người), phó Hiệu trưởng (02 người) giai đoạn 2026-2031 và Quyết định số 925/QĐ-ĐS ngày 01/8/2024 của Tổng công ty ĐSVN phê duyệt bổ sung quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Đường sắt giai đoạn 2021-2026, rà soát bổ sung, điều chỉnh năm 2024; bổ sung 02 người.

+ Quy hoạch cán bộ cấp Trường quản lý giai đoạn 2021-2026: Trường có Quyết định số 705/QĐ-CĐĐS ngày 10/12/2021 của Hiệu trưởng trường CĐĐS về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh quản lý, giai đoạn 2021-2026 của Trường Cao đẳng Đường sắt đối với các Phân hiệu, phòng, khoa, trung tâm; Quyết định số 284/QĐ-CĐĐS ngày 23/4/2024 của Hiệu trưởng trường CĐĐS về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý, giai đoạn 2021-2026 của Trường Cao đẳng Đường sắt (bổ sung năm 2024); bổ sung 01 người và đưa ra khỏi quy hoạch 06 người *(3.2.04-Danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2025 và 2021-2026; 3.2.05-Các Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lí của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Về công tác học tập bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo, nhân viên: Hằng năm, Nhà trường tập hợp kế hoạch tự học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhà giáo, nhân viên. Sau đó, căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên và tình hình thực tế, Trường xây dựng kế hoạch và ra quyết định cử người đi học tập. Trong những năm qua, Trường tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên cụ thể như sau:

Năm 2021 toàn trường có 11 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; trong đó đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ 05 lượt người; 01 người học đại học; 04 người học cao học; 01 người nghiên cứu sinh;

Năm 2022 toàn trường có 141 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Trong đó đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ 140 lượt người; 01 người nghiên cứu sinh;

Năm 2023 toàn trường có 227 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Trong đó đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ 226 lượt người; 01 người học văn bằng 2.

Tính đến tháng 9 năm 2024 toàn trường có 134 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Trong đó đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ 127 lượt người; 06 người học cao học; 01 người học văn bằng 2 *(3.2.06-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Hằng năm, Trường thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, nhà giáo, nhân viên theo đúng quy định của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, không đánh giá, phân loại lao động nghỉ không lương làm việc trong năm dưới 6 tháng và lao động khoán việc. Phòng TCHC tham mưu ra thông báo hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm, các đơn vị tổ chức đánh giá cán bộ, người lao động theo gửi về phòng TCHC tập hợp, Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động cụ thể như sau:

Tổng số CB, VC, lao động	Số người được đánh giá	Trong đó				Số Quyết định
		HT XSNV	HT TNH	HT NV	KHT NV	
Năm 2021						Số 84/QĐ-CĐ ĐS ngày 16/02/2022 của Trường CĐ ĐS; Số 122/QĐ-ĐS ngày 14/3/2022 của TCT ĐSVN
174	166	1	128	37		
Năm 2022						Số 88-1/QĐ-CĐ ĐS ngày 06/3/2023 của Trường CĐ ĐS; Số 212/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN; Số 216/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN
164	152	2	134	16		
Năm 2023						Số 08/QĐ-CĐ ĐS ngày 05/01/2024 của Trường CĐ ĐS; Số 232/QĐ-ĐS ngày 03/4/2024 của TCT ĐSVN
165	152	12	128	12		

(3.2.07-Thông báo hướng dẫn đánh giá, xếp loại; Phiếu đánh giá, xếp loại; Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.2.08-Quyết định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

- Về việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao động: Hằng năm, Nhà trường thực hiện chế độ chính sách đúng theo quy định của Nhà nước cho người lao động của Trường cụ thể:

TT	Chế độ chính sách	Số người được thụ hưởng hằng năm			
		2021	2022	2023	2024
1	Chế độ hưu trí	02	01	03	0

2	Chế độ thôi việc, chấm dứt HĐLĐ, chuyển công tác	05	08	03	03
3	Chế độ thai sản	01	04	02	0
4	Chế độ nâng bậc lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề nhà giáo	162	152	150	151

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đóng các loại bảo hiểm đầy đủ cho người lao động đúng quy định *(3.2.09-Các Quyết định hưu trí; Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và Quyết định chuyển công tác năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.2.10-Biên bản họp xét, Quyết định nâng bậc lương 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Trường, Trường được được cấp phép đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 14 nghề trình độ trung cấp, nhưng hiện chỉ đào tạo 3 nghề trình độ cao đẳng và 6 nghề trình độ trung cấp, các nghề còn lại trường chưa đào tạo do không tuyển sinh được, các nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đang đào tạo tại trường cụ thể như sau:

TT	Tên nghề đào tạo	Năm học							
		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC
1	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS						x		x
2	Điều hành chạy tàu ĐSĐT			x	x	x	x	x	x
3	Điều hành chạy tàu hỏa		x	x	x	x	x	x	x
4	Lái tàu đường sắt						x		x
5	Lái tàu điện		x				x		x
6	Thông tin tín hiệu ĐS	x		x	x	x	x	x	x
	Cộng	1	2	3	3	3	6	3	6

(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp).

Tính đến tháng 10/2024 tổng số nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy 3 năm gần đây như sau:

TT	Loại nhà giáo	Năm học		
		2021	2022-2023	2023-2024
1	Số nhà giáo cơ hữu	61	58	57
2	Nhà giáo kiêm nhiệm	39	36	38
3	Nhà giáo thỉnh giảng	1	2	5
	Tổng	**101**	**96**	**100**

Trong đó, số nhà giáo dạy các môn chung năm học 2021-2022 là 10 người, năm học 2022-2023 là 11 người và năm học 2023-2024 là 12 người. Đối chiếu tiêu chuẩn nhà giáo quy định tại Thông tư 08/2017/TT/BLĐTBXH và Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 08/2017/ TT/BLĐTBXH, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo như sau:

*** Đối với nhà giáo giảng dạy các môn chung:**

Năm học 2021-2022, trong 10 nhà giáo giảng dạy các môn học chung:

- Trình độ chuyên môn: 06 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 04 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 05 nhà giáo có trình độ đại học và 05 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 02 nhà giáo có trình độ đại học; 06 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ và 08 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2022-2023, trong 11 nhà giáo giảng dạy các môn học chung:

- Trình độ chuyên môn: 06 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 05 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 06 nhà giáo có trình độ đại học và 05 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 03 nhà giáo có trình độ đại học; 06 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ và 09 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2023-2024, trong 12 nhà giáo giảng dạy các môn học chung:

- Trình độ chuyên môn: 06 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 06 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 07 nhà giáo có trình độ đại học và 05 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 03 nhà giáo có trình độ đại học; 07 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 02 nhà giáo có trình độ thạc sĩ và 10 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Đối với nhà giáo giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh, Trường có 02 nhà giáo có bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ đào tạo giáo viên, nhà giáo giáo dục quốc phòng và an ninh. Đối với các nhà giáo thỉnh giảng, Nhà trường hợp đồng với nhà giáo đúng chuyên môn, bảo đảm đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ để tham gia giảng dạy các lớp trong Trường. Cụ thể, tại khu vực Hà Nội, Nhà trường kí hợp đồng giảng dạy với 01 nhà giáo GDTC là nhà giáo của Trường THPT Phúc Lợi – Long Biên, Hà Nội để giảng dạy các môn học Giáo dục thể chất, có bằng thạc sĩ Giáo dục học, cử nhân Thể dục thể thao ngành Sư phạm giáo dục thể chất. Tại Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam, Nhà trường kí hợp đồng thỉnh giảng với 01 nhà giáo để giảng dạy môn học Giáo dục thể chất, có bằng Cử nhân Thể dục thể thao, chứng chỉ sư phạm bậc 2, tin học A, ngoại ngữ A. Đối với môn Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Phân hiệu CĐĐS Phía Nam ký hợp đồng với Trung tâm Giáo dục quốc phòng - Trường Quân sự Quân đoàn 4 để gửi HSSV học tập nội trú tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng - Trường Quân sự Quân đoàn 4 *(3.3.03-Các hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*. Như vậy

các nhà giáo giảng dạy các môn chung bảo đảm đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

*** Đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết các môn học, mô-đun cơ sở và chuyên môn nghề:**

Năm học 2021-2022, trong 10 nhà giáo:

- Trình độ chuyên môn: 08 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 02 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 08 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 01 nhà giáo có trình độ đại học; 09 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 10 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2022-2023, trong 09 nhà giáo:

- Trình độ chuyên môn: 08 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 01 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 07 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 01 nhà giáo có trình độ đại học; 08 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 09 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2023-2024, trong 06 nhà giáo:

- Trình độ chuyên môn: 05 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 01 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 04 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Trình độ ngoại ngữ: 01 nhà giáo có trình độ đại học; 05 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 06 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Như vậy các nhà giáo giảng dạy các môn lý thuyết nghề bảo đảm đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

*** Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành và tích hợp các môn học, mô-đun cơ sở và chuyên môn nghề:**

Năm học 2021-2022, trong 41 nhà giáo

- Trình độ chuyên môn: 01 nhà giáo có trình độ tiến sĩ; 23 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 17 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 05 nhà giáo có trình độ đại học và 36 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.
- Chứng nhận kỹ năng nghề: 02 nhà giáo có chứng chỉ kĩ năng nghề Bậc 3 Quốc gia, 39 nhà giáo có chứng nhận tay nghề bậc thợ tương đương bậc 4/6 và 5/7.
- Trình độ ngoại ngữ: 01 nhà giáo có trình độ đại học và 40 nhà giáo có trình độ B, B2, C.
- Trình độ tin học: 03 nhà giáo có trình độ đại học và 38 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2022-2023, trong 38 nhà giáo

- Trình độ chuyên môn: 23 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 15 nhà giáo có trình độ đại học;
- Năng lực sư phạm: 05 nhà giáo có trình độ đại học và 33 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.

- Chứng nhận kỹ năng nghề: 02 nhà giáo có chứng chỉ kĩ năng nghề Bậc 3 Quốc gia, 36 nhà giáo có chứng nhận tay nghề bậc thợ tương đương bậc 4/6 và 5/7.

- Trình độ ngoại ngữ: 01 nhà giáo có trình độ đại học và 37 nhà giáo có trình độ B, B2, C.

- Trình độ tin học: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 36 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản

Năm học 2023-2024, trong 39 nhà giáo

- Trình độ chuyên môn: 25 nhà giáo có trình độ thạc sĩ; 14 nhà giáo có trình độ đại học;

- Năng lực sư phạm: 05 nhà giáo có trình độ đại học và 34 nhà giáo có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.

- Chứng nhận kỹ năng nghề: 02 nhà giáo có chứng chỉ kĩ năng nghề Bậc 3 Quốc gia, 37 nhà giáo có chứng nhận tay nghề bậc thợ tương đương bậc 4/6 và 5/7.

- Trình độ ngoại ngữ: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 37 nhà giáo có trình độ B, B2, C.

- Trình độ tin học: 02 nhà giáo có trình độ đại học và 37 nhà giáo có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản *(3.3.02-Danh sách trích ngang của nhà giáo tính đến tháng 11 năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.3.03-Hồ sơ của nhà giáo).*

Như vậy, các nhà giáo giảng dạy thực hành và tích hợp của Trường bảo đảm đủ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động cơ bản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng đường sắt, Quy định Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và các nội quy, quy chế, quy trình đã ban hành của Trường. Căn cứ vào phân công nhiệm vụ các cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động của các đơn vị thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ được đánh giá, bình xét hằng tháng *(1.6.08-Thông báo kết quả xếp loại chất lượng công tác hằng tháng năm 2022, 2023, 2024).*

Cuối mỗi năm Trường thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, nhà giáo, nhân viên theo đúng quy định của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, không đánh giá, phân loại lao động nghỉ không lương làm việc trong năm dưới 6 tháng và lao động khoán việc, cụ thể như sau:

Năm	Tổng	Số người được đánh giá	Trong đó				Số Quyết định
			HT XSNV	HT TNH	HT NV	KHT NV	
Năm 2021	**174**	**166**	**1**	**128**	**37**		Số 84/QĐ-CĐĐS ngày 16/02/2022 của Trường CĐ ĐS; Số 122/QĐ-ĐS ngày 14/3/2022 của TCT ĐSVN
CBQL	47	47		37	10		
Nhà giáo	61	61	1	46	14		
Người LĐ	66	58		45	13		
Năm 2022	**164**	**152**	**2**	**134**	**16**		Số 88-1/QĐ-CĐĐS

CBQL	45	45	2	40	3		ngày 06/3/2023 của Trường CĐĐS; Số 212/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN; Số 216/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN
Nhà giáo	55	54		48	6		
Người LĐ	64	53		46	7		
Năm 2023	**165**	**152**	**12**	**128**	**12**		Số 08/QĐ-CĐĐS ngày 05/01/2024 của Trường CĐ ĐS; Số 232/QĐ-ĐS ngày 03/4/2024 của TCT ĐSVN
CBQL	45	45	10	32	3		
Nhà giáo	56	57	2	51	4		
Người LĐ	64	50		45	5		

Kết quả bình xét thi đua cuối năm và kỉ luật cán bộ, nhà giáo, nhân viên hằng năm theo bảng dưới đây:

Năm	Tổng số CB, GV, NV	Danh hiệu thi đua		Số Quyết định
		CSTĐ cấp cơ sở	LĐTT	
Năm 2021	181	1	97	Quyết định số 21/QĐ-CĐĐS ngày 11/01/2022
Năm 2022	174	3	90	Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 11/01/2023
Năm 2023	172	9	89	Quyết định số 37/QĐ-CĐĐS ngày 16/01/2024

(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng; 3.4.01-Danh sách xếp loại chất lượng công tác hằng tháng*; 3.2.06-Thông báo đánh giá viên chức; Phiếu đánh giá viên chức; bảng tổng hợp đánh giá viên chức và Quyết định đánh giá viên chức năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại Quy định Chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 956/QĐ-CĐĐS ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng quy định định mức giờ giảng cho nhà giáo vừa dạy trình độ trung cấp vừa dạy trình độ cao đẳng là 416 giờ/năm, đối với nhà giáo, nhà giáo chỉ dạy trình độ sơ cấp là 546 giờ/năm. Trường có đội ngũ nhà giáo cơ hữu, phù hợp về cơ cấu để thực hiện các chương trình dạy nghề. Ngoài nhà giáo cơ hữu, Nhà trường còn có đội ngũ nhà giáo kiêm nhiệm và thỉnh giảng. Đội ngũ nhà giáo cơ hữu của trường năm học 2021-2022 là 61 người, năm học 2022-2023 là 58 người, năm học 2023-2024 là 57 người và năm học 2024-2025 là 61 người. Nhà giáo kiêm nhiệm làm việc ở các phòng, trung tâm qui định định mức giờ giảng cụ thể như sau:

Đơn vị	Chức vụ	Định mức giờ giảng	Số lượng nhà giáo	Tổng giờ giảng định mức	Số nhà giáo quy đổi
Năm học 2021-2022			**39**	**2670**	**6.4**
	HT	30	1	30	
	PHT	40	1	40	
Phòng ĐT	TP	60	1	60	
	PTP	70	1	70	
	GV	80	4	320	
Phòng CT HSSV	TP	60	1	60	
	PTP	70	1	70	
	GV	80	2	160	
Phòng TCKT	TP	60	1	60	
Phòng TCHC	PTP	70	1	70	
Phòng QLTB &XDCB	TP	60	1	60	
Phòng KĐCLĐT	TP	60	1	60	
	GV	80	1	80	
TTNC &CG KHCN	GĐ	60	1	60	
TTTV GDNN	GĐ	60	1	60	
TTĐTLX	GĐ	60	1	60	
	PGĐ	70	1	70	
	GV	80	1	80	
PHCĐĐS ĐN	PGD	55	2	110	
	GV	80	4	320	
PHCĐĐS PN	GĐ	50	1	50	
	PGD	55	2	110	
	PTP	70	3	210	
	GV	80	5	400	
Năm học 2022-2023			**36**	**2465**	**5.9**
	PHT	40	2	80	
Phòng ĐT	PTP	70	1	70	
	GV	80	3	240	
Phòng CT HSSV	TP	60	1	60	
	PTP	70	1	70	
	GV	80	2	160	
Phòng TCKT	TP	60	1	60	
Phòng TCHC	TP	60	1	60	
Phòng QLTB &XDCB	TP	60	1	60	
Phòng KĐCLĐT	TP	60	1	60	
TTNC &CG KHCN	GĐ	60	1	60	
TTTV GDNN	GĐ	60	1	60	
TTĐTLX	GĐ	60	1	60	
	PGĐ	70	1	70	

	GV	80	1	80	
PHCĐĐS ĐN	GV	55	2	110	
	GV	80	4	320	
PHCĐĐS PN	GĐ	50	1	50	
	PGD	55	1	55	
	PTP	70	4	280	
	GV	80	5	400	
Năm học 2023-2024			**38**	**2560**	**6.2**
	PHT	40	3	120	
Phòng ĐT	PTP	70	1	70	
	GV	80	3	240	
Phòng CT HSSV	TP	60	1	60	
	PTP	70	1	70	
	GV	80	2	160	
Phòng TCKT	TP	60	1	60	
Phòng TCHC	TP	60	1	60	
Phòng QLTB &XDCB	TP	60	1	60	
Phòng KĐCLĐT	TP	60	1	60	
TTNC &CG KHCN	GĐ	60	1	60	
TTTV GDNN	GĐ	60	1	60	
TTĐTLX	GĐ	60	1	60	
	PGĐ	70	1	70	
	GV	80	1	80	
PHCĐĐS ĐN	PGD	55	2	110	
	GV	80	4	320	
PHCĐĐS PN	GĐ	50	1	50	
	PGD	55	2	110	
	PTP	70	4	280	
	GV	80	5	400	

Số lượng nhà giáo thỉnh giảng quy đổi cụ thể như sau:

Năm học	Số nhà giáo thỉnh giảng	Tổng số giờ giảng	Số nhà giáo quy đổi
Năm học 2021-2022	1	60	0.1
Năm học 2022-2023	2	60	0.1
Năm học 2023-2024	5	667	1.6

Như vậy, số nhà giáo quy đổi được xác định ở bảng sau:

Năm học	NG cơ hữu	NG kiêm nhiệm		NG thỉnh giảng		Cộng số lượng NG quy đổi
		Số lượng NG	Số NG Quy đổi	Số lượng NG	Số lượng NG Quy đổi	
2021-2022	61	39	6.4	1	0.1	67.5

2022-2023	58	36	5.9	2	0.1	64
2023-2024	57	38	6.2	5	1.6	64.8

(3.3.01-Danh sách trích ngang của nhà giáo tính đến tháng 11 năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Căn cứ kế hoạch đào tạo các lớp, các khoa phối hợp với Phòng Đào tạo phân công nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo bảo đảm tất cả các môn học, mô-đun đều có nhà giáo đứng lớp bảo đảm tỉ lệ quy đổi. Số HSSV quy đổi những năm qua thể hiện ở bảng dưới đây:

Hệ đào tạo	Khóa	HSSV năm thứ	Số HSSV theo QĐ mở lớp	Số HSSV có mặt trong năm	Số tháng học trong năm	Số SV qui đổi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Năm học 2021-2022			**549**	**549**		**526.4**
Chính quy	CĐ K12	3	17	17	4	6.8
	CĐ K13	2	34	34	10	34
	CĐ K14	2	55	55	10	55
	TC K52	1	179	179	10	179
	TC K53	2	233	233	10	233
Liên thông	TC K53	1	31	31	6	18.6
Năm học 2022-2023			**665**	**621**		**321.3**
Chính quy	CĐ K12	3	38	37	3	7.4
	CĐ K13	3	33	31	5	10.3
	CĐ K14	3	34	9	15	9.0
	CĐ K15	1	19	19	3	3.8
	TC K52	2	105	103	3	20.6
	TC K53	2	270	256	11	187.7
	TC K54	2	17	17	15	17.0
	TC K55	1	82	82	10	54.7
Liên thông	CĐ K15	1	28	28	3	5.6
	TC K55	1	39	39	2	5.2
Năm học 2023-2024			**569**	**523**		**500.5**
Chính quy	CĐ K14	3	25	21	5	10.5
	CĐ K15	2	58	28	10	28
	CĐ K16	1	30	30	6	18
	TC K55	2	165	155	10	155
	TC K56	1	159	157	10	157
Liên thông	CĐ K15	3	28	28	10	28
	TC K55	2	70	70	10	70
	TC K56	1	34	34	10	34

(3.5.01-Bảng tổng hợp các lớp đào tạo các năm học).

Từ số liệu trên, bảng tính tỷ lệ HSSV/NG quy đổi được thể hiện qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm học		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng số SV quy đổi	526.4	321.3	500.5
Số lượng nhà giáo quy đổi	67.5	64	64.8
Tỷ lệ quy đổi SV/GV	7.8	5.0	7.7

Như vậy, nhà trường bảo đảm tỷ lệ không quá 25 HSSV/GV.

- Số lượng nhà giáo cơ hữu của Trường đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định. Căn cứ số liệu thống kê giờ giảng của Phòng Đào tạo hằng năm học kết quả như sau:

Năm học	Tổng giờ giảng	Trong đó giờ giảng của:					
		NG cơ hữu	Tỷ lệ %	NG kiêm nhiệm	Tỷ lệ %	NG thỉnh giảng	Tỷ lệ %
2021-2022	13372	12694	94.93	618	4.62	60	0.45
2022-2023	36897.7	35897.7	97.29	970	2.63	30	0.08
2023-2024	33627.4	32278	95.99	1319.4	3.92	30	0.09

Qua bảng trên cho thấy, số giờ giảng của giảng viên cơ hữu chiếm trên 90% tổng số giờ giảng mỗi năm học. Trong các năm học qua có một số nhà giáo giảng dạy vượt số giờ tiêu chuẩn, Nhà trường đã thỏa thuận với nhà giáo và kí hợp đồng giảng dạy thêm với từng nhà giáo theo đúng quy định của Bộ luật Lao động *(3.5.02-Bảng tổng hợp thống kê giờ giảng của các giảng viên các năm học)*.

- Trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. Theo thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính số nhà giáo có trình độ sau đại học cụ thể như sau:

Năm học	Tổng số nhà giáo (cả nhà giáo kiêm nhiệm)	Nhà giáo có trình độ sau đại học	Tỷ lệ %
2021-2022	100	61	61
2022-2023	94	61	64.9
2023-2024	95	62	65.3

Như vậy, tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học bảo đảm trên 30% *(3.5.03-Danh sách trích ngang nhà giáo của Trường)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: *Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường trong đó có Điều 17 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo, tại khoản 1, mục a nêu rõ "Giảng dạy, ôn tập, phụ đạo cho HSSV với các môn học, mô-đun được phân công theo kế hoạch giảng dạy, chương trình và mục tiêu đào tạo…". Nhà giáo giảng dạy căn cứ vào Thời khóa biểu, chương trình môn học, mô-đun được quy định trong chương trình đào tạo để thực hiện các hoạt động dạy học như: lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, bài soạn giảng, được Trưởng Bộ môn ký duyệt trước khi lên lớp đảm bảo giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình và các yêu cầu trong chương trình đào tạo *(2.5.01-Thời khóa biểu các*

lớp năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.5.02-Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay của giảng viên năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.6.01-Sổ lên lớp các lớp).

Thông qua dự giờ thường xuyên, đột xuất và công tác kiểm tra đào tạo của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo và của các Bộ môn, đều khẳng định nhà giáo thực hiện đúng theo nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Trong công tác kiểm tra đào tạo định kì có kiểm tra đầy đủ nội dung hồ sơ giảng dạy của nhà giáo bao gồm: Kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay giảng viên, bài soạn giảng và giáo trình giảng dạy (*1.11.10-Sổ nhật ký kiểm tra đào tạo thường xuyên; 1.11.02-Kế hoạch và báo cáo kiểm tra đào tạo định kỳ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.11-Các biên bản kiểm tra đào tạo; 2.8.01-Kế hoạch dự giảng, thi giáo viên dạy giỏi và Phiếu đánh giá bài giảng; 2.8.02-Kế hoạch dự giờ thường xuyên và phiếu đánh giá bài giảng của khoa, trung tâm; 2.6.04-Sổ biên bản họp của các khoa, trung tâm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Để động viên đội ngũ cán bộ, nhà giáo tích cực học tập nâng cao trình độ, Nhà trường đã ban hành Qui định về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường trong đó quy định cụ thể các chính sách khuyến khích, đãi ngộ và kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn nâng cao trình độ. Cán bộ, viên chức và người lao động đào tạo trong nước được hỗ trợ mức học như: học thạc sỹ, tiến sỹ đúng chuyên ngành về Đường sắt hỗ trợ 100% học phí; các chuyên ngành gần và có liên quan đến Đường sắt như Quản trị kinh doanh vận tải, quản lý kinh tế, tài chính - Kế toán, cơ khí, điện, điện tử, tự động hóa, thông tin, viễn thông: hỗ trợ 50% học phí. Đối với đào tạo tại nước ngoài: được nhà trường đài thọ chi phí theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo chương trình cụ thể từng khóa học *(3.7.01-Qui định về đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên ban hành kèm theo quyết định số 564/QĐ-CĐĐS ngày 27/7/2020).*

Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách trả lương khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ như: Đạt danh hiệu nhà giáo dạy giỏi các cấp; đạt trình độ trên đại học; có khả năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giảng dạy và công tác. Chế độ trả lương khuyến khích cụ thể được quy định tại quy chế trả lương như: Điều 16: Trả lương khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn với hệ số khuyến khích từ 0,2 đến 0,9 mức lương cơ sở và ngoại ngữ khuyến khích từ 0,2 đến 0,5 mức lương cơ sở *(3.7.02-Qui chế trả lương ban hành kèm theo quyết định số 923/QĐ-CĐĐS ngày 25/10/2022).*

- Trong những năm qua, Trường đã thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhà trường hỗ trợ học phí và trả lương khuyến khích học tập cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể:

Năm	Chính sách	Số người	Tổng số tiền (đồng)
2021	Hỗ trợ học phí	01	7.150.000
	Trả lượng khuyến khích	0	0
2022	Hỗ trợ học phí	17	18.700.000
	Trả lượng khuyến khích	1	1.192.000
2023	Hỗ trợ học phí	27	143.100.000
	Trả lượng khuyến khích	1	2.508.000

2024	Hỗ trợ học phí	4	39.840.000
	Trả lượng khuyến khích	0	0

(3.7.03-Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.04-Các Quyết định cử cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.05-Các chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ của cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: *Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cuối mỗi năm, căn cứ khảo sát nhu cầu học tập của các đơn vị, Phòng Tổ chức – Hành chính của trường xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và triển khai thực hiện trong năm. Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo để triển khai các khóa đào tạo bồi dưỡng cho các đối tượng theo tiến độ từng tháng trong năm *(3.8.01-Kế hoạch thực hiện MTCL của phòng TC-HC năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.03-Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Mỗi lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị lập danh sách đối tượng đi học tập bồi dưỡng cho từng khóa học tương ứng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà giáo cụ thể như sau:

- Năm 2021 là 12 lượt người đi học trong đó: Cao học Quản trị kinh doanh cho 04 người theo các Quyết định số 389/QĐ.CĐNĐSPN 22/6/2018, 390/QĐ.CĐNĐSPN 22/6/2018, 391/QĐ.CĐNĐSPN 22/6/2018, 392/QĐ-CĐNĐSPN 22/6/2018; tham gia khoá Đào tạo JR East Fellowship 2021 theo Công điện số 72/CĐ-ĐS ngày 24/02/2021 của Tổng công ty ĐSVN; tham gia khoá đào tạo kinh nghiệm quốc gia về những sáng kiến trong ngành giao thông vận tải trong thời kỳ đại dịch và lợi ích lâu dài của chúng do Viện phát triển Giao thông Châu Á (AITD) theo Quyết định số 143/QĐ-ĐS ngày 01/3/2021 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Năm 2022 là 83 lượt người; đào tạo tập huấn công tác tuyển sinh theo Quyết định số 97/QĐ-CĐ ĐS ngày 22/02/2022; tập huấn bồi dưỡng, cập nhật kiến thức Quản trị tài chính theo QĐ số 546/QĐ-CĐ ĐS ngày 21/7/2022; huấn luyện BDNV bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và lớp huấn luyện quản lý và sử dụng công cụ hỗ trợ theo QĐ số 1055/QĐ-CĐ ĐS ngày 21/11/2022; Huấn luyện an toàn VSLĐ cho CB, GV, NV theo Thông báo số số 1014/TB-CĐ ĐS ngày 08/11/2022; Tập huấn chuyên môn Đường sắt đô thị theo Quyết định số 391/QĐ.CĐNĐSPN 31/5/2022;

- Năm 2023 là 232 lượt người với các khóa học Chuyển giao khoa học công nghệ đường sắt đô thị của Nhật Bản theo các Kế hoạch số 579/KH-CĐĐS ngày 05/7/2023, Kế hoạch số 711/KH-CĐĐS ngày 08/8/2023 và Kế hoạch số 894/KH-CĐĐS ngày 19/10/2023; khóa học Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng theo Quyết định Quyết định số 347/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2023 và khóa học Bồi dưỡng theo tiêu

chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học theo Quyết định số 716-1/QĐ-CĐĐS ngày 21/8/2023; Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho Bí thư chị bộ và cấp uỷ viên cơ sở theo Thông báo số 422-TB-ĐU ngày 18/9/2023;

- Năm 2024 là 131 lượt người với các Dự án nâng cao năng lực Quản lý AT ĐSVN theo các Công điện số 18/CĐ -ĐS ngày 16/01/2024, Công điện số 132/CĐ -ĐS ngày 29/3/2024, Công điện số 379/CĐ -ĐS ngày 31/7/2024, Công điện số 296/CĐ -ĐS ngày 17/6/2024; tham dự Chương trình Đào tạo thuộc dự án Hỗ trợ Kỹ thuật tăng cường năng lực đào tạo Đường sắt đô thị tại Nhật Bản theo Quyết định số 351/QĐ-CĐ ĐS ngày 13/5/2024; Tập huấn sử dụng "Sổ tay đảng viên điện tử" theo Công điện Số 669 - CĐ/ĐU ngày 01/8/2024 của Đảng ủy Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Tập huấn chính trị hè, kiến thức về phòng, chống tham nhũng theo Quyết định số 320/QĐ.CĐĐSPN 02/8/2024; Chuyển giao KHCN ĐSĐT theo chuyên ngành theo Kế hoạch số 83/KH-CĐ ĐS ngày 19/02/2024 *(1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.06-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.04-Các Quyết định cử cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.05-Các chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ của cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.8.02-Báo cáo kết quả của các khoá học, bồi dưỡng của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: *Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại điểm c, Mục 1, Điều 3 của Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Đường sắt quy định hằng năm nhà giáo của trường thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn tối thiểu 04 tuần. Căn cứ kế hoạch học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhà giáo và tình hình công tác của đơn vị, các khoa đề xuất cử nhà giáo đi thực tế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh theo tiến độ hằng tháng với phòng TCHC để tham mưu Hiệu trưởng liên hệ với đơn vị đến thực tế và ra Quyết định cử nhà giáo đi thực tế để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định, *(3.7.03-Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.9.01-Quyết định cử giảng viên đi thực tế hiện trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Số nhà giáo cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề của Trường các năm qua thể hiện bảng sau:

TT	Đơn vị	Tổng số nhà giáo năm học		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Khoa Công trình -Cơ khí	7	7	7
2	Khoa Đầu máy, toa xe	7	7	6
3	Khoa Thông tin tín hiệu – Điện	6	5	5
4	Khoa Vận tải – Kinh tế	8	6	6
5	Trung tâm NC&CG KHCN	3	3	3
6	Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng	7	7	6
7	Phân hiệu CĐĐS Phía Nam	13	12	12
	Tổng	**51**	**47**	**45**

Trong 3 năm gần đây, Trường đã cử các nhà giáo cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất ít nhất 4 tuần, cụ thể như sau:

- Năm học 2021-2022: Trường cử 51/51 nhà giáo chiếm 100% đi tìm hiểu thực tế tại các doanh nghiệp: Công ty TNHHMTV đường sắt Metro Hà Nội, ...
- Năm học 2022-2023: Trường cử 47/47 nhà giáo chiếm 100% đi tìm hiểu thực tế tại các doanh nghiệp: Công ty TNHHMTV đường sắt Metro Hà Nội, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội...
- Năm học 2023-2024: Trường cử 45/45 nhà giáo chiếm 100% đi tìm hiểu thực tế tại các doanh nghiệp: Chi nhánh Toa xe hàng Hà Nội, Công ty Cổ phần Quản lý ĐS Quảng Nam Đà Nẵng, Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội... *(3.9.02-Bảng tổng hợp Danh sách nhà giáo nhà giáo cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Sau mỗi đợt đi thực tế, nhà giáo thực hiện báo cáo tình hình và kết quả tìm hiểu thực tế có giấy xác nhận và đánh giá của doanh nghiệp *(3.9.03-Giấy xác nhận và đánh giá của doanh nghiệp của nhà giáo đi tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Như vậy qua các năm qua, số lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề của Trường được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động đạt 100%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: *Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc năm học, phòng Đào tạo phối hợp với phòng TCHC tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. Các báo cáo tổng kết công tác đào tạo các năm học từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024 trong đó có nội dung tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. Việc tổng kết, đánh giá được phản ánh qua các nội dung sau:

TT	Nội dung	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
		Lượt	Người	Lượt	Người	Lượt	Người
1	Đào tạo bồi dưỡng trong nước	3	2	60	36	199	69
2	Đào tạo bồi dưỡng ngoài nước					8	8
3	Đi thực tế hiện trường	4	4	19	19	14	14
4	Học tập nâng cao trình độ						
4.1	Tiến sĩ						
4.2	Thạc sĩ	4	4			6	6
4.3	Đại học, văn bằng 2					1	1
4.4	Trung cấp lí luận chính trị			4	4	4	4
4.5	Cao cấp lí luận chính trị	1	1				
	Tổng số	**12**	**11**	**83**	**59**	**232**	**102**

Số người tốt nghiệp trong năm học:

TT	Nội dung	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tiến sĩ		-	
2	Thạc sĩ		5	
3	Đại học, văn bằng 2		-	
4	Trung cấp lí luận chính trị		-	
	Tổng số		**5**	

(1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Vào cuối mỗi năm, Phòng Tổ chức – Hành chính tham mưu công tác đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, nhà giáo và nhân viên trong năm. Việc tổng kết đánh giá đào tạo bồi dưỡng nhằm phát hiện những tồn tại, sự chưa hợp lý của quá trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng. Từ đó có hướng để hoàn thiện và chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo. Qua việc tổng kết đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhà trường đánh giá sự vận dụng kiến thức đã học vào thực tế công tác để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo. Căn cứ Báo cáo kết quả của các khoá học, bồi dưỡng của nhà giáo nhà trường điều chỉnh nội dung trong kế hoạch đào tạo nhà giáo năm tiếp theo *(1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023).* Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo bồi dưỡng đối với nhà giáo, lấy kết quả đào tạo bồi dưỡng để đánh giá nhà giáo trong việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm. Qua đó, Trường có kế hoạch, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo trong toàn Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: *Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng và Quy chế bổ nhiệm, công nhận, bổ nhiệm lại, công nhận lại, miễn nhiệm, thôi công nhận, từ chức Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường Cao đẳng theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ LĐTB&XH quy định điều lệ trường cao đẳng.

- Thầy Phạm Văn Chánh được bổ nhiệm Hiệu trưởng từ tháng 02 năm 2016 đến tháng 04 năm 2022 theo Quyết định bổ nhiệm số 98/QĐ-ĐS ngày 26 tháng 01 năm 2016 và quyết định bổ nhiệm lại số 89/QĐ-ĐS ngày 17/02/2021 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Thầy Chánh có các văn bằng, chứng chỉ sau: Trình độ học vấn Thạc sỹ Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông; bằng cao cấp lý luận chính trị; trình độ B về ngoại ngữ và tin học.

- Cô Phan Thị Thu Hương được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách trường từ tháng 05 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023. Tháng 8/2020 cô Hương được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 501/QĐ-ĐS ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; tháng 5 năm 2022 được giao nhiệm vụ phụ trách trường theo Quyết định số 352/QĐ-ĐS ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Cô Hương, là nhà giáo và cán bộ quản lý của Khoa Vận tải - Kinh tế từ năm 1997 đến năm 2020. Cô Hương có đủ văn bằng chứng chỉ sau: bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh số 619 do Trường Đại học Giao thông vận tải cấp ngày 08 tháng 4 năm 2005,

Bằng cao cấp lý luận chính trị số 37 ngày 21/11/2016 do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cấp, Chứng chỉ Tiếng Anh C số 125769 ngày 26/6/1996, Chứng chỉ Tin học văn phòng số 51 ngày 10/4/1996, Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục số 9393 do Học viện Quản lý giáo dục cấp ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thầy Trương Trọng Vương được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách trường từ Tháng 3/2023 cho đến nay. Thầy Vương làm giảng viên bộ môn Đường sắt, trường Đại học Giao thông vận tải từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 4 năm 2022, làm cán bộ tại Ban Tổ chức – Cán bộ, TCT ĐSVN từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023. Tháng 3/2023 được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường theo Quyết định số 198/QĐ-ĐS ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Thầy Vương có đủ văn bằng chứng chỉ sau: Bằng Tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Đường bộ và đường sắt số 1061322015000015 do Trường Đại học Giao thông Tây Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015; Bằng Trung cấp lý luận chính trị số TC0028691 ngày 06/02/2023 do Trường Cán bộ Quản lý Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp; Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp số 175/QĐ-TCGDNN do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp ngày 19 tháng 4 năm 2022.

- Thầy Phạm Ngọc Hoàn được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng, làm giảng viên và cán bộ quản lý của phòng Đào tạo từ năm 2008 đến tháng 9 năm 2022 được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 896/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Thầy Hoàn có đủ văn bằng chứng chỉ sau: bằng Thạc sỹ Quản lý giáo dục số A108979 do trường Học viện quản lý giáo dục cấp ngày 10 tháng 4 năm 2015, Bằng trung cấp lý luận chính trị số 2159 ngày 15/01/2018 do Trường Cán bộ quản lý GTVT cấp, Chứng chỉ B1 Tiếng Anh số 53 ngày 26/01/2015, Chứng chỉ Tin học Kỹ thuật viên số 874359 ngày 13/8/2003, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý, quản trị doanh nghiệp số 461 do Trường Cao đẳng Đường sắt cấp ngày 23/11/2018 *(3.11.01-Các Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; 3.11.02-Danh sách trích ngang của Ban giám hiệu).*

- Về việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm được giao: Hội đồng trường ban hành Quyết định 645/QĐ-CĐĐS ngày 18/11/2021 về việc Quy định chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ của Hội đồng trường Cao đẳng Đường sắt nhiệm kì 2021-2026 trong đó nêu rõ nguyên tắc, chế độ làm việc, điều kiện họp Hội đồng, phân công cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng trường trong đó có Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng.

Đảng ủy trường ban hành Quy chế số 233-QC/ĐU-HĐT-HTr ngày 21/9/2022 quy định mối quan hệ công tác của Đảng ủy – Hội đồng trường và Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt. Hiệu trưởng đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban giám hiệu, trong đó quy định rõ nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm trong thực thi công việc (Thông báo số 192/TB-CĐ ĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng về việc tạm thời phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu trường). Kết quả thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng thể hiện qua việc xếp loại chất lượng đảng viên, đánh giá viên chức và bình xét thi đua hằng năm trong 3 năm qua như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Xếp loại chất lượng đảng viên	Đánh giá viên chức	Bình xét thi đua
Năm 2021				
Phạm Văn Chánh	HT	HTTVN	HTNV	LĐTT
Phan Thị Thu Hương	PHT	HTTVN	HTTVN	LĐTT
Năm 2022				

Phan Thị Thu Hương	PHT	HTTVN	HTTVN	LĐTT
Phạm Ngọc Hoàn	PHT	HTTVN	HTTVN	
Năm 2023				
Trương Trọng Vương	PHT	HTXSNV	HTXSNV	CSTĐCS
Phan Thị Thu Hương	PHT	HTXSNV	HTXSNV	CSTĐCS
Phạm Ngọc Hoàn	PHT	HTTVN	HTTVN	LĐTT

Trong 3 năm qua, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của Trường đã thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao và được các nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động Nhà trường tín nhiệm cao trong các kỳ đánh giá Ban Giám hiệu nhà trường hằng năm. Ban giám hiệu có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý trường. Hằng năm, cán bộ lãnh đạo trường được lấy phiếu tín nhiệm trong hội nghị Người lao động. Trong phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo có 2 phần về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, lối sống của lãnh đạo *(3.11.03-Phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*. Đối tượng lấy phiếu là toàn thể CB, GV, CNV toàn Trường. Sau khi tập hợp phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo, kết quả được gửi Đảng uỷ trường lưu hồ sơ và thông báo cho CB, GV, CNV. Kết quả, mức tín nhiệm của Ban giám hiệu về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức đều đạt tỷ lệ trên 60% *(3.11.04-Tổng hợp kết quả phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mỗi nhiệm kỳ, Đảng uỷ trường xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn sau, nhằm tạo điều kiện cho người được quy hoạch chuẩn bị về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị,... kỹ năng cần thiết cho vị trí quản lý *(3.2.04-Danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2025 và 2021-2026)*. Dựa vào quy hoạch cán bộ quản lý Nhà trường thực hiện đúng trình tự thủ tục về bổ nhiệm cán bộ như: tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lãnh đạo; xin ý kiến thường vụ Đảng ủy; ra Quyết định bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy định *(3.12.01-Quy định trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý tại trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 290/QĐ-CĐĐS ngày 10/4/2018)*.

Đối với bổ nhiệm mới cán bộ, Trường thực hiện quy trình bổ nhiệm 5 bước gồm: bước 1 Tập thể lãnh đạo trường thảo luận và đề xuất cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự; bước 2 tập thể lãnh đạo trường thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín; bước 3 Tập thể lãnh đạo trường căn cứ vào cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đáp ứng nhân sự, trên cơ sở KQ giới thiệu nhân sự ở Bước 2, lấy ý kiến BTV tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín; bước 4 Hội nghị cán bộ chủ chốt họp lấy phiếu nhân sự bằng phiếu kín; bước 5 Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự. Đối với bổ nhiệm lại cán bộ Trường thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 3 bước gồm: bước 1 Tập thể lãnh đạo Trường thảo luận, cho ý kiến đánh giá đối với nhân sự được bổ nhiệm lại, bước 2 Hội nghị cán bộ chủ chốt họp lấy phiếu nhân sự bằng phiếu kín; bước 3 Tập thể lãnh đạo Trường Lấy ý kiến BTV, Phân tích kết quả ở hội nghị cán bộ chủ chốt, biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín; miễn nhiệm cán bộ được thực hiện khi cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và có hành vi vi phạm pháp luật. Về tiêu chuẩn chức danh giới thiệu cán bộ: thực hiện đúng theo Quy định của cấp ủy đảng

cấp trên và Quy định số 227-QĐ/ĐU ngày 15/9/2022 của đảng bộ Trường về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãng đạo, quản lý thuộc diện Ban Chấp hành Đảng ủy Trường quản lý.

Trong các năm qua đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp phó trở lên của các phòng, khoa, trung tâm và phân hiệu được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định cụ thể như sau:

Năm	Tổng số cán bộ quản lí	Số cán bộ bổ nhiệm mới	Số cán bộ bổ nhiệm lại	Số cán bộ miễn nhiệm
2021	47	3	5	0
2022	45	4	4	0
2023	45	0	1	0
2024	45	4	1	0

(3.12.02-Hồ sơ lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm

Điểm tự đánh giá: *1 điểm*

Tiêu chuẩn 3.13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác. Trước khi tiến hành bổ nhiệm cán bộ, phòng TCHC căn cứ tiêu chuẩn cán bộ quy định trong Quy chế quản lý, tổ chức cán bộ của Đảng ủy trường tiến hành kiểm tra hồ sơ cá nhân về chuyên ngành đào tạo, trình độ phù hợp với chuyên môn đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn *(3.13.01-Quy chế quản lý, tổ chức cán bộ của Đảng ủy trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 62-QĐ/ĐU ngày 07/3/2018; 3.13.02-Danh sách trích ngang cán bộ quản lý).*

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lí của trường thể hiện bảng sau:

Năm	Tổng số CBQL	Trình độ chuyên môn			CCSP		Tin học		Ngoại ngữ		LLCT		QP AN
		ĐH	ThS	TS	ĐH	Khác	ĐH	Khác	ĐH	Khác	CC	TC	
2021	47	14	31	2	5	37	2	41	6	39	11	25	47
2022	45	9	35	1	5	36	2	40	6	38	7	24	45
2023	45	9	34	2	17	26	2	43	6	39	7	26	45
2024	45	9	34	2	16	27	3	42	6	39	6	26	45

Các trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều là những người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ít nhất 02 năm làm công tác quản lý đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Kế toán trưởng của Trường là ông Nguyễn Xuân Sơn có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế, cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật, cử nhân Ngoại ngữ, chứng chỉ kế toán trưởng, trình độ ngoại ngữ: cử nhân tiếng Anh, trình độ tin học B, được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng theo Quyết định số 57/QĐ-ĐS ngày 27 tháng 01 năm 2021 của TCT ĐSVN. Các vị trí đều đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định, năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý được đảm bảo. Các cán bộ quản lý thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ *(3.2.07-Thông báo hướng dẫn đánh giá, xếp loại; Phiếu đánh giá, xếp loại; Bảng*

tổng hợp đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.2.08-Quyết định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024). Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ quản lí qua các năm cụ thể như sau:

Năm	Tổng số cán bộ	Kết quả xếp loại				Số Quyết định
		HT XSNV	HT TNV	HT NV	Không HTNV	
2021	47		37	10		Số 84/QĐ-CĐ ĐS ngày 16/02/2022 của Trường CĐ ĐS; Số 122/QĐ-ĐS ngày 14/3/2022 của TCT ĐSVN.
2022	45	2	40	3		Số 88-1/QĐ-CĐ ĐS ngày 06/3/2023 của Trường CĐ ĐS; Số 212/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN; Số 216/QĐ-ĐS ngày 08/3/2023 của TCT ĐSVN.
2023	45	10	32	3		Số 08/QĐ-CĐ ĐS ngày 05/01/2024 của Trường CĐ ĐS; Số 232/QĐ-ĐS ngày 03/4/2024 của TCT ĐSVN.

Kết quả bình xét thi đua cuối năm đối với cán bộ quản lí các năm cụ thể như sau:

Năm	Tổng số cán bộ	Danh hiệu		Số Quyết định
		CSTĐCS	LĐTT	
2021	47		33	Quyết định số 21/QĐ-CĐĐS ngày 11/01/2022
2022	45	3	31	Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 11/01/2023
2023	45	9	20	Quyết định số 37/QĐ-CĐĐS ngày 16/01/2024

Như vậy, 3 năm gần đây đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: *Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường năm 2021 có 47 người, năm 2022 có 45 người, năm 2023 có 45 người và năm 2024 có 45 người. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu nhân lực của trường *(3.7.03-Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Trong các năm qua, số lượng cán bộ quản lí được học tập nâng cao trình độ cụ thể như sau:

- Năm 2021 là 06 lượt người tham gia đào tạo bồi dưỡng: tập huấn dân quân tự vệ theo Quyết định số 61/QĐ - CĐ ĐS ngày 02/02/2021; Cao học Quản trị kinh doanh cho 03 người theo Quyết định số 389/QĐ-CĐNĐSPN ngày 22/6/2018, 391/QĐ-CĐNĐSPN ngày 22/6/2018, 392/QĐ-CĐNĐSPN 22/6/2018.

- Năm 2022 là 40 lượt người gồm các khóa đào tạo: tập huấn công tác tuyển sinh theo Quyết định số 97/QĐ-CĐ ĐS ngày 22/02/2022; tập huấn bồi dưỡng, cập nhật kiến thức Quản trị tài chính theo QĐ số 546/QĐ-CĐ ĐS ngày 21/7/2022; Tập huấn chuyên môn Đường

sắt đô thị theo Quyết định số 391/QĐ.CĐNĐSPN 31/5/2022; Huấn luyện an toàn VSLĐ cho CB, GV, NV theo Thông báo số số 1014/TB-CĐ ĐS ngày 08/11/2022.

- Năm 2023 là 119 lượt người học tập các khóa học: Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng dành cho bí thư chi bộ và cấp ủy cơ sở theo Kế hoạch số 803/KH-CĐĐS ngày 20/9/2023; khóa học Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng theo Quyết định Quyết định số 347/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2023, và khóa học Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học theo Quyết định số 716-1/QĐ-CĐĐS ngày 21/8/2023.

- Năm 2024 là 68 lượt người tham gia các khóa học: bồi dưỡng kiến thức QP, AN theo các Quyết định số 172/QĐ-CĐ ĐS ngày 25/3/2024, QĐ số 596/QĐ-CĐĐS ngày 30/7/2024, QĐ số 292/QĐ-CĐ ĐS ngày 25/4/2024; tập huấn Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo QĐ số 53/QĐ-CĐ ĐS ngày 22/01/2024; các Dự án nâng cao năng lực Quản lý AT ĐSVN theo các Công điện số 132/CĐ-ĐS ngày 29/3/2024, Công điện số 379/CĐ-ĐS ngày 31/7/2024, Công điện số 296/CĐ-ĐS ngày 17/6/2024; tham dự Chương trình Đào tạo thuộc dự án Hỗ trợ Kỹ thuật tăng cường năng lực đào tạo Đường sắt đô thị tại Nhật Bản theo Quyết định số 351/QĐ-CĐ ĐS ngày 13/5/2024; Tập huấn sử dụng "Sổ tay đảng viên điện tử" theo Công điện Số 669 - CĐ/ĐU ngày 01/8/2024 của Đảng ủy Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Tập huấn chính trị hè, kiến thức về phòng, chống tham nhũng theo Quyết định số 320/QĐ.CĐĐSPN 02/8/2024; Chuyển giao KHCN ĐSĐT theo chuyên ngành theo Kế hoạch số 83/KH-CĐ ĐS ngày 19/02/2024 *(3.2.06-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.04-Các Quyết định cử cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.05-Các chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ của cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường làm việc tại các phòng, trung tâm năm 2021 có 68 người, năm 2022 có 66 người, năm 2023 có 65 người và năm 2024 có 68 người. Căn cứ đề án vị trí việc làm, nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, quy hoạch... đội ngũ viên chức, người lao động nhằm phát huy năng lực của từng người tại mỗi vị trí công tác *(3.2.03-Đề án vị trí việc làm của Trường năm 2015; năm 2018).*

Đội ngũ viên chức, người lao động làm việc trong các phòng, trung tâm, phân hiệu của Trường thường xuyên rà soát, tuyển dụng, điều chuyển đảm bảo có đủ về số lượng và cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực phù hợp với các vị trí làm việc tương ứng và hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao.

- Về trình độ chuyên môn của đội ngũ viên chức, người lao động của trường được thể hiện ở bảng dưới đây:

TT	Đơn vị làm việc	Số người	Trình độ chuyên môn			Tin học		Ngoại ngữ	
			ThS	ĐH, CĐ	Khác	ĐH	Khác	ĐH	Khác
	Năm 2021	**66**	**5**	**29**	**32**	**0**	**17**	**1**	**16**
1	Phòng ĐT	5	3	2			4		4
2	Phòng CTHSSV	2		2			1		
3	Phòng TCHC	11		5	6		3		2

4	Phòng QLTB&XDCB	3	1	1	1				1
5	Phòng TCKT	1	0	1			1		1
6	TTNC&CGKHCN								
7	TTĐTKTNVĐSML	7		5	2				
8	TTTVGDNN	3		3			2	1	1
9	TTĐTKTNVĐSSG	2	1	1			1		2
10	TTĐTLX	3		1	2		1		
11	PHCĐĐSĐN	9		2	7		2		2
12	PHCĐĐSPN	20		6	14		2		3
	Năm 2022	**64**	**4**	**28**	**32**	**0**	**15**	**0**	**17**
1	Phòng ĐT	4	3	1			3		3
2	Phòng CTHSSV	2		2			1		
3	Phòng TCHC	13		7	6		3		4
4	Phòng QLTB&XDCB	3	1	1	1				1
5	Phòng TCKT	1	0	1			1		1
6	TTNC&CGKHCN								
7	TTĐTKTNVĐSML	7		5	2				
8	TTTVGDNN	2		2			1		1
9	TTĐTKTNVĐSSG	1		1					1
10	TTĐTLX	3		1	2		1		
11	PHCĐĐSĐN	8		2	6		3		3
12	PHCĐĐSPN	20		5	15		2		3
	Năm 2023	**64**	**4**	**28**	**32**	**0**	**15**	**0**	**16**
1	Phòng ĐT	4	3	1			3		3
2	Phòng CTHSSV	2		2			1		
3	Phòng TCHC	13		7	6		3		4
4	Phòng QLTB&XDCB	3	1	1	1				1
5	Phòng TCKT	1		1			1		1
6	TTNC&CGKHCN	0							
7	TTĐTKTNVĐSML	7		5	2				
8	TTTVGDNN	2		2			1		1
9	TTĐTKTNVĐSSG	1		1			1		1
10	TTĐTLX	3		1	2		1		
11	PHCĐĐSĐN	7		2	5		2		2
12	PHCĐĐSPN	21		5	16		2		3
	Năm 2024	**67**	**6**	**30**	**31**	**0**	**15**	**0**	**16**
1	Phòng ĐT	3	2	1			2		2
2	Phòng CTHSSV	2		2			1		
3	Phòng TCHC	12		6	6		2		3
4	Phòng QLTB&XDCB	3	1	1	1				1

5	Phòng TCKT	2		2			1		2
6	TTNC&CGKHCN	1		1			1		1
7	TTĐTKTNVĐSML	7		5	2				
8	TTTVGDNN	3	1	2			2		2
9	Chuyên gia	2	2						
10	TTĐTKTNVĐSSG	1		1			1		
11	TTĐTLX	3		1	2		1		
12	PHCĐĐSĐN	7		3	4		2		2
13	PHCĐĐSPN	21		5	16		2		3

Người phụ trách bộ phận y tế có chuyên môn nghiệp vụ đã được qua đào tạo đúng chuyên môn nghề theo quy định, cụ thể: tại trụ sở Hà Nội, cô Lại Thị Phương Chi có bằng Cử nhân Điều dưỡng; tại phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng, thầy Nguyễn Thế Tĩnh, có bằng Cao đẳng cử nhân thực hành ngành Dược; tại phân hiệu CĐĐS Phía Nam, cô Hoàng Kim Nhung, có bằng Trung cấp Y. Nhân viên phụ trách thư viện có trình độ đại học Thông tin thư viện theo quy định *(3.15.01-Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của Trường).*

- Đội ngũ viên chức, người lao động hoàn thành tốt công việc được giao, thể hiện trong phiếu đánh giá viên chức hằng năm và phiếu bình chất năng suất tháng và xét thi đua hằng năm. Kết quả đánh giá viên chức và bình xét thi đua hằng năm cho đội ngũ viên chức, người lao động thể hiện cụ thể như sau:

Năm	Số viên chức, NLĐ	Số người được bình xét	Danh hiệu			
			HTXSNV	HTTNV	HTNV	Không HTNV
2021	66	58		45	13	
2022	64	53		46	7	
2023	64	50		45	5	

(3.2.07-Thông báo hướng dẫn đánh giá, xếp loại; Phiếu đánh giá, xếp loại; Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.2.08-Quyết định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

- Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượt người được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức, người lao động của Trường thể hiện ở bảng dưới đây:

Năm	Tổng số viên chức, người lao động	Số viên chức, người lao động được bồi dưỡng nâng cao trình độ	Tỷ lệ %
2021	66	02	3.0
2022	64	68	106.2
2023	64	10	15.6
2024	67	10	14.9

(3.2.06-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.7.04-Các Quyết định cử cán bộ, nhà giáo, nhân viên của

Trường đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 3.14.01-Các Quyết định cử viên chức đi học năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Như vậy, tổng số lượt đội ngũ viên chức, người lao động của Trường được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong 3 năm 2021, 2022 và 2023 đạt 118% đạt tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm (Đạt)

TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về chương trình, giáo trình của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.
- Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.
- Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

** Những tồn tại:*

Không.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phòng Đào tạo tổ chức rà soát CTĐT, giáo trình đào tạo đưa vào kế hoạch biên soạn, chỉnh lí CTĐT, giáo trình năm 2025 nếu cần.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	**15/15**
Tiêu chuẩn 4.1	1
Tiêu chuẩn 4.2	1
Tiêu chuẩn 4.3	1
Tiêu chuẩn 4.4	1
Tiêu chuẩn 4.5	1
Tiêu chuẩn 4.6	1
Tiêu chuẩn 4.7	1
Tiêu chuẩn 4.8	1
Tiêu chuẩn 4.9	1
Tiêu chuẩn 4.10	1
Tiêu chuẩn 4.11	1
Tiêu chuẩn 4.12	1
Tiêu chuẩn 4.13	1
Tiêu chuẩn 4.14	1
Tiêu chuẩn 4.15	1

Tiêu chuẩn 4.1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng Quy trình Phát triển CTĐT ban hành kèm theo Quyết định số 760/QĐ-CĐĐS ngày 15/9/2020 của Hiệu trưởng, Trường đã tổ chức xây dựng các CTĐT bảo đảm Trường có đầy đủ Chương trình đào tạo các chuyên ngành, các nghề mà Trường đào tạo. Hiện nay, Trường có 10 CTĐT trình độ Cao đẳng, 14 CTĐT trình độ Trung cấp được xây dựng theo quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh &Xã hội và 32 CTĐT trình độ Sơ cấp xây dựng theo quy định tại Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, và sửa đổi theo Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Các chương trình đào tạo nghề của Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký giáo dục nghề nghiệp. Số lượng CTĐT của Trường 3 năm gần đây như sau:

STT	Tên ngành/nghề đăng ký đào tạo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Trình độ cao đẳng	9	9	10	10
2	Trình độ Trung cấp	13	13	14	14
3	Trình độ sơ cấp	25	26	32	32
	Tổng cộng:	**47**	**48**	**56**	**56**

(Năm 2021: Giấy chứng nhận số 14 và 14[a]; Năm 2022: Giấy chứng nhận số 14, 14a và 14b; Năm 2023: Giấy chứng nhận số 66).

Cụ thể các chương trình đào tạo của Trường được thống kê ở bảng sau:

TT	Tên CTĐT	Trình độ ĐT	Số Quyết định ban hành
I	**Nhóm ngành nghề Công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng**		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông ĐSĐT	TC	362/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 891/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ĐSĐT	SC	1209/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
3	Bảo trì cầu - đường sắt	SC	658/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
4	Bảo trì đường sắt	SC	659/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
5	Duy tu, sửa chữa cầu - đường sắt	SC	660/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
6	Duy tu, sửa chữa đường sắt	SC	661/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
7	Thi công, duy tu sửa chữa đường sắt ray hàn dài	SC	657/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
8	Thi công đặt ray ĐSĐT	SC	259/QĐ-CĐĐS ngày 11/4/2017; 1212/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
9	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	CĐ	689/QĐ-CĐNĐS ngày 07/9/2009; 359/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông ĐS	TC	298/QĐ-CĐĐS ngày 26/4/2024
10	Xây dựng đường sắt	SC	938/QĐ-CĐĐS ngày 09/10/2019
II	**Nhóm ngành nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí**		
1	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng	CĐ	346/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017

TT	Tên CTĐT	Trình độ ĐT	Số Quyết định ban hành
	đầu máy		
	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	TC	347/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 323/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
2	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	TC	348/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 1333/QĐ-CĐĐS ngày 17/12/2018
III	**Nhóm ngành nghề Kĩ thuật cơ khí và Cơ kĩ thuật**		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa tàu điện	SC	365/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 1208/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
2	Cắt gọt kim loại	SC	1202/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 542/QĐ-CĐĐS ngày 21/7/2022
3	Hàn	SC	1200/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 871/QĐ-CĐĐS ngày 12/10/2023
4	Khám chữa toa xe	SC	1104/QĐ-CĐĐS ngày 15/11/2019; 559/QĐ-CĐĐS ngày 29/6/2023
5	Sửa chữa đầu máy	SC	1201/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 870/QĐ-CĐĐS ngày 12/10/2023
6	Vận hành cần trục	SC	1196/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 329/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
7	Vận hành máy xúc	SC	1104/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
8	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	TC	361/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
IV	**Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin**		
1	Quản trị mạng máy tính	CĐ	367/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
V	**Nhóm ngành nghề Kế toán, kiểm toán**		
1	Kế toán doanh nghiệp	CĐ	368/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
VI	**Nhóm ngành, nghề Kĩ thuật điện, điện tử và viễn thông**		
1	Điện công nghiệp	CĐ	371/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 116/QĐ-CĐĐS ngày 25/02/2019
	Điện công nghiệp	TC	655/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
2	Điện dân dụng	TC	374/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
3	Kĩ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	TC	269/QĐ-CĐĐS ngày 29/4/2020; 403/QĐ-CĐĐS ngày 08/6/2022
4	Lắp đặt sửa chữa thiết bị lạnh	SC	1193/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
5	Sửa chữa hệ thống điện ĐSĐT	SC	1210/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
6	Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp	SC	1211/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
7	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	TC	358/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
VII	**Nhóm ngành nghề Khai thác vận tải**		
1	Điều hành ĐSĐT	CĐ	114/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2024
	Điều hành ĐSĐT	TC	889/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019; 114/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2023
	Điều hành ĐSĐT	SC	1134/QĐ-CĐNĐS ngày 31/12/2015; 1205/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
2	Điều hành chạy tàu hỏa	CĐ	1366/QĐ-CĐĐS ngày 24/7/2018;

TT	Tên CTĐT	Trình độ ĐT	Số Quyết định ban hành
			318/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
	Điều hành chạy tàu hỏa	TC	593/QĐ-CĐĐS ngày 12/7/2023; 320/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
3	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	SC	479/QĐ-CĐĐS ngày 06/6/2019; 324/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
4	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	SC	888/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019; 656/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
5	Lái tàu điện	TC	610/QĐ-CĐĐS ngày 10/7/2020; 115/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2023
6	Lái tàu đường sắt	CĐ	373/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 783/QĐ-CĐĐS ngày 15/9/2023
	Lái tàu đường sắt	TC	1322/QĐ-CĐĐS ngày 24/7/2018; 784/QĐ-CĐĐS ngày 15/9/2023
7	Lái xe nâng hàng	SC	459/QĐ-CĐĐS ngày 26/6/2020; 328/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
8	Lái xe ô tô hạng B2	SC	1197/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 431/QĐ-CĐĐS ngày 15/6/2022
9	Lái xe ô tô hạng C	SC	1197/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 430/QĐ-CĐĐS ngày 15/6/2022
10	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	SC	1190/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 326/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
11	Nhân viên phục vụ trên tàu, dưới ga	SC	763/QĐ-CĐNĐS ngày 30/8/2016; 1199/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
12	Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT	SC	654/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
13	Nhân viên vé ĐSĐT	SC	653/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
14	Thông tin tín hiệu đường sắt	CĐ	356/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 319/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
	Thông tin tín hiệu đường sắt	TC	357/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017; 322/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
	Thông tin tín hiệu đường sắt	SC	1203/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019; 711/QĐ-CĐĐS ngày 30/8/2022
15	Thông tin tín hiệu ĐSĐT	SC	1134/QĐ-CĐNĐS ngày 31/12/2015; 1206/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
16	Vận tải hành khách ĐSĐT	SC	1134/QĐ-CĐNĐS ngày 31/12/2015; 1207/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019
VIII	**Nhóm ngành nghề Quản trị - Quản lí**		
1	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	CĐ	351/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017
IX	**Nhóm nghề sơ cấp thể dục, thể thao**		
1	Kĩ thuật golf	SC	639/QĐ-CĐĐS ngày 17/8/2022

(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và

66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp; 4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo). Như vậy, Trường có đầy đủ CTĐT các nghề mà trường đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 03/2017TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh & Xã hội; Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, nhà trường tổ chức xây dựng, chỉnh lý các chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp đảm bảo theo đúng quy định. Cụ thể: lập kế hoạch biên soạn, chỉnh lý chương trình đào tạo hằng năm *(4.2.01-Kế hoạch biên soạn CTĐT năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*, ra các quyết định thành lập Ban biên soạn CTĐT, ban phản biện CTĐT. Các thành viên Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình; có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề cần xây dựng *(4.2.02-Các quyết định thành lập Ban chủ nhiệm; Ban phản biện CTĐT).*

Ban biên soạn CTĐT thực hiện biên soạn bản dự thảo, hoàn chỉnh bản dự thảo gửi Thư kí Hội đồng thẩm định. Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp và không bao gồm thành viên của Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, có trình độ đại học trở lên và ít nhất 5 năm kinh nghiệm. Hội đồng thẩm định có ít nhất một phần ba thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo và ngành, nghề tương ứng. Hội đồng thẩm định tổ chức họp thẩm định chương trình, tổng hợp ý kiến góp ý, làm biên bản họp Hội đồng thẩm định *(4.2.03-Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Kế hoạch thẩm định CTĐT; 4.2.04-Các phiếu phản biện, đánh giá CTĐT; 4.2.05-Kế hoạch thẩm định CTĐT; các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; biên bản nghiệm thu CTĐT).*

Sau khi Ban biên soạn chỉnh lí, hoàn thiện, gửi Thư kí Hội đồng Thẩm định chương trình kiểm tra rà soát, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo. Trong các năm qua, các CTĐT đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành. Trong các năm qua, Nhà trường tổ chức biên soạn các chương trình đào tạo theo đúng quy định, quy trình cụ thể như sau:

- Năm học 2021-2022 Trường tổ chức biên soạn 04 CTĐT gồm: CĐ Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK; SC Nhân viên vé ĐSĐT; SC NV PVTT tại ga ĐSĐT; SC Lái xe ô tô B2, C;

- Năm học 2022-2023 Trường tổ chức biên soạn 10 CTĐT gồm: CĐ Điều hành ĐSĐT; TC Điều hành ĐSĐT; TC Lái tàu điện; TC Điện công nghiệp; SC Nhân viên vé ĐSĐT; SC Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT; SC Duy tu, sửa chữa ĐS; SC Duy tu, sửa chữa cầu ĐS; SC Thi công, duy tu sửa chữa ĐS ray hàn dài; SC Gác ghi ghép nối ĐMTX;

- Năm học 2023-2024 Trường tổ chức biên soạn, chỉnh lí 12 CTĐT gồm: CĐ Điều hành chạy tàu hỏa; CĐ Thông tin tín hiệu đường sắt; TC Điều hành chạy tàu hỏa; TC Điều hành chạy tàu hỏa Liên thông từ Sơ cấp GGGNĐMTX; TC Thông tin tín hiệu đường sắt; TC Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy; TC Xây dựng & bảo dưỡng

công trình GTĐS; SC Gác đường ngang, GCC,GHĐS (03&06 tháng); SC Duy tu, sửa chữa cầu-đường sắt; SC Lái và vận hành PT chuyên dùng đường sắt; SC Lái xe nâng hàng; SC Vận hành cần trục *(4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo).*

Các chương trình đào tạo nghề của Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký giáo dục nghề nghiệp (*1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Trường đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 14 nghề trình độ trung cấp. Trong đó, 11 nghề Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành gồm: Kế toán doanh nghiệp; Quản trị mạng máy tính; Điện công nghiệp, Điện dân dụng, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí; Lái tàu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa; Xây dựng và bảo dưỡng CTGTĐS; Vận hành, sửa chữa máy thi công ĐS, Thông tin tín hiệu ĐS, 6 nghề còn lại năm 2022 Trường đã ban hành Quyết định về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học trình độ Trung cấp, Cao đẳng gồm các nghề: Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông ĐSĐT; Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy; Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng toa xe; Lái tàu điện; Điều hành đường sắt đô thị; Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt. Như vậy, 100% CTĐT của trường có chuẩn đầu ra.

Căn cứ quy định chuẩn đầu ra đã ban hành và căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày ngày 01 tháng 3 năm 2017 và Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Trường đã lập kế hoạch và tổ chức xây dựng, thẩm định CTĐT theo đúng quy định. Vì vậy các CTĐT được xây dựng, điều chỉnh điều chỉnh, bổ sung dựa trên cơ sở của chuẩn đầu ra đã được ban hành.

Từng chương trình đào tạo tuân theo mẫu định dạng chung có mục tiêu được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng tương ứng với từng trình độ đào tạo; phương pháp, hình thức đào tạo được quy định trong phần mục tiêu của chương trình và hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo đều có chương trình môn học, mô-đun chi tiết trong đó quy định về cách thức đánh giá kết quả học tập cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề trong phần hướng dẫn sử dụng chương trình môn học, mô-đun trong đó có quy định kiểm tra đánh giá trước khi thực hiện, trong quá trình thực hiện và sau khi kết thúc môn đun, môn học. Mục tiêu của các CTĐT thể hiện cụ thể: Mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể: trong các CTĐT các nghề, từng trình độ đào tạo đều đặt mục tiêu cụ thể về kiến thức, về kỹ năng nghề; năng lực về

chính trị, pháp luật; đạo đức, tác phong công nghiệp; thể chất, quốc phòng; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Về chuẩn kiến thức: Tại mục 2: Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, trong các CTĐT các ngành, nghề, từng trình độ đào tạo thể hiện rõ thời gian đào tạo của khóa học, khối lượng kiến thức. Tại mục 3: Nội dung chương trình thể hiện rõ số lượng, số tín chỉ, thời gian học của các môn học, mô-đun đào tạo, thời gian đào tạo của mỗi môn học, mô-đun. Trong chương trình chi tiết các MH/MĐ của tất cả các CTĐT trình độ CĐ, TC của Trường đã xây dựng mục tiêu của MH/MĐ: Mục II."Mục tiêu MH/MĐ" bao gồm: Mục tiêu về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đối với các chương hoặc bài cũng đều có mục tiêu chương/bài thể hiện ở mục 1 của chương hoặc bài học.

- Về phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, các CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đều xây dựng theo mẫu tại Thông tư 03/2017 của Bộ LĐTBXH theo hình thức đào tạo chính qui.

- Về cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định thể hiện ở mục V của chương trình môn học, mô-đun: Nội dung và phương pháp đánh giá *(4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: *Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khi xây dựng hoặc chỉnh lý Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH với cơ cấu của ban bao gồm: chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên thư ký và các thành viên là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển CTĐT, có kinh nghiệm ít nhất 5 năm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề cần xây dựng. Về Hội đồng thẩm định CTĐT được thành lập gồm ít nhất 7 thành viên, đảm bảo có có ít nhất 01 ủy viên phản biện thuộc một cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và 01 ủy viên đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, thống kê cụ thể từng đợt như sau:

Năm 2021:

Ngành/nghề đào tạo	Thành phần trong BCN/HĐTĐ	Số lượng tham gia xây dựng/chỉnh sửa CTĐT	Số lượng tham gia HĐTĐ
CĐ. Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		
SC. Nhân viên vé ĐSĐT	Nhà giáo	2	5
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		
SC. NV PVTT tại ga ĐSĐT	Nhà giáo	2	5
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		
SC. Lái xe ô tô B2, C	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		

Ngành/nghề đào tạo	Thành phần trong BCN/HĐTĐ	Số lượng tham gia xây dựng/chỉnh sửa CTĐT	Số lượng tham gia HĐTĐ
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		

Năm học 2022 – 2023

Ngành/nghề đào tạo	Thành phần trong BCN/HĐTĐ	Số lượng tham gia xây dựng/chỉnh sửa CTĐT	Số lượng tham gia HĐTĐ
CĐ. Điều hành đường sắt đô thị	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1
TC. Điều hành đường sắt đô thị	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1
TC. Lái tàu điện	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1
TC. Điện công nghiệp	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		2
SC. Nhân viên vé ĐSĐT	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1
SC. Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1
SC. Duy tu, sửa chữa ĐS	Nhà giáo	3	3
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		2
SC. Duy tu, sửa chữa cầu ĐS	Nhà giáo	3	3
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		2
SC. Thi công, duy tu sửa chữa ĐS ray hàn dài	Nhà giáo	3	3
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		2
SC. Gác ghi ghép nối ĐMTX	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		1

Năm học 2023 – 2024

Ngành/nghề đào tạo	Thành phần trong BCN/HĐTĐ	Số lượng tham gia xây dựng/chỉnh sửa CTĐT	Số lượng tham gia HĐTĐ
CĐ. Điều hành	Nhà giáo	3	4

Ngành/nghề đào tạo	Thành phần trong BCN/HĐTĐ	Số lượng tham gia xây dựng/chỉnh sửa CTĐT	Số lượng tham gia HĐTĐ
chạy tàu hỏa	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
CĐ. Thông tin tín hiệu đường sắt	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
TC. Điều hành chạy tàu hỏa	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
TC. ĐHCTH Liên thông từ SC Gác ghi, ghép nối ĐMTX	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
TC. Thông tin tín hiệu đường sắt	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
TC. Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
TC. Xây dựng & bảo dưỡng công trình GTĐS	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
SC. GĐN, GCC, GHĐS	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
SC. Duy tu, sửa chữa cầu-đường sắt	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	2
SC. Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng ĐS	Nhà giáo	3	5
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	1
SC. Lái xe nâng hàng	Nhà giáo	3	4
	Đại diện CQQLGD		2
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ		
SC. Vận hành cần trục	Nhà giáo	2	3
	Đại diện CQQLGD		1
	CSGDNN khác/đơn vị SDLĐ	1	1

(4.2.02-Các quyết định thành lập Ban chủ nhiệm; Ban phản biện CTĐT; 4.2.03-Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Kế hoạch thẩm định CTĐT; 4.2.05-Kế hoạch thẩm định CTĐT; các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; biên bản nghiệm thu CTĐT).

Như vậy, 100% CTĐT của Trường được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm đảm bảo tính thực tiễn của CTĐT đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, Nhà trường có quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định số 670/QĐ-CĐĐS ngày 15/9/2020 của Hiệu trưởng, trong đó nêu rõ mục đích của quy trình nhằm giúp cho việc xây dựng CTĐT bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong ngành và ngoài xã hội *(1.7.04-Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Trong tất cả các biên bản hội nghị, hội thảo, phiếu xin ý kiến chuyên gia, phiếu thẩm định, biên bản thẩm định... của các CTĐT của trường đều có nội dung đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, đặc biệt các ý kiến của các chuyên gia từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nội dung thẩm định 5 "Nội dung của CTĐT đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, bảo đảm tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với phát triển kinh tế xã hội" của 100% thành viên HĐTĐ là đạt yêu cầu và phần kết luận các phiếu đều đánh giá các CTĐT đạt mức độ (1) "Đạt yêu cầu không cần chỉnh sửa" và mức độ (2) "Đạt yêu cầu nhưng cần phải chỉnh sửa, bổ sung". Các Biên bản thẩm định đều đánh giá các CTĐT của trường thể hiện được tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và kết luận CTĐT đảm bảo yêu cầu đề nghị ban hành *(4.2.04-Các phiếu phản biện, đánh giá CTĐT; 4.2.05-Kế hoạch thẩm định CTĐT; các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; biên bản nghiệm thu CTĐT; 4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng CTĐT luôn bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống quốc dân theo qui định nhằm tạo điều kiện cho người học có thể nâng cao trình độ chuyên môn của mình một cách thuận lợi. Khi xây dựng CTĐT cũng như chương trình môn học đều có một số học phần là kiến thức cơ sở ngành để HSSV sau khi học xong CTĐT trung cấp, cao đẳng có thể học tiếp ở bậc học cao hơn. Trường đã ban hành một số chương trình đào tạo các ngành đang đào tạo hiện nay. Các chương trình đào tạo của Trường đều có cấu trúc theo các nhóm kiến thức: Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, nghề và kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Vì thế, việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là khá thuận lợi.

Trong những năm qua, Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học để liên thông từ trình độ đào tạo cao đẳng lên đại học như: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Trường Đại Công nghệ Giao thông Vận tải để xây dựng CTĐT và tổ chức các khóa đào tạo liên thông. Nhà trường đã có biên bản thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo ngày 22/03/2023 với Trường Đại học CNGTVT về việc liên kết đào tạo các ngành nghề, hợp tác giảng dạy thực hành, hợp tác trao đổi giảng viên, xây dựng chương trình đào tạo và trong công tác tuyển sinh. Ngày 30/05/2024 Nhà trường đã có biên bản thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học GTVT về việc đào tạo chuyên ngành Thông tin tín hiệu đường sắt liên thông từ trình độ Cao đẳng. Căn cứ CTĐT cao đẳng TTTH của Nhà trường và

CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học GTVT, theo quy định về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của người học trong CTĐT trình độ đại học, người học sẽ được các cơ sở giáo dục đại học công nhận khối lượng kiến thức người học đã tích lũy và được miễn trừ khi học CTĐT liên thông lên đại học *(4.6.03-Thông báo tuyển sinh liên thông trình độ Đại học của Trường Đại học GTVT; 4.6.04-Đề án tuyển sinh liên thông của ĐHGTVT).*

Năm 2023, CTĐT Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-CĐĐS ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng, gồm 19 môn học, mô-đun gồm 6 môn học chung, 02 môn học cơ sở và 11 môn học, mô-đun chuyên môn nghề. Đối với nghề Điều hành chạy tàu hỏa CTĐT Điều hành chạy tàu liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 1004/QĐ-CĐĐS ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng, gồm 14 môn học, mô-đun gồm 6 môn học chung và 8 môn học, mô-đun chuyên môn nghề *(4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: *Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Giấy đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường được phép đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 14 nghề trình độ trung cấp và 32 nghề trình độ sơ cấp. Tuy nhiên trong các năm qua Nhà trường chỉ đào tạo 3 nghề trình độ cao đẳng gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa và Điều hành đường sắt đô thị; 6 nghề trình độ trung cấp gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa, Điều hành đường sắt đô thị; Lái tàu đường sắt, Lái tàu điện và Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt; 14 nghề trình độ trung cấp gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Gác ghi, ghép nối ĐMTX, Nhân viên vé ĐSĐT, Nhân viên phục vụ chạy tàu ĐSĐT, Sửa chữa đầu máy, Khám chữa toa xe, Duy tu, sửa chữa đường sắt, Thi công, duy tu sửa chữa đường sắt ray hàn dài, Cắt gọt kim loại, Hàn, Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt, Lái xe ô tô hạng B2, Lái xe ô tô hạng C và Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt.

Do sự đổi mới không ngừng của kỹ thuật, công nghệ sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong ngành Đường sắt và xã hội, phòng Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn tham mưu cho nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Hằng năm, theo Quy trình tổ chức xây dựng, chỉnh lý CTĐT, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá các chương trình đào tạo đã ban hành *(4.7.01-Quy trình Cập nhật, đổi mới CTĐT; 4.7.02-Thông báo rà soát CTĐT; Phiếu đề xuất chỉnh lí CTĐT).*

Sau khi rà soát, đánh giá, các CTĐT chưa phù hợp được nhà trường đưa vào kế hoạch chỉnh lý, bổ sung. Số các CTĐT được rà soát, chỉnh lý qua các năm qua cụ thể như sau:

TT	Tên CTĐT	Số Quyết định ban hành lần đầu	Số Quyết định ban hành chỉnh lí
	Năm học 2021-2022		
1	CĐ. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	269/QĐ-CĐĐS ngày 29/4/2020	403/QĐ-CĐĐS ngày 08/6/2022
2	SC. Lái xe ôtô B2	1197/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019	431/QĐ-CĐĐS ngày 15/6/2022
3	SC. Lái xe ôtô C	1197/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019	430/QĐ-CĐĐS ngày 15/6/2022

TT	Tên CTĐT	Số Quyết định ban hành lần đầu	Số Quyết định ban hành chỉnh lí
	Năm học 2022-2023		
1	TC. Điều hành đường sắt đô thị	889/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019	114/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2023
2	TC. Lái tàu điện	610/QĐ-CĐĐS ngày 10/7/2020	115/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2023
3	SC. Nhân viên Vé ĐSĐT	405/QĐ-CĐĐS ngày 09/6/2022	653/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
4	SC. Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT	404/QĐ-CĐĐS ngày 09/6/2022	654/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
5	SC. Gác ghi ghép nối ĐMTX	888/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019	656/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023
	Năm học 2023-2024		
1	CĐ. Điều hành chạy tàu hỏa	1366/QĐ-CĐĐS ngày 24/7/2018	318/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
2	CĐ. Thông tin tín hiệu đường sắt	356/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	319/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
3	TC. Điều hành chạy tàu hỏa	593/QĐ-CĐĐS ngày 12/7/2023	320/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
4	TC. Điều hành chạy tàu hỏa Liên thông từ Sơ cấp GG, GN ĐMTX	603/QĐ-CĐĐS ngày 25/4/2019	569/QĐ-CĐĐS ngày 18/7/2024
5	TC. Thông tin tín hiệu đường sắt	357/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	322/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
6	TC. Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy	347/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	323/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
7	TC. Xây dựng & bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt		298/QĐ-CĐĐS ngày 26/4/2024
8	SC. Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt (03&06 tháng)	479/QĐ-CĐĐS ngày 06/6/2019	324/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
10	SC. Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	1190/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019	326/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
11	SC. Lái xe nâng hàng	459/QĐ-CĐĐS ngày 26/6/2020	328/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024
12	SC. Vận hành cần trục	1124/QĐ-CĐĐS ngày 14/12/2022	329/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024

(4.2.01-Kế hoạch biên soạn CTĐT năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.2.02-Các quyết định thành lập Ban chủ nhiệm; Ban phản biện CTĐT; 4.2.05-Kế hoạch thẩm định CTĐT; các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; biên bản nghiệm thu CTĐT; 4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi chỉnh sửa, bổ sung điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đều đã cập nhật thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến từng chuyên ngành, nghề. Trong các năm qua, Nhà trường tiếp nhận các dự án của nước ngoài như các Dự án nâng cao năng lực Quản lý AT ĐSVN, dự án Hỗ trợ Kỹ thuật tăng cường năng lực đào tạo Đường sắt đô thị tại Nhật Bản, và tiếp cận được nguồn tài liệu từ các dự án đường sắt đô thị tuyến Cát Linh – Hà Đông công nghệ của Trung Quốc, Bến Thành – Suối Tiên công nghệ của Nhật Bản và Nhổn – Ga Hà Nội công nghệ của Pháp. Trên cơ sở đó, 3 năm gần đây Nhà trường đã chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài, cụ thể như sau:

TT	Tên CTĐT chỉnh lí	Số Quyết định ban hành lần đầu	Số Quyết định ban hành chỉnh lí	Nội dung cập nhật
	Năm học 2021-2022			
1	CĐ. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	269/QĐ-CĐĐS ngày 29/4/2020	403/QĐ-CĐĐS ngày 08/6/2022	- Môi chất lạnh bảo vệ môi trường được đưa vào máy lạnh - Công nghệ làm lạnh mới được áp dụng như Inverter, Free cool, Jet cool. - Máy lạnh đời mới Thermal King được áp dụng trên đường sắt Việt Nam.
	Năm học 2022-2023			
1	TC. Điều hành ĐSĐT	889/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019	114/QĐ-CĐĐS ngày 14/3/2023	- 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu; Kiến thức, thông tin về tuyến đường sắt đô thị mới được đầu tư, xây dựng tại Hà Nội và Thành Phố HCM - Điều độ tập trung tại OCC trên tuyến số 2A của nhà thầu Trung Quốc, số 3 của Alstom Pháp và số 1 của Hitachi và Misubishi Nhật Bản.
2	SC. Nhân viên Vé ĐSĐT	405/QĐ-CĐĐS ngày 09/6/2022	653/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023	Nghị định số 100-2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu; Kiến thức, thông tin về tuyến đường sắt đô thị mới được đầu tư, xây dựng tại Hà Nội và Thành Phố HCM - Tài liệu chuyển giao tuyến đường sắt số 2A của nhà thầu Trung Quốc, số 3 của Alstom Pháp và số 1 của Hitachi và Misubishi Nhật Bản. - Tài liệu dự án "Nâng cao năng lực đào tạo Đường sắt đô thị cho trường Cao đẳng đường sắt của JICA"
3	SC Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga ĐSĐT	404/QĐ-CĐĐS ngày 09/6/2022	654/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023	

4	SC. Gác ghi, ghép nối ĐMTX	QĐ số: 888/QĐ-CĐĐS ngày 27/9/2019	QĐ số: 656/QĐ-CĐĐS ngày 04/8/2023	Nghị định số 100-2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
	Năm học 2023-2024			
1	CĐ. Điều hành chạy tàu hỏa	1366/QĐ-CĐĐS ngày 24/7/2018	318/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	Nghị định số 100-2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
2	CĐ. Thông tin tín hiệu đường sắt	356/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	319/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	- Thiết bị mới sử dụng trên hệ thống TTTH ĐS. - Kiến thức về hệ thống TTTH ĐS đô thị tại Việt Nam. - Công nghệ điều khiển tự động ATC và giám sát tàu tự động tuyến đường sắt số 2A của nhà thầu Trung Quốc, số 3 của Alstom Pháp và số 1 của Hitachi và Misubishi Nhật Bản. - Tài liệu dự án "Nâng cao năng lực đào tạo Đường sắt đô thị cho trường Cao đẳng đường sắt của JICA"
3	TC. Điều hành chạy tàu hỏa	593/QĐ-CĐĐS ngày 12/7/2023	320/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	Nghị định số 100-2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
4	TC. ĐHCTH Liên thông từ SC GG, GN ĐMTX	603/QĐ-CĐĐS ngày 25/4/2019	569/QĐ-CĐĐS ngày 18/7/2024	Nghị định số 100-2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
5	TC. Thông tin tín hiệu đường sắt	357/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	322/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	- Thiết bị mới sử dụng trên hệ thống TTTH ĐS quốc gia. - Kiến thức về hệ thống TTTH ĐS đô thị tại Việt Nam. - Tài liệu chuyển giao tuyến đường sắt số 2A của nhà thầu Trung Quốc, số 3 của Alstom Pháp và số 1 của Hitachi và Misubishi Nhật Bản. - Tài liệu dự án "Nâng cao năng lực đào tạo Đường sắt đô thị cho trường Cao đẳng đường sắt của JICA"
6	TC. Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu	347/QĐ-CĐĐS ngày 11/5/2017	323/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	- Hệ thống phun nhiên liệu điện tử thế hệ mới. - Các thiết bị đo kiểm, báo lỗi trên đầu máy kiểu mới.

	máy			
7	TC. XD& bảo dưỡng công trình giao thông ĐS		298/QĐ-CĐĐS ngày 26/4/2024	- Cập nhật nội dung thi công đường sắt không mối nối - Bổ sung các nội dung liên quan Luật đường sắt 2017 - Bổ sung các nội dung thay đổi của QCKTQG 06:2018 về tín hiệu giao thông đường sắt; QCKTQG 08:2018 về khai thác đường sắt; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
8	SC. GĐN, GCC, GHĐS	479/QĐ-CĐĐS ngày 06/6/2019	324/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	Cập nhật các nội dung quy định tại Thông tư 29/2023/TT-BGTVT về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt; Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu
9	SC. Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng ĐS	1190/QĐ-CĐĐS ngày 09/12/2019	326/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	- Phù hợp với các loại máy thi công hiện đang có của đường sắt Việt Nam. - Cập nhật theo quy định của Thông tư 15/2023/TT-BGTVT về tiêu chuẩn chức danh liên quan trực tiếp công tác chạy tàu.
10	SC. Lái xe nâng hàng	459/QĐ-CĐĐS ngày 26/6/2020	328/QĐ-CĐĐS ngày 08/5/2024	Thông tư số: 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
11	SC. Lái xe ô tô hạng B2	Thông tư số 12/2017/ TT-BGTVT ngày 15/04/2017; Thông tư 19/VBHN-BGTVT ngày 09/06/2022	QĐ số 540/QĐ-CĐĐS ngày 28/6/2024	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ban hành ngày 31/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải
12	SC. Lái xe ô tô hạng C		QĐ số 539/QĐ-CĐĐS ngày 28/6/2024	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ban hành ngày 31/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải

(*4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo; 4.2.04-Các phiếu phản biện, đánh giá CTĐT; 4.2.05-Kế hoạch thẩm định CTĐT; các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; biên bản nghiệm thu CTĐT).* Như vậy, khi chỉnh sửa, bổ sung các chương trình đào tạo của Trường đều có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô-đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô-đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng và ban hành 01 CTĐT liên thông từ trình độ sơ cấp Gác ghi, ghép nối ĐMTX lên trình độ trung cấp Điều hành chạy tàu hỏa và 01 CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Thông tin tín hiệu đường sắt. Trên cơ sở các CTĐT hệ Cao đẳng, Trung cấp, khi xây dựng CTĐT liên thông, nhà trường xem xét những CTĐT trình độ cao hơn kế thừa những môn học, mô-đun đã có ở trình độ thấp hơn. Vì vậy, HSSV khi học liên thông lên trình độ cao hơn không phải học lại những môn học, mô-đun đã được học ở CTĐT trước đó *(2.16.01-Quy định về Đào tạo liên thông và Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 927/QĐ-CĐĐS ngày 25/10/2022 của Hiệu trưởng; 2.16.02-Các quyết định ban hành CTĐT liên thông và các CTĐT kèm theo).* Trong các năm qua, Nhà trường tổ chức đào tạo các lớp liên thông cụ thể như sau:

TT	Lớp	Số MH, MĐ được miễn trừ	Số Quyết định ban hành CTĐT
	Năm học 2021-2022		
1	TC. ĐHCTH-LT K53-1/21	6	QĐ số 603/QĐ-CĐĐS ngày 25/4/2019
	Năm học 2022-2023		
1	K55-TC.ĐHCTH-LT1	6	QĐ số 603/QĐ-CĐĐS ngày 25/4/2019
	Năm học 2023-2024		
1	K16-CĐ. TTTH-LT1	6	QĐ số 262/QĐ-CĐĐS ngày 28/4/2020
2	K56-TC.ĐHCTH-LT1,2	6	QĐ số 603/QĐ-CĐĐS ngày 25/4/2019

(4.9.01-Hồ sơ của HSSV học liên thông).

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, nhà trường căn cứ chương trình đào tạo của 2 cấp trình độ để biên soạn chương trình đào tạo liên thông và ban hành đưa vừa sử dụng *(2.16.02-Các quyết định ban hành CTĐT liên thông và các CTĐT kèm theo)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường, Năm học 2021-2022 Trường đăng ký đào tạo 09 nghề trình độ Cao đẳng, 13 nghề trình độ Trung cấp và 25 nghề trình độ sơ cấp, với tổng số 259 môn học, mô-đun cơ sở và chuyên ngành (cao đẳng và trung cấp dùng chung cao đẳng); 145 môn học mô đun cơ sở và chuyên ngành trình độ trung cấp (dùng riêng). Trong đó 32 mô-đun thực tập (dùng chung 27/32), phê duyệt mua ngoài 164 giáo trình từ các Nhà xuất bản Lao động xã hội, từ các trường đại học kỹ thuật áp dụng vào giảng dạy tại Trường. Nhà trường biên soạn 116 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo, 02 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo và các nghề đào tạo;

Năm học 2022-2023 Trường đăng ký đào tạo 09 nghề trình độ Cao đẳng, 13 nghề trình độ Trung cấp và 26 nghề trình độ sơ cấp, với tổng số 259 môn học, mô-đun cơ sở và chuyên ngành (cao đẳng và trung cấp dùng chung cao đẳng); 145 môn học mô đun cơ sở và chuyên ngành trình độ trung cấp (dùng riêng). Trong đó 32 mô-đun thực tập (dùng chung 27/32), phê duyệt mua ngoài 164 giáo trình từ các Nhà xuất bản Lao động xã hội, từ các trường đại học kỹ thuật áp dụng vào giảng dạy tại Trường. Nhà trường biên soạn 116 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo, 02 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo và các nghề đào tạo;

Năm học 2023-2024 Trường đăng ký đào tạo 10 nghề trình độ Cao đẳng, 14 nghề trình độ Trung cấp và 32 nghề trình độ sơ cấp, với tổng số 284 môn học, mô-đun cơ sở và chuyên ngành (cao đẳng và trung cấp dùng chung cao đẳng); 145 môn học mô đun cơ sở và chuyên ngành trình độ trung cấp (dùng riêng). Trong đó 32 mô-đun thực tập (dùng chung 27/32), phê duyệt mua ngoài 164 giáo trình từ các Nhà xuất bản Lao động xã hội, từ các trường đại học kỹ thuật áp dụng vào giảng dạy tại Trường. Nhà trường biên soạn 116 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo, 02 giáo trình dùng chung giữa các cấp trình độ đào tạo và các nghề đào tạo.

STT	Tên ngành/nghề đăng ký đào tạo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Trình độ cao đẳng	9	9	10	10
2	Trình độ Trung cấp	13	13	14	14
3	Trình độ sơ cấp	25	26	32	32
	Tổng cộng:	**47**	**48**	**56**	**56**

(1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 và số 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 9/10/2020; số 39/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 06/06/2023 và 66/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/9/2023 do Tổng cục GDNN cấp).

Giáo trình của trường được biên soạn, lựa chọn lần đầu năm học 2021-2022 là 425, giáo trình của Trường được biên soạn, lựa chọn lần đầu năm học 2022-2023 là 14 giáo trình do mở thêm 02 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng, giáo trình của trường được biên soạn, lựa chọn lần đầu năm học 2023 -2024 là 04 giáo trình (08 giáo trình chỉnh lý). Số lượng giáo trình các môn học, mô-đun cơ sở và chuyên ngành của các ngành nghề đào tạo của Trường cụ thể như sau:

TT	Loại giáo trình (CĐ, TC)	Năm học		
		2021-2022	2022-2023	2023 -2024
1	Giáo trình dùng chung toàn trường	14	14	14
2	Giáo trình dùng chung cho một số nghề	212	212	233
3	Giáo trình dùng riêng cho các CTĐT	131	131	145
	Tổng số giáo trình hiện có	**357**	**357**	**392**

(4.10.01-Các quyết định ban hành giáo trình và các giáo trình kèm theo; 4.10.02-Quyết định của Hiệu trưởng cho phép sử dụng các giáo trình mua ngoài vào giảng dạy cho các nghề tại Trường; 4.10.03-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các CTĐT giáo dục nghề nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024).

Như vậy, tất cả các môn học, mô-đun của Trường đều đã có giáo trình đầy đủ (Trừ mô-đun thực tập tại doanh nghiệp là không có giáo trình mà chỉ có đề cương thực tập) *(4.10.03-Danh mục giáo trình đào tạo của trường).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: *100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi xây CTĐT năm 2019, Trường tiến hành xây dựng hoặc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. Năm học 2019-2020 Nhà trường ban hành Quyết định công nhận giáo trình chọn đưa vào sử dụng chọn tất cả các nghề đào tạo trong Trường *(4.11.01-Quyết định và Danh sách giáo trình được chọn năm học 2019-2020*).

Các giáo trình đào tạo đều được biên soạn, chỉnh lý theo quy định của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Thông tư số 42/2015-TT-BLĐTBXH quy định đào tạo trình độ Sơ cấp. Giáo trình biên soạn phù hợp với mục tiêu của Chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của nhà giáo và học tập của HSSV và thực hiện theo đúng quy trình. Cụ thể, hằng năm Nhà trường đã ra thông báo cho các khoa về việc rà soát các giáo trình cần biên soạn, chỉnh lí; các khoa đề xuất với Hiệu trưởng các giáo trình cần thiết phải biên soạn, chỉnh lí, Phòng Đào tạo tham mưu lập Kế hoạch biên soạn, chỉnh lý giáo trình hằng năm, ra các quyết định thành lập Ban biên soạn, chỉnh lí giáo trình; các ban biên soạn, chỉnh lí giáo trình thiết kế cấu trúc giáo trình, gửi dự thảo đề cương chi tiết lấy ý kiến chuyên gia; thực hiện biên soạn, chỉnh lí giáo trình gửi bản dự thảo về phòng Đào tạo; Phòng Đào tạo tham mưu kế hoạch thẩm định và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tổ chức thẩm định, ra quyết định phê duyệt giáo trình và triển khai đưa vào sử dụng. Trong các năm qua, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức biên soạn giáo trình và lựa chọn giáo trình từ các cơ sở giáo dục khác để áp dụng trong Trường cụ thể như sau:

- Năm học 2021-2022 Trường lựa chọn 6 giáo trình các môn học chung tại Quyết định số 143/QĐ-CĐĐS ngày 16/3/2022 gồm: Tiếng Anh, Giáo dục chính trị, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất, Tin học và Pháp luật cho các trình độ trung cấp và cao đẳng.
- Năm học 2022-2023 Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành 24 giáo trình theo Quyết định số 516/QĐ-CĐĐS ngày 16/6/2023 về việc thành lập Ban phản biện giáo trình các nghề ĐSĐT năm 2023, Quyết định số 645/QĐ-CĐĐS ngày 31/7/2023 về việc ban hành giáo trình các nghề ĐSĐT
- Năm học 2023-2024 Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành 12 giáo trình theo QĐ 526/QĐ-CĐĐS ngày 04/7/2024 về việc thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn, chỉnh lý giáo trình năm học 2023-2024; QĐ 704/QĐ-CĐĐS ngày 30/8/2024 về việc thành lập Ban phản biện,HĐTĐ giáo trình năm học 2023-2024.

Tổ biên soạn giáo trình có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy ít nhất 05 năm trong lĩnh vực ngành, nghề cần biên soạn; am hiểu và có kinh nghiệm về xây dựng, biên soạn giáo trình. Danh sách tác giả như bảng dưới đây:

TT	Tên nghề/giáo trình biên soạn, chỉnh lý	Chủ biên/tác giả	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác
1	Kỹ thuật thông tin quang	Nguyễn Ngọc Tú	KS. Công nghệ thông tin	10 năm

TT	Tên nghề/giáo trình biên soạn, chỉnh lý	Chủ biên/tác giả	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác
2	Hệ thống quản lý vận hành Đường sắt đô thị	Hoàng Huy Tưởng	ThS. Sư phạm kỹ thuật; KS. Tự động hoá	23 năm
3	Hệ thống thiết bị điều khiển tự động đoàn tàu điện	Hoàng Huy Tưởng	ThS. Sư phạm kỹ thuật KS. Tự động hoá	23 năm
4	Đo thử kiểm tra	Đinh Thường	Thạc sỹ Hệ thống điện	21 năm
5	PCL	Đinh Thường	Thạc sỹ Hệ thống điện	21 năm
6	Sửa chữa thiết bị thông tin 2	Đinh Thường	Thạc sỹ Hệ thống điện	21 năm
7	Kiểm tra thiết bị thông tin	Đinh Thường	Thạc sỹ Hệ thống điện	21 năm
8	Nghiệp vụ gác ghi	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Tổ chức&Quản lý vận tải	11 năm
9	Nghiệp vụ ghép nối đầu máy toa xe, trưởng dồn	Thái Thị Thủy	ThS. Tổ chức & Quản lý vận tải	12 năm
10	Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 1)	Vũ Ngọc Thạch	KS. Vận tải - Kinh tế đường sắt	12 năm
11	Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 2)	Vũ Ngọc Thạch	KS. Vận tải - Kinh tế đường sắt	12 năm
12	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm ĐS	Hoàng Thanh Hương	ThS. Kỹ thuật XDCT giao thông	18 năm

(4.11.03-Các quyết định thành lập ban biên soạn, ban phản biện giáo trình)

Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng gồm: 05 đến 07 thành viên trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 Thư ký và các Ủy viên là nhà giáo, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên của ngành, nghề có liên quan; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và biên soạn giáo trình; 01 cán bộ của cơ sở làm thành viên có uy tín trong sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề đào tạo. Tất cả các thành viên này đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Danh sách các tổ phản biện giáo trình đào tạo các nghề Đường sắt đô thị năm học 2022-2023 theo quyết định số 516/QĐ-CĐĐS ngày 16/6/2023 của Hiệu trưởng, Danh sách Hội đồng Thẩm định giáo trình năm học 2022-2023 của trường theo Quyết định số 517 ngày 16/6/2023 của Hiệu trưởng gồm:

TT	Tên thành viên Hội đồng thẩm định	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐTĐ	Số năm kinh nghiệm
1	ThS. Phan Thị Thu Hương	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch	25
2	ThS. Phạm Ngọc Hoàn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	20
3	ThS. Hoàng Hải Tiến	Trưởng khoa VTKT	Phó Chủ tịch	24
4	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Phó TP. Phòng Đào tạo	UV, thư ký	19
5	ThS. Nguyễn Mạnh Cường	GĐTT NC&CG KHCN	Ủy viên	21

TT	Tên thành viên Hội đồng thẩm định	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐTĐ	Số năm kinh nghiệm
6	KS. Vũ Ngọc Thạch	P.Trưởng khoa VTKT	Ủy viên	10
7	KS. Đoàn Đình Quang	GV khoa VT-KT	Ủy viên	10
8	ThS. Phạm Hương Thùy	GV khoa VT-KT	Ủy viên	10
9	ThS. Nguyễn Thị Hồng	GV khoa VT-KT	Ủy viên	8
10	ThS. Nguyễn Xuân Sơn	Trưởng phòng TCKT	Ủy viên	
11	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	CV vụ ĐTCQ-TCGDNN	Ủy viên	
12	ThS. Trương Thị Thu	NV Cty HMC	Ủy viên	

Hội đồng thẩm định 6 giáo trình nghề Điều hành đường sắt đô thị trình độ cao đẳng, 8 giáo trình Điều hành đường sắt đô thị trình độ trung cấp, 5 giáo trình NVPVCT tại ga ĐSĐT trình độ sơ cấp, và 5 giáo trình Nhân viên vé ĐSĐT trình độ sơ cấp *(4.11.02-Kế hoạch biên soạn, chỉnh lý giáo trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Số Hội đồng Thẩm định giáo trình năm học 2023-2024 của Trường theo Quyết định số 704/QĐ-CĐĐS ngày 30/8/2024 của Hiệu trưởng như sau:

STT	Tên giáo trình ĐT	Thành viên Hội đồng thẩm định	Số lượng
1	Kỹ thuật thông tin quang	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
2	Hệ thống quản lý vận hành Đường sắt đô thị	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
3	Hệ thống thiết bị điều khiển tự động đoàn tàu điện	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
4	Điều khiển logic lập trình PCL	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
5	Đo thử kiểm tra	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
6	Sửa chữa thiết bị thông tin 2	Cán bộ, nhà giáo của trường	1
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	4
7	Kiểm tra thiết bị thông tin	Cán bộ, nhà giáo của trường	4
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	1
8	Nghiệp vụ gác ghi	Cán bộ, nhà giáo của trường	3
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	2
9	Nghiệp vụ ghép nối đầu máy toa xe, trưởng dồn	Cán bộ, nhà giáo của trường	3
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	2
10	Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 1)	Cán bộ, nhà giáo của trường	3
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	2
11	Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 2)	Cán bộ, nhà giáo của trường	3
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	2
12	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm	Cán bộ, nhà giáo của trường	2
		Chuyên gia, cán bộ quản lý	3

	đường sắt		

(4.11.05-Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2022, 2023 và 2024).

Các thành viên HĐTĐGT đều có văn bản nhận xét, phản biện về GTĐT của trường và có phiếu đánh giá chất lượng GTĐT theo mẫu với 07 tiêu chí đánh giá liên quan đến chất lượng của GTĐT (1) "Tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo" (2) "Bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm; bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa."; (3) "Nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun"; (4) "Mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo phải có câu hỏi, bài tập; từng giáo trình phải có danh mục tài liệu tham khảo; tài liệu tham khảo phải có độ tin cậy và nguồn gốc rõ ràng"; (5) "Trình bày ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu; sử dụng thuật ngữ nghề nghiệp phổ biến, nhất quán; các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa phải làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng"; (6) "Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác"; (7) "Cấu trúc, hình thức và các yêu cầu cụ thể đối với giáo trình đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật". Ở mỗi tiêu chí các thành viên nhận xét với cá mức (1) Đạt/không đạt và phần kết luận của phiếu các thành viên HĐTĐ bỏ phiếu thông qua theo 03 mức độ (1) Đạt yêu cầu đề nghị ban hành; (2) Đạt yêu cầu nhưng cần phải chỉnh sửa; (3) Không đạt. các thành viên HĐTĐ đều thống nhất với 07 tiêu chí đều ở mức đạt. Phần kết luận các phiếu đều đánh giá các GTĐT đạt mức độ (1) Đạt yêu cầu đề nghị ban hành và mức độ (2) Đạt yêu cầu nhưng cần phải chỉnh sửa. Tại Biên bản thẩm định các GTĐT đều có kết luận GTĐT đảm bảo yêu cầu đề nghị cho ban hành sau khi đã chỉnh sửa theo ý kiến của HĐTĐ. Theo ý kiến của HĐTĐ, Ban biên soạn giáo trình tiến hành hoàn thiện giáo trình, nếu hoàn thiện HĐTĐ có Tờ trình, trình Hiệu trưởng đề nghị phê duyệt ban hành GTĐT. Căn cứ Tờ trình, Hiệu trưởng phê duyệt ban hành GTĐT sử dụng làm tài liệu giảng dạy và học tập trong Nhà trường *(4.10.01-Các quyết định ban hành giáo trình và các giáo trình kèm theo).* Sau khi có Quyết định ban hành, các giáo trình đều được in và lưu tại khoa, Phòng Đào tạo và Thư viện trường.

Như vậy, 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% giáo trình trường biên soạn trước khi ban hành đều có hội đồng thẩm định nghiệm thu đánh giá nhận xét trong đó có nhận xét về mức độ cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình đào tạo, Cụ thể, tại Mục 1 phần A: Tính chuẩn xác của giáo trình ghi: "có chương trình môn học, mô-đun thể hiện đầy đủ các vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung và phân bổ thời gian của môn học, mô-đun đã được ban hành." Các ý kiến phản biện đều đánh giá "Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay" hoặc "Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa" *(4.10.01-Các quyết định ban hành giáo trình và các giáo trình kèm theo; 4.11.04-Kế hoạch Thẩm định giáo trình; các phiếu phản biện giáo trình; biên bản thẩm định/nghiệm thu của Hội đồng thẩm định giáo trình).*

Hằng năm, Phòng Đào tạo của Trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, làm cơ sở để tham mưu tổ chức chỉnh lí giáo

trình, trong đó có nội dung "Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo". Kết quả khảo sát về giáo trình cụ thể như sau:

Đối tượng lấy ý kiến	Tổng số lượt	Mức độ đánh giá chỉ số				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
Năm 2022	**10**	**0%**	**80%**	**20%**	**0%**	**0%**
Ý kiến của GV, CBQL	03	0	2	1	0	0
Tỷ lệ %	30%		20%	10%		
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	02	0	1	1	0	0
Tỷ lệ %	20%		10%	10%		
Ý kiến của người tốt nghiệp	05	0	5	0	0	0
Tỷ lệ %	50%		50%			
Năm 2023	**10**	**0%**	**100%**	**0%**	**0%**	**0%**
Ý kiến của GV, CBQL	03	0	03	0	0	0
Tỷ lệ %	30%		30%			
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	02	0	02	0	0	0
Tỷ lệ %	20%		20%			
Ý kiến của người tốt nghiệp	05	0	05	0	0	0
Tỷ lệ %	50%		50%			
Năm 2024	**70**	**53%**	**37%**	**10%**	**0**	**0**
Ý kiến của GV, CBQL	28	16	09	03	0	0
Tỷ lệ %	*40*	*23*	*13*	*6*	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	10	04	06	0	0	0
Tỷ lệ %	*14*	*6*	*9*	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	32	17	11	04	0	0
Tỷ lệ %	*46*	*24*	*16*	*6*	0	0

Số ý kiến đánh giá mức độ Tốt và Khá các chỉ số đều đạt từ từ 80% trở lên *(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.02-Phiếu khảo sát/biên bản khảo sát giáo trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Như vậy, giáo trình đào tạo của Trường cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các giáo trình của Trường đều tạo điều kiện để nhà giáo thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính tích cực của người học. Mỗi môn học đều có thể áp dụng phương pháp chủ đạo và nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhiều hoạt động và sử dụng thiết bị nghe, nhìn bổ trợ cho bài giảng thêm sinh động. Tại Phiếu phản biện giáo trình, Mục 13 có ghi "Giáo trình có cấu trúc phù hợp; có hệ thống các ví dụ minh họa sinh động bằng hình ảnh, hình vẽ; các bài tập mẫu, cá câu hỏi ôn tập, khuyến khích hệ thống câu hỏi trắc nghiệm; các bài luyện tập kĩ năng cho từng phần, từng chương, từng bài..." Các ý kiến phản biện đều đánh giá "Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay" hoặc "Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa" *(4.11.04-Kế hoạch Thẩm định giáo*

trình; các phiếu phản biện giáo trình; biên bản thẩm định/nghiệm thu của Hội đồng thẩm định giáo trình).

Hằng năm, Phòng Đào tạo của Trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, làm cơ sở để tham mưu tổ chức chỉnh lí giáo trình, trong đó có nội dung "Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực". Kết quả khảo sát về giáo trình cụ thể như sau:

Đối tượng lấy ý kiến	**Tổng số lượt**	**Mức độ đánh giá chỉ số**				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
Năm 2022	**59**	**73%**	**27%**	**0**	**0**	**0**
Ý kiến của GV, CBQL	21	16	05	0	0	0
Tỷ lệ %	*36*	*27*	*8*	0	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	10	08	02	0	0	0
Tỷ lệ %	*17*	*14*	*4*	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	28	19	09	0	0	0
Tỷ lệ %	*47*	*32*	*15*	0	0	0
Năm 2023	**62**	**58%**	**37%**	**5%**	**0**	**0**
Ý kiến của GV, CBQL	25	16	07	02	0	0
Tỷ lệ %	*40*	*26*	*11*	*3*	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	10	05	05	0	0	0
Tỷ lệ %	*16*	*8*	*8*	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	27	15	11	01	0	0
Tỷ lệ %	*44*	*24*	*18*	*2*	0	0
Năm 2024	**70**	**53%**	**37%**	**10%**	**0**	**0**
Ý kiến của GV, CBQL	28	16	09	03	0	0
Tỷ lệ %	*40*	*23*	*13*	*6*	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	10	04	06	0	0	0
Tỷ lệ %	*14*	*6*	*9*	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	32	17	11	04	0	
Tỷ lệ %	*46*	*24*	*16*	*6*	0	0

Như vậy, tổng số ý kiến đánh giá mức Tốt và Khá đạt trên 80% (*4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.02-Phiếu khảo sát/biên bản khảo sát giáo trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: *Hằng năm trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định của ngành nghề nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lí, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Việc lấy ý kiến bằng hình thức phiếu khảo sát và hình thức bình chọn trên GoogleForm đối với 100% giáo trình của các mô đun, môn học chuyên môn nghề Trường đang đào tạo. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp đã đi làm qua khảo sát 10 đơn vị

gồm: Chi nhánh KTĐS Hà Nội, Chi nhánh KTĐS Hà Thanh, Xí nghiệp ĐM Hà Nội, Xí nghiệp ĐM Vinh, Công ty CPĐS Hà Lạng, Công ty CPĐS Thanh Hóa, Công ty CP TTTH Vinh, Công ty CP TTTH Bắc Giang, Công ty Tuyển than Cửa Ông, Công ty Kho vận Đá bạc. Kết quả khảo sát qua các năm thể hiện như sau:

Đối tượng lấy ý kiến	Tổng số lượt	Mức độ đánh giá chỉ số				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
Năm 2022	**10**	**0%**	**80%**	**20%**	**0%**	**0%**
Ý kiến của GV, CBQL	03	0	2	1	0	0
Tỷ lệ %	30%	0	20%	10%	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	02	0	1	1	0	0
Tỷ lệ %	20%	0	10%	10%	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	05	0	5	0	0	0
Tỷ lệ %	50%	0	50%	0	0	0
Năm 2023	**10**	**0%**	**100%**	**0%**	**0%**	**0%**
Ý kiến của GV, CBQL	03	0	03	0	0	0
Tỷ lệ %	30%	0	30%	0	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	02	0	02	0	0	0
Tỷ lệ %	20%	0	20%	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	05	0	05	0	0	0
Tỷ lệ %	50%	0	50%	0	0	0
Năm 2024	**70**	**53%**	**37%**	**10%**	**0**	**0**
Ý kiến của GV, CBQL	28	16	09	03	0	0
Tỷ lệ %	40	23	13	6	0	0
Ý kiến của CBKT đơn vị SDLĐ	10	04	06	0	0	0
Tỷ lệ %	14	6	9	0	0	0
Ý kiến của người tốt nghiệp	32	17	11	04	0	0
Tỷ lệ %	46	24	16	6	0	0

Như vậy tổng số ý kiến đánh giá của nhà giáo và cán bộ quản lí của Trường, của cán bộ kĩ thuật đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp đi làm ở mức Tốt và Khá đạt trên 80% *(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.02-Phiếu khảo sát/biên bản khảo sát giáo trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.14.01-Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi có sự thay đổi về Chương trình đào tạo, hoặc khi có thay đổi công nghệ điều hành sản xuất, kinh doanh, các giáo trình của Nhà trường đều được đưa ra đánh giá tại các buổi thảo luận chuyên môn ở các khoa, tổ môn và tổ chức thu thập ý kiến từ phía người học về chất lượng giáo trình, mức độ cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức kỹ năng cần đạt trong chương trình đào tạo để bổ sung, chỉnh sửa. Cụ thể vào cuối năm, Phòng Đào tạo ra thông báo rà soát biên soạn, chỉnh lí giáo trình cho các khoa *(4.15.01-Thông báo rà soát biên soạn, chỉnh lí giáo trình của Phòng Đào tạo).*

Các khoa thực hiện rà soát và gửi Phiếu đề xuất biên soạn, chỉnh lí giáo trình cho Phòng Đào tạo *(4.15.02-Phiếu đề xuất biên soạn, chỉnh lí giáo trình).*

Căn cứ vào các Phiếu đề xuất biên soạn, chỉnh lí giáo trình, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch Biên soạn, chỉnh lí giáo trình và các Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn, chỉnh lí giáo trình, thành lập Hội đồng Thẩm định giáo trình... *(4.11.03-Kế hoạch biên soạn, chỉnh lý giáo trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.11.03-Các quyết định thành lập ban biên soạn, ban phản biện giáo trình; 4.11.04-Kế hoạch Thẩm định giáo trình; các phiếu phản biện giáo trình; biên bản thẩm định/nghiệm thu của Hội đồng thẩm định giáo trình).*

Trong các năm qua, Nhà trường tiến hành thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định cụ thể như sau:

- Năm học 2022-2023 trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo theo QĐ 645/QĐ-CĐĐS ngày 31/7/2023 về việc ban hành giáo trình các nghề ĐSĐT năm 2023 như sau: Nghề ĐHCT ĐSĐT trình độ trung cấp gồm: Pháp luật về đường sắt đô thị, Tổ chức chạy tàu và quy tắc vận hành và Giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đô thị; Nghề NV PVCT tại ga Đường sắt đô thị trình độ sơ cấp gồm: Pháp luật về đường sắt đô thị, Tổ chức chạy tàu và quy tắc vận hành, Giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đô thị, Nghiệp vụ an toàn và Nghiệp vụ quản lý tổng hợp; Nghề NV vé Đường sắt đô thị trình độ sơ cấp gồm: Pháp luật về đường sắt đô thị và Quy tắc vận hành đường sắt đô thị.
- Năm học 2023-2024 trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo theo Quyết định số 914/QĐ-CĐĐS ngày 31/10/2024 về việc ban hành giáo trình (lần 1) năm 2024 như sau: Nghề Điều hành chạy tàu: Nghiệp vụ gác ghi; Nghiệp vụ ghép nối đầu máy toa xe, trưởng dồn; Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 1); Nghiệp vụ trực ban chạy tàu ga (phần 2); Nghề GĐN, GCC, GH ĐS trình độ sơ cấp gồm: Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt *(4.10.01-Các quyết định ban hành giáo trình và các giáo trình kèm theo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 1 điểm

TIÊU CHÍ 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại
- Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học; khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.
- Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

** Những điểm tồn tại*:

- Một số nghề đào tạo chưa đủ thiết bị theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu quy định.
- Thư viện điện tử của trường hoạt động không ổn định, số lượng máy tính hoạt động còn thấp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phòng QLTB&XDCB phối hợp với các khoa tham mưu Hiệu trưởng tiếp tục tìm nguồn vốn triển khai các dự án; tìm sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng; các đối tác tạo điều kiện cấp kinh phí để bổ sung những trang thiết bị, máy móc còn thiếu; Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng trang thiết bị dụng cụ dạy và học trong năm học tiếp theo.
- Trung tâm NC&CGKHCN nghiên cứu phát triển phần mềm quản lí thư viện đưa vào sử dụng đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số của Trường.
- Phòng Đào tạo đề xuất kiểm tra hệ thống máy tính của thư viện trường để xây dựng kế hoạch sửa chữa.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	**13/15**
Tiêu chuẩn 5.1	1
Tiêu chuẩn 5.2	1
Tiêu chuẩn 5.3	1
Tiêu chuẩn 5.4	1
Tiêu chuẩn 5.5	1
Tiêu chuẩn 5.6	1
Tiêu chuẩn 5.7	1
Tiêu chuẩn 5.8	0
Tiêu chuẩn 5.9	1
Tiêu chuẩn 5.10	1
Tiêu chuẩn 5.11	1
Tiêu chuẩn 5.12	1
Tiêu chuẩn 5.13	1
Tiêu chuẩn 5.14	1
Tiêu chuẩn 5.15	0

Tiêu chuẩn 5.1: *Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập. Theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Nhà trường phát triển phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam (*5.1.01-Bản vẽ tổng thể mặt bằng khuôn viên tại các khu vực của Trường; 5.1.02-Bản đồ quy hoạch QH-04 tháng 3 năm 2005 của Huyện Mê Linh-Tỉnh Vĩnh Phúc).*

Trụ sở chính của Trường tại địa chỉ: Số 2, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP. Hà Nội, có diện tích 29722m^2, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5554/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBNDTPHN, phía Đông giáp với đình

làng Gia Quất và khu dân cư, phía Tây giáp với cánh đồng, phía Nam và Bắc giáp khu dân cư; Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng đóng tại phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, có diện tích 42036.7m^2, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 878867 ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. phía Đông giáp biển, phía Tây và phía Nam giáp khu dân cư, phía Bắc giáp khu chợ; Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam nằm trên đường Lý Thường Kiệt, Dĩ An, Bình Dương có diện tích 32200.9m^2, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1837/QĐ-UBND và AM 565237, 565238 ngày10 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Phân hiệu cách Nhà máy xe lửa Dĩ An 400m, phía Bắc giáp phố Lý Thường Kiệt, phía Nam giáp khu đất trống, phía Đông và phía Tây giáp khu dân cư, các trụ sở của trường đều bảo đảm yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập.

- Giao thông thuận tiện và an toàn: Trụ sở chính của Trường cách Ga Gia Lâm khoảng 500m thuận lợi cho việc đi lại bằng đường sắt trên các tuyến Hà Nôi - Lào Cai, Hà Nội - Hải Phòng và tuyến Bắc - Nam, cách bến xe Gia Lâm khoảng 1000m thuận lợi cho việc đi lại bằng xe buýt. Đường vào Trường đi từ cầu Chương Dương qua đường Nguyễn Văn Cừ vào khoảng 1km, đường rộng khoảng 6m. Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng nằm cách đường Nguyễn Văn Cừ trên tuyến đường Quốc Lộ 1 khoảng 200m, có đường bê tông asphalt rộng hơn 3,5m đi vào Trường, cách ga đường sắt Đà Nẵng 15km. Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam nằm trên đường Lý Thường Kiệt, cách ga đường sắt Dĩ An khoảng 200m. Cả ba cơ sở chính của nhà trường đều nằm ở trung tâm của mạng lưới đường sắt ở 3 khu vực Bắc, Trung, Nam. Việc đào tạo công nhân, kỹ thuật viên phục vụ nhu cầu nhân lực cho ngành đường sắt ở các khu vực, vùng miền là phù hợp và thuận lợi cho việc đi lại của học sinh, sinh viên bằng phương tiện đường sắt cũng như các phương tiện giao thông khác.

- Thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại: Nguồn nước sử dụng tại các trụ sở là nguồn nước sạch của thành phố và nước giếng khoan có hệ thống lọc và đạt tiêu chuẩn của Nhà nước. Trụ sở chính tại Long Biên sử dụng nước sạch thông qua hợp đồng số 173891 ngày 25 tháng 06 năm 2019 giữa Trường Cao đẳng Đường sắt và Công ty nước sạch số 2 Hà Nội; Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng có trạm bơm nước giếng khoan; Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam sử dụng nguồn nước máy của Công ty cổ phần Nước sạch Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương với Mã khách hàng là: 8105210024 phục vụ cho sinh hoạt và đào tạo, đồng thời sử dụng trạm bơm nước giếng khoan để phục vụ tưới cây và làm vệ sinh môi trường thể hiện qua các hồ sơ thiết kế xây dựng trạm bơm nước *(5.1.03-Các Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt; 5.1.04-Các Hồ sơ thiết kế hệ thống nước giếng khoan)*.

- Nhà trường sử dụng điện thông qua các hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các công ty Điện lực phục vụ cho việc sinh hoạt, học tập thể hiện qua bình đồ cấp điện bằng các hợp đồng mua bán điện số 16190149/150 ngày 30 tháng 09 năm 2016 và hợp đồng mua bán điện số 22116114 ngày 290 tháng 06 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Đường sắt và Công ty điện lực Long Biên *(5.1.05-Các Bản vẽ thiết kế hệ thống điện; 5.1.06-Các Hợp đồng mua bán điện; 5.1.07-Các Bản vẽ thiết kế điện)*. Khu vực xung quanh Trường không có nhà máy, cơ sở sản xuất nào thải chất thải công nghiệp ra nên không bị ô nhiễm môi trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm: Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Đường sắt được bố trí hợp lý tại 3 cơ sở đào tạo. Khuôn viên nhà trường được bố trí các khối công trình độc lập riêng biệt nhau, đảm bảo tính hợp lý trong việc học tập giảng dạy của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tại mỗi trụ sở đều có các khu giảng đường, khu xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, khu hiệu bộ, làm việc của nhà giáo, khu nhà ăn, khu kí túc xá, khu thể dục thể thao, khu vườn hoa cây cảnh và hệ thống đường giao thông nội bộ bằng bê tông asphalt hoặc bê tông xi măng thuận tiện. Việc bố trí như trên đảm bảo cách xa tiếng ồn giữa khu vực thực hành với khu vực lý thuyết cũng như đảm bảo về mặt quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan. Các cơ sở đào tạo của nhà trường được trồng nhiều loại cây xanh, cây cảnh xung quanh trường, tạo bóng mát và cảnh quan môi trường sư phạm, các công trình xây dựng đã được thực hiện theo bản vẽ tổng thể mặt bằng trong khuôn viên đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, bởi vậy hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, cảnh quan, các chỉ giới xây dựng và cây xanh trong khuôn viên.

- Diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định: Theo bản vẽ tổng thể mặt bằng khuôn viên trường tại các cơ sở, Trường có tổng diện tích sử dụng là: 130.557,6 m^2, trong đó diện tích mặt bằng xây dựng là: 52.218 m2 chiếm 40%. Diện tích dành cho khu thể dục, thể thao là: 21.817 m2 chiếm 16,7%, diện tích trồng cây xanh là: 29.854 m^2 chiếm 22,8%. Phân theo 3 khu vực như sau: Tại Trụ sở Long Biên, Trung tâm KT&NVĐS Mê Linh: Diện tích sử dụng là 55.403 m^2, trong đó diện tích mặt bằng xây dựng là 22.929 m^2 chiếm 41,4%. Diện tích dành cho khu thể dục, thể thao là 11.582 m2 chiếm 20,9%, diện tích trồng cây xanh là 10.022 m^2 chiếm 18%. Tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng: diện tích sử dụng là 42.036,7 m^2, trong đó diện tích mặt bằng xây dựng là 11.152 m^2 chiếm 26,5%, diện tích dành cho khu thể dục, thể thao là 5.000 m2 chiếm 12%, diện tích trồng cây xanh là 13.635 m^2 chiếm 32%. Tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam: diện tích sử dụng là 33.117,9 m^2, trong đó diện tích mặt bằng xây dựng là 18.137 m^2 chiếm 54,8%. Diện tích dành cho khu thể dục, thể thao là 5.235 m2 chiếm 16%, diện tích trồng cây xanh là 6.197 m^2 chiếm 19%. Hiện nay, tại các cơ sở của nhà trường còn một lượng quỹ đất dự trữ đảm bảo cho sự phát triển mở rộng cơ sở vật chất của trường trong những năm tới được thể hiện trong các bản vẽ tổng thể, bản đồ quy hoạch *(5.1.01-Bản vẽ tổng thể mặt bằng khuôn viên tại các khu vực của Trường; 5.1.02-Bản đồ quy hoạch QH-04 tháng 3 năm 2005 của Huyện Mê Linh-Tỉnh Vĩnh Phúc; 5.2.01-Hồ sơ xây dựng Trường tại Long Biên năm 1992 và Mê Linh năm 2005; 5.2.02-Hồ sơ thiết kế xây dựng Trường tại Đà Nẵng năm 1976; 5.2.03-Báo cáo dự án đầu tư xây dựng Trường tại Bình Dương Và Trung tâm đào tạo Sài gòn năm 1999).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn trong đó:

- Tại trụ sở Long Biên, Hà Nội có:

+ Khu học tập và nghiên cứu khoa học gồm: khối giảng đường xây 4 tầng với 22 phòng học lý thuyết, 01 hội trường lớn;

+ Khu thực hành gồm: 01 nhà thực hành công nghệ cao 4 tầng, 01 nhà thực hành thông tin, tín hiệu- Điện, điện lạnh và 01 phòng mô phỏng lái tàu với tổng số 11 phòng và 2 khu đường ray thực hành các nghề chuyên môn đường sắt;

+ Khu vực rèn luyện thể chất gồm: 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 01 sân cầu lông, 01 đường chạy thể dục, thể thao, 02 sân tennis;

+ Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt gồm: khu hiệu bộ 3 tầng với 35 phòng làm việc cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên, 02 phòng họp, 01 phòng hội thảo, 01 phòng nước giáo viên; khu ký túc xá với 4 khối nhà 4 tầng với 120 phòng; 01 khu nhà cấp 4 với 13 phòng, 01 khu nhà ăn; khu để xe phục vụ cho người học và cán bộ nhà giáo.

- Tại Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng có:

+ Khu học tập và nghiên cứu khoa học gồm: 03 nhà 2 tầng với 11 phòng học, 2 phòng hội trường, 1 phòng máy vi tính;

+ Khu thực hành gồm: 4 phòng xưởng thực hành, 1 phòng sa bàn chạy tàu, 1 phòng thiết bị rơle, 01 khu đường ray để thực hành các nghề chuyên môn đường sắt;

+ Khu vực rèn luyện thể chất gồm: 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 02 sân cầu lông, 01 đường chạy thể dục, thể thao, một bộ xà kép, hai bộ xà đơn;

+ Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt gồm: 01 tòa nhà 2 tầng là nơi làm việc của cán bộ, nhà giáo, nhân viên có 9 phòng và 01 phòng họp, khu ký túc xá 2 tầng với 57 phòng ở, 01 nhà ăn tập thể, 01 khu để xe.

- Tại Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam có:

+ Khu học tập và nghiên cứu khoa học gồm: 01 nhà 3 tầng với 17 phòng học;

+ Khu thực hành gồm: 09 xưởng thực hành và phòng học chuyên môn, 01 khu đường ray để thực hành các nghề chuyên môn đường sắt, 01 sân tập dạy lái xe A1 có diện tích 604,8m^2; 02 sân tập dạy lái xe ô tô có diện tích 5.542m^2 đúng theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

+ Khu vực rèn luyện thể chất gồm: 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông;

+ Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt gồm: 01 tòa nhà 2 tầng là nơi làm việc của cán bộ, nhà giáo, nhân viên với 8 phòng làm việc và 01 phòng họp, khu kí túc xá Khu A có 3 tầng với 45 phòng ở; Khu B có 5 tầng với 20 phòng ở, 01 khu để xe. Các phòng học tập tại Trường đều được xây dựng theo tiêu xây dựng Việt Nam đủ cho nhà trường thực hiện các hoạt động đào tạo và dịch vụ cho người học

Tổng hợp diện tích các khu vực phục vụ hoạt động của trường cụ thể như sau:

TT	Tên công trình	Diện tích xây dựng (m2)			
		Tổng	LB-HN	PHĐN	PHPN
1	Khu học tập và NCKH	**6.215**	2330	1360	2525
1.1	Khối giảng đường	4.431	1560	960	1911
1.2	Hội trường lớn	1.784	770	400	614
2	Khu thực hành	**26.205**	6460	5475	14270
1.1	Xưởng thực hành và phòng học chuyên môn	7.230	4780	500	1950
1.2	Khu đường ray thực hành các nghề	7.055	1680	4975	400
1.3	Sân tập dạy lái xe A1	8.620			8620
1.4	sân tập dạy lái xe ô tô	3.300			3300

3	Khu vực rèn luyện thể chất	**19.460**	7206	5843	6411
3.1	Sân bóng chuyền	560	180	200	180
3.2	Sân bóng đá	12.645	4996	3468	4181
3.3	Sân cầu lông	475	150	175	150
3.4	Đường chạy thể dục	5.600	1800	2000	1800
3.5	Khu tập xà đơn, xà kép	280	80	100	100
4	Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt	**10.053**	3171	2754	4128
4.1	Khu hiệu bộ	2.224	973	311	940
4.2	Khu ký túc xá	6.464	2198	2038	2228
4.3	Khu nhà ăn	1.856	990	276	590
4.4	Khu để xe	874	375	129	370

(*5.1.01-Bản vẽ tổng thể mặt bằng khuôn viên tại các khu vực của Trường; 5.1.02-Bản đồ quy hoạch QH-04 tháng 3 năm 2005 của Huyện Mê Linh-Tỉnh Vĩnh Phúc; 5.3.01-Hồ sơ thiết kế nhà giảng đường lớp học 4 tầng tại Long Biên năm 1995; 5.3.02-Hồ sơ hoàn công nhà thực hành công nghệ cao Long Biên năm 2010; 5.3.03-Hồ sơ xây dựng sân tennis, sân bóng đá năm 1994; 5.3.04-Hồ sơ thiết kế xây dựng Nhà ký túc xá A,B,C,D tại trụ sở Long Biên năm 1992-1995; Hồ sơ hoàn công nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá A tại Long Biên năm 2017; Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo Nhà ký túc xá B tại Long Biên 2018; Hồ sơ hoàn công Nhà ký túc xá E tại Long Biên năm 2013; 5.3.05-Hồ sơ thiết kế nhà ăn tập thể tại Long Biên năm 1995; 5.3.06-Hồ sơ Quyết toán dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà làm việc hiệu bộ tại Long Biên năm 2015; 5.3.07-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo Hội trường tại trụ sở Long Biên; 5.3.08-Hồ sơ thiết kế nhà xưởng thực hành cơ khí và nhà lớp học chuyên môn tại Đà Nẵng năm 2013; 5.3.09-Hồ sơ thiết kế Mở rộng nhà làm việc giảng viên tại Đà Nẵng năm 2013; 5.3.10-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá B2 tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng năm 2017; 5.3.11-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá B1 tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng năm 2018; 5.3.12-Hồ sơ Nghiệm thu sửa chữa nâng cấp nhà ăn tập thể tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam năm 2013; 5.3.13-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam năm 2016; 5.3.14-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà xưởng cơ khí tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam).*

Như vậy, Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn đáp ứng lượng HSSV đang học tập tại Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Mỗi cơ sở nhà trường đều có hệ thống đường giao thông nội bộ với đường trục chính rộng khoảng 10m được đổ bê tông nhựa asphalt hoặc bê tông xi măng đảm bảo cho xe tải trọng lớn đi vào trong Trường.

- Nguồn nước sử dụng tại các trụ sở là nguồn nước sạch được mua từ hệ thống cấp nước của các công ty nước sạch thành phố, được dự trữ trong các bể chứa, và hệ thống lọc nước bảo đảm vệ sinh, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng. Tại các trụ sở chính sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội thông qua hợp đồng số 173891 ngày 25 tháng 06 năm 2019 giữa Trường Cao đẳng Đường sắt và Công ty nước sạch số 2 Hà Nội; tại Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng có trạm bơm nước giếng

khoan phục vụ cho sinh hoạt và đào tạo. Năm 2023 Phân hiệu không gửi mẫu kiểm nghiệm nước sạch. Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam sử dụng nguồn nước máy của Công ty cổ phần Nước sạch Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương với Mã khách hàng là: 8105210024 phục vụ cho sinh hoạt và đào tạo, đồng thời sử dụng trạm bơm nước giếng khoan để phục vụ tưới cây và làm vệ sinh môi trường thể hiện qua các hồ sơ thiết kế xây dựng trạm bơm nước.

- Trường được xây dựng trên nền đất cao ráo, hệ thống thoát nước tốt, nên trong năm không có địa điểm nào bị úng ngập (*5.1.01-Bản vẽ tổng thể mặt bằng khuôn viên tại các khu vực của Trường; 5.1.02-Bản đồ quy hoạch QH-04 tháng 3 năm 2005 của Huyện Mê Linh-Tỉnh Vĩnh Phúc).*

- Tại mỗi cơ sở của nhà trường đều có hệ thống cấp điện để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và sinh hoạt từ hệ thống điện Thành phố, bảo đảm luôn ổn định. Nhà trường sử dụng điện thông qua các hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các công ty điện lực phục vụ cho việc sinh hoạt, học tập thể hiện qua bình đồ cấp điện bằng các hợp đồng mua bán điện số 16190149/150 ngày 30 tháng 09 năm 2016 và hợp đồng mua bán điện số 22116114 ngày 290 tháng 06 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Đường sắt và Công ty điện lực Long Biên Biên *(5.1.05-Các Bản vẽ thiết kế hệ thống điện; 5.1.06-Các Hợp đồng mua bán điện; 5.1.15-Tổng hợp sử dụng điện nước năm 2021-2024).*

- Nhà trường có bộ phận làm vệ sinh môi trường, hàng ngày thu gom rác, phế liệu và bố trí các thùng thu gom rác thải tại các xưởng một cách hợp lý, thuận lợi; có hợp đồng với các công ty vệ sinh môi trường *(5.4.01-Các Hợp đồng thu gom rác thải với công ty môi trường đô thị).*

- Các phòng học, xưởng thực hành, phòng làm việc... có hệ thống các cửa ra vào, cửa sổ, hệ thống quạt thông thoáng. Nhà trường có hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: các bình chữa cháy, họng cứu hoả, vòi chữa cháy, máy bơm nước, bể chứa nước, thùng cát được bố trí ở các địa điểm thích hợp. Hằng năm Trường đều xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống PCCC của Trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của Pháp luật về PCCC, cụ thể như trong biên bản kiêm tra của Công an quận Long Biên ngày 25 tháng 3 năm 2024 kết luận như sau: "Về quy mô: Cơ sở có diện tích mặt bằng khoảng 37.250m^2, được chia thành các khu vực với các công năng khác nhau, kết cấu chủ yếu là tường gạch, khung trần bê tông cốt thép.

Về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy:

- Giao thông: Thông thoáng, xe chữa cháy có thể tiếp cận triển khai lực lượng, phương tiện khi có sự cố cháy, nổ xảy ra. Đường nội bộ bên trong cơ sở được đổ bê tông, xe chữa cháy có thể di chuyển vào để tiếp cận khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Nguồn nước: Cơ sở có 01 bể dung tích 50m^3 phục vụ cho công tác chữa cháy. Bên ngoài cơ sở có trụ nước chữa cháy của Thành phố, xe chữa cháy hút được nước.

- Về lối thoát nạn: Các tòa nhà được thiết kế cầu thang bộ loại hở. Các khối nhà đều có 2-3 thang thoát nạn. Tại thời điểm kiểm tra, các cầu thang bộ và lối dẫn ra cầu thang không sắp xếp hàng hóa, đồ vật gây cản trở lối thoát nạn.

- Khu vực để xe máy được sắp xếp gọn gàng, theo hàng lối, đảm bảo khả năng thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Kiểm tra hệ thống, phương tiện PCCC:

+ Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Cơ sở đã trang bị tại các tầng trong khu vực ký túc xá của trường. Cơ sở đã trang bị 01 máy bơm xăng dùng để chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

+ Phương tiện chữa cháy: Cơ sở đã trang bị bình chữa cháy MFz4 và MT3 tại hành lang, cửa ra vào các khu vực bên trong cơ sở. Tại thời điểm kiểm tra, các bình áp suất đảm bảo, kim chỉ vạch xanh, bố trí gọn gàng, thuận tiện sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

+ Đèn chiếu sáng sự cố, đèn Exit chỉ dẫn thoát nạn: Cơ sở đã trang bị trên các cửa, lối thoát nạn. Tại thời điểm kiểm tra, các đèn đảm bảo sử dụng khi có sự cố xảy ra".

- Trường xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản ban hành năm 2019, tại Điều 8 quy định việc bảo hành, bảo trì tài sản, theo đó quy định các đơn vị quản lý tài sản lập kế hoạch bảo trì đối với từng tài sản gửi Phòng QLTB&XDCB tổng hợp trình Hiệu trưởng quyết định *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng).* Trường đã xây dựng và ban hành Quy trình Bảo trì, bảo dưỡng tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020, theo đó việc bảo trì tài sản được thực hiện theo các bước: lập kế hoạch bảo trì, tổng hợp, phân loại kế hoạch, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra, nghiệm thu tài sản *(1.7.04-Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế; các phòng học, hệ thống điện nước đều được giao cho các phòng, khoa liên quan quản lý và sử dụng. Nhà trường thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, nước, kịp thời khắc phục sự cố xảy ra. Hàng quý, năm trường có thực hiện kiểm tra định kỳ công tác phòng cháy chữa cháy, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy được cơ quan chức năng phê duyệt *(5.4.02-Hồ sơ thiết kế hệ thống PCCC của các khu vực; 5.4.03-Các biên bản kiểm tra hệ thống PCCC năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Định kỳ hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tài sản, bố trí nguồn kinh phí nhằm duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất nhằm tôn tạo, chống xuống cấp các công trình phục vụ công tác giảng dạy của nhà trường. Công tác sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên phục vụ giảng dạy, làm việc luôn được quan tâm và giao cho phòng Quản lý thiết bị và Xây dựng cơ bản đảm nhiệm. Khi có sự cố, hỏng hóc, các bộ phận làm giấy đề nghị sửa chữa và được sửa chữa kịp thời theo đúng quy trình, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy *(5.4.04-Phiếu đề xuất sửa chữa Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường; 5.4.05-Nhật ký sử dụng, bảo dưỡng máy móc thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08- Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09- Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống phòng học, giảng đường, hội trường, xưởng thực hành được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, và theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Tổng số 126 phòng và 05 đoạn đường sắt trong trường, với sức chứa 8.716 HSSV cụ thể như sau:

Stt	Loại phòng	ĐVT	Số lượng	Diện tích/ phòng (m^2)	Tổng diện tích (m^2)	Sức chứa (HSSV)
I	**Khu vực Hà Nội**					
1	Phòng học lý thuyết					
	- Phòng học lý thuyết	phòng	22	65	1.430	1.430
	- Phòng học lý thuyết	phòng	1	130	130	130
2	Phòng học CM, xưởng TH					
	- Thông tin tín hiệu	phòng	2	90	180	45
	- TH Công nghệ cao	phòng	8	300	2.400	600
	- Mô phỏng lái tàu	phòng	1	55	55	14
	- Xưởng thực hành	xưởng	1	720	720	180
	- Xưởng cơ khí	xưởng	1	1300	1.300	325
	- Nhà thực hành ĐSĐT	xưởng	1	125	125	31
3	Khu thực hành ngoài trời					
	- Đường sắt DA ZTE		1	1.470	1470	
	- Đường sắt 1000mm		1	210	210	
II	**Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng**					
1	Phòng học lý thuyết					
	- Phòng học lý thuyết	phòng	12	80	960	960
2	Phòng học CM, xưởng TH	xưởng	4	125	500	125
3	Khu thực hành ngoài trời					
	- Đường sắt 1000mm		1	4975	4.975	
III	**Phân hiệu CĐĐS Phía Nam**				0	
1	Phòng học lý thuyết					
	- Phòng học lý thuyết	phòng	28	65	1.820	1.820
	- Phòng học lý thuyết	phòng	1	614	614	614
2	Phòng học CM, xưởng TH					
	- Phòng học CM, xưởng TH	xưởng	9	150	1.350	338
	- Phòng học CM, xưởng TH	xưởng	12	50	600	150
3	Khu thực hành ngoài trời					
	- Đường sắt 1000mm		01	400	400	
	- Sân học thực hành 1		1	8620	8.620	
	- Sân học thực hành 2		1	3300	3.300	
	Tổng		**132**	**23.495**	**33.113**	**8.716**

Như vậy, các phòng học của Trường đáp ứng Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH, cụ thể phòng học lý thuyết có diện tích tối thiểu 48m^2, và Nghị định số 65/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe và Nghị định 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

Các xưởng thực hành và phòng học chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo đối với từng nghề của trường như: phòng thực hành chạy tàu và hành khách hóa vận; phòng thực hành thông tin–tín hiệu; phòng thực hành mô phỏng lái tàu; các phòng thực hành cơ khí; phòng thực hành điện, điện lạnh; phòng học tin học v.v... *(5.3.01-Hồ sơ thiết kế nhà giảng đường lớp học 4 tầng tại Long Biên năm 1995; 5.3.02-Hồ sơ hoàn công nhà thực hành công nghệ cao Long Biên năm 2010; 5.3.08-Hồ sơ thiết kế nhà xưởng thực hành cơ khí và nhà lớp học chuyên môn tại Đà Nẵng năm 2013; 5.5.01-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2007 và Hồ sơ Nâng cấp Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2014; 5.5.02-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng láu tàu tại Bình Dương năm 2018; 5.5.03-Hồ sơ nghiệm thu nhà thực hành thông tin tín hiệu tại Long Biên và Bình Dương năm 2013; 5.5.04-Biên bản nghiệm thu Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội-Vinh, tuyến đường sắt thống nhất tại Long Biên và Bình Dương năm 2015; 5.5.05-Hồ sơ đầu máy D12E-640 tại trụ sở Long Biên; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.5.06-Hồ sơ Toa xe tại trụ sở Long Biên; Phân hiệu CĐĐS Đà nẵng; Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.5.07-Kế hoạch duy tu sửa chữa các công trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.5.08-Bản thống kê phòng học giảng đường (tính tỉ lệ m2/người học), thực hành, phòng học chuyên môn hoá năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Các phòng học lí thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn được trang bị hệ thống điện bảo đảm cung cấp đủ ánh sáng, điều hòa không khí, quạt thông gió theo tiêu chuẩn, được bố trí đủ bàn ghế cho HSSV và nhà giáo, bảng viết. Các phòng học chuyên môn còn được trang bị hệ thống máy chiếu giao diện Projector (*5.5.09-Biên bản bàn giao máy chiếu cho các đơn vị).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì cơ sở vật chất và trang thiết bị được xây dựng và ban hành năm 2019. Quy chế gồm 6 chương, 18 Điều, trong đó Chương I: Quy định chung; Chương II. Quy định mua sắm, quản lí, sử dụng và khai thác tài sản; Chương III: Quy định bảo hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị; Chương IV: Quy định về điều chuyển, kiểm kê và thanh lí tài sản; Chương V: Quy định về tổ chức kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm; Chương VI: Tổ chức thực hiện *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng)*. Trường đã xây dựng và ban hành các Quy trình Bảo trì, bảo dưỡng tài sản, Quy trình Quản lí tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020, theo đó việc bảo trì tài sản được thực hiện theo các bước: lập kế hoạch bảo trì, tổng hợp, phân loại kế hoạch, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra, nghiệm thu tài sản *(1.7.04-Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt).* Các phòng học, thực hành chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, nhật ký làm việc của các trang thiết bị, xưởng thực hành *(5.6.01-Các nội quy sử dụng phòng học thực hành chuyên môn).* Đối với các thiết bị đào tạo mà Trường tiếp nhận từ các dự án, nhà trường lưu giữ đầy đủ hồ sơ hướng dẫn vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất.

TT	Thiết bị đào tạo	Tên nhà SX	Xuất sứ
1	Mô phỏng lái tàu (Hà Nội)	Việt Nam	
2	Thiết bị 6502 (Hà Nội)	Trung Quốc	DA được thụ hưởng

3	Thiết bị SSI (Hà Nội)	Altom (Pháp)	DA "Hệ thống TTTHĐS đoạn HN-Vinh, tuyến ĐS Thống Nhất giai đoạn II
4	Đầu máy D12E (Hà Nội)	Tiệp Khắc	Mua thanh lí của TCT ĐSVN
5	Thiết bị 6502 (PH CĐĐSĐN)	Trung Quốc	DA được thụ hưởng
6	Mô phỏng lái tàu (PH CĐĐSPN)	Việt Nam	
7	Thiết bị 6502 (PH CĐĐSPN)	Trung Quốc	DA được thụ hưởng

(5.5.01-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2007 và Hồ sơ Nâng cấp Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2014; 5.5.02-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng láu tàu tại Bình Dương năm 2018; 5.5.03-Hồ sơ nghiệm thu nhà thực hành thông tin tín hiệu tại Long Biên và Bình Dương năm 2013; 5.5.04-Biên bản nghiệm thu Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội-Vinh, tuyến đường sắt thống nhất tại Long Biên và Bình Dương năm 2015; 5.5.05-Hồ sơ đầu máy D12E-640 tại trụ sở Long Biên; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.5.06-Hồ sơ Toa xe tại trụ sở Long Biên; Phân hiệu CĐĐS Đà nẵng; Phân hiệu CĐĐS Phía Nam).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường quy định rõ việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn trong Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt, trong đó tại Điều 4: Nguyên tắc chung trong quản lý và sử dụng tài sản có ghi: "1. Trang thiết bị, vật tư là tài sản chung của Trường để sử dụng cho mục đích đào tạo; sản xuất, kinh doanh, tạo doanh thu theo điều hành của người có thẩm quyền. Mỗi tài sản thiết bị đều được giao cho một đơn vị hoặc cá nhân quản lý.

2. Không sử dụng tài sản của Trường vào mục đích cá nhân.

3. Trách nhiệm đơn vị quản lý:

a) Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về quản lý, sử dụng trang thiết bị, tài tản được giao;

b) Sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích; vận hành, thao tác sử dụng thiết bị đúng nội quy, quy định;

c) Mở sổ theo dõi tăng, giảm tài sản, thiết bị và các nghiệp vụ khác như cấp phát, điều chuyển, thanh lý, thu hồi theo hướng dẫn của phòng QLTB&XDCB và phòng TCKT;

d) Bàn giao, giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các cá nhân trực thuộc quản lý;

e) Xây dựng quy trình bảo dưỡng sửa chữa, vận hành các trang thiết bị, tài sản được giao;

f) Báo cáo định kỳ hằng năm về hiệu quả sử dụng trang thiết bị vào sản xuất kinh doanh hoặc nghiên cứu, đào tạo cho Hiệu trưởng qua phòng QLTB&XDCB.

4. Trách nhiệm của người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản:

a) Chịu trách nhiệm trước trưởng đơn vị đối với tài sản được giao quản lý, sử dụng;

b) Bảo quản trang thiết bị, tài sản được giao; bồi thường vật chất theo các quy định của Trường hoặc pháp luật khi làm mất, hỏng tài sản, thiết bị do chủ quan hoặc sử dụng không đúng qui trình vận hành của thiết bị;

c) Khi phát hiện hư hỏng hoặc thấy nguy cơ hư hỏng, phải ngừng sử dụng rồi báo ngay cho trưởng đơn vị và Phòng QLTB&XDCB biết để khắc phục kịp thời;

d) Tuân thủ các nội qui về quản lý tài sản, thiết bị và quy trình vận hành của hệ thống, thiết bị."

Điều 9 quy định việc bảo hành, bảo trì tài sản, Điều 10 quy định sửa chữa tài sản, thiết bị, Điều 11 quy định điều chuyển thiết bị *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng)*.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho các phòng, khoa, trung tâm quản lí trực tiếp các phòng học, xưởng thực hành và phòng thực hành chuyên môn. Các đơn vị giao cho từng cá nhân nhà giáo, nhân viên của đơn vị quản lí từng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn cụ thể. Người phụ trách quản lí xưởng thực hành và phòng học chuyên môn lập và ghi chép thường xuyên vào sổ nhật kí sử dụng *(5.7.01-Nhật ký xưởng thực hành và phòng học chuyên môn)*.

Hằng năm, Phòng QLTB&XDCB của Trường đều xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra việc quản lý xưởng thực hành và phòng học chuyên môn. Qua báo cáo, các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, việc quản lý theo đúng quy định về Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện hành *(1.11.04-Kế hoạch, biên bản và báo cáo kiểm tra quản lý thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong 3 năm gần đây, Nhà trường tổ chức đào tạo 6 nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa, Điều hành chạy tàu ĐSĐT, Lái tàu đường sắt, Lái tàu điện và Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt. Trong các nghề trên có 3 nghề Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng gồm: Điều hành chạy tàu hỏa tại Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH, Lái tàu đường sắt và Thông tin tín hiệu đường sắt tại Thông tư số 18/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo các nghề của Trường hiện tại cho thấy các nghề trên chưa đáp ứng danh mục thiết bị tối thiểu. Để khắc phục tồn tại trên, Trường đã chủ động liên hệ với các đơn vị, công ty trong TCT ĐSVN để mượn trang thiết bị hoặc đưa HSSV đến học tập tại hiện trường, phân xưởng (*5.8.01-Văn bản hợp tác giữa Trường CĐĐS với các đơn vị thuộc TCT ĐSVN)*

Đối với các chuyên nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu như các nghề: Lái tàu đường sắt đô thị, Điều hành chạy tàu ĐSĐT… trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo (*5.8.02-Bảng so sánh Danh mục thiết bị đào tạo của Trường với Danh mục thiết bị tối thiểu năm 2021, 2022, 2023 và 2024*).

Các trang thiết bị dạy nghề trong Trường đều đạt trình độ tương đương với công nghệ sản xuất của ngành, đảm bảo về chất lượng và chủng loại, mỹ thuật, đảm bảo yêu cầu về sức khoẻ, vệ sinh trong quá trình sử dụng và có tài liệu hướng dẫn sử dụng như:

hệ thống thực hành thông tin, tín hiệu; hệ thống đường sắt; đầu máy, toa xe; sa bàn chạy tàu... Một số trang thiết bị đào tạo của Trường được tiếp nhận từ các dự án nâng cấp của đường sắt, hoặc do TCT ĐSVN đầu tư đảm bảo phù hợp, tiếp cận tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến thực tế sản xuất của Ngành, đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường *(1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08-Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09-Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 5.5.01-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2007 và Hồ sơ Nâng cấp Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2014; 5.5.02-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng láu tàu tại Bình Dương năm 2018; 5.5.03-Hồ sơ nghiệm thu nhà thực hành thông tin tín hiệu tại Long Biên và Bình Dương năm 2013; 5.5.04-Biên bản nghiệm thu Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội-Vinh, tuyến đường sắt thống nhất tại Long Biên và Bình Dương năm 2015; 5.5.05-Hồ sơ đầu máy D12E-640 tại trụ sở Long Biên; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.5.06-Hồ sơ Toa xe tại trụ sở Long Biên; Phân hiệu CĐĐS Đà nẵng; Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.8.03-Hồ sơ nghiệm thu hệ thống thiết bị hàn (Robot hàn tự động năm 2007).*

Bên cạnh đó, do đặc thù của ngành đường sắt, các ngành nghề đào tạo tại trường đều bố trí cho HSSV thực tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các đơn vị trong và ngoài ngành, người học được tiếp cận với các trang thiết bị máy móc thực tế phù hợp với trình độ, ngành nghề được đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Đối với từng phòng thực hành của trường, căn cứ đặc thù nghề đào tạo, các khoa bố trí lắp đặt hệ thống trang thiết bị thực hành hợp lý cho hoạt động dạy và học, đảm bảo an toàn cho thực tập sản xuất, cũng như đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm, thuận tiện cho việc vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị và tổ chức hướng dẫn thực hành (theo cả lớp, nhóm, từng cá nhân). Thiết bị được quản lý, theo dõi trong suốt quá trình dạy học, nếu có hư hỏng đều được ghi nhận vào sổ theo dõi phòng học và báo cho tổ chuyên môn sửa chữa, khắc phục.

- Các trang thiết bị đào tạo của Trường được tiếp nhận từ các dự án nâng cấp của Đường sắt, hoặc do TCT ĐSVN đầu tư đảm bảo phù hợp, tiếp cận tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến thực tế sản xuất của Ngành, đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hằng năm phòng QLTB&XDCB chủ trì, các khoa chuyên môn phối hợp đều tổ chức kiểm tra, đánh giá về sự an toàn của thiết bị, để đưa ra kế hoạch bảo dưỡng hợp lý *(1.11.04-Kế hoạch, biên bản và báo cáo kiểm tra quản lý thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08-Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09-Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 5.5.01-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2007 và Hồ sơ Nâng cấp Hệ thống thiết bị mô phỏng lái tàu tại Long Biên năm 2014; 5.5.02-Hồ sơ quyết toán Hệ thống thiết bị mô phỏng láu tàu tại Bình Dương năm 2018; 5.5.03-Hồ sơ nghiệm thu nhà thực hành thông tin tín hiệu tại Long Biên và Bình Dương năm 2013; 5.5.04-Biên bản nghiệm thu Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội-Vinh, tuyến đường sắt thống nhất tại Long Biên và Bình Dương năm 2015; 5.5.05-Hồ sơ đầu máy D12E-640 tại trụ sở*

Long Biên; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng; Đầu máy D4H tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.5.06-Hồ sơ Toa xe tại trụ sở Long Biên; Phân hiệu CĐĐS Đà nẵng; Phân hiệu CĐĐS Phía Nam; 5.8.03-Hồ sơ nghiệm thu hệ thống thiết bị hàn (Robot hàn tự động năm 2007; 5.9.01-Nội quy phòng thực hành).

Về vấn đề vệ sinh an toàn môi trường công nghiệp, để đảm bảo cho môi trường trong sạch đẹp, nhà trường có ký kết hợp đồng thu gom rác và phế liệu với Công ty Môi trường đô thị thành phố thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trong khuôn viên trường. Các nhà giáo khi lên lớp, sau khi kết thúc buổi học đều tổ chức cho người học vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lớp học, đưa rác và phế liệu vào nơi tập trung quy định *(5.4.01-Các Hợp đồng thu gom rác thải với công ty môi trường đô thị).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn9 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng và ban hành Quy định về Quản lý, sử dụng, bảo trì cơ sở vật chất và trang thiết bị năm 2019, gồm 6 chương, 18 điều. Trong đó, Chương I: Quy định chung; Chương II: Mua sắm, quản lí, sử dụng và khai thác tài sản; Chương III: Bảo hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị ; Chương IV : Điều chuyển, kiểm kê, thanh lí tài sản ; Chương V : Tổ chức kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm ; Chương VI : Tổ chức thực hiện *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng)*, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, cụ thể: Tại Khoản 2, Điều 5 của Quy định này quy định "định kỳ vào tháng 10 hằng năm các đơn vị quản lý tài sản lập kế hoạch bảo trì đối với từng tài sản cụ thể gửi Phòng QLTB&XDCB tổng hợp trình Hiệu trưởng quyết định. Trong quá trình bảo trì nếu phát hiện hư hỏng, đơn vị quản lý lập đề xuất sửa chữa hoặc thay thế gửi phòng QLTB&XDCB thẩm định trình Hiệu trưởng quyết định". Tại Khoản 1, Điều 6 quy định "Tài sản của Nhà trường phải được kiểm kê đánh giá hằng năm... Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê và biện pháp xử lý trình Hiệu trưởng quyết định". Tại Khoản 3, Điều 6 quy định "Khi tài sản đã hết hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được... thì các đơn vị sử dụng đề nghị thanh lý ". Tại mục 2, Điều 7: Nghiệm thu, theo dõi có ghi "Phòng QLTB&XDCB phải lập biểu theo dõi thống kê tuổi thọ sử dụng của các loại tài sản đã mua làm cơ sở phân tích, đánh giá, so sánh chất lượng, hiệu quả để phục vụ cho việc mua sắm sau này". Tại Điều 13: Kiểm kê, thanh lý tài sản, Mục 1: Kiểm kê tài sản có ghi "Tài sản của Trường phải được kiểm kê, đánh giá hằng năm. Phòng TCKT tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức, thực hiện công tác kiểm kê tài sản hằng năm hoặc bất thường (do bàn giao, chia tách, sáp nhập, giải thể đơn vị hoặc tổng kiểm kê theo chủ trương của Tổng công ty, của Nhà nước)".

Như vậy, Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trang thiết bị đào tạo chính của Trường được thụ hưởng từ TCT ĐSVN và các dự án cung cấp thiết bị đào tạo của Nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước. Tất cả các máy, trang thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất ghi trên máy và hồ sơ thiết bị bảo đảm tính đồng bộ của các trang thiết bị. Thiết bị đào tạo được theo dõi quản lý từ khi mua sắm, bàn giao, sử dụng, điều chuyển, thanh lý được cập nhật vào sổ theo dõi tài sản cố định. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản. Các khoa đều cử nhà giáo theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn. Trong quá trình sử dụng, thiết bị được quản lý, bảo dưỡng định kỳ, công tác sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì được cập nhật vào sổ theo dõi phòng xưởng và sổ lý lịch máy *(5.11.01-Các hợp đồng và biên bản nghiệm thu danh mục thiết bị mua sắm; 5.11.02-Danh mục tài sản cố định; 5.11.03-Bảng thống kê thiết bị thực hành theo các ngành nghề đào tạo; 5.11.04-Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị).*

- Căn cứ tiến độ đào tạo, các khoa phối hợp với Phòng Đào tạo lập Thời khóa biểu cho lớp học. Khi có thời khóa biểu có môn học, mô-đun sử dụng thiết bị đào tạo, nhà giáo lên lớp liên hệ với người quản lí xưởng thực hành, phòng học chuyên môn để nhận bàn giao phòng học và ghi chép sổ quản lí phòng bảo đảm phòng học được sử dụng đúng công năm. Các nhà giáo quản lí xưởng thực hành, phòng học chuyên môn thực hiện ghi chép nhật kí để theo dõi, đề xuất sửa chữa khi có hư hỏng theo quy định của Trường và của nhà sản xuất, làm tốt nhiệm vụ được giao *(1.11.04-Kế hoạch, biên bản và báo cáo kiểm tra quản lý thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.6.01-Các nội quy sử dụng phòng học thực hành chuyên môn; 5.7.01-Nhật ký xưởng thực hành và phòng học chuyên môn).*

Căn cứ vào phiếu đề xuất của các đơn vị, Phòng QLTB&XDCB tổ chức kiểm tra đánh giá thực tế và lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị. Việc duy tu bảo dưỡng, sửa chữa được tiến hành kịp thời đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo của Trường. Định kỳ, vào tháng 10 hằng năm các đơn vị quản lý tài sản lập tự đánh gia tài sản, xây dựng kế hoạch bảo trì đối với từng tài sản cụ thể gửi Phòng QLTB&XDCB tổng hợp trình Hiệu trưởng quyết định *(5.5.07-Kế hoạch duy tu sửa chữa các công trình năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.11.05-Phiếu đề xuất sửa chữa trang thiết bị; 5.11.06-Biên bản xác định tình trạng hư hỏng của thiết bị).*

- Định kỳ vào tháng 12 hằng năm, Trường thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản cố định để kiểm tra, đánh giá tỷ lệ % giá trị, phân loại thanh lý những thiết bị cũ, hỏng lạc hậu không còn phù hợp, trong đó có đánh giá về trang thiết bị đào tạo; xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị đồ dùng dạy học và duy tu sửa chữa cho năm tiếp theo để phục vụ hoạt động đào tạo được hiệu quả *(1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08-Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09-Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 5.11.07-Kế hoạch mua sắm tài sản năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.11.08-Quyết định thanh lý tài sản cố định năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trong 3 năm gần đây, Nhà trường tổ chức đào tạo 6 nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa, Điều hành chạy tàu ĐSĐT, Lái tàu đường sắt, Lái tàu điện và Xây dựng và bảo dưỡng công trình

giao thông đường sắt. Đối với 2 nghề Lái tàu đường sắt và Điều hành chạy tàu hỏa trình độ trung cấp và cao đẳng, Nhà trường thực hiện theo Thông tư số 10/2021/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021 ban hành 116 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đối với 4 nghề gồm: Thông tin tín hiệu đường sắt, Điều hành chạy tàu ĐSĐT, Lái tàu điện và Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt Trường xây dựng, ban hành và thực hiện định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo theo quy định của TCT ĐSVN theo Quyết định số 05/QĐ-CĐĐS ngày 12/5/2021 của Hiệu trưởng *(5.12.01-Định mức tiêu hao vật tư các nghề đào tạo tại Trường CĐĐS ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-CĐĐS ngày 12/5/2021 của Hiệu trưởng; 5.12.02-Khung định mức đào tạo nghề của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN năm 2021-2024).*

- Trường có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 *(1.11.01-Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 649/QĐ-CĐĐS ngày 22/7/2019 của Hiệu trưởng)*, trong đó quy định tài sản mua sắm về phải lập biên bản nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị sử dụng. Tại Điều 7 của Quy chế quản lý, sử dụng tài sản Trường ghi rõ: "Hàng hóa mua sắm phải nghiệm thu trước khi nhận từ nhà cung cấp, nhập kho; Phòng QLTB&XDCB phải lập biểu theo dõi thống kê tuổi thọ sử dụng của các loại tài sản đã mua làm cơ sở phân tích, đánh giá, so sánh chất lượng, hiệu quả để phục vụ cho việc mua sắm sau này". Tại Quy trình Quản lí tài sản quy định ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 08/01/2020 của Hiệu trưởng quy định "Khi tài sản được trang bị mới... cần đưa vào hệ thống quản lí chung; phân loại tài sản sau đó lập biên bản giao nhận tài sản cho các đơn vị sử dụng; các đơn vị được giao tài sản đăng kí vào sổ theo dõi của đơn vị; các đơn vị quản lí sử dụng lập sổ theo dõi vận hành."

- Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, tiến độ giảng dạy các khoa, nhà giáo phụ trách lập kế hoạch gửi về Phòng QLTB&XDCB trình Hiệu trưởng phê duyệt và Nhà trường bố trí mua sắm và cấp phát trang thiết bị hàng hoá, vật liệu cho đơn vị sử dụng đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời theo tiến độ giảng dạy và học tập *(5.12.03-Kế hoạch mua sắm vật tư của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.12.04-Biên bản giao nhận, nghiệm thu sử dụng TSCĐ, vật tư thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Vật tư sau khi được mua sắm về được bàn giao trực tiếp cho các đơn vị bảo quản và sử dụng. Việc lưu trữ, bảo quản vật tư, hàng hoá được thực hiện tại các kệ, giá, tủ sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng, đảm bảo chống ẩm mốc và thường xuyên được kiểm tra, bảo quản, theo dõi an toàn, phòng chống mất mát *(5.9.01-Nội quy phòng thực hành).*

Hằng năm, Phòng QLTB&XDCB xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra các xưởng thực hành và phòng học chuyên môn, trong báo cáo có nêu "Việc lưu trữ, bảo quản vật tư, hàng hoá được sắp xếp gọn gàng *(1.11.04-Kế hoạch, biên bản và báo cáo kiểm tra quản lý thiết bị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Thư viện Trường được chia theo 3 khu vực làm việc với tổng diện tích 319m^2. Trong đó tổng diện tích phòng đọc là 234m^2, tổng diện tích phòng lưu trữ là 75m^2. Ở khu vực Long Biên thư viện được bố trí trong khuôn viên tầng 2 nhà Hội trường với tổng diện

tích phòng đọc và phòng lưu trữ tài liệu sách báo là 80m^2, tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng, diện tích phòng thư viện là 70m^2 và tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam, diện tích phòng đọc thư viện là 169 m^2. Trong các năm qua, số lượng cán bộ, nhà giáo và HSSV của trường như sau:

Năm học	Số cán bộ GV	Số HSSV qui đổi	Diện tích phòng đọc cần thiết (m^2)	Diện tích phòng đọc hiện có (m^2)
Năm học 2021-2022	113	526.4	199	234
Năm học 2022-2023	108	321.3	141	234
Năm học 2023-2024	107	500.5	189	234

Căn cứ Thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đối với thư viện diện tích phòng đọc tối thiểu là 2m^2/GV, 1,8m^2/người học (TCVN 2012) thì tổng diện tích cần thiết là 166 m^2. Như vậy diện tích thư viện tại 3 khu vực đều đáp ứng được cho nhu cầu của trên 15% HSSV và trên 25% cán bộ, nhà giáo *(5.13.01-Hồ sơ thiết kế thư viện tại trụ sở Long Biên, Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng và Phân hiệu CĐĐS Phía Nam)*.

- Tính đến tháng 11 năm 2024 thư viện có 56 chương trình đào tạo, 157 đầu giáo trình các nghề do nhà trường biên soạn và 2320 đầu sách tham khảo với 10245 cuốn sách tham khảo. Do đó cần kho lưu trữ là (56+157+10245) x2,5m^2/1.000 đầu sách = 26m^2. Kho lưu trữ của Trường có tổng diện tích 75m^2. Như vậy kho lưu trữ đáp ứng được yêu cầu về diện tích. Như vậy diện tích thư viện tại 3 khu vực đều đáp ứng được cho nhu cầu của trên 15% HSSV và trên 25% cán bộ, nhà giáo.

- Tại Thư viện có đủ chương trình đào tạo, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in, cụ thể: tổng số giáo trình cần có theo các chương trình đào tạo các nghề của trường là 766 giáo trình, tổng số đầu sách lưu tại thư viện trường là 766 đầu sách, tổng số quyển giáo trình của trường là 3830 quyển. Tổng số giáo trình ban hành, lựa chọn đưa vào sử dụng các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 là 26 giáo trình (trung cấp, cao đẳng); 10 giáo trình (sơ cấp) số bản in tại thư viện là 180 cuốn *(5.13.02-Danh mục tài liệu tham khảo, sách, báo, tạp chí; 5.13.03-Danh mục nghề đào tạo của Trường; 4.10.03-Danh mục giáo trình đào tạo của trường; 4.10.01-Các quyết định ban hành giáo trình và các giáo trình kèm theo)*. Năm 2024 đã thẩm định 12 giáo trình, đang chuẩn bị banh hành đưa vào sử dụng. Hằng năm thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà giáo và HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại 3 khu vực của Trường đều có phân công người phụ trách thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo. Nhà trường xây dựng Nội quy của thư viện và được niêm yết tại mỗi phòng đọc *(5.14.01-Nội quy phòng đọc của thư viện)*. Thư viện trường mở cửa từ 07 giờ 30 đến 16 giờ 30 hàng ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần và luôn có người trực để phục vụ độc giả đến tra cứu, mượn, đọc sách. Thư viện thường xuyên thông báo đến bạn đọc các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo mới trên bảng thông báo chuyên mục của thư viện để giúp bạn đọc có thông tin và tiếp cận nhanh được các nguồn học liệu tại thư viện. Để đáp ứng việc tham khảo tài liệu hiệu quả, Thư viện cũng đã xây dựng chính sách sử dụng, tài liệu hướng dẫn sử dụng. Để giới thiệu hoạt động thư viện, hằng năm trong tuần

sinh hoạt công dân – HSSV, Trường có phổ biến đến HSSV về việc khai thác, sử dụng tài nguyên, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo của Thư viện phục vụ giảng dạy và học tập có ở thư viện *(1.1.17-Kế hoạch đón tiếp HSSV và học tập đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 5.13.02-Danh mục tài liệu tham khảo, sách, báo, tạp chí; 4.10.03-Danh mục giáo trình đào tạo của trường).*

Các tài liệu, giáo trình người đọc có thể đọc tại Thư viện hoặc mượn mang về với thời gian tối đa 5 ngày. Khi HSSV có nhu cầu sao in giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập thư viện luôn đáp ứng đầy đủ. Để đánh giá hiệu quả hoạt động chung của thư viện và đánh giá công tác tuyên truyền giới thiệu tài liệu, sách báo mới đến bạn đọc, hằng năm, Nhà trường tiến hành tổng hợp và lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và phương hướng công tác năm sau, kết quả đánh giá việc tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường là phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (*1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 5.14.02-Báo cáo hoạt động của thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: *Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay thư viện của Trường tại Long Biên chỉ có 01 máy tính hoạt động. Các máy tính khác được trang bị từ năm 2009 và thư viện điện tử đã không còn hoạt động được. Thư viện tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam có tổng số 02 máy vi tính nối mạng Internet. Hệ thống máy tính của thư viện tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam được cài đặt phần mềm Quản lý thư viện, giúp người đọc có thể tra cứu tài liệu trong danh mục sách, tài liệu của thư viện *(5.15.01-Phần mềm Quản lý thư viện Trường Cao đẳng Đường sắt; 5.15.02-Thư viện sách ebook, thư viện điện tử; 5.15.03-Sổ kiểm kê tài sản của thư viện).*

Hệ thống máy tính của thư viện được nối mạng Internet và mạng nội bộ LAN để giúp độc giả tra cứu tài liệu, thông tin. Tuy nhiên hệ thống hoạt động không ổn định Tại phân Hiệu Đà Nẵng không có thư viện điện tử (*5.15.04-Hợp đồng nối mạng Internet với Công ty cổ phần FPT).*

Tại các phòng thư viện của Trường đều có nội quy phòng đọc được Hiệu trưởng duyệt và được thông báo tới toàn thể độc giả thông qua các bảng tin nội bộ và hệ thống cộng tác viên thư viện. Hiện tại thư viện trường đã số hóa 56 chương trình đào tạo, 157 đầu giáo trình các nghề do Nhà trường biên soạn, 2320 đầu sách và tài liệu tham khảo *(5.14.01-Nội quy phòng đọc của thư viện).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 0 điểm

TIÊU CHÍ 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường;

- Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

** Những tồn tại:*

Hằng năm, các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế còn hạn chế và chưa thường xuyên.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Khích lệ, tạo điều kiện cho các cán bộ, nhà giáo viết bài báo gửi đăng trên các tạp chí khoa học.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	**4/5**
Tiêu chuẩn 6.1	1
Tiêu chuẩn 6.2	1
Tiêu chuẩn 6.3	0
Tiêu chuẩn 6.4	1
Tiêu chuẩn 6.5	1

Tiêu chuẩn 6.1: *Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường đã xây dựng các nội quy, quy chế nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng công tác, tiết kiệm và hiệu quả như: tại Điều 8, Quy định về công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ Trường Cao đẳng Đường sắt quy định "Đơn vị, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học đạt kết quả xuất sắc được khen thưởng tối đa 2 tháng năng suất" *(6.1.01-Quy định về công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 155/QĐ-CĐĐS ngày 7/3/2018 của Hiệu trưởng);* tại điểm b, khoản 1, Điều 3 của Quy định chế độ làm việc của nhà giáo sửa đổi bổ sung năm 2022 quy định "Học tập, bồi dưỡng, chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học: 08 tuần. Nội dung hình thức học tập phù hợp chuyên môn được đào tạo và yêu cầu của nhà trường; được hiệu trưởng đồng ý bằng văn bản" *(1.12.02-Quy định chế độ làm việc của giảng viên/giáo viên theo quyết định số 950/QĐ-CĐĐS ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt);* tại Điều 14, Mục 2, khoản a của Quy chế thi đua khen thưởng quy định tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở "Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng khoa học (Hội đồng sáng kiến) cấp cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại đơn vị, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận; được Ngành hoặc Trường công nhận" *(6.1.02-Quy chế thi đua khen thưởng ban hành theo Quyết định số 632/QĐ-CĐĐS ngày 16/11/2021 của Hiệu trưởng).*

- Từ năm 2021 đến nay Trường có 18 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo, Trường đã thực hiện chính sách khuyến khích cho 17 người với tổng số tiền là 3.700.000 đồng, tổng số giờ được miễn trừ là 0 giờ, 01 người học cao học được nhà trường hỗ trợ học phí năm

2022 là 1.192.000 đồng, năm 2022 là 2.508.000 đồng *(6.1.03-Các Hợp đồng giao việc và Thanh lí hợp đồng NCKHCN năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.1.04-Các Quyết định trừ giờ NCKHCN năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.1.05-Báo cáo khoa học công nghệ năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác NCKH cấp cơ sở, các đơn vị có liên quan triển khai cho cán bộ, nhà giáo và nhân viên đăng ký thực hiện các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm và mô hình thiết bị đào tạo theo đúng kế hoạch đề ra. Trên cơ sở đăng ký đề tài, chủ nhiệm đề tài trình Hội đồng xét duyệt đề cương, các cá nhân ký hết hợp đồng, triển khai thực hiện đề tài, sáng kiến. Kết thúc nghiên cứu, các đề tài, sáng kiến được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, thông báo kết quả và trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận kết quả. Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kinh nghiệm được nghiệm thu có đầy đủ văn bản, hồ sơ theo đúng quy trình, quy định. Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của Trường qua các năm qua thể hiện như sau:

TT	Tên đề tài, sáng kiến	Cấp độ NC	Chủ nhiệm	Số văn bản
	Năm 2021			
1	Thiết kế lắp đặt tủ điều khiển thiết bị ánh sáng ga ĐSĐT.	Trường	Khoa TTTH	Giấy đề nghị công nhận nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021
2	Nghiên cứu cải tạo bộ tay quay ghi, hộp khóa ngắt điện phục vụ thực hành ĐSĐT quay tay bằng ghi.	Trường	Khoa VT-KT	
3	Thiết kế, biên soạn Mẫu sổ sách ấn chỉ chạy tàu, sổ sách giao nhận trang thiết bị ga ĐSĐT.	Trường	Khoa VT-KT	
4	Thiết kế, biên soạn sổ sách ấn chỉ chạy tàu của nhân viên điều độ.	Trường	Khoa VT-KT	
5	Thiết kế, biên soạn Mẫu sổ sách quản lý, bán vé ĐSĐT	Trường	Khoa VT-KT	
6	Nghiên cứu thiết kế phần mềm bán vé ĐSĐT	Trường	TT NC&CGKHCN	
7	Nghiên cứu thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống thiết bị chắn đường ngang có người gác và chắn đường ngang cảnh báo tự động trên cùng một hệ thống tín hiệu đường bộ (2021)	Trường	Phân hiệu Đà Nẵng	

	Năm 2022			
1	Xây dựng CTĐT Trung cấp Lái tàu điện	Trường	ThS. Nguyễn Mạnh Cường	Giấy đề nghị công nhận nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2022
2	Xây dựng CTĐT Điều độ chạy tàu đường sắt đô thị	Trường	KS. Đoàn Đình Quang	
3	Xây dựng CTĐT Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga đường sắt đô thị	Trường	KS. Vũ Ngọc Thạch	
4	Xây dựng CTĐT Nhân viên vé đường sắt đô thị	Trường	ThS. Phan Thị Thu Hương	
5	Xây dựng CTĐT Trưởng ga đường sắt đô thị	Trường	ThS. Hoàng Hải Tiến	
	Bằng thạc sĩ thầy Thắng			
	Năm 2023			
1	Đề tài cấp Bộ: "Nghiên cứu thực nghiệm, đánh giá chất lượng kết cấu tầng trên đường sắt và đề xuất dự thảo kiểm định trạng thái động kết cấu tầng trên cho đường sắt Việt Nam" Mã số: DT214036	Bộ GTVT	TS.Trương Trọng Vương	QĐ số 772/QĐ-BGTVT ngày 27/06/2023 về danh sách Hội đồng KHCN cấp Bộ. Đã bảo về cấp Bộ ngày 30/06/2023
2	TCCS – Tiêu chuẩn kỹ thuật tà vẹt sắt khổ 1000mm	Bộ GTVT	TS. Trương Trọng Vương	QĐ số 373/QĐ-CĐSVN ngày 14/07/2023 về Công bố TCCS "Tiêu chuẩn kỹ thuật tà vẹt sắt-Khổ đường 1000 mm"
3	"Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo xử lý nhận diện hình ảnh, phát hiện đoàn tàu và các phương tiện giao thông đường sắt mô phỏng hệ thống cảm biến đếm trục tại đường ngang cảnh bảo tự động"	Bộ GTVT	Phạm Nguyên Tân	QĐ số 1456/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt danh mục đề tài thực hiện trong kế hoạch năm 2023
	Năm 2024			
1	TCVN – Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	Bộ GTVT	TS. Trương Trọng Vương	Quyết định số 785/QĐ-BGTVT ngày 29/06/2023
2	TCVN – Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm – Phần 2: Phương pháp	Bộ GTVT	TS. Trương Trọng Vương	Quyết định số 785/QĐ-BGTVT ngày 29/06/2023 của Bộ Giao thông vận tải
3	Thiết kế và chế tạo mạch đèn	Ngành	ThS. Nguyễn	Công văn số

	biểu thị tàu chiếm dụng trong ga		Ngọc Tú	2441/ĐS-QTCN ngày 07/8/2024 về việc hướng dẫn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng công ty ĐSVN năm 2025

(6.2.01-Các Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.02-Giấy đề nghị Công nhận nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.03-Các Quyết định thành lập Hội đồng khoa học năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.04-Các Biên bản họp HĐ KH&ĐT xét danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở của trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.05-Các hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; 6.2.06-Quyết định công nhận đề tài NCKH cấp cơ sở của trường; 1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023; 6.2.07-Quyết định số 785/QĐ-BGTVT ngày 29/06/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục và dự kiến kinh phí đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ chuyên ngành giao thông vận tải đường sắt thực hiện trong kế hoạch năm 2024; 6.2.08-Quyết định số 788/QĐ-BGTVT ngày 29/06/2023 về việc phê duyệt Danh mục cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn, và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải năm 2024 (chuyên ngành giao thông vận tải đường sắt; 1.6.09-Các Quyết định khen thưởng thi đua năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.09-Báo cáo công tác NCKHCN và hợp tác quốc tế năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bên cạnh việc đẩy mạnh NCKH, Nhà trường còn khuyến khích các cán bộ, nhà giáo tham gia viết bài báo, ấn phẩm để đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. Số lượng bài báo của cán bộ, nhà giáo của trường thể hiện qua các năm qua như sau:

TT	Tên bài báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Số báo
	Năm 2022			
	Năm 2023			
1	Ngăn ngừa tai nạn nghiêm trọng đường sắt đô thị	ThS. Nguyễn Mạnh Cường và Phan Thị Thu Hương	Tạp chí GTVT E-ISSN 2615-9791	Số đặc biệt 1000/CBC-QLBC do cục Báo chí cấp ngày 11/09/2023
2	Thuật toán YOLO trong nhận diện phương tiện chuyên dụng khi đi qua đường ngang	ThS. Đặng Hiếu Dân và Phạm Nguyên Tân	Tạp chí GTVT E-ISSN 2615-9791	Số đặc biệt 1000/CBC-QLBC do cục Báo chí cấp ngày 11/09/2023
3	Đánh giá một số chỉ tiêu về an toàn chạy tàu	TS. Trương Trọng Vương	Tạp chí GTVT E-ISSN 2615-9791	Số đặc biệt 1000/CBC-QLBC

	và tính tiện nghi hành khách tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông	và Lê Quang Hưng		do cục Báo chí cấp ngày 11/09/2023
4	Sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn để nghiên cứu ảnh hưởng của hệ số ma sát (COF) tấm đệm ray, khoảng cách tà vẹt, tốc độ chạy tàu do hiện tượng mòn vẹt bánh xe gây ra	ThS. Khuất Đức Thắng và Kiều Quang Thái	Tạp chí GTVT E-ISSN 2615-9791	số đặc biệt 1000/CBC-QLBC do cục Báo chí cấp ngày 11/09/2023
	Năm 2024			
1	Một số thông số kĩ thuật chủ yếu của đường cong đường sắt tốc độ cao	TS. Trương Trọng Vương, PGS.TS. Nguyễn Hữu Thiện và ThS. Khuất Đức Thắng	Tuyển tập báo cáo Hội nghị KHCN của Hội KHKT cầu đường Việt Nam	Tháng 8 năm 2024
2	Development of Vietnamese Railways and Raiway Talent Cultivation	Ths. Nguyễn Mạnh Cường	2024 International Development Conference on Modern Railway Craftsmen Cultivation and Industry-Education Intergration	Tháng 9/2024

(6.3.01-Các bài báo ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.2.09-Báo cáo công tác NCKHCN và hợp tác quốc tế năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Năm 2023 Trường có 4 bài báo khoa học, năm 2024 Trường có 2 bài báo khoa học. Tuy nhiên số lượng các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế còn thấp và chưa thường xuyên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường được nghiệm thu từ năm 2021 đến nay đều có giá trị thực tiễn cao, mang tính thực tế và sau khi nghiệm thu đều được đưa vào ứng dụng thực tiễn trong quản lý và giảng dạy các nghề đang được đào tạo tại Trường. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đều được triển khai ứng dụng có hiệu quả, đã góp phần trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề của

Trường, ứng dụng của Ngành và Bộ (*6.4.01-Bảng tổng hợp các đề tài NCKH, sáng kiến năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 6.4.02-Bảng tóm tắt kết quả ứng dụng các đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm năm học năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Tóm tắt kết quả ứng dụng các đề tài NCKH/SKKN được nghiệm thu, áp dụng trong Trường trong thực tiễn và đào tạo thể hiện trong các bảng sau:

TT	Tên đề tài, sáng kiến	Chủ nhiệm	Đơn vị ứng dụng
	Năm 2021		
1	Thiết kế lắp đặt tủ điều khiển thiết bị ánh sáng ga ĐSĐT.	Khoa TTTH	Khoa TTTH
2	Nghiên cứu cải tạo bộ tay quay ghi, hộp khóa ngắt điện phục vụ thực hành ĐSĐT quay tay bằng ghi.	Khoa VT-KT	Khoa VT-KT
3	Thiết kế, biên soạn Mẫu sổ sách ấn chỉ chạy tàu, sổ sách giao nhận trang thiết bị ga ĐSĐT.	Khoa VT-KT	Khoa VT-KT
4	Thiết kế, biên soạn sổ sách ấn chỉ chạy tàu của nhân viên điều độ.	Khoa VT-KT	Khoa VT-KT
5	Thiết kế, biên soạn Mẫu sổ sách quản lý, bán vé ĐSĐT	Khoa VT-KT	Khoa VT-KT
6	Nghiên cứu thiết kế phần mềm bán vé ĐSĐT	Khoa VT-KT	Khoa VT-KT
7	Nghiên cứu thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống thiết bị chắn đường ngang có người gác và chắn đường ngang cảnh báo tự động trên cùng một hệ thống tín hiệu đường bộ (2021)	Phân hiệu Đà Nẵng	Phân hiệu Đà Nẵng
	Năm 2022		
1	Xây dựng CTĐT Trung cấp Lái tàu điện	ThS. Nguyễn Mạnh Cường	Các khoa
2	Xây dựng CTĐT Điều độ chạy tàu đường sắt đô thị	KS. Đoàn Đình Quang	Các khoa
3	Xây dựng CTĐT Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga đường sắt đô thị	KS. Vũ Ngọc Thạch	Các khoa
4	Xây dựng CTĐT Nhân viên vé đường sắt đô thị	ThS. Phan Thị Thu Hương	Các khoa
5	Xây dựng CTĐT Trưởng ga đường sắt đô thị	ThS. Hoàng Hải Tiến	Các khoa
	Năm 2023		
1	Đề tài cấp Bộ: "Nghiên cứu thực nghiệm, đánh giá chất lượng kết cấu tầng trên đường sắt và đề xuất dự thảo kiểm định trạng thái động kết cấu tầng trên cho đường sắt Việt Nam" Mã số: DT214036	TS.Trương Trọng Vương	Ngành Đường sắt
2	TCCS – Tiêu chuẩn kỹ thuật tà vẹt sắt khổ 1000mm	TS. Trương Trọng Vương	Ngành Đường sắt

	Năm 2024		
1	TCVN – Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	TS. Trương Trọng Vương	Ngành Đường sắt
2	TCVN – Tà vẹt sắt khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm, khổ đường lồng 1000 mm và 1435 mm – Phần 2: Phương pháp	TS. Trương Trọng Vương	Ngành Đường sắt

Hằng năm Trung tâm NC&CGKHCN của Trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đánh giá kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường từ năm trước đã được ứng dụng thực tiễn, giảng dạy và quản lý trong toàn trường. Trong các báo cáo tổng hợp cho thấy, các ý kiến đánh giá của các đơn vị được ứng dụng sản phẩm NCKH/SKCT đều đánh giá mức "Ứng dụng rất tốt" và "Ứng dụng tốt" *(6.4.03-Kế hoạch, phiếu đánh giá, bảng tổng hợp ứng dụng đề tài, NCKH sáng kiến cải tiến năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức đánh giá và có báo cáo tổng kết về hoạt động NCKH được triển khai và ứng dụng tại Nhà trường đều khẳng định các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn *(1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.2.09-Báo cáo công tác NCKHCN và hợp tác quốc tế năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Những năm gần đây Nhà trường tích cực liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế, các hoạt động này đã góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ giảng dạy của nhà giáo, tăng cường trang thiết bị đào tạo của Trường, cụ thể như sau:

TT	**Tên dự án**	**Trường nước ngoài/ Tổ chức QT**	**Lợi ích dự án/ liên kết**	
			ĐT nhân lực/tài lệu	Số tiền/thiết bị thụ hưởng
	Năm 2020 - 2021			
1	Đào tạo nhân sự cho tuyến ĐSĐT Bến Thành Suối tiên.	Nhà thầu NJPT Nhật Bản	Đào tạo 01 lớp gồm: Lớp K1- LTĐ	
	Năm 2022			
1	Đào tạo nhân sự cho tuyến ĐSĐT Bến Thành Suối tiên.	Nhà thầu NJPT Nhật Bản	Đào tạo 01 lớp gồm: Lớp K1- LTĐ	
2	Dự án Tăng cường năng lực	JICA	Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực	

	đào tạo đường sắt đô thị cho Trường Cao đẳng đường sắt		đường sắt đô thi cho giảng viện, Trường Cao đẳng Đường sắt, Xây dựng chương trình, tài liệu, giáo trình đào tạo đường sắt đô thị	
	Năm 2023			
1	Tăng cường năng lực đào tạo đường sắt đô thị	JICA	- Tổ chức 5 đợt học cho 229 lượt nhà giáo; - 03 lượt cán bộ, nhà giáo học tập tại Nhật Bản.	
2	Dự án Hàn Quốc "Nâng cao năng lực quản lý An toàn Đường sắt tại Việt Nam"	Đại học Dong Yang Hàn Quốc	- Tổ chức 01 đợt học cho 45 học viên; - Phối hợp Hiệu đính bộ tài liệu dùng cho dự án gồm 10 chương	
3	Đào tạo nhân sự cho tuyến ĐSĐT Bến Thành Suối tiên.	Nhà thầu NJPT Nhật Bản	Đào tạo 06 lớp gồm: Lớp K1- LTĐ, K55 – LTĐ1, K55 - BDNV Điều Độ, K55 - TCĐHCTĐSĐT và K56 SCNVPV chạy tàu ĐSĐT.	
	Năm 2024			
1	Tăng cường năng lực đào tạo đường sắt đô thị	JICA	- Tổ chức 2 đợt học cho 72 lượt nhà giáo; - 02 lượt cán bộ, nhà giáo học tập tại Nhật Bản.	
2	Dự án Hàn Quốc "Nâng cao năng lực quản lý An toàn Đường sắt tại Việt Nam"	Đại học Dong Yang Hàn Quốc	Tổ chức 05 đợt học cho 255 học viên	Máy siêu âm ray PASS – H2000: 02 máy; Máy siêu âm ray PASS – H1000: 02 máy; Thước điện tử đo khổ ray 1435mm: 04 thước; Thước điện tử đo khổ ray 1000mm: 04 thước; Thước điện tử đo độ thẳng ray: 02 thước; Máy chèn đường cầm tay: 04 máy
3	Đào tạo nhân sự cho tuyến ĐSĐT Bến Thành Suối tiên.	Nhà thầu NJPT Nhật Bản	Đào tạo 06 lớp gồm: Lớp K1- LTĐ, K55 - LTĐ, K55 - BDNV Điều Độ, K55 - LTĐ1, K55 -	

			TCĐHCTĐSĐT và K56 SCNVPV chạy tàu ĐSĐT.	
4	Mở rộng quan hệ hợp tác Quốc tế	Trung Quốc	- 2 CB đi thăm quan hợp tác quốc tế từ ngày 15 đến 17/07/2024 tại trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Đường sắt Liễu Châu. - 2 CB đi thăm quan hợp tác quốc tế từ ngày 17 đến 22/09/2024 tại trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Đường sắt Liễu Châu.	
5	Mở rộng quan hệ hợp tác Quốc tế	Đức	Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo Hàn theo tiêu chuẩn của RIW ngày 30/09/2024.	
6	Mở rộng quan hệ hợp tác Quốc tế	Trung Quốc	Từ ngày 13-16/10/2024 trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Đường sắt Liễu Châu sang làm việc và ký biên bản thỏa thuận hợp tác.	

(6.5.01-Các hồ sơ dự án liên kết với nước ngoài).

Kết quả của các hoạt động hợp tác quốc đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng và chỉnh lý các chương trình đào tạo mới (ngành ĐSĐT); các đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư trang thiết bị mới cho trường. Trong các báo cáo Hội nghị người lao động và Báo cáo Tổng kết năm học và triển khai kế hoạch năm học hằng năm đều có đánh giá công tác liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế đều góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường (*1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023; 6.5.02-Các văn bản, biên bản nghiệm thu kết quả của các liên kết đào tạo, dự án quốc tế hằng năm; 6.2.09-Báo cáo công tác NCKHCN và hợp tác quốc tế năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Các hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, phục vụ công tác đào tạo của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 1 điểm

TIÊU CHÍ 7: Quản lý Tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí thứ 7:

Mở đầu: Các minh chứng về tài chính kế toán được lập đầy đủ và lưu trữ theo quy định về công tác tài chính kế toán.

** Những điểm mạnh:*

- Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo đúng theo quy định;
- Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

- Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định.

** Những tồn tại:* Không.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phòng TCKT tham mưu đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường một cách toàn diện, đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính một cách cụ thể.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	**6/6**
Tiêu chuẩn 7.1	1
Tiêu chuẩn 7.2	1
Tiêu chuẩn 7.3	1
Tiêu chuẩn 7.4	1
Tiêu chuẩn 7.5	1
Tiêu chuẩn 7.6	1

Tiêu chuẩn 7.1: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của TCT ĐSVN, Nhà trường đã xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai, cụ thể: Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trường xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ gồm 4 chương, 23 điều, trong đó Chương I: Căn cứ pháp lí; Chương II: Quy định chung; Chương III: Nội dung quản lí thu – chi và Chương IV: Tổ chức thực hiện, khen thưởng và xử lí vi phạm. Căn cứ các Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ quy định Chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi thành một số điều của Bộ luật La động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế trả lương gồm 3 chương, 19 điều, trong đó: Chương I: Nguyên tắc chung; Chương II: Nguồn hình thành và sử dụng Quĩ tiền lương; Chương III: Tổ chức thực hiện. Các quy chế này được chỉnh sửa hằng năm cho phù hợp với các quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của Trường *(7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-CĐĐS ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng; 1.3.02-Qui chế Chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-CĐĐS ngày 10/12/2021; 3.7.02-Qui chế trả lương ban hành kèm theo quyết định số 923/QĐ-CĐĐS ngày 25/10/2022).*

Để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình Thu – Chi tiền mặt ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CĐĐS ngày 16/01/2020, Quy trình Thu tiền mặt có 7 bước gồm: Đề xuất thu, Kiểm tra, Lập và in phiếu thu, Thu tiền,Thẩm duyệt, Phê duyệt và Lưu hồ sơ. Quy trình Chi tiền mặt có 7 bước gồm: Đề xuất chi, Kiểm tra, Lập và in phiếu chi, Thẩm duyệt, Phê duyệt, Chi tiền và Lưu hồ sơ *(1.7.04-Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt).* Các quy chế trên đều được gửi tới tất cả các

đơn vị trong Trường và công khai trên trang web nội bộ của Trường để các đơn vị, cá nhân giám sát và thực hiện *(1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm nhà trường đều xây dựng Dự toán thu chi theo mục lục ngân sách Nhà nước và báo cáo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xem xét. Nhà trường có các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo gồm: Nguồn từ ký kết hợp đồng đào tạo với TCT ĐSVN; Nguồn từ ký kết hợp đồng đào tạo với các đối tác ngoài TCT ĐSVN; Thu học phí từ người học nghề; Thu từ liên kết đào tạo, dịch vụ đào tạo, khai thác cơ sở vật chất và các loại dịch vụ khác và từ các khoản được trích và thu hợp pháp khác *(7.2.01-Hợp đồng đào tạo với TCT ĐSVN năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.06-Các hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ; 7.2.02-Hợp đồng đào tạo lái xe ô tô).*

Trường tổ chức thực hiện đầy đủ các dịch vụ thiết yếu cho người học như cung cấp dịch vụ ở ký túc xá; cung cấp dịch vụ ăn uống, cung cấp dịch vụ sân bãi thể dục, thể thao... Việc thực hiện các dịch vụ này theo hợp đồng ký kết giữa nhà trường với đối tác theo đúng quy định của Nhà nước và nội quy, quy chế của Trường *(7.2.03-Các hợp đồng cung ứng dịch vụ năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Tổng hợp các nguồn thu từ học phí, dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác của Trường hằng năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nguồn thu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Dự toán Năm 2024
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH**	**0**	**0**	**0**	**0**
II	**NGUỒN THU SỰ NGHIỆP**	**28.000.636.925**	**41.808.465.377**	**54.542.872.127**	**50.115.724.704**
1	Nguồn từ ký kết hợp đồng ĐT với TCT ĐSVN	7.243.332.000	9.012.112.000	8.942.619.000	10.143.018.964
2	Nguồn từ ký kết hợp đồng ĐT với các đối tác ngoài TCT ĐSVN	8.726.267.765	15.629.302.040	24.369.648.136	20.845.545.740
3	Thu học phí từ người học nghề	2.026.873.000	1.862.485.000	3.148.152.500	1.621.360.000
4	Thu từ liên	9.373.271.038	14.525.466.073	15.626.545.352	17.116.800.000

	kết ĐT, DV ĐT, khai thác CSVC và các loại DV khác				
5	Từ các khoản được trích và thu hợp pháp khác	630.893.122	779.100.264	2.455.907.139	389.000.000

Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo được thu tập trung về Phòng Tài chính - Kế toán của Trường, lập phiếu thu, nhập quỹ và chuyển khoản qua ngân hàng của Trường. Căn cứ phiếu đề xuất được Hiệu trưởng duyệt, các chứng từ hoá đơn tài chính hợp lý, hợp lệ kèm theo và giấy đề nghị thanh toán, được trưởng đơn vị và Hiệu trưởng xác nhận, Phòng Tài chính kế toán làm thủ tục chi tiền mặt hoặc chuyển khoản, nhập số liệu vào phần mềm kế toán; in, đóng quyển lưu trữ tại Phòng *(7.2.04-Hệ thống hồ sơ, sổ sách tài chính, kế toán)*.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu theo đúng quy định của Luật Kế toán, Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường *(7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-CĐĐS ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng; 7.2.05-Báo cáo Hội đồng trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Các nguồn thu từ học phí, dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác Nhà trường quản lý và sử dụng, áp dụng biểu mẫu theo quy định tại nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của chính phủ, TT 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. Hồ sơ chứng từ, sổ sách bao gồm: hợp đồng (đối với thu dịch vụ), phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn tài chính... *(7.2.06-Sổ quỹ tiền mặt năm 2021, 2022, 2023; 7.2.07-Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản năm 2021, 2022, 2023)*.

Hệ thống kế toán của Trường sử dụng phần mềm kế toán Effect để hạch toán thu chi, báo cáo chi tiết tài khoản, báo cáo thuế, báo cáo quyết toán tài chính,... Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hằng năm của Phòng TCKT thể hiện Trường chấp hành chế độ thu đúng quy định của Nhà nước, và đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ban hành hằng năm; lập dự toán tài chính và thực hiện thu chi theo quy định, báo cáo quyết toán được lập đầy đủ, kịp thời theo đúng hệ thống biểu mẫu quy định; sổ sách kế toán mở đầy đủ, rõ ràng, có tổng hợp và thuyết minh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động thu, chi tài chính của đơn vị *(7.2.08-Phần mềm kế toán Effect; 7.2.09-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính của Trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Hằng năm, Trường lập Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và nộp tiền vào ngân sách Nhà nước nếu có phát sinh thuế cụ thể:

TT	Loại thuế	Tiền thuế đã nộp (VNĐ)		
		2021	2022	2023
1	Thuế GTGT	0	0	0
2	Thuế TNDN	155.325.791	294.187.623	824.336.827
3	Thuế TNCN	254.917.937	182.072.114	602.107.071
4	Thuế Môn bài	0	0	0
	Tổng	**410.243.728**	**476.259.737**	**1.426.443.898**

(7.2.10-Văn bản chấp nhận tờ khai của cơ quan thuế và chứng từ nộp thuế năm 2021, 2022, 2023).

Cuối năm tài chính, Trường lập báo cáo tài chính năm gửi báo cáo TCT ĐSVN. Thông báo xét duyệt quyết toán các năm 2021, 2022, 2023 của TCT ĐSVN thể hiện các nguồn thu của Trường từ học phí, lệ phí, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quản lý và sử dụng đúng quy định *(7.2.11-Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023).* Hằng năm Trường đều được TCT ĐSVN thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện nghiệp vụ kiểm toán tài chính tại Trường, tại báo cáo kiểm toán có ghi công tác quản lí tài chính của Trường không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra *(7.2.12-Báo cáo kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023).* Hiện tại Nhà trường chưa tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: *Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường gồm: nguồn thu từ học phí, lệ phí từ người học; nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo với TCT ĐSVN, các hợp đồng đào tạo, liên kết đào tạo cho xã hội. Tháng 12 hằng năm, Trường đều lập Dự toán thu – chi tài chính cho năm tiếp theo, cụ thể:

- Năm 2021:

Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Tổng số (.VNĐ)
I		**DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, THU DỊCH VỤ**	**28.000.636.925**
1		Học phí	2.026.873.000
2		Phí tuyển sinh	
3		Thu căn tin, bãi giữ xe, liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn…	25.973.763.925
II		**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN, SỰ NGHIỆP VA THU DỊCH VỤ**	**28.000.636.925**
		Nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	155.325.791
		Nộp thuế GTGT	
		Trích khấu khao tài sản cố định 8%	3.064.593.108
		Cải cách tiền lương (40% nguồn thu HP):	
		Nhóm I	
6000		Tiền lương	14.640.410.567
	01	Lương ngạch bậc:	
		Nâng lương định kỳ:	
	49	Lương khác	
		Nâng lương định kỳ:	
6050		Tiền công	
	51	Lương HĐ theo vụ việc	
6100		Phụ cấp lương	485.012.500
	01	Chức vụ:	
	05	Làm đêm, làm thêm giờ	
		- Làm đêm:	

		- Thêm giờ: (giảng dạy)	
	12	Phụ cấp ưu đãi nghề:	
		Dự kiến tăng:	
	13	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề:	
	15	Phụ cấp thâm niên nghề:	
		Dự kiến tăng	
	15	Phụ cấp thâm niên VK:	
		Dự kiến tăng	
	23	Phụ cấp trch nhiệm cấp ủy (5ng * 0,3)	
6150		Học bổng học sinh sinh viên	19.189.000
	51	Học sinh sinh viên :	
6300		Các khoản đóng góp	3.187.955.486
		Nhóm II	
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	616.618.209
6550		Vật tư văn phòng	363.429.514
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	257.781.250
6650		Hội nghị	
6700		Công tác phí	290.316.380
6750		Chi phí thuê mướn	131.120.000
6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn,	798.389.803
6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	2.303.801.332
7050		Mua sắm tài sản vô hình	
		Nhóm IV	
7750		Chi khác	1.686.693.985
7850		Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	

- Năm 2022:

Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Tổng số (.VNĐ)
I		**DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, THU DỊCH VỤ**	**41.808.465.377**
1		Học phí	1.862.485.000
2		Phí tuyển sinh	
3		Thu căn tin, bãi giữ xe, liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn…	39.945.980.377
II		**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN, SỰ NGHIỆP VA THU DỊCH VỤ**	**41.808.465.377**
		Nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	294.187.623
		Nộp thuế GTGT	

		Trích khấu khao tài sản cố định 8%	3.524.048.601
		Cải cách tiền lương (40% nguồn thu HP):	
		Nhóm I	
6000		Tiền lương	20.118.017.723
	01	Lương ngạch bậc:	
		Nâng lương định kỳ:	
	49	Lương khác	
		Nâng lương định kỳ:	
6050		Tiền công	
	51	Lương HĐ theo vụ việc	
6100		Phụ cấp lương	581.600.000
	01	Chức vụ:	
	05	Làm đêm, làm thêm giờ	
		- Làm đêm:	
		- Thêm giờ: (giảng dạy)	
	12	Phụ cấp ưu đãi nghề:	
		Dự kiến tăng:	
	13	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề:	
	15	Phụ cấp thâm niên nghề:	
		Dự kiến tăng	
	15	Phụ cấp thâm niên VK:	
		Dự kiến tăng	
	23	Phụ cấp trch nhiệm cấp ủy (5ng * 0,3)	
6150		Học bổng học sinh sinh viên	106.440.000
	51	Học sinh sinh viên :	
6300		Các khoản đóng góp	2.782.497.677
		Nhóm II	
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	1.131.073.008
6550		Vật tư văn phòng	534.020.323
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	262.342.109
6650		Hội nghị	
6700		Công tác phí	762.616.369
6750		Chi phí thuê mướn	170.340.726
6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn,	1.490.224.009
6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	7.379.535.846
7050		Mua sắm tài sản vô hình	
		Nhóm IV	
7750		Chi khác	2.671.521.363
		Chi hộ	
7850		Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	

- Năm 2023:

Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Tổng số (.VNĐ)
I		**DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, THU DỊCH VỤ**	**54.542.872.127**
1		Học phí	3.148.152.500
2		Phí tuyển sinh	
3		Thu căn tin, bãi giữ xe, liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn…	51.394.719.627
II		**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN, SỰ NGHIỆP VA THU DỊCH VỤ**	**54.542.872.127**
		Nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	824.336.827
		Nộp thuế GTGT	
		Trích khấu khao tài sản cố định 8%	3.505.843.405
		Cải cách tiền lương (40% nguồn thu HP):	
		Nhóm I	
6000		Tiền lương	23.862.333.837
	01	Lương ngạch bậc:	
		Nâng lương định kỳ:	
	49	Lương khác	
		Nâng lương định kỳ:	
6050		Tiền công	
	51	Lương HĐ theo vụ việc	
6100		Phụ cấp lương	927.250.000
	01	Chức vụ:	
	05	Làm đêm, làm thêm giờ	
		- Làm đêm:	
		- Thêm giờ: (giảng dạy)	
	12	Phụ cấp ưu đãi nghề:	
		Dự kiến tăng:	
	13	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề:	
	15	Phụ cấp thâm niên nghề:	
		Dự kiến tăng	
	15	Phụ cấp thâm niên VK:	
		Dự kiến tăng	
	23	Phụ cấp trch nhiệm cấp ủy (5ng * 0,3)	
6150		Học bổng học sinh sinh viên	53.056.000
	51	Học sinh sinh viên :	
6300		Các khoản đóng góp	3.309.081.098
		Nhóm II	
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	1.359.160.605
6550		Vật tư văn phòng	782.568.368
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	359.790.966
6650		Hội nghị	

6700		Công tác phí	1.282.700.329
6750		Chi phí thuê mướn	258.871.598
6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn,	1.246.619.230
6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	8.135.312.832
7050		Mua sắm tài sản vô hình	
		Nhóm IV	
7750		Chi khác	4.765.947.032
		Chi hộ	3.870.000.000
7850		Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	

- Năm 2024:

Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Tổng số (.VNĐ)
I		**DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, THU DỊCH VỤ**	**50.115.724.704**
1		Học phí	1.621.360.000
2		Phí tuyển sinh	
3		Thu căn tin, bãi giữ xe, liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn…	48.494.364.704
II		**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN, SỰ NGHIỆP VA THU DỊCH VỤ**	**47.828.192.186**
		Nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	
		Nộp thuế GTGT	
		Trích khấu khao tài sản cố định 8%	3.405.343.200
		Cải cách tiền lương (40% nguồn thu HP):	
		Nhóm I	
6000		Tiền lương	25.282.019.261
	01	Lương ngạch bậc:	
		Nâng lương định kỳ:	
	49	Lương khác	
		Nâng lương định kỳ:	
6050		Tiền công	
	51	Lương HĐ theo vụ việc	
6100		Phụ cấp lương	951.500.000
	01	Chức vụ:	
	05	Làm đêm, làm thêm giờ	
		- Làm đêm:	
		- Thêm giờ: (giảng dạy)	
	12	Phụ cấp ưu đãi nghề:	
		Dự kiến tăng:	

	13	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề:	
	15	Phụ cấp thâm niên nghề:	
		Dự kiến tăng	
	15	Phụ cấp thâm niên VK:	
		Dự kiến tăng	
	23	Phụ cấp trch nhiệm cấp ủy (5ng * 0,3)	
6150		Học bổng học sinh sinh viên	99.000.000
	51	Học sinh sinh viên:	
6300		Các khoản đóng góp	3.874.987.697
		Nhóm II	
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	1.413.930.000
6550		Vật tư văn phòng	467.780.000
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	440.650.000
6650		Hội nghị	
6700		Công tác phí	574.250.000
6750		Chi phí thuê mướn	192.000.000
6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn,	1.195.610.000
6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	7.151.754.574
7050		Mua sắm tài sản vô hình	
		Nhóm IV	
7750		Chi khác	2.779.367.453
7850		Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	

(7.3.01-Dự toán thu chi tài chính năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Trường trích lập các quỹ đảm bảo thu nhập cho CBGVNV hằng năm, cụ thể trong báo cáo tài chính hằng năm như sau:

(Đơn vị .VNĐ)

TT	Quỹ trích lập	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Quỹ Khen thưởng	9.200.000	80.166.029	75.800.000
2	Quỹ Phúc lợi	0	60.166.029	70.000.000
3	Quỹ Phát triển HĐSN	468.387.541	1.062.692.175	396.200.000
	Tổng cộng	**477.587.541**	**1.203.024.233**	**542.000.000**

(7.2.11-Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 7.3.02-Sổ kế toán năm 2021, 2022, 2023).

Số liệu tài chính 3 năm thể hiện Trường có các khoản thu bằng hoặc cao hơn các khoản chi trong tất cả các năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường được TCT ĐSVN giao quyền tự chủ chi thường xuyên tại Quyết định 155/QĐ-ĐS, ngày 21/2/2018 của TGĐ TCT ĐSVN *(1.1.05-Quyết định số 155/QĐ-ĐS ngày 21/02/2018 về việc phê duyệt Đề án tự chủ hoạt động và tự chủ tài chính giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến 2025 của Trường CĐĐS của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN).* Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán được thực hiện theo thông tư 107/2017/TT - BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Sổ sách được mở và ghi chép đầy đủ theo niên độ tài chính bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm theo thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Trường lập dự toán thu – chi tài chính cụ thể trong từng năm *(7.3.01-Dự toán thu chi tài chính năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Các hoạt động thu chi cụ thể được thực hiện theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, có sổ sách theo dõi và có báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Các chứng từ thu – chi, sổ quỹ tiền mặt,… đều được quản lý trên phần mềm.... và lưu bản chứng từ, sổ sách gốc. Hàng quy, năm, Trường đều lập báo cáo tài chính. Cuối mỗi năm, Trường thực hiện khóa sổ và lập báo cáo tài chính năm, báo cáo quyết toán hằng năm.

Trong báo cáo kiểm toán, tại mục "Ý kiến của kiểm toán viên" có ghi: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã được phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của trường CĐ ĐS tại ngày 31/12/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trường cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lí có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Trường cũng thực hiện các báo cáo quyết toán thuế hằng năm, và tạm nộp các khoản thuế TNDN vào NSNN đầy đủ, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Năm	2021	2022	2023
Thuế TNDN tạm nộp	155.325.791	294.187.623	824.336.827

Cơ quan cấp trên như TCT ĐSVN thường xuyên kiểm tra chi tiết thu, chi tài chính toàn Trường. Hằng năm, công tác tài chính của Trường đều được Ban Tài chính – Kế toán của TCT ĐSVN thanh kiểm tra, kiểm toán. Hằng năm, Trường được đoàn kiểm toán đánh giá công tác tài chính của Trường, tại Báo cáo kiểm toán ghi "Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập". Kết luận của các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đều được đánh giá là công tác quản lý phân bổ tài chính đúng quy định, hồ sơ sổ sách lưu trữ theo quy định của Luật kế toán *(7.2.07-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 7.2.12-Báo cáo kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023; 7.2.04-Hệ thống hồ sơ, sổ sách tài chính, kế toán).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Bộ phận tài chính kế toán của Trường tổ chức kiểm tra một cách thường xuyên các hoạt động kinh tế, tài chính của Trường bằng biện pháp kiểm tra chéo giữa các bộ

phận thực hiện công tác tài chính, kế toán và kiểm tra tuần tự giữa các khâu trong hoạt động kinh tế, tài chính. Phòng Tài chính kế toán phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, nhân viên trong phòng thực hiện công tác tài chính kế toán của Phòng. Sau khi nhân viên kế toán lập hồ sơ chứng từ, sổ sách, các chứng từ, sổ sách trên đều được Trưởng phòng kiểm tra tính hợp pháp, tính đúng, đủ đảm bảo nguyên tắc tài chính kế toán trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt. Khi Trường thực hiện việc chi tiêu, mua sắm sử dụng vật tư, thiết bị và các tài sản khác, Phòng thực kiểm tra, giám sát thông qua các báo giá thị trường đảm bảo ít nhất có 03 báo giá cho tài sản; có Quyết định thành lập Hội đồng mua sắm tài sản của Trường với giá trị lớn; sau khi tài sản được mua sắm về lập biên bản bàn giao tài sản cho các đơn vị quản lý sử dụng, phòng TCKT lập thẻ tài sản, vào sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ *(7.5.01-Quyết định thành lập Hội đồng mua sắm tài sản; Bảng báo giá; 7.2.04-Hệ thống hồ sơ, sổ sách tài chính, kế toán).*

Hằng năm, căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 01/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trường lập kế hoạch tự kiểm tra tài chính cho từng kỳ kế toán hoặc cả năm tài chính của Trường. Định kỳ hằng tháng, quý, năm, Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính như kiểm tra quỹ tiền mặt theo quy định (*1.11.05-Kế hoạch tự kiểm tra tài chính; 1.11.06-Biên bản kiểm kê quỹ*).

Cuối mỗi năm, Trường tổ chức thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản, thiết bị kỹ thuật nhằm kiểm tra, kiểm soát tài sản chống thất thoát, rà soát lại những tài sản hỏng hóc, hết khấu hao, không sử dụng được thì đề nghị thanh lý tài sản theo quy định của Nhà nước *(1.11.07-Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.08-Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 1.11.09-Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 7.5.02-Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý tài sản).*

- Hằng năm, vào Quý I của nam kế tiếp Trường được đoàn kiểm toán do TCT ĐSVN chỉ định đánh giá công tác tài chính của Trường. Các báo cáo kiểm toán hằng năm đều kết luận Báo cáo tài chính của Trường đã được phản ánh trung thực và hợp lí, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trường phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lí có liên quan, không có vấn đề vướng mắc *(7.2.12-Báo cáo kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023).*

- Hằng năm các nguồn chi tiêu trong toàn trường được công bố công khai thông qua bảng công khai tài chính tại Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm *(7.5.03-Bảng công khai tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Tài chính – Kế toán của Trường tham mưu Hiệu trưởng công tác đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, các nguồn tài chính đều được đánh giá mức độ hiệu quả cuối năm để chỉ ra các mặt mạnh, tồn tại, hạn chế là một trong những cơ sở cho việc lập kế hoạch chi phí đào tạo cho năm sau, cụ thể:

Năm 2021: Báo cáo số liệu tài chính năm 2021 của Phòng TCKT có ghi như sau:

1. Các nguồn tài chính của trường

1.1. Nguồn thu

Trường có các nguồn sau: Ký hợp đồng đào tạo theo địa chỉ với Tổng công ty ĐSVN và các lớp nghiệp vụ cho Tổng công ty năm 2021 thực tế đạt 7,243 tỷ đồng.

Doanh thu từ liên kết đào tạo, học phí và các dịch vụ ngoài đào tạo đạt: 20,755 tỷ đồng.

1.2. Các khoản chi

Trường có các khoản chi gồm: chi lương CBCNV; các khoản đóng góp: BHXH, BHYT,...; học bổng HSSV; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin liên lạc; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi phí nhân viên chuyên môn ngành; chi phí sửa chữa; chi ăn ca; chi khác; khấu hao TSCĐ; chi các hoạt động phúc lợi, khen thưởng; chi phí phối hợp tổ chức, quản lí đào tạo tại doanh nghiệp; chi phí các lớp bồi dưỡng nhân viên.

Tổng chi thường xuyên của Trường năm 2021 là: 28 tỷ đồng

2. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính:

Mặc dù có những khó khăn về nguồn tài chính ngay từ đầu năm nhưng nhà trường đã thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính theo đúng các qui định bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động nhà trường, nhất là trong điều kiện tự chủ 100% chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng, tác động xấu nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19. Đây cũng là cơ hội cho công tác kế toán được phát huy sử dụng nguồn tài chính hợp lý và tiết kiệm. Trong năm 2021 tổng các khoản thu ngang bằng với tổng các khoản chi. Công tác tài chính có nhiều đổi mới như phương pháp thu học phí nhanh gọn, đơn giản và linh hoạt. Chi trả phụ cấp và công tác phí cho CBNV nhà trường đầy đủ và đúng theo quy chế của nhà trường.Tuy còn nhiều khó khăn nhưng nguồn để trả lương và các khoản thu nhập khác cho người Lao động được ưu tiên hàng đầu. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa mang lại hiệu quả; một số khoản chi vẫn ở mức cao như chi cho điện, nước, xăng...

Năm 2022: Báo cáo số liệu tài chính năm 2022 của Phòng TCKT có ghi như sau:

1. Các nguồn tài chính của trường

1.1. Nguồn thu

Ký hợp đồng đào tạo theo địa chỉ với Tổng công ty ĐSVN và các lớp nghiệp vụ cho Tổng công ty năm 2022: 12,286 tỷ đồng. Thực tế thanh quyết toán là 9,012 tỷ đồng. Doanh thu từ liên kết đào tạo, học phí, nhà ở và các dịch vụ ngoài đào tạo đạt: 32,8 tỷ đồng.

1.2. Các khoản chi

Trường có các khoản chi gồm: chi lương CBCNV; các khoản đóng góp: BHXH, BHYT,...; học bổng HSSV; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin liên lạc; chi phí đoàn ra đoàn vào; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi phí nhân viên chuyên môn ngành; chi phí sửa chữa; chi ăn ca; chi khác; khấu hao TSCĐ; chi các hoạt động phúc lợi, khen thưởng; các khoản chi hộ. Tổng chi thường xuyên của Trường năm 2022 là: 41,8 tỷ đồng.

2. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính

Mặc dù có những khó khăn về nguồn tài chính ngay từ đầu năm nhưng nhà trường đã thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính theo đúng các qui định bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động nhà trường, nhất là trong điều kiện tự chủ 100% chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa mang lại hiệu quả; một số khoản chi vẫn ở mức cao như chi cho điện, nước, xăng...

Năm 2023: Báo cáo số liệu tài chính năm 2023 của Phòng TCKT có ghi như sau:

1. Các nguồn tài chính của trường

1.1. Nguồn thu

Trường có các nguồn sau: Ký hợp đồng đào tạo theo địa chỉ với Tổng công ty ĐSVN và các lớp nghiệp vụ cho Tổng công ty năm 2023: 11,16 tỷ đồng. Thực tế đạt

8,943 tỷ đồng (80%). Doanh thu từ liên kết đào tạo, học phí và các dịch vụ ngoài đào tạo đạt: 45,598 tỷ đồng.

1.2. Các khoản chi

Trường có các khoản chi gồm: chi lương CBCNV; các khoản đóng góp: BHXH, BHYT,...; học bổng HSSV; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin liên lạc; chi phí đoàn ra đoàn vào; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi phí nhân viên chuyên môn ngành; chi phí sửa chữa; chi ăn ca; chi khác; khấu hao TSCĐ; chi các hoạt động phúc lợi, khen thưởng; các khoản chi hộ. Tổng chi thường xuyên của Trường năm 2023 là: 54,542 tỷ đồng.

2. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính

Mặc dù có những khó khăn về nguồn tài chính ngay từ đầu năm nhưng nhà trường đã thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính theo đúng các qui định bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động nhà trường, nhất là trong điều kiện tự chủ 100% chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa mang lại hiệu quả; một số khoản chi vẫn ở mức cao như chi cho điện, nước, xăng... *(7.2.09-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính của Trường năm 2021, 2022, 2023).*

Trong báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hằng năm của Trường cũng chỉ ra các hạn chế, những cơ hội và thách thức và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động trong Trường cho năm tiếp theo trình Hiệu trưởng phê duyệt để báo cáo Hội nghị Người lao động, cụ thể:

Hạn chế, những cơ hội và thách thức	**Biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính**
Năm 2021	
- Trong điều kiện trường tự chủ 100% chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng và tác động xấu của đại dịch Covid-19 nên nguồn thu còn hạn chế, Đây cũng là cơ hội cho công tác kế toán được phát huy sử dụng nguồn tài chính hằng năm hợp lý, tiết kiệm - Trong năm, Tổng thu ngang bằng với tổng chi	- Đổi mới phương pháp thu học phí nhanh gọn, đơn giản - Tiết kiệm chi, ưu tiên số một là tiết giảm chi phí để dành nguồn để trả lương và các khoản thu nhập cho người lao động
Năm 2022	
- Mặc dù có những khó khăn về nguồn tài chính ngay từ đầu năm nhưng nhà trường đã thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính theo đúng các qui định bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động nhà trường, nhất là trong điều kiện tự chủ 100% chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng. - So với 2021, Tổng thu năm 2022 cao hơn, đồng thời tổng chi năm 2022 cũng cao hơn. - Tổng thu ngang bằng với tổng chi	- Chi trả đầy đủ lương, phụ cấp, công tác phí - Các hoạt động của Nhà trường được phê duyệt và cấp kinh phí kịp thời
Năm 2023	
- Mặc dù có những khó khăn về nguồn tài chính ngay từ đầu năm nhưng nhà trường đã thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính theo đúng các qui định bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động nhà trường, nhất là trong điều kiện tự chủ 100%	- Các hoạt động của Nhà trường được phê duyệt và cấp kinh phí kịp thời - Tiết kiệm chi, ưu tiên số một là tiết giảm chi phí để dành nguồn để

chi thường xuyên lại bị ảnh hưởng - So với 2022, Tổng thu năm 2023 cao hơn, đồng thời tổng chi năm 2023 cũng cao hơn. - Tổng thu ngang bằng với tổng chi	trả lương và các khoản thu nhập cho người lao động

(7.2.09-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính của Trường năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường được Trường sử dụng để điều chỉnh dự toán thu chi cho từng khoản mục chi cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 1 điểm

TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí thứ 8:

Mở đầu: Các thông tin, minh chứng về dịch vụ người học của Trường đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

** Những điểm mạnh:*

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy và quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch hành động*

Duy trì hoạt động của nhà ăn để phục vụ cho người học và cán bộ, nhà giáo, nhân viên, tăng cường kiểm tra công tác ATVSTP tại các nhà ăn bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	**9/9**
Tiêu chuẩn 8.1	1
Tiêu chuẩn 8.2	1
Tiêu chuẩn 8.3	1
Tiêu chuẩn 8.4	1
Tiêu chuẩn 8.5	1
Tiêu chuẩn 8.6	1
Tiêu chuẩn 8.7	1
Tiêu chuẩn 8.8	1
Tiêu chuẩn 8.9	1

Tiêu chuẩn 8.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy và quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Vào đầu năm học, khóa học mới Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa cho HSSV. Trong tuần này, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khóa học, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy và quy chế của trường, của ký túc xá. Đồng thời, các thông tin về danh mục nghề đào tạo; mục tiêu, nội dung CTĐT cũng được cập nhật thường xuyên trên trang web của nhà trường để cung cấp thông tin cho người học, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định, cụ thể như sau:

- Cung cấp thông tin mục tiêu, CTĐT: tùy theo từng nghề, cán bộ Phòng Đào tạo lên lớp cung cấp thông tin về mục tiêu CTĐT tương ứng cho HSSV theo đúng các CTĐT trường ban hành, nội dung khóa đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học.

- Cung cấp thông tin về nội quy, quy chế: cán bộ Phòng Đào tạo cung cấp các nội dung thông tin về Luật Giáo dục nghề nghiệp, Quy chế Quản lí và tổ chức đào tạo hệ chính quy đối với trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp, Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, Quy chế đào tạo trực tuyến; Cán bộ Phòng CTHSSV cung cấp thông tin về: Nội quy trường Cao đẳng Đường sắt, Nội quy ký túc xá, Quy chế công tác học sinh sinh viên, Quy định phân loại điểm RL của HSSV.

- Cung cấp thông tin về các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học: Đoàn Thanh niên CSHCM trường cung cấp thông tin *về c*ông tác Đoàn, phong trào thanh niên và phong trào tình nguyện HSSV; Vai trò, vị trí và các hoạt động của ĐTN cộng sản Hồ Chí Minh; Cán bộ Phòng CTHSSV cung cấp thông tin về: Ưu đãi trong giáo dục đào tạo; Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh; Truyền thống HSSV trường CĐĐS; Thông tin về giáo dục pháp luật, giáo dục giới tính, phòng, chống ma túy, tệ nạn mại dâm; Phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; Hình thức và phương pháp đấu tranh giữ vững chủ quyền biển, đảo Việt Nam; Phòng, chống tội phạm và các tệ nạn XH; Phòng, chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh; Giáo dục về bảo vệ môi trường; Giáo dục về an toàn giao thông; Giới thiệu về cơ cấu tổ chức của trường, các phòng có liên quan đến HSSV *(1.1.17-Kế hoạch đón tiếp HSSV và học tập đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.1.01-Tài liệu học tập đầu khóa năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.1.01-Các quyết định ban hành CTĐT, các CTĐT kèm theo; 2.12.02-Quy chế Công tác HSSV hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng; 1.10.11-Kế hoạch hoạt động; báo cáo của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường tháng, quý, năm; 1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn)*.

Để kịp thời hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập, Nhà trường phân công phòng Công tác HSSV có nhiệm vụ làm đầu mối truyền đạt thông tin đến người học thông qua tổ chức định kỳ các buổi chào cờ triển khai nhiều nội dung thông tin quan trọng đến người học như: Phổ biến nội dung trọng tâm của nội quy đào tạo, quy chế công tác HSSV; tuyên dương khen thưởng HSSV; thông báo kế hoạch học tập, kế hoạch thi; tuyên truyền phòng chống ma túy,... Mỗi lớp học đều được Nhà trường bố trí giáo viên chủ nhiệm để thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp, theo dõi rèn luyện của HSSV cũng như làm cầu nối trao đổi thông tin giữa Nhà trường và người học *(8.1.02-Quyết định phân*

công GVCN lớp các năm học; 8.1.03-Hồ sơ quản lí của giáo viên chủ nhiệm năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.1.04-Sổ giao ban chào cờ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường đã rà soát hồ sơ HSSV của trường để xác định đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước. Theo đó trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện giải quyết chế độ, chính sách người học được hưởng theo quy định của Nhà nước cụ thể như sau:

- Về chính sách Miễn giảm học phí cho các đối tượng người có công (con thương binh, liệt sỹ, gia đình có công ....), các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội (mồ côi, cha mẹ bị tai nạn lao động, HSSV dân tộc ít người vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo,.....), HSSV các nghề độc hại, nguy hiểm, các nghề xã hội cần nhưng khó tuyển sinh theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ - CP ngày 27/8/2021 V/v Cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở Giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định 861/QĐ-TTg 04/6/2021 Danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định 621/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 Danh sách các thôn đặc biệt vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, Nhà trường đã ra thông báo về việc nộp hồ sơ thực hiện chế độ chính sách miễn giảm học phí năm học tới các lớp HSSV, Phòng Công tác HSSV rà soát, lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng, trình Hội đồng xét, Hiệu trưởng kí quyết định ban hành và thực hiện.

Trong các năm học 2021-2022 Trường xác nhận cho 47 HSSV thực hiện chế độ giảm trừ gia cảnh; năm học 2022-2023 Trường xác nhận cho 24 HSSV thực hiện chế độ giảm trừ gia cảnh; năm học 2023-2024 Trường xác nhận cho 28 HSSV thực hiện chế độ giảm trừ gia cảnh và năm học 2024-2025 Trường xác nhận cho 36 HSSV thực hiện chế độ giảm trừ gia cảnh và 01 trường hợp miễn giảm học phí *(8.2.01-Quy định mức học phí của Trường các năm học; 8.2.02-Sổ Theo dõi xác nhận HSSV ưu đãi, vay vốn; 8.2.03-Mẫu giấy xác nhận vay vốn; Mẫu giấy xác nhận HSSV của trường).*

Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện chính sách miễn 100% tiền học phí đối với 03 nghề Lái tàu đường sắt, Điều hành chạy tàu hỏa và Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe đào tạo cho Tổng công ty ĐSVN *(2.3.03-Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

- Về chính sách học bổng khuyến khích đối với HSSV: Để khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, Căn cứ theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Đường sắt. Theo đó, Trường dành 8% tiền thu từ học phí để làm quỹ học bổng khuyến khích học tập và Nhà trường cấp Học bổng cho sinh viên 10 tháng/năm học. Theo thành tích học tập, rèn luyện của HSSV học bổng được cấp theo 03 mức: Học bổng Khá được hưởng mức bằng 100% học phí mà HSSV đó phải đóng; Học bổng Giỏi được hưởng mức 1,2 lần mức học phí và loại Xuất sắc được hưởng mức 1,4 lần mức học phí.

Số lượt HSSV được cấp học bổng qua các năm qua cụ thể như sau:

Năm học	Mức học bổng	Số lượt HSSV				Số Quyết định
		Tổng	HN	PHĐN	PHPN	

2021	XS	1	0	0	1	Số 179/QĐ-CĐĐS, ngày 25/3/2022; Số 253/QĐ-CĐĐSPN, ngày 25/3/2021; Số 413/QĐ-CĐĐSPN, ngày 16/6/2022
	Giỏi	8	02	0	6	
	Khá	31	12	0	19	
2022-2023	XS	0	0	0	0	Số 593/QĐ-CĐĐS, ngày 03/8/2022; Số 722/QĐ-CĐĐS, ngày 07/9/2022; Số 1068/QĐ-CĐĐS, ngày 24/11/2022; Số 357/QĐ-CĐĐS, ngày 08/5/2023; Số 665/QĐ-CĐĐS, ngày 04/8/2023; Số 41/QĐ-CĐĐS ngày 17/01/2024; Số 224/QĐ-PHĐN, ngày 13/7/2023; Số 318/QĐ-CĐĐSPN, ngày 08/6/2023
	Giỏi	9	05	02	2	
	Khá	8	07	0	1	
2023-2024	XS	0	0	0	0	Số 545/QĐ-CĐĐS ngày 09/7/2024; Số 140/QĐ-CĐĐSPN, ngày 23/4/2024
	Giỏi	4	01	0	3	
	Khá	4	02	0	2	

Tổng số tiền thực hiện cấp học bổng cho HSSV của Trường các năm như sau:

Năm học	**Tổng số tiền (đồng)**	**Trong đó (đồng)**		
		HN	PHĐN	PHPN
2021-2022	121429000	76960000	0	44469000
2022-2023	36256000	23516000	2040000	10700000
2023-2024	22320000	13420000	0	8900000

(8.2.04-Quy định về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo Quyết định số 381/QĐ-CĐĐS ngày 01/06/2022 của Hiệu trưởng; 8.2.05-Quyết định cấp học bổng cho HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

- Về chính sách nội trú cho HSSV: Trong những năm gần đây không có người học nằm trong đối tượng được hưởng Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015.

Như vậy, Nhà trường thực hiện chế độ, chính sách miễn giảm học phí cho người học theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: *Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường có chính sách khen thưởng cho người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Tại Chương V của Quy chế Công tác học sinh, sinh viên có Điều 20. Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng HSSV, Điều 21. Nội dung, hình thức khen thưởng HSSV, Điều 22. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng HSSV *(2.12.02-Quy chế Công tác HSSV hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng).* Tại khoản 2, Mục IV. Chi khen thưởng từ nguồn quỹ khen thưởng của Quy chế quản lý tài chính Trường Cao đẳng

Đường sắt quy định cụ thể mức tiền thưởng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc, giỏi, đạt giải thi học sinh giỏi nghề các cấp, tập thể lớp xuất sắc thi đua ngắn ngày, tập thể đạt cờ đỏ hằng tháng *(7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-CĐĐS ngày 02/01/2020 của Hiệu trưởng).* Tại mục IV. Chi khen thưởng từ nguồn qũy khen thưởng, mục 2. Đối với HSSV của Quy chế Chi tiêu nội bộ có ghi: "HSSV tốt nghiệp loại xuất sắc: mức tặng thưởng 200.000đ; loại giỏi: 150.000đ; HSSV xuất sắc học kì: 100.000đ; HSSV đạt giải nhất thi HSSV giỏi cấp Quốc gia: 1.000.000đ, giải nhì: 800.000đ, giải ba: 500.000đ…." *(1.3.02-Qui chế Chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-CĐĐS ngày 10/12/2021).* Số lượt HSSV được khen thưởng qua các năm qua cụ thể như sau:

- Về khen thưởng cho HSSV đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện:

TT	Mức thưởng	Số lượt HSSV	Số Quyết định
Năm học 2021-2022			
I	Cá nhân		
1	XS	0	
2	Giỏi	0	
3	Khá	0	
4	XS thi đua ngắn ngày	05	Số 257/QĐ-CĐĐS ngày 06/5/2021
II	Tập thể		
1	Xuất sắc thi đua ngắn ngày	01	Số 257/QĐ-CĐĐS ngày 06/5/2021
2	Cờ đỏ hằng tháng	0	
Năm học 2022-2023			
I	Cá nhân		
1	XS	0	
2	Giỏi	0	
3	Khá	0	
4	XS thi đua ngắn ngày	08	Số 548/QĐ-CĐĐS ngày 21/7/2022
II	Tập thể		
1	Xuất sắc thi đua ngắn ngày	0	
2	Cờ đỏ hằng tháng	06	Số 05/QĐ-CĐĐS ngày 05/01/2023 Số 96/QĐ-CĐĐS ngày 08/3/2023 Số 182/QĐ-CĐĐS ngày 05/4/2023 Số 343/QĐ-CĐĐS ngày 04/5/2023 Số 573/QĐ-CĐĐS ngày 05/7/2023
Năm học 2023-2024			
I	Cá nhân		
1	XS	0	
2	Giỏi	07	Số 570/QĐ-CĐĐS ngày 18/7/2024
3	Khá	0	
4	XS thi đua ngắn ngày	0	
II	Tập thể		
1	Xuất sắc thi đua ngắn ngày	0	

2	Cờ đỏ hằng tháng	02	Số 829/QĐ-CĐĐS ngày 03/9/2023 Số 939/QĐ-CĐĐS ngày 31/10/2023

Tổng số tiền thực hiện khen thưởng cho HSSV của Trường các năm như sau: Năm học 2021-2022: 450.000đ, Năm học 2022-2023: 1.040.000đ và Năm học 2023-2024: 1.050.000đ.

- Chi thưởng cho HSSV đạt thành tích trong hoạt động phong trào như sau:

Nội dung khen thưởng	Đạt giải	Số tiền (.000đ)				Kế hoạch
		Tổng	HN	PH ĐN	PH PN	
Năm học 2021-2022						
Giải bóng đá, cầu lông	I	150	150	0	0	KH số 06/KH-ĐTN ngày 12/03/2021 Tổ chức các hoạt động thể thao chào mừng tháng thanh niên năm 2021
	II	100	100	0	0	
	III	160	160	0	0	
Năm học 2022-2023						
Giải bóng đá, bóng chuyền, văn nghệ, rung chuông vàng	I	1500	450	900	150	KH số 06/KH-ĐTN ngày 18/03/2022 về việc Tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2022; số 989/KH-CĐĐS ngày 04/11/2022 kỷ niệm 40 năm ngày NGVN 20-11; số 337/KH-CĐĐS ngày 18/05/2022 kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng công nhân, tháng ATVSLĐ
	II	1120	300	700	120	
	III	1230	480	550	200	
Năm học 2023-2024						
Giải bóng đá, bóng chuyền, văn nghệ	I	1950	900	900	150	KH số 06/KH-ĐTN ngày 14/03/2023 Tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2023; KH số 947/KH-CĐĐS ngày 03/11/2023 Tổ chức kỷ niệm 41 năm ngày NGVN 20-11; số 990/KH-CĐĐS ngày 22/11/2023 tham gia giải bóng đá nam do Công ty TNHH MTV ĐS HN tổ chức; số 378/KH-CĐĐS ngày 11/05/2023 giao lưu bóng đá kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng công nhân, tháng ATVSLĐ; số 04/KH-ĐTN ngày 29/02/2024 chào mừng tháng thanh niên năm 2024; KH số 13/KH-ĐTN ngày 08/08/2024 tham gia Ngày hội thanh niên Đoàn TCT ĐSVN
	II	1220	400	700	120	
	III	1390	640	550	200	
Giải cầu lông 20/11/2023	I	120			120	
	II	100			100	
	III	160			160	
Giải kéo co 20/11/2023	I	120			120	
	II	100			100	
	III	160			160	
Giải đồng đội tiếp sức 20/11/2023	I	120			120	
	II	100			100	
	III	160			160	
Giải Rung chuông vàng 26/3/2024	I	300			300	

(8.3.01-Biên bản họp bình xét thi đua và các Quyết định khen thưởng HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.17.05-Các quyết định khen thưởng, kỷ luật HSSV).

- Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập: Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập như việc in, mua giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện trường; may, mua áo đồng phục; làm thẻ HSSV, đăng ý ở nội trú... *(8.3.02-Sổ ký nhận thẻ; sổ ký nhận áo đồng phục).* Việc hỗ trợ cho người học còn được thể hiện qua việc Trung tâm Tư vấn giáo dục nghề nghiệp của Trường tư vấn cho học sinh, sinh viên chọn nghề phù hợp với mục tiêu, năng lực, sức khỏe, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học hằng năm *(8.3.03-Kế hoạch tổ chức Hội nghị việc làm năm 2021, 2022, 2023 và 2024).* Phòng Công tác HSSV bồi dưỡng kiến thức về sức khỏe sinh sản và các kiến thức, kỹ năng bổ trợ cần thiết khác cho học sinh, sinh viên; Phòng Đào tạo tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng người lao động nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Phòng Tổ chức – Hành chính tổ chức thực hiện công tác y tế trường học theo quy định *(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình học tập trong Trường, người học luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Trong Nội quy của Trường nêu rõ các quyền của HSSV như: được tôn trọng, được đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, nghiên cứu, rèn luyện ở Nhà trường; được tham gia hoạt động ở các đoàn thể, các tổ chức xã hội trong Trường; được sử dụng phòng học, thư viện, sân bãi...; được đóng góp ý kiến, kiến nghị và khiếu nại với Nhà trường về công tác đào tạo, xây dựng trường; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo chế độ, chính sách của Nhà nước... *(1.3.01-Nội quy Trường Cao đẳng Đường sắt, ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-CĐĐS ngày 19/7/2017 của Trường Cao đẳng Đường sắt).*

Trong Quy chế tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh hằng năm quy định người được tuyển vào học tại trường bao gồm tất cả các tầng lớp dân cư, giới tính, thành phần dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân miễn đảm bảo theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đều được xét tuyển. Trong các năm qua, Nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại về công tác tuyển sinh liên quan đến việc đối xử không bình đẳng, phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân nào *(2.2.01-Quy chế Tuyển sinh và xác định chỉ tiêu đào tạo Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành theo QĐ số 345/QĐ-CĐĐS ngày 20/5/2022 và QĐ số 126/QĐ-CĐĐS ngày 07/3/2024 của Hiệu trưởng; 2.3.03-Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.06-Biên bản và danh sách xét tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.4.01-Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Hằng năm, Trường đều thực hiện công tác tổng kết năm học đánh giá các hoạt động của Trường. Trong báo cáo đã thể hiện rõ Nhà trường đảm bảo sự công bằng không phân biệt đối xử với người học. Trong quá trình học tại trường, người học được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, được tham gia tất cả các hoạt động trong khuôn khổ pháp luật như các hoạt động học tập, hoạt động văn thể mỹ. Trong nhiều năm Nhà trường khôngcó đơn thư khiếu nại liên quan tới việc đối xử phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân

trong HSSV (*1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: *Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại 3 khu vực đào tạo của trường đều có khu kí túc xá cung cấp chỗ ở cho người học. Ký túc xá Nhà trường tại Long Biên gồm 03 dãy nhà A, B, C, D và E với tổng số 148 phòng khép kín (Nhà A có 40 phòng; nhà B có 48 phòng, nhà C: 28, nhà D có 19 phòng và nhà E: 13 phòng), với sức chứa mỗi phòng 8 HSSV, số lượng HSSV có thể ở ký túc xá là 1184 người; nhà ký túc xá tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng có tất 64 phòng, tổng sức chứa là 512 HSSV; nhà ký túc xá tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam có 64 phòng, có sức chứa 512 HSSV nội trú (*5.3.04-Hồ sơ thiết kế xây dựng Nhà ký túc xá A,B,C,D tại trụ sở Long Biên năm 1992-1995; Hồ sơ hoàn công nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá A tại Long Biên năm 2017; Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo Nhà ký túc xá B tại Long Biên 2018; Hồ sơ hoàn công Nhà ký túc xá E tại Long Biên năm 2013; 5.3.10-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá B2 tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng năm 2017; 5.3.11-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá B1 tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng năm 2018; 5.3.13-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam năm 2016).*

Ký túc xá đảm bảo diện tích nhà ở mỗi phòng khoảng 24m^2, có thiết kế hệ thống cửa đi, cửa sổ thông thoáng bảo đảm ánh sáng tự nhiên, mỗi phòng có thể bố trí 8 HSSV. Trong phòng có đầy đủ điện nước sạch, một phòng vệ sinh, phòng tắm và một chậu rửa mặt, một chậu nhựa dùng giặt đồ, 10 móc áo. Mỗi phòng có lắp 02 đèn nê-ông công suất 60W để chiếu sáng, 04 quạt điện *(8.5.01-Các biên bản bàn giao thiết bị, tài sản tại KTX).*

Nước sinh hoạt được lấy từ hệ thống nước sạch thành phố, có bể chứa nước dự trữ để phục vụ sinh hoạt cho HSSV *(5.1.03-Các Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt; 5.1.04-Các Hồ sơ thiết kế hệ thống nước giếng khoan; 8.5.02-Các kết quả xét nghiệm nguồn nước về vi khuẩn học).* Trong phòng có đầy đủ nước sạch, một phòng vệ sinh, phòng tắm và một chậu rửa mặt, một chậu nhựa dùng giặt đồ, 10 móc áo. Mỗi phòng có lắp 02 đèn nê-ông công suất 60W để chiếu sáng, 04 quạt điện *(8.5.03-Sơ đồ KTX; 8.5.04-Giấy thông báo tiền điện nước ở KTX; 8.5.05-Sổ giao nhận trang thiết bị trong các phòng KTX; 8.5.06-Sổ theo dõi quản lý thiết bị ký túc xá; 8.5.07-Sổ kiểm tra vệ sinh ký túc xá hằng tháng).* Trong các năm qua, số lượng HSSV tuyển sinh và số người có nhu cầu ở kí túc xá cụ thể như sau:

Năm học/ Khu vực	Số HSSV quy đổi	Số chỗ ở (chỗ)	Năng lực phòng ở (chỗ.tháng)	Số HSSV có nhu cầu ở KTX (lượt.tháng)	Tỉ lệ % khai thác phòng ở
Năm học 2021-2022	**526.4**	**2208**	**22080**	**1529**	**7%**
Hà Nội		1184	11840	249 (bàn giao KTX cho TT cách ly từ 12/5)	3%
PH Đà Nẵng	148.5	512	5120	880	17%
PH Phía Nam	77	512	5120	400	29%
Năm học 2022-2023	**321.3**	**2208**	**22080**	**2709**	**12%**
Hà Nội		1184	11840	869	7%
PH Đà Nẵng	145.5	512	5120	810	16%

PH Phía Nam	138	512	5120	1030	20%
Năm học 2023-2024	**500.5**	**2208**	**22080**	**2484**	**11%**
Hà Nội		1184	11840	1074	9%
PH Đà Nẵng	79	512	5120	480	9%
PH Phía Nam	194	512	5120	930	18%

Như vậy, các khu kí túc xá của Nhà trường đáp ứng 100% nhu cầu chỗ ở, đáp ứng tối thiểu (chỗ ở, điện nước vệ sinh và các tiện nghi khác) điều kiện sinh hoạt và học tập của người học *(8.5.08-Danh sách HSSV ở ký túc xá).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe: Tất cả các cơ sở đào tạo của Trường đều có phòng Y tế, có giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ và các phương tiện phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho người học. Phòng Y tế của Trường tại Trụ sở chính Hà Nội có diện tích 20 m^2, tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng có diện tích 30 m^2 và tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam có diện tích 28 m^2, được trang bị các thiết bị và dụng cụ y tế, khám chữa những bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư Số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Y tế về Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường như: Giường bệnh nhân 3 cái, Bàn khám bệnh 3 cái, Huyết áp kế người lớn và trẻ em, Ống nghe bệnh, Nhiệt kế y học 42°C, Cân trọng lượng 120kg có thước đo chiều cao… Tủ thuốc tại các phòng Y tế của trường được trang bị các loại thuốc trị bệnh thông thường như: Thuốc cấp cứu giải độc: Adrenalin, Than hoạt; Thuốc giảm đau, hạ sốt: Acid Acetylsaticylic; Diclofenac; Paracetamon; Thuốc chống dị ứng: Cetirizine, Chlopheniramin; Thuốc kí sinh trùng, chống nhiễm khuẩn gồm: Thuốc trị giun, sán: Albendazol; Mebendazol; Thuốc chống nhiễm khuẩn: Amoxicilin , Cephalexin; Thuốc ngoài da gồm: Thuốc chống nấm: Acid benzoic và acid salicylic; Cồn A.S.A; Cồn BSI; Clotrimazol… Đối với HSSV mới nhập học, Trường tổ chức khám sức khỏe hoặc hướng dẫn cho họ đến cơ sở y tế quy định để khám sức khỏe. Cụ thể tại Hà Nội là Trung tâm Y tế đường sắt, tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng là bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu và tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam là công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc *(8.6.01-Danh mục thiết bị, thuốc thiết yếu tại phòng y tế trường; 8.6.02-Kế hoạch chăm sóc sức khỏe năm 2022, 2023 và 2024).*
Hàng năm khi tuyển sinh HSSV Trường thực hiện hướng dẫn đăng ký mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho học sinh và giáo viên *(8.6.03-Danh sách HSSV mua BHTT, Y tế năm 2022, 2023 và 2024).*

Tại mỗi cơ sở của Trường đều bố trí cán bộ y tế thường trực chịu trách nhiệm chăm sóc HSSV khi có ốm đau. Khi HSSV bị ốm nặng, nhà trường thực hiện các thủ tục cần thiết kịp thời gửi người bệnh đến các cơ sở y tế cao hơn để điều trị như Bệnh viện Đa khoa Đức Giang Hà Nội, tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng là BV đa khoa Nam Liên Chiểu và tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam Bệnh viện Quân y 4 – Quân đoàn 4 để được chữa trị kịp thời. Vào mùa muỗi hằng năm, Trường đều có kế hoạch phun thuốc diệt muỗi để phòng chống bệnh sốt xuất huyết cho HSSV. Hàng tuần, Phòng Công tác HSSV phối hợp với nhân viên y tế tổ chức kiểm tra công tác vệ sinh phòng bệnh tại khu KTX. Hằng năm, Nhà trường kí hợp đồng với Trung tâm Y tế Đường sắt để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và HSSV của Trường *(8.5.07-Sổ kiểm tra vệ sinh ký túc xá*

hằng tháng; 8.6.04-Kế hoạch kiểm tra y tế học đường năm 2022, 2023 và 2024; 8.6.05-Hợp đồng khám sức khỏe định kì cho HSSV với Trung tâm Y tế Đường sắt năm 2022, 2023 và 2024; 8.6.06-Thông báo phòng chống dịch sốt xuất huyết năm 2022, 2023 và 2024).

- Để đáp ứng nhu cầu của học sinh, sinh viên học tập và ở nội trú, Nhà trường bố trí căng tin phục vụ ăn uống cho HSSV ngày ba bữa sáng, trưa, tối và các nhu cầu về văn phòng phẩm phục vụ học tập và sinh hoạt hàng ngày của HSSV nội trú. Tại Trụ sở chính Hà Nội có nhà ăn 2 tầng với tổng diện tích 780m^2. Trường ký kết hợp đồng với đối tác trong việc khai thác nhà ăn cung cấp dịch vụ ăn uống cho CB, GV và HSSV của Trường đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng từng bữa ăn. Tại Hà Nội có hợp đồng liên kết khai thác dịch vụ ăn uống số 688/2021/HĐLKDV/EHD-RC ngày 01 tháng 12 năm 2021 với Công ty Cổ phần phát triển Giáo dục và nhân lực quốc tế Bình Minh, tại Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng không có căng tin, tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam có Hợp đồng căng tin số 376/PLHĐ-CĐĐS ngày 27/6/2023 *(8.6.07-Các hợp đồng khai thác nhà ăn tập thể của Trường).* Thực phẩm mua phục vụ nhà ăn của Trường có nguồn gốc xuất sứ rõ ràng. Nhà ăn thực hiện quy trình chế biến thực phẩm theo quy định, có khu chuẩn bị, khu chế biến thức ăn, khu bày bán và khu phục vụ độc lập. Nhà ăn có tổ chức lưu mẫu thức ăn trong 24 giờ. Các nhà ăn của trường đều được cơ quan quản lí nhà nước cấp giấy chứng nhận bảo đảm an toàn thực phẩm, Nhà ăn của Trường có Bản cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm ngày 08 tháng 08 năm 2023 (*8.6.08-Các biên bản thẩm định và giấy cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; 8.6.09-Giấy chứng nhận ATVSTP của cơ quan quản lí nhà nước cấp).* Hằng năm, các đơn vị phụ trách nhà ăn của Trường đều có báo cáo với lãnh đạo Trường kết quả hoạt động của đơn vị, trong đó hoạt động của nhà ăn tập thể tuân thủ quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm *(8.6.10-Nội quy nhà ăn tập thể; 8.6.11-Báo cáo công tác dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của Phòng TCHC năm 2021, 2022, 2023).* Từ năm 2021 đến nay, trong Trường chưa xảy ra một vụ ngộ độc thực phẩm nào.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuân viên trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Về điều kiện phục vụ các hoạt động văn nghệ: Trường có 2 hội trường lớn, phục vụ việc tổ chức văn hóa, văn nghệ cho HSSV nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, 1 tại trụ sở chính rộng 770m^2 có sức chứa 428 người và 1 tại Phân hiệu CĐĐS Phía Nam rộng 614 m^2 có sức chứa 341 người. Hội trường có sân khấu được trang bị phông màn, ghế ngồi, và các thiết bị âm thanh, ánh sáng. Nơi đây đủ điều kiện tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các hoạt động sự kiện khác của Trường *(5.3.07-Hồ sơ Nâng cấp, cải tạo Hội trường tại trụ sở Long Biên).*

- Về điều kiện phục vụ các hoạt động thể thao: Nhà trường có hệ thống sân bãi tập luyện thể dục, thể thao như sân bóng đá, sân cầu lông, sân bóng chuyền, sân tennis... phục vụ nhu cầu tập luyện cho HSSV. Tại khu vực Hà nội có 01 sân bóng đá diện tích rộng 4996 m^2, 01 sân tennis rộng 1340 m^2, 01 sân bóng chuyền rộng 300 m^2, 01 sân cầu lông rộng 150 m^2. Tại khu vực Phân hiệu CĐĐS Đà Nẵng có 01 sân bóng đá diện tích rộng 4996 m^2, 02 sân bóng chuyền rộng 750 m^2, 01 sân cầu lông trong nhà rộng 250 m^2. Tại khu vực Phân hiệu CĐĐS Phía Nam: 01 sân bóng chuyền 01 sân cầu lông có tổng diện 4511 m^2 *(5.3.03-Hồ sơ xây dựng sân tennis, sân bóng đá năm 1994).*

- Về việc tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội cho HSSV: Nhà trường tạo điều kiện cho HSSV tham gia tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho Đoàn trường hoạt động phát huy hiệu quả tích cực. Hằng năm Đoàn thanh niên Trường kết hợp với Phòng Công tác Học sinh, sinh viên tổ chức các giải thi đấu thể thao và biểu diễn văn nghệ vào các ngày lễ lớn do Nhà trường tổ chức. Trong các năm qua, Đoàn Thanh niên trường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút được nhiều đoàn viên tham gia, cụ thể:

TT	Nội dung hoạt động	Số văn bản
	Năm 2021	
1	Tổ chức các hoạt động thể thao chào mừng tháng thanh niên năm 2021	KH số 06/KH-ĐTN ngày 12/03/2021
2	Tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2021	KH số 05/KH-ĐTN ngày 09/3/2021
	Năm 2022	
1	Tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2022	KH số 06/KH-ĐTN ngày 18/03/2022
2	Tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2022	Thông báo số 04/TB-ĐTN
3	Tổ chức các hoạt động thể thao, kỷ niệm 40 năm ngày nhà giáo việt nam 20-11	KH số 989/KH-CĐĐS ngày 04/11/2022
4	Tổ chức các hoạt động thể thao kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, hưởng ứn tháng công nhân, tháng an toàn vệ sinh lao động	KH số 337/KH-CĐĐS ngày 18/05/2022
	Năm 2023	
1	Tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2023	KH số 06/KH-ĐTN ngày 14/03/2023
2	Tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2023	TB số 05/LT-CĐĐS – ĐTN ngày 17/02/2023
3	Tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao, kỷ niệm 41 năm ngày nhà giáo việt nam 20-11	KH số 947/KH-CĐĐS ngày 03/11/2023
4	Tổ chức tham gia giải bóng đá nam do Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội tổ chức	KH số 990/KH-CĐĐS ngày 22/11/2023
5	Tổ chức giao lưu bóng đá kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, hưởng ứng tháng công nhân, tháng an toàn vệ sinh lao động	KH số 378/KH-CĐĐS ngày 11/05/2023
6	Tổ chức tham gia Giải chạy chào mừng 05 năm ngày thành lập Ủy ban quản lý Vốn nhà nước tại Doanh nghiệp	QĐ số 664/QĐ-CĐĐS ngày 14/08/2023
	Năm 2024	
1	Tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2024	KH số 04/KH-ĐTN ngày 29/02/2024
2	Tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện	TB số 07/LT-CĐĐS – ĐTN ngày

	năm 2024	09/05/2024
3	Tổ chức tham gia Ngày hội thanh niên Đoàn TCT Đường sắt Việt Nam	KH số 13/KH-ĐTN ngày 08/08/2024

(8.7.01-Thông báo phát động thi đua ngắn ngày năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.7.02-Kế hoạch Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn).

- Vấn đề an toàn cho HSSV trong khuôn viên trường: Khuôn viên các cơ sở của trường có tường và hàng rào sắt cao 2,5 m. Hằng ngày, có lực lượng bảo vệ tổ chức trực 24/24 giờ, Nhà trường có trang bị hệ thống camera giám sát các khu vực trong nhà trường. Tại khu kí túc xá, Nhà trường bố trí cán bộ quản lý HSSV trực 16/24 giờ và lắp hệ thống camera giám sát, các sự vụ mất an ninh trật tự đều được phát hiện và xử lý kịp thời, an ninh trật tự trong KTX được ổn định, đảm bảo an toàn cho HSSV tham gia các hoạt động xã hội *(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.6.07-Tổng hợp báo cáo và kết luận công tác tại Hội nghị giao ban hằng tháng),* đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho HSSV trong thời gian học.

Trong 3 năm học vừa qua, tình hình an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường được đảm bảo, các vụ việc làm mất an ninh trật tự đều được phát hiện và xử lí kịp thời đúng theo quy trình, quy định của nội quy, quy chế của Trường *(8.7.03-Hồ sơ kỉ luật HSSV).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: *Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tư vấn cho người học lựa chọn ngành nghề học trước khi vào trường và tư vấn giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp do Trung tâm Tư vấn giáo dục nghề nghiệp của Trường thực hiện. Hằng năm, Trường liên hệ với các đơn vị trong và ngoài ngành Đường sắt gửi Phiếu khảo sát, đăng ký nhu cầu đào tạo của đơn vị, có kèm theo điệu kiện, ưu đãi nhà tuyển dụng dành cho người học như miễn giảm học phí, mức lương sau ra trường.., đây là cơ sở để Trung tâm tư vấn cho người học ngay khi tuyển sinh đầu vào chi tiết, rõ ràng để người học định hướng lựa chọn học nghề phù hợp bản thân, đáp ứng nhà tuyển dụng khi ra trường. Do vậy tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp được thực hiện ngay bước tuyển sinh đầu vào. Trên tất cả các băng rôn, tờ rơi đều được ghi rõ thông tin tuyển dụng của các đơn vị có nhu cầu *(8.8.01-Sổ Nhật ký tư vấn người học; 8.8.02-Các thông báo nhu cầu tuyển dụng lao động của các đơn vị trong và ngoài ngành đường sắt; 8.8.03-Các pano, băng-rôn thông báo tuyển sinh; 2.3.05-Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.06-Biên bản và danh sách xét tuyển năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Kết quả: HSSV học tại Trường thực hiện theo hình thức đào tạo theo địa chỉ, người học được các doanh nghiệp ký kết hợp đồng học tập và tuyển dụng, nên sau khi tốt nghiệp, người học đã có vị trí việc làm ngay *(1.2.06-Các hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ).* Ngoài ra, các thông tin về lao động, việc làm được đăng trên website của trường để HSSV biết, có số điện thoại để người học có thể liên hệ trực tiếp đến cán bộ tư vấn của trường để được hỗ trợ kịp thời tại địa chỉ Website: *http://www.caodangduongsat.edu.vn,* và trên trang Fanpage:https://www.facebook.com/ trường cao đẳng đường sắt (*1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).*

Hằng năm, Trung tâm TVGDNN của Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp về nội dung "Trường thực hiện việc tư vấn việc làm có phù hợp với vị trí công việc hay không". Năm 2022, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 19/01/2022, Năm 2023 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch

Khảo sát đào tạo ngày 18/01/2023 và Năm 2024 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 16/01/2024. Cụ thể kết quả khảo sát hăng năm như sau:

Năm	Tổng số HSSV khảo sát	Trong đó, mức độ ý kiến đánh giá và tỉ lệ %				
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
2022	126	98	25	3	0	0
	Tỉ lệ %	77,8	19,8	2,38	0	0
2023	167	133	29	5	0	0
	Tỉ lệ %	79,64	17,37	2,99	0	0
2024	121	116	4	1	0	0
	Tỉ lệ %	95,87	3,30	0,83	0	0

(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.8.04-Phiếu/biên bản khảo sát người học tốt nghiệp sau 6 tháng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: *Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tuyển sinh, trong đó đều có hoạt động tham gia hội chợ việc làm do địa phương tổ chức để tạo cơ hội cho HSSV tiếp xúc với các nhà tuyển dụng cũng như nắm bắt được nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề tuyển dụng để tìm kiếm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Cụ thể:

TT	Chủ đề	Số văn bản	Kết quả
	Năm 2021		
1	Họp Trực tuyến tuyển chọn Lái tàu đi Đức của nhà tuyển dụng (Do tuân thủ giãn cách covid)	Kế hoạch 166 /KH-CĐ ĐS ngày 30/3/2022; Kế hoạch 189 /KH-CĐ ĐS ngày 7/4/2021	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 01/02 - Số HSSV của trường tham gia: 50
	Năm 2022		
1	Họp Trực tuyến tuyển chọn Lái tàu đi Đức của nhà tuyển dụng (Đầu năm do tuân thủ giãn cách covid)	Kế hoạch 322 /KH-CĐ ĐS ngày 16/5/2022	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 01/02 - Số HSSV của trường tham gia: 30
2	Tham gia Phiên giao dịch việc làm, tuyển sinh đào tạo	Kế hoạch 751/KH-CĐ ĐS ngày 13/9/2022	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 03/20 - Số người tham gia: 2.000
3	Tham gia Phiên giao dịch việc làm, tuyển sinh đào tạo Hà Đông	Kế hoạch 800/KH-CĐ ĐS ngày 23/9/2022	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia : 01/18 - Số người tham gia: 2.200
4	Tham gia ngày hội gắn kết GD Thủ đô Hà nội 2022	Kế hoạch 1078/KH-CĐ ĐS ngày 25/11/2022	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 03/50 - Số người tham gia: 8.000
5	Tham gia Phiên giao dịch	Kế hoạch 1143/KH-CĐ	- Số doanh nghiệp đường sắt

	việc làm, tuyển sinh đào tạo cho bộ đội xuất ngũ Hà Nội	ĐS ngày 15/12/2022	tham gia: 02/15 - Số người tham gia: 1.500
	Năm 2023		
1	Tham gia hội chợ việc làm, tư vấn hướng nghiệp huyện Xín Mần	Kế hoạch 46 /KH-CĐ ĐS ngày 03/2/2023	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 02/30 - Số người tham gia: 4.000
2	Tham gia ngày hội gắn kết GD Thủ đô Hà nội 2023	Kế hoạch 354/KH-CĐ ĐS ngày 05/5/2023	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 02/48 - Số người tham gia: 10.000
3	Tham gia ngày hội gắn kết GD nghề nghiệp quận Đống Đa, HN	Kế hoạch 409 /KH-CĐ ĐS ngày 22/5/2023 Công văn số...	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 01/25 - Số người tham gia: 5.000
4	Tham gia Ngày hội việc làm tại Văn Yên, Yên Bái	Kế hoạch 410/KH-CĐ ĐS ngày 22/5/2023	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 02/20 - Số người tham gia: 2.000
5	Tham gia Ngày hội việc làm năm 2023 tại Tp. Yên Bái	Kế hoạch 907/KH-CĐ ĐS ngày 23/10/2023	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia: 02/35 - Số người tham gia: 3.000
	Năm 2024		
1	Tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp năm 2024 tại Tp. Tuyên Quang	Kế hoạch 307 /KH-CĐ ĐS ngày 2/5/2024	- Số doanh nghiệp đường sắt tham gia 03/15 - Số người tham gia: 2.000

Danh sách các nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển dụng lao động các nghề của Trường đào tạo tham gia tổ chức hội chợ việc làm hằng năm như sau: Năm 2022 có 10 lượt doanh nghiệp đường sắt tham gia gồm: Công ty Cổ phần ĐS Hà Ninh, Hà Hải, Hà Thái, Công ty Cổ phần vận tải ĐS Hà Nội, Chi nhánh KTĐS Hà Nội, Hà Thái Hải....; Năm 2023 có 09 lượt doanh nghiệp đường sắt tham gia gồm: Công ty Cổ phần ĐS Yên Bái, Hà Lạng; Công ty Cổ phần vận tải ĐS Hà Nội; Chi nhánh KTĐS Hà Nội, Hà Thái Hải, Hà Lạng, Hà Lào; Xí nghiệp ĐMHN.... và năm 2024 có 03 doanh nghiệp đường sắt tham gia gồm: Công ty Cổ phần ĐS Yên Bái; Công ty Cổ phần vận tải ĐS Hà Nội; Chi nhánh KTĐS Hà Lào *(8.9.01-Các Kế hoạch tham gia tổ chức phiên giao dịch việc làm năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 2.3.03-Phương án tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.9.02-Báo cáo kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

TIÊU CHÍ 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí thứ 9:

** Những điểm mạnh:*

- Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định;

- Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

- Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thu thập ý kiến chung để thống nhất nội dung kế hoạch, tổ chức thực hiện thuận lợi.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	**6/6**
Tiêu chuẩn 9.1	1
Tiêu chuẩn 9.2	1
Tiêu chuẩn 9.3	1
Tiêu chuẩn 9.4	1
Tiêu chuẩn 9.5	1
Tiêu chuẩn 9.6	1

Tiêu chuẩn 9.1: *Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng người lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với thị trường lao động, mở rộng quan hệ với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, Phòng Đào tạo của Trường tổ chức thực hiện khảo sát, thu thập lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động có người tốt nghiệp các nghề đào tạo tại Trường trong 3 năm gần đây về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng người lao động. Những ý kiến này làm một trong những cơ sở để nhà trường cải tiến nội dung CTĐT, giáo trình của trường. Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát đơn vị sử dụng lao động cho 04 nghề điều hành chạy tàu hoả, thông tin tín hiệu đường sắt, xây dựng bảo dưỡng đường sắt và lái tàu đường sắt ở các trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và BDNV đảm bảo tay nghề, đáp ứng được yêu cầu công việc tại doanh nghiệp. Năm 2022, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 19/01/2022, Năm 2023 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 18/01/2023 và Năm 2024 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 16/01/2024. Số lượng đơn vị được khảo sát hằng năm ít nhất 10 đơn vị cụ thể như sau:

- Năm 2022:

TT	Đơn vị sử dụng lao động	Số người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị
1	CN KTĐS Hà Thái Hải	5
2	CN KTĐS Hà Lào	5
3	XNĐM Hà Nội	15
4	XNĐM Vinh	6
5	Cty CPĐS Hà Thái	10
6	Cty CPĐS Hà Ninh	12
7	Cty CP TTTH Hà Nội	7
8	Cty CP TTTH Bắc Giang	5
9	Cty Tuyển than Cửa Ông	30

10	Cty Kho vận Đá bạc	45

- Năm 2023:

TT	Đơn vị sử dụng lao động	Số người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị
1	Chi nhánh KTĐS Hà Nội	3
2	Chi nhánh KTĐS Hà Thanh	3
3	Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	7
4	Xí nghiệp Đầu máy Vinh	6
5	Công ty CPĐS Hà Lạng	12
6	Công ty CPĐS Thanh Hóa	9
7	Công ty CP TTTH Vinh	3
8	Công ty CP TTTH Bắc Giang	5
9	Công ty Tuyển than Cửa Ông	10
10	Công ty Kho vận Đá Bạc	20

- Năm 2024:

TT	Đơn vị sử dụng lao động	Số người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị
1	CN KTĐS Hà Lào	4
2	CN KTĐS Lào Cai	4
3	XNĐM Sài Gòn	17
4	XNĐM Vinh	5
5	Cty CPĐS Yên Lào	8
6	Cty CPĐS Nghệ Tĩnh	10
7	Cty CP TTTH Hà Nội	7
8	Cty CP TTTH Đà Nẵng	28
9	Cty Tuyển than Cửa Ông	20
10	Cty Kho vận Đá bạc	35

Nội dung khảo sát về kiến thức, về kỹ năng nghề, thái độ, đạo đức, tác phong, kỷ luật lao động của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị,.... thông qua phiếu khảo sát. Kết quả như sau:

TT	Tiêu chí	Tổng số ý kiến	Trong đó, mức độ ý kiến đánh giá				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
	Năm 2022						
1	Về kiến thức nghề	27	3	21	3	0	0
	Tỉ lệ %		11	78	11	0	0
2	Về kỹ năng nghề	27	3	21	3	0	0
	Tỉ lệ %		11	78	11	0	0
3	Về thái độ	27	3	21	3	0	0
	Tỉ lệ %		11	78	11	0	0

	Năm 2023						
1	Về kiến thức nghề	40	4	16	20	0	0
	Tỉ lệ %		10	40	50	0	0
2	Về kỹ năng nghề	40	4	17	17	2	0
	Tỉ lệ %		10	42.5	42.5	5	0
3	Về thái độ	40	10	20	10	0	0
	Tỉ lệ %		25	50	25	0	0
	Năm 2024						
1	Về kiến thức nghề	27	3	18	6	0	0
	Tỉ lệ %		11	67	22	0	0
2	Về kỹ năng nghề	27	3	21	3	0	0
	Tỉ lệ %		11	78	11	0	0
3	Về thái độ	27	6	21	3	0	0
	Tỉ lệ %		22	67	11	0	0

(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.1.01-Phiếu/Biên bản khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.1.02-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Như vậy, hằng năm Trường đều tổ chức thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng người lao động về các tiêu chí kiến thức, kĩ năng và thái độ nghề nghiệp của người lao động. Kết quả trên 50% ý kiến đánh giá ở mức độ khá, tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: *Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Phòng Tổ chức – Hành chính của Trường lập kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Việc tổ chức lấy ý kiến được Nhà trường thực hiện thông qua phiếu khảo sát và GoogleForm, Năm 2022, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 19/01/2022, Năm 2023 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 18/01/2023 và Năm 2024 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 16/01/2024. Số cán bộ, nhà giáo và nhân viên hằng năm được khảo sát cụ thể như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Tổng CB, GV, NV	Số người được khảo sát	Tỷ lệ %
	Năm 2022	**164**	**121**	**73.78**
1	CBQL	45	41	91.11
2	Nhà giáo	55	50	90.91
3	VC và NLĐ	64	30	46.88
	Năm 2023	**165**	**112**	**67.88**
1	CBQL	45	42	93.33
2	Nhà giáo	56	47	83.93

3	VC và NLĐ	64	23	35.94
	Năm 2024	**163**	**106**	**65.03**
1	CBQL	43	40	93.02
2	Nhà giáo	53	45	84.91
3	VC và NLĐ	67	21	31.34

Như vậy, hằng năm Trường đều thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả khảo sát về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động trong 3 năm gần đây cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí	Tổng số ý kiến	Trong đó, mức độ ý kiến đánh giá				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
	Năm 2022	**121**					
1	Chính sách liên quan đến dạy và học	121	32	67	18	2	2
		Tỉ lệ %	26.5	55.4	14.9	1.6	1.6
2	Chính sách tuyển dụng	121	40	58	22	0	1
		Tỉ lệ %	33.1	47.9	18.2	0	0.8
3	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng	121	36	62	19	2	2
		Tỉ lệ %	29.8	51.3	15.7	1.6	1.6
4	Chính sách đánh giá, phân loại	121	35	68	15	3	0
		Tỉ lệ %	28.9	56.2	12.4	2.5	0
5	Chính sách bổ nhiệm CBQL	121	38	56	23	2	2
		Tỉ lệ %	31.5	46.3	19	1.6	1.6
	Năm 2023	**112**					
1	Chính sách liên quan đến dạy và học	112	32	54	21	3	2
		Tỉ lệ %	28.6	48.2	18.7	2.7	1.8
2	Chính sách tuyển dụng	112	42	50	16	2	2
		Tỉ lệ %	37.5	44.6	14.3	1.8	1.8
3	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng	112	38	51	19	2	2
		Tỉ lệ %	33.9	45.5	17	1.8	1.8
4	Chính sách đánh giá, phân loại	112	40	52	18	2	0
		Tỉ lệ %	35.7	46.4	16.1	1.8	0
5	Chính sách bổ nhiệm CBQL	112	37	47	23	3	2
		Tỉ lệ %	33	42	20.5	2.7	1.8
	Năm 2024	**106**					
1	Chính sách liên quan đến dạy và học	106	31	51	20	2	2
		Tỉ lệ %	29.2	48.1	18.9	1.9	1.9
2	Chính sách tuyển dụng	106	35	52	16	2	1
		Tỉ lệ %	33	49.1	15.1	1.9	0.9
3	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng	106	37	46	20	3	0
		Tỉ lệ %	34.9	43.4	18.9	2.8	0

4	Chính sách đánh giá, phân loại	106	37	46	20	2	1
		Tỉ lệ %	34.9	43.4	18.9	1.9	0.9
5	Chính sách bổ nhiệm CBQL	106	42	36	24	2	2
		Tỉ lệ %	39.6	34	22.6	1.9	1.9

Như vậy, kết quả khảo sát, tổng tỷ lệ ý kiến đánh giá mức độ Tốt và Khá đạt trên 70%. Các ý kiến thu thập được làm cơ sở để tham lãnh đạo trường ra các quyết định chỉnh sửa nội quy, quy chế bảo đảm các quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Trường (*4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.2.01-Phiếu/Biên bản khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.2.02-Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động được thu thập ý kiến năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch bổ sung, chỉnh sửa các quy chế, quy định về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Trước khi ban hành các nội quy, quy chế, quy định Nhà trường đưa văn bản dự thảo lên Website của Trường xin ý kiến của cán bộ, nhà giáo, nhân viên. Các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa, bổ sung quy chế, quy định được Ban chỉnh sửa nội quy, quy chế tập hợp, nghiên cứu chỉnh sửa và ban hành các quy chế, quy định. Các quy chế, quy định sau khi ban hành được công khai trên website của Trường để tất cả cán bộ, nhà giáo, nhân viên toàn trường được biết *(1.1.14-Địa chỉ Website của Trường: http://www.caodangduongsat.edu.vn).*

Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Người lao động theo 2 cấp từ cấp đơn vị phòng, khoa, trung tâm, đến Hội nghị Người lao động cấp trường. Tại hội nghị mỗi cấp, 100% cán bộ, nhà giáo, nhân viên được lấy ý kiến về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (*1.1.16-Báo cáo Hội nghị người lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: *Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường đều lập kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến của HSSV đại diện các ngành, nghề đang đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Trường. Trong các năm qua, Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khảo sát HSSV cụ thể như sau: Năm 2022, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 19/01/2022, Năm 2023 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 18/01/2023 và Năm 2024 Trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 16/01/2024. Số lượng HSSV tham gia khảo sát trong 3 năm gần đây đối với các nghề đang đào tạo tại trường trình độ trung cấp và cao đẳng cụ thể như sau:

TT	Nghề đào tạo	HSSV đang học	HSSV được khảo sát	Tỷ lệ %
	Năm 2022	**646**	**215**	**33,3%**
I	Cao đẳng	(122)	(38)	31,1%

1	*ĐHCTH*	*75*		
2	*LTĐS*	*36*		
3	*TTTHĐS*	*11*		
II	Trung cấp	(524)	(177)	33,8%
1	*ĐHCTH*	*280*		
2	*LTĐS*	*119*		
3	*LT điện*	*89*		
4	*TTTHĐS*	*36*		
	Năm 2023	**649**	**307**	**47,3%**
I	Cao đẳng	(169)	(71)	42%
1	*ĐHCTH*	*97*		
2	*LTĐS*	*26*		
3	*TTTHĐS*	*46*		
II	Trung cấp	(480)	(236)	49,1%
1	*ĐHCTH*	*291*		
2	*ĐHCT ĐSĐT*	*36*		
3	*LTĐS*	*99*		
4	*LT điện*	*54*		
5	*TTTH-ĐĐS*	*18*		
	Năm 2024	**523**	**255**	**49%**
I	Cao đẳng	(107)	(35)	32,7%
1	*ĐHCTH*	*67*		
2	*LTĐS*	*26*		
3	*TTTHĐS*	*14*		
II	Trung cấp	(416)	(220)	58,9%
1	*ĐHCTH*	*280*		
2	*ĐHCT ĐSĐT*	*58*		
3	*LTĐS*	*30*		
4	*TTTHĐS*	*11*		
5	XD&BDCTGTĐS	37		

Như vậy, Nhà trường hằng năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến ít nhất 30% HSSV các nghề đang đào tạo tại trường. Kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Nhà trường trong 3 năm gần đây cụ thể như sau:

Nội dung khảo sát	Năm	Số người thu thập	Số ý kiến đánh giá				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
Chất lượng, hiệu quả của các hình thức phương thức ĐT, chất lượng giảng dạy.	2022	215	195	11	9	0	0
		Tỉ lệ %	90.9	5.1	4	0	0
	2023	307	286	11	10	0	0
		Tỉ lệ %	93.4	3.6	3.1	0	0
	2024	255	239	9	7	0	0
		Tỉ lệ %	93.7	3.7	2.6	0	0
Thực hiện chế độ, chính sách và các dịch	2022	215	188	18	9	0	0
		Tỉ lệ %	87.6	8.3	4.1	0	0

vụ đối với người học.	2023	307	250	22	11	4	0
		Tỉ lệ %	81.4	7.1	3.7	1.2	0
	2024	255	229	19	6	1	0
		Tỉ lệ %	89.8	7.5	2.3	0.4	0

(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.3.01-Phiếu/biên bản khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 9.3.02-Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Qua kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ % ý kiến đánh giá về chất lượng, hiệu quả của các hình thức phương thức ĐT, chất lượng giảng dạy ở mức Tốt chiếm trên 90%, ý kiến về thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học ở mức Tốt chiếm trên 80%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2107 của Bộ trưởng Bộ Lao đông – Thương Binh & Xã hội và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, cụ thể: ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường, xây dựng Kế hoạch và tổ chức tự đánh giá chất lượng trường, viết bản dự thảo báo cáo, lấy ý kiến, thông qua, phê duyệt và công bố Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường, gửi báo cáo cho TCT ĐSVD, Sở LĐTB&XH và Cục Kiểm định chất lượng GDNN, cụ thể: Năm 2021: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2021 số 514/KH-CĐĐS ngày 06/10/2021, Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường số 513/QĐ-CĐĐS ngày 06/10/2021, Báo cáo Kết quả tự đánh giá chất lượng trường ngày 08/12/2021; Năm 2022: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2022 số 605/KH-CĐĐS ngày 08/8/2022, Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường số 604/QĐ-CĐĐS ngày 08/8/2022, Báo cáo Kết quả tự đánh giá chất lượng trường ngày 08/12/2022; Năm 2023: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2023 số 708/KH-CĐĐS ngày 16/8/2023, Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường số 707/QĐ-CĐĐS ngày 16/8/2023, Báo cáo Kết quả tự đánh giá chất lượng trường ngày 14/12/2023; Năm 2024: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2024 số 619/KH-CĐĐS ngày 02/8/2024, Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường số 618/QĐ-CĐĐS ngày 02/8/2024. Kết quả báo cáo tự đánh giá chất lượng trường cả 3 năm đều đạt tiêu chuẩn chất lượng *(1.7.09-Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.10-Quyết định Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.7.11-Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Báo cáo tự đánh giá chất lượng của trường, sau khi được phê duyệt, được đăng công khai trên trang Web của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: *Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường hằng năm, các tồn tại của Trường được rà soát, đánh giá và giao cho các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch công tác cụ thể để khắc phục trong năm tiếp theo. Các tồn tại không thể khắc phục được do khách quan đều được báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định *(9.5.01-Thông báo về việc công bố kết quả tự đánh giá chất lượng trường và tổ chức khắc phục các tồn tại trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023 và 2024).*

Kết quả kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá cụ thể như sau:

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm trước	Kế hoạch nâng cao chất lượng Trường năm sau
	Năm 2021	**Năm 2022**
Tiêu chí 5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Trường còn hạn chế nên một số công trình hiện đã xuống cấp nhưng chưa duy tu sửa chữa.	Trường có Công văn số 378 ngày 04/5/2016 đề nghị chính quyền Quận Long Biên hỗ trợ sửa chữa lại vỉa hè đoạn đường giữa Kí túc xá và khu hiệu bộ của Trường; Ngày 23/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất quận Long Biên có văn bản số 358/TB-TTPTQĐ về việc "Thông báo khởi công xây dựng công trình duy tu, duy trì và sửa chữa hệ thống vỉa hè, lòng đường theo phân cấp trên địa bàn quận Long Biên năm 2021"
	Năm 2022	**Năm 2023**
Tiêu chí 4	Trường chưa có CTĐT liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.	Quyết định số 2831/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 09 tháng 5 2023 về việc Xây dựng mới CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học nghề Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường sắt; Quyết định số 849/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 14 tháng 02 2023 về việc Điều chỉnh CTĐT trình độ Đại học chuyên ngành Quản lý và điều hành vận tải đường sắt.
	Năm 2023	**Năm 2024**
Tiêu chí 3	Còn 10 nhà giáo chưa có chứng chỉ kĩ năng nghề, bậc thợ dạy trình độ trung cấp, cao đẳng	Đã tổ chức thi đánh giá kĩ năng nghề cho 01 nhà giáo (Quyết định số 208/QĐ-CĐĐS, ngày 03/4/2024 về việc cử GV đi thực tế và thi sát hạch tay nghề; Thông báo số 707/TB-ĐMHN ngày 26/4/2024 về Kết quả thi sát hạch tay nghề).

(1.5.01-Báo cáo và kế hoạch định kỳ công tác của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Năm 2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch để khắc phục các tồn tại và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: *Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện tuyển sinh theo địa chỉ, Trường đã ký kết hợp đồng đào tạo với các đơn vị, doanh nghiệp thuộc Tổng công ty ĐSVN *(7.2.01-Hợp đồng đào tạo với TCT ĐSVN năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.2.06-Các hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ; 7.2.02-Hợp đồng đào tạo lái xe mô tô, ô tô; 8.8.02-Các thông báo nhu cầu tuyển dụng lao động của các đơn vị trong và ngoài ngành đường sắt; 9.6.01-Biên bản ghi nhớ giữa Trường với các đơn vị, tổ chức giúp người học tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp).*

HSSV đào tạo theo địa chỉ đều được doanh nghiệp tuyển dụng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp. Cụ thể:

Năm 2021: Trường đào tạo cho TCT ĐSVN nghề TC.ĐHCT: 119 HS, TC.LTĐS: 48 HS; Công ty TTTHĐS Hà Nội nghề CĐ.TTTH: 7 SV; Công ty TTTHĐS Vinh nghề CĐ.TTTH: 6 SV; Công ty TTTHĐS Đà Nẵng nghề CĐ.TTTH: 12 SV; Công ty Tuyển than Cửa Ông nghề TC.ĐHCT: 10 HS, TC.LT: 20 HS; Công ty Kho Vận – Đá Bạc nghề TC.ĐHCT: 20 HS, TC.LT: 25 HS; Công ty Apatit Lào Cai nghề TC.ĐHCT: 20 HS, TC.LT: 15 HS, Công ty TNHHMTV ĐS Metro TP. HCM nghề TC.LT điện: 52 HS;

Năm 2022: Trường đào tạo cho TCT ĐSVN nghề TC.ĐHCT: 0 HS, TC.LT: 9 HS; Công ty TTTHĐS Hà Nội nghề TC.TTTHĐS: 6 HS; Công ty TTTHĐS Đà Nẵng nghề CĐ.TTTH: 10 SV; Công ty Tuyển than Cửa Ông nghề TC.ĐHCT: 10 HS; Công ty Kho Vận – Đá Bạc nghề TC.LTĐS: 20 HS; Công ty Apatit Lào Cai nghề TC.ĐHCT: 10 HS;

Năm 2023: Trường đào tạo cho TCT ĐSVN nghề TC.ĐHCT: 125 HS, TC.LTĐS: 41 HS; Công ty TTTHĐS Đà Nẵng nghề CĐ.TTTH: 43 SV; Công ty Tuyển than Cửa Ông nghề TC.ĐHCT: 20HS; Công ty Kho Vận – Đá Bạc nghề TC.ĐHCT: 25 HS, TC.LT: 10 HS; Công ty TNHHMTV ĐS Metro TP. HCM nghề TC.ĐHCT ĐSĐT: 9HS. Số lượng HSSV các lớp đào tạo theo địa chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng cụ thể như sau:

TT	Lớp/nghề	Tổng HSSV TC, CĐ	Số HSSV đào tạo theo địa chỉ	Tỷ lệ % có việc làm
	Năm 2021			
I	**Cao đẳng**	**25**	**25**	100%
1	TTTHĐS	25	21	100%
II	**Trung cấp**	**167**	**167**	100%
1	ĐHCTH	119	119	100%
2	LTĐS	48	48	100%
	Năm 2022			
I	**Cao đẳng**	**10**	10	100%
1	TTTHĐS	10	10	100%
II	**Trung cấp**	**40**	40	100%
1	ĐHCTH	16	16	100%
2	LTĐS	9	9	100%
3	TTTHĐS	6	6	100%

4	Điều hành ĐSĐT	9	9	100%
	Năm 2023			
I	**Cao đẳng**	**57**	**57**	100%
1	ĐHCTH	14	14	100%
2	TTTHĐS	43	43	100%
II	**Trung cấp**	**166**	**166**	100%
1	ĐHCTH	125	125	100%
3	LTĐS	41	41	100%

(9.6.02-Cơ sở dữ liệu Phòng Đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 1.1.15-Báo cáo tổng kết và kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Đối với hệ sơ cấp, Nhà trường đào tạo hoàn toàn theo địa chỉ nên sau khi HS ra trường đều được các doanh nghiệp kí hợp đồng làm việc trực tiếp.

Ngoài ra, hằng năm Trung tâm TVGDNN của Trường thực hiện tổ chức khảo sát đối tượng cựu HSSV của trường tốt nghiệp sau 6 tháng để xác định tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, trình độ trung cấp, cao đẳng cụ thể: Năm 2022: Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 19/01/2022; Năm 2023: Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 18/01/2023 và Năm 2024: Kế hoạch Khảo sát đào tạo ngày 16/01/2024 kết quả như sau:

TT	Năm	Tổng HSSV được khảo sát	Số HSSV phản hồi	Tỷ lệ %	Số HSSV có việc làm phù hợp	Tỷ lệ %
1	2022	126	118	93,7%	118	100%
2	2023	167	150	89,8%	150	100%
3	2024	121	101	83,47%	101	100%

(4.12.01-Kế hoạch khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 8.8.04-Phiếu/biên bản khảo sát người học tốt nghiệp sau 6 tháng năm 2021, 2022, 2023 và 2024; 4.12.03-Báo cáo khảo sát đào tạo năm 2021, 2022, 2023 và 2024).

Như vậy, hằng năm Trường thực hiện khảo sát đối với 100% HSSV trình độ đào tạo trung cấp và cao đẳng tốt nghiệp sau 6 tháng, trên 50% ý kiến phản hồi và trên 80% HSSV có việc làm phù hợp với nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG

Tiêu chí	Các điểm tồn tại chính năm 2024	Kế hoạch nâng cao chất lượng Trường năm 2025
Tiêu chí 2	Trường chưa thực hiện tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô-đun, tín chỉ	Phòng Đào tạo nghiên cứu tham mưu áp dụng hình thức đào tạo theo tích lũy mô-đun.
Tiêu chí 5	Một số nghề đào tạo chưa đủ thiết bị theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu quy định.	Phòng QLTB&XDCB thực hiện: - Phối hợp với các khoa tham mưu Hiệu trưởng tiếp tục tìm nguồn vốn triển khai các dự án; - Tìm sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng, các đối tác tạo điều kiện cấp kinh phí để bổ sung những trang thiết bị, máy móc còn thiếu; - Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng trang thiết bị dụng cụ dạy và học trong năm học tiếp theo.
	- Trường chưa có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường chưa được số hóa đầy đủ và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. - Hệ thống máy tính của thư viện trường hoạt động không ổn định.	- Trung tâm NC&CGKHCN nghiên cứu phát triển phần mềm quản lí thư viện đưa vào sử dụng đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số của Trường. - Phòng Đào tạo thực hiện số hóa tài liệu, giáo trình khi phần mềm thư viện hoạt động ổn định; đề xuất kiểm tra hệ thống máy tính của thư viện trường để xây dựng kế hoạch sửa chữa.
Tiêu chí 6	Trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế còn hạn chế và chưa thường xuyên.	- Lãnh đạo trường và các khoa có biện pháp khích lệ, tạo điều kiện cho các cán bộ, giảng viên viết bài báo gửi đăng trên các tạp chí khoa học. - Trung tâm NC&CGKHCN nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý của trường.

PHẦN IV
ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất

Công tác tự đánh giá chất lượng Trường đã là thước đo đánh giá hoạt động của các đơn vị trong Trường cũng như toàn Trường từ khi Trường thực hiện Quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Qua mỗi năm, chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường ngày một nâng cao trên cơ sở đánh giá điểm mạnh, yếu của Trường để khắc phục các tồn tại. Công tác tự đánh giá chất lượng Trường năm 2024 đã tiến hành chậm tiến độ so với kế hoạch, đảm bảo chất lượng của báo cáo.

Năm 2024 Trường đã khắc phục được một số tồn tại của trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường năm 2023. Năm 2025 Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện khắc phục các tồn tại của năm 2024 thông qua việc giao nhiệm vụ cụ thể đến từng đơn vị lập kế hoạch công tác để đạt mục tiêu chất lượng đào tạo tùy theo tình hình tổ chức hoạt động thực tế của Trường.

Kết quả đánh giá của Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Đường sắt năm 2024 đạt 96 điểm, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Kiến nghị

Không có./.

Hà Nội, ngày ..... tháng 11 năm 2024

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG NĂM 2024
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Phan Thị Thu Hương